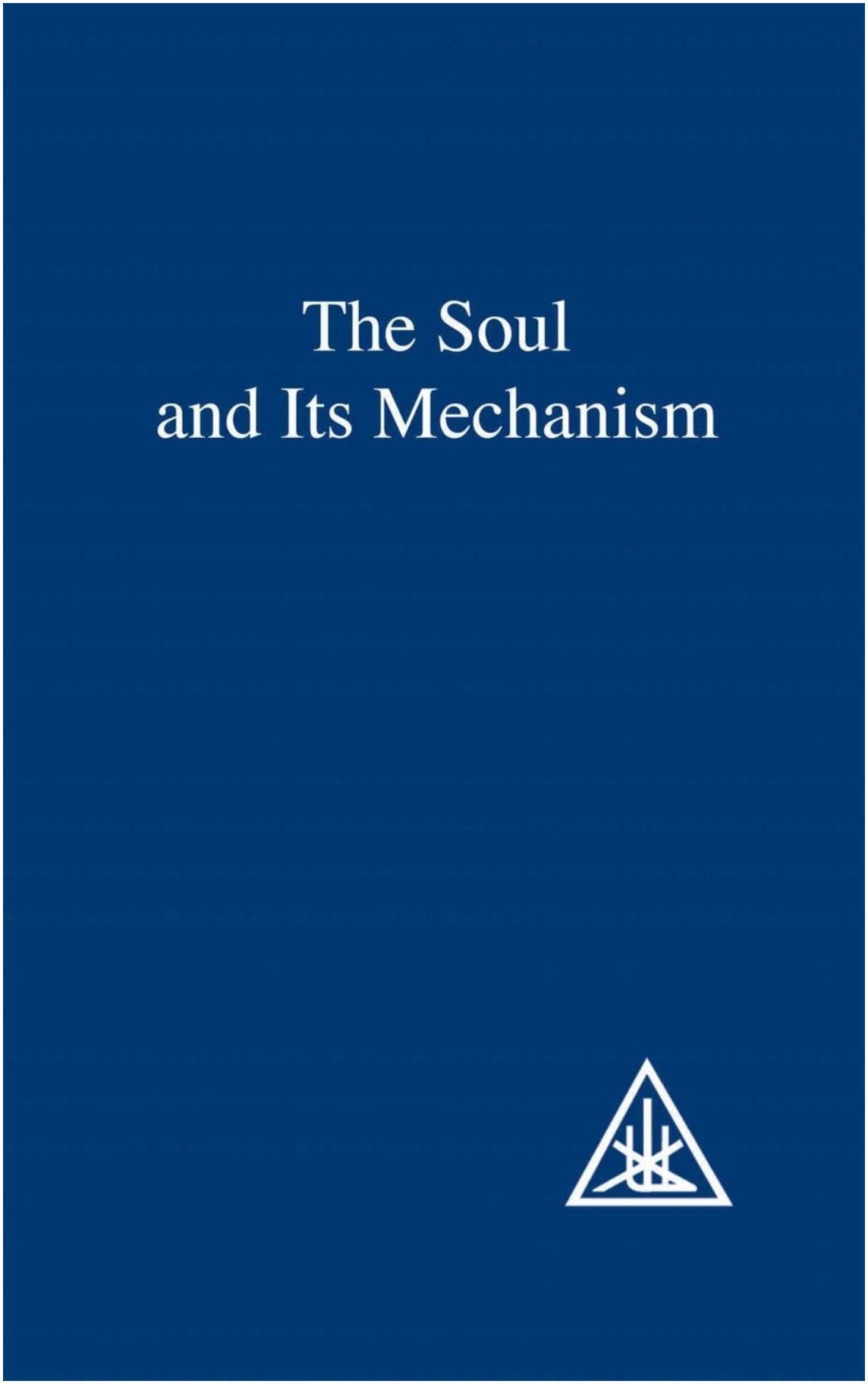
The Soul and Its Mechanism





THE SOUL AND ITS MECHANISM

The Problem of Psychology

by

ALICE A. BAILEY

Dedicated

with my grateful love to

ALICE E. DUPONT ORTIZ

Index Edition

BOOKS BY ALICE A. BAILEY

Initiation, Human and Solar

Letters on Occult Meditation

The Consciousness of the Atom

A Treatise on Cosmic Fire

The Light of the Soul

The Soul and its Mechanism

From Intellect to Intuition

A Treatise on White Magic

From Bethlehem to Calvary

Discipleship in the New Age–Vol. I

Discipleship in the New Age–Vol. II

Problems of Humanity

The Reappearance of the Christ

The Destiny of the Nations

Glamour: A World Problem

Telepathy and the Etheric Vehicle

The Unfinished Autobiography

Education in the New Age

The Externalisation of the Hierarchy

A Treatise on the Seven Rays:

Vol. I–Esoteric Psychology

Vol. II–Esoteric Psychology

Vol. III–Esoteric Astrology

Vol. IV–Esoteric Healing

Vol. V–The Rays and the Initiations

THE GREAT INVOCATION	ĐẠI KHẤN NGUYỆN
From the point of Light within the Mind of God	Từ điểm Ánh sáng trong Trí Thượng Đế
Let light stream forth into the minds of men.	Cầu xin Ánh sáng tràn vào Trí Con người
Let Light descend on Earth	Cầu xin Ánh sáng giáng xuống trần gian
From the point of Love within the Heart of God	Từ điểm Tình thương trong Tâm Thượng đế
Let love stream forth into the hearts of men.	Cầu xin Tình thương tràn vào Tâm Con người
May Christ return to Earth.	Cầu xin Đức Christ trở lại trần gian
From the centre where the Will of God is known	Từ Trung tâm biết được Ý chí của Thượng đế
Let purpose guide the little wills of men—	Cầu xin Thiên Ý dẫn dắt ý chí nhỏ bé của Con người
The purpose which the Masters know and serve.	Thiên Ý mà các Chân sư đều biết và phụng sự
From the centre which we call the race of men	Từ trung tâm mà chúng ta gọi là Loài người
Let the Plan of Love and Light work out.	Cầu xin Thiên Cơ của Tình thương và Ánh sáng được thực thi
And may it seal the door where evil dwells.	Và cầu mong Thiên cơ đóng kín cửa vào nẻo ác
Let Light and Love and Power restore the Plan on Earth	Cầu xin Ánh sáng, Tình thương và Quyền năng phục hồi Thiên cơ trên Trần gian

"The above Invocation or Prayer does not belong to any person or group but to all Humanity. The beauty and the strength of this Invocation lies in its simplicity, and in its expression of certain central truths which all men, innately and normally, accept—the truth of the existence of a basic Intelligence to Whom we vaguely give the name of God; the truth that behind all outer seeming, the motivating power of the universe is Love; the truth that a great Individuality came to earth, called by Christians, the Christ, and embodied that love so that we could understand; the truth that both love and intelligence are effects of what is called the Will of God; and finally the self-evident truth that only through humanity itself can the Divine Plan work out."

ALICE A BAILEY

[viii]

"It is easy to show that in the interaction between body and soul there lies no greater riddle than in any other example of causation, and that only the false conceit that we understand something of the one case, excites our astonishment that we understand nothing of the other."

RUDOLPH HERMANN LOTZE

"The meaning which descends from the central hope of the self envelops the body; it becomes a city of meanings, and not merely a city of cells. Its organs are no mere facts, but symbols, perilous and profound. It becomes as a whole an object of value, of beauty or deformity, of grace and

"Bài Đại Khấn Nguyện hay Lời Cầu Nguyện trên không thuộc về bất kỳ cá nhân hay nhóm nào mà thuộc về toàn thể Nhân loại. Vẻ đẹp và sức mạnh của bài Đại Khấn Nguyện này nằm ở sự giản dị của nó, và ở sự diễn đạt những chân lý cốt lõi nhất định mà mọi người, một cách bẩm sinh và bình thường, đều chấp nhận—chân lý về sự tồn tại của một Trí Tuệ cơ bản mà chúng ta gọi một cách mơ hồ là Thượng đế; chân lý rằng đằng sau mọi vẻ ngoài, quyền năng thúc đẩy của vũ trụ là Tình Thương; chân lý rằng một Cá Thể vĩ đại đã đến trần gian, được các Kitô hữu gọi là Đức Christ, và đã thể hiện tình thương đó để chúng ta có thể thấu hiểu; chân lý rằng cả tình thương và trí tuệ đều là kết quả của cái được gọi là Ý Chí của Thượng đế; và cuối cùng là chân lý hiển nhiên rằng chỉ thông qua chính nhân loại thì Thiên Cơ mới có thể được thực hiện."

ALICE A BAILEY

[viii]

"Thật dễ để chỉ ra rằng trong sự tương tác giữa thân thể và linh hồn, không có câu đố nào lớn hơn bất kỳ ví dụ nào khác về quan hệ nhân quả, và rằng chỉ có sự tự phụ sai lầm cho rằng chúng ta hiểu điều gì đó về trường hợp này mới kích thích sự ngạc nhiên của chúng ta khi chúng ta không hiểu gì về trường hợp kia."

RUDOLPH HERMANN LOTZE

"Ý nghĩa giáng xuống từ niềm hy vọng trung tâm của bản ngã bao bọc lấy thân thể; nó trở thành một thành phố của những ý nghĩa, chứ không chỉ đơn thuần là một thành phố của các tế bào. Các cơ quan của nó không chỉ là những thực tế đơn thuần, mà là những biểu tượng, đầy hiểm nguy và thâm sâu. Nó

mechanism, of an implicit philosophy; and attitudes of pride and shame, the infinite interest of art, the versatile significance of the dance, all become intelligible. Posture, gesture, and a million subtle expressive changes of color and tension become the immediate indeliberate manifestations of an inner play. Poetry and morality, religion and logic, regain their seat in our members as well as in our minds, and the world recovers the concrete unity of which our analyses threatened to despoil us."

trở thành một tổng thể, một đối tượng của giá trị, của vẻ đẹp hay sự biến dạng, của sự duyên dáng và cơ chế, của một triết lý ẩn tàng; và những thái độ của niềm kiêu hãnh và nỗi xấu hổ, niềm hứng thú vô tận của nghệ thuật, ý nghĩa linh hoạt của điệu nhảy, tất cả đều trở nên dễ hiểu. Tư thế, cử chỉ, và hàng triệu thay đổi tinh tế đầy biểu cảm của màu sắc và sự căng thẳng trở thành những biểu hiện tức thời không chủ ý của một vở kịch bên trong. Thơ ca và đạo đức, tôn giáo và logic, giành lại chỗ đứng trong các chi thể của chúng ta cũng như trong tâm trí chúng ta, và thế giới khôi phục lại sự thống nhất cụ thể mà những phân tích của chúng ta đã đe dọa tước đoạt."

Self, Its Body and Freedom,

by Wm. E. Hocking, p. 97.

Bản ngã, thân thể và sự tự do của nó,

bởi Wm. E. Hocking, tr. 97.

FOREWORD—LỜI NÓI ĐẦU

[9] Our attitude toward the philosophical and psychological thought of the East is, for the most part, one either of undiscriminating awe or of equally undiscriminating distrust. It is a pity that this is so. The worshippers are as bad as the distrusters. Neither advance us toward a fair appraisal of that large body of Eastern thinking which is so curiously different from our own and yet, as one discovers after a while, is so fundamentally the same in its essential quest.

[9] Thái độ của chúng ta đối với tư tưởng triết học và tâm lý học của phương Đông, phần lớn, hoặc là sự kính sợ thiếu phân biện hoặc là sự ngờ vực cũng thiếu phân biện không kém. Thật đáng tiếc khi lại như vậy. Những người tôn sùng cũng tệ hại như những kẻ ngờ vực. Không bên nào đưa chúng ta đến gần một sự đánh giá công bằng về khối lượng lớn tư tưởng phương Đông vốn khác biệt một cách kỳ lạ so với tư tưởng của chúng ta nhưng, như người ta khám phá ra sau một thời gian, lại giống nhau một cách căn bản trong cuộc tìm kiếm cốt yếu của nó.

It is this undiscriminating attitude which is no doubt to blame for the well-nigh entire omission of Eastern thought from our philosophical and psychological books—this, and another thing. The East has its own idioms which are difficult for the West to understand. Untranslated, they make Eastern writing seem a strange jargon either of confused poetizing or of self-mystification.

Chính thái độ thiếu phân biện này chắc chắn là nguyên nhân dẫn đến việc loại bỏ gần như hoàn toàn tư tưởng phương Đông khỏi các cuốn sách triết học và tâm lý học của chúng ta—điều này, và một điều khác nữa. Phương Đông có những thành ngữ riêng khó hiểu đối với phương Tây. Nếu không được dịch, chúng làm cho văn bản phương Đông có vẻ như một thứ biệt ngữ lạ lẫm của hoặc là sự thi vị hóa rối rắm hoặc là sự tự huyễn hoặc thần bí.

Mrs. Bailey, in this book, has done the great service of bringing a critical mind to bear upon Eastern thought, a mind ready to recognize that Eastern, precisely like Western thought, can lay no claim to a finality of wisdom. She does not come with awe-inspiring garb and gesture, bidding the Westerner relinquish his crude inadequacies to embrace a mysterious doctrine all the more wonderful because, to him, it may seem absurd. She says, in effect: “This Eastern thought [10] has the significance of a research into the deeper problems of

Trong cuốn sách này, Bà Bailey đã làm một việc rất hữu ích là mang một trí tuệ phê phán vào tư tưởng phương Đông, một trí tuệ sẵn sàng công nhận rằng tư tưởng phương Đông, cũng chính xác như tư tưởng phương Tây, không thể tuyên bố nắm giữ sự khôn ngoan tối hậu. Bà không đến trong trang phục và cử chỉ gây kính sợ, yêu cầu người phương Tây từ bỏ những khiếm khuyết thô thiển của mình để đón nhận một giáo lý bí ẩn càng tuyệt vời hơn vì, đối với y, nó có vẻ vô lý. Đại ý bà nói: “Tư tưởng phương Đông này [10] có tầm quan trọng của một cuộc

existence. It is not necessarily better than the Western. It is different. It starts from another angle of approach. Both East and West have specialized in their thinking. Each, therefore, has the virtue of its own sincerity and its own peculiar penetration. But specialization has its value only as it leads to an ultimate integration. Is not the time ripe for bringing East and West together in this profoundest region of the life of each of them, the region, namely, of their philosophical and psychological thinking?"

nghiên cứu vào những vấn đề sâu sắc hơn của sự tồn tại. Nó không nhất thiết tốt hơn phương Tây. Nó khác biệt. Nó bắt đầu từ một góc độ tiếp cận khác. Cả phương Đông và phương Tây đều đã chuyên biệt hóa trong tư duy của mình. Do đó, mỗi bên đều có đức tính của sự chân thành riêng và sự thâm nhập đặc biệt của riêng mình. Nhưng sự chuyên biệt hóa chỉ có giá trị khi nó dẫn đến một sự tích hợp tối hậu. Phải chăng thời điểm đã chín muồi để đưa phương Đông và phương Tây lại gần nhau trong vùng sâu sắc nhất này của đời sống mỗi bên, cụ thể là vùng tư duy triết học và tâm lý học của họ?"

If for no other reason, this book is significant as an attempt, not only to interpret East to West and West to East, but to bring the two trains of thinking into the harmony of a single point of view. Whether she has successfully achieved the integration remains for the reader to decide. But the attempt is a notable one and should bear fruit in a more intelligent approach to both types of thought.

Nếu không vì lý do nào khác, cuốn sách này có ý nghĩa như một nỗ lực, không chỉ để diễn giải phương Đông cho phương Tây và phương Tây cho phương Đông, mà còn để đưa hai luồng tư tưởng vào sự hài hòa của một quan điểm duy nhất. Liệu bà có đạt được sự tích hợp thành công hay không vẫn còn để cho độc giả quyết định. Nhưng nỗ lực này là một nỗ lực đáng chú ý và sẽ đơm hoa kết trái trong một cách tiếp cận thông minh hơn đối với cả hai loại hình tư tưởng.

What gives this book its especial significance, however, is the unique comparison which the author makes between the Western study of the glands and the Eastern study of the "centers." The Western philosopher, Spinoza, long ago noted the indisseverable parallelism of what he called body and mind in the life of the Absolute and in the life of those expressions of the Absolute that we call individuals. If such a parallelism exists, one will expect to find, for every outer manifestation, the inner, or psychic force that thus manifests [11] itself. Hitherto we have taken that assumption of inner and outer only in the most general way. This book, by centering, in the main, on the study of the glands, that

Tuy nhiên, điều mang lại cho cuốn sách này ý nghĩa đặc biệt của nó là sự so sánh độc đáo mà tác giả thực hiện giữa nghiên cứu của phương Tây về các tuyến và nghiên cứu của phương Đông về các "trung tâm". Nhà triết học phương Tây, Spinoza, từ lâu đã ghi nhận sự song hành không thể chia cắt của cái mà ông gọi là cơ thể và tâm trí trong đời sống của Đấng Tuyệt Đối và trong đời sống của những biểu hiện đó của Đấng Tuyệt Đối mà chúng ta gọi là các cá thể. Nếu một sự song hành như vậy tồn tại, người ta sẽ mong đợi tìm thấy, cho mọi biểu hiện bên ngoài, một lực bên trong, hay lực tâm lý biểu hiện [11] chính nó như vậy. Cho đến nay, chúng ta chỉ chấp nhận giả định về cái bên trong và bên ngoài đó theo cách tổng quát nhất. Cuốn

are the pace-makers, so to speak, of our personality, presents the body-mind relation not only in a way unexpectedly rich in suggestion for a more adequate training of the individual, but in a way that opens up fascinating possibilities of further research. In the West, we speak of the thyroid or the adrenals altogether in terms of their physiological behaviour. Is there likewise a psychic counterpart of this behaviour? It seems a queer question to ask and one that at first blush would be scoffed at by the physiological scientists. And yet, unless we are hardened dogmatists who have not yet emerged from the darkness of nineteenth century materialism, we do speak of the psychic counterpart of that physiological organ we call the brain. Why not, then, the psychic counterparts of the thyroid, adrenals, and the rest?

sách này, bằng cách tập trung chủ yếu vào việc nghiên cứu các tuyến, vốn là những cơ quan quy định nhịp, có thể nói như vậy, cho phàm ngã của chúng ta, trình bày mối quan hệ cơ thể-tâm trí không chỉ theo một cách phong phú bất ngờ về gợi ý cho một sự rèn luyện thỏa đáng hơn đối với cá nhân, mà còn theo một cách mở ra những khả năng hấp dẫn cho việc nghiên cứu sâu hơn. Ở phương Tây, chúng ta nói về tuyến giáp hay tuyến thượng thận hoàn toàn theo khía cạnh hành vi sinh lý của chúng. Liệu cũng có một đối phần tâm lý của hành vi này không? Có vẻ là một câu hỏi kỳ lạ để đặt ra và là một câu hỏi mà thoạt đầu sẽ bị các nhà khoa học sinh lý chế nhạo. Và tuy nhiên, trừ khi chúng ta là những kẻ giáo điều cứng nhắc chưa thoát khỏi bóng tối của chủ nghĩa duy vật thế kỷ mười chín, chúng ta thực sự nói về đối phần tâm lý của cơ quan sinh lý mà chúng ta gọi là bộ não. Vậy thì, tại sao không phải là các đối phần tâm lý của tuyến giáp, tuyến thượng thận, và các tuyến còn lại?

If we pursue this question to its logical end, we shall doubtless learn to extend our thought of what the psychic life of the individual is far beyond the rather naive intellectualistic point which regards that life as centering solely in the brain.

Nếu chúng ta theo đuổi câu hỏi này đến tận cùng logic của nó, chúng ta chắc chắn sẽ học cách mở rộng suy nghĩ của mình về đời sống thông linh của cá nhân vượt xa quan điểm duy trí khá ngây thơ coi đời sống đó chỉ tập trung duy nhất ở bộ não.

I am holding no brief for the tentative conclusions reached by the author of the book. The particular conclusions may need modification or even rejection. But that the author has opened up new possibilities which may eventually lead to physiological and psychological research that will be of [12] profound significance I have no doubt whatever. The book is not only challenging but singularly illuminating. It will come as a surprise to the Western mind, but with the surprise will, I think, be mingled a very real admiration for processes of Eastern thinking

Tôi không biện hộ cho những kết luận sơ bộ mà tác giả cuốn sách đưa ra. Các kết luận cụ thể có thể cần sửa đổi hoặc thậm chí bác bỏ. Nhưng tôi không nghi ngờ gì rằng tác giả đã mở ra những khả năng mới mà cuối cùng có thể dẫn đến nghiên cứu sinh lý học và tâm lý học sẽ mang [12] ý nghĩa sâu sắc. Cuốn sách không chỉ mang tính thách thức mà còn soi sáng một cách đặc biệt. Nó sẽ đến như một sự ngạc nhiên đối với tâm trí phương Tây, nhưng cùng với sự ngạc nhiên, tôi nghĩ, sẽ hòa lẫn một sự ngưỡng mộ thực sự đối với

with which we, in the West, are altogether too unfamiliar.

H.A. Overstreet,

New York City, May 1930

các quy trình tư duy phương Đông mà chúng ta, ở phương Tây, hoàn toàn quá xa lạ.

H.A. OVERSTREET,

NEW YORK CITY, THÁNG 5 NĂM 1930

CHAPTER I — INTRODUCTION—CHƯƠNG I — GIỚI THIỆU

[13] Three desires prompt the writing of this book: the desire to bring together the materialistic or external psychology and the introspective or internal psychology, and, secondly, looking past scientific psychology to the larger realm of race thought and race psychology, the desire to harmonise the materialistic West and the introspective East, and finally to show that all these conflicting aspects are but facets of the one truth and that, together, they constitute the one Reality.

[13] Ba mong muốn thôi thúc việc viết cuốn sách này: mong muốn kết hợp tâm lý học duy vật hoặc hướng ngoại và tâm lý học nội quan hoặc hướng nội, và, thứ hai, nhìn vượt qua tâm lý học khoa học đến lĩnh vực rộng lớn hơn của tư tưởng chủng tộc và tâm lý học chủng tộc, mong muốn làm hài hòa phương Tây duy vật và phương Đông nội quan, và cuối cùng để chỉ ra rằng tất cả các phương diện xung đột này chỉ là những khía cạnh của một chân lý và rằng, cùng nhau, chúng cấu thành Thực Tại duy nhất.

These desires grow out of the present position of psychological teaching in the world. There are today two dominant types of psychology, and Will Durant, in "The Mansions of Philosophy," has well summarised them as follows:

Những mong muốn này nảy sinh từ vị thế hiện tại của việc giảng dạy tâm lý học trên thế giới. Ngày nay có hai loại hình tâm lý học thống trị, và Will Durant, trong "The Mansions of Philosophy" (Những Lâu Đài Triết Học), đã tóm tắt chúng rất hay như sau:

"There are, as we have seen, two ways of studying man. One begins outside with the environment, and [14] considers man as a mechanism of adjustment; it reduces thought to things and 'mind' to 'matter,' and issues in the disguised materialism of Spencer and the behaviourism of Watson.... The other way begins within; it looks upon man as a system of needs, impulses, and desires impelling him to study, to use, and to master his environment; it would love to reduce things to thought, and matter to mind; it starts with the 'entelechy' of Aristotle (who held that an inner purpose determines every form), and issues in the vitalism of Bergson and the pragmatism of William James." *(Will Durant, The Mansions of Philosophy, p. 257)*

"Như chúng ta đã thấy, có hai cách để nghiên cứu con người. Một cách bắt đầu từ bên ngoài với môi trường, và [14] coi con người là một cơ chế điều chỉnh; nó quy tư tưởng thành sự vật và 'trí tuệ' thành 'vật chất,' và dẫn đến chủ nghĩa duy vật được ngụy trang của Spencer và thuyết hành vi của Watson.... Cách kia bắt đầu từ bên trong; nó nhìn con người như một hệ thống của những nhu cầu, xung lực, và ham muốn thúc đẩy y nghiên cứu, sử dụng, và làm chủ môi trường của mình; nó muốn quy sự vật thành tư tưởng, và vật chất thành trí tuệ; nó bắt đầu với 'entelechy' (hoạt thể) của Aristotle (người cho rằng một mục đích bên trong quy định mọi hình tướng), và dẫn đến thuyết sinh lực của Bergson và chủ nghĩa thực dụng của William James." *(Will Durant, The Mansions of Philosophy, tr. 257)*

Dr. W.B. Pillsbury believes this twofold system involves a needless duplication:

"If the behaviouristic theory is retained it means that we must have two psychologies, an external and an internal, a psychology viewed from the outside and one viewed from the inside. This seems at the best an unnecessary complication." *(Dr. W. B. Pillsbury, The History of Psychology, p. 298)*

Recognising this duplex situation, and agreeing with Dr. Pillsbury that two lines of interpretation are unnecessary, I am convinced of the possibility of fusing the two into a third, a single unit. I seek, therefore, to present an hypothesis to prove the correctness of the mechanistic school, and the equally correct position of the school of introspectionists, and I seek also to show that both schools are necessary to account for all the facts, and that each is really complementary to the other. Thus we may establish a third or composite school, [15] based upon the exact knowledge of the Occident and the introspective wisdom of the Orient.

In considering these two schools of psychology, it is evident that modern psychology is largely materialistic and the most popular school entirely so. A study of the latest books on psychology, emanating from the many and varied schools in Europe and America, shows that the majority are primarily concerned with endorsing or rejecting the mechanistic philosophy of the Behaviouristic School. If they are not thus occupied they are presenting another form of a materialist psychology. Dr. Wolfgang

Tiến sĩ W.B. Pillsbury tin rằng hệ thống kép này bao hàm một sự trùng lặp không cần thiết:

"Nếu lý thuyết hành vi được giữ lại thì có nghĩa là chúng ta phải có hai nền tâm lý học, một bên ngoài và một bên trong, một tâm lý học được nhìn từ bên ngoài và một được nhìn từ bên trong. Điều này xem ra cùng lắm là một sự phức tạp không cần thiết." *(Tiến sĩ W. B. Pillsbury, The History of Psychology, tr. 298)*

Nhận ra tình huống kép này, và đồng ý với Tiến sĩ Pillsbury rằng hai dòng diễn giải là không cần thiết, tôi tin chắc vào khả năng dung hợp cả hai thành một thứ ba, một đơn vị duy nhất. Vì vậy, tôi tìm cách trình bày một giả thuyết để chứng minh sự đúng đắn của trường phái cơ giới, và quan điểm cũng đúng đắn không kém của trường phái những nhà nội quan, và tôi cũng tìm cách chỉ ra rằng cả hai trường phái đều cần thiết để giải thích cho tất cả các sự kiện, và rằng mỗi trường phái thực sự bổ sung cho trường phái kia. Do đó, chúng ta có thể thiết lập một trường phái thứ ba hay trường phái tổng hợp, [15] dựa trên kiến thức chính xác của phương Tây và sự minh triết nội quan của phương Đông.

Khi xem xét hai trường phái tâm lý học này, rõ ràng là tâm lý học hiện đại phần lớn mang tính duy vật và trường phái phổ biến nhất hoàn toàn như vậy. Một nghiên cứu về các cuốn sách mới nhất về tâm lý học, xuất phát từ nhiều trường phái đa dạng ở Châu Âu và Châu Mỹ, cho thấy đa số quan tâm chủ yếu đến việc tán thành hoặc bác bỏ triết học cơ giới của Trường phái Thuyết hành vi. Nếu họ không bận rộn như vậy thì họ đang trình bày một hình thức khác của tâm lý học duy vật.

Köhler in Gestalt Psychology says, for instance:

"It is the layman's belief that in general, he himself directly feels why at one time he has one attitude, and later on another; also that, for the most part, he knows and understands directly why he is inclined to do one thing in a certain particular situation and why a definitely different thing under subsequent different conditions. In his view, then, he is experiencing directly and truly much of that dynamical context, the development of which constitutes mental life. Opposed to this belief and altogether foreign to it, we have the view of most learned psychologists at the present time. From their viewpoint, one is inclined to do one thing now and then another, because, in the first instance, certain nerve paths are most available, and, in the second instance, certain other paths are most open. Fortunate those people in whom the most permeable nerve paths in practice are usually the right and appropriate ones!" *(Wolfgang Köhler, Gestalt Psychology, p. 349)*

Ví dụ, Tiến sĩ Wolfgang Köhler trong Tâm Lý Học Gestalt nói:

"Đó là niềm tin của người không chuyên rằng nói chung, chính y cảm thấy trực tiếp tại sao vào lúc này y có một thái độ này, và sau đó lại có thái độ khác; cũng như rằng, phần lớn, y biết và hiểu trực tiếp tại sao y có khuynh hướng làm một việc trong một tình huống cụ thể nhất định và tại sao lại làm một việc khác hẳn dưới những điều kiện khác biệt sau đó. Theo quan điểm của y, thì y đang trải nghiệm trực tiếp và thực sự nhiều phần của bối cảnh động lực ấy, mà sự phát triển của nó tạo thành đời sống trí tuệ. Đối lập với niềm tin này và hoàn toàn xa lạ với nó, chúng ta có quan điểm của hầu hết các nhà tâm lý học uyên bác vào thời điểm hiện tại. Từ quan điểm của họ, người ta có khuynh hướng làm một việc lúc này và rồi một việc khác, bởi vì, trong trường hợp đầu tiên, những đường dẫn truyền thần kinh nhất định là sẵn có nhất, và, trong trường hợp thứ hai, những đường dẫn truyền nhất định khác lại mở ra nhiều nhất. May mắn thay cho những người mà trong đó các đường dẫn truyền thần kinh dễ thẩm thấu nhất trong thực tế thường là những đường đúng đắn và thích hợp!" *(Wolfgang Köhler, Gestalt Psychology, tr. 349)*

[16] All is, however, in a state of confusion, and, as has been said by Will Durant —"Psychology has hardly begun to comprehend, much less to control, human conduct and desire; it is mingled with mysticism and metaphysics, with psycho-analysis, behaviourism, glandular mythology and other diseases of adolescence." *(Will Durant, The Mansions of Philosophy, p. 376)*

[16] Tuy nhiên, tất cả đều đang trong tình trạng hỗn loạn, và, như Will Durant đã nói —"Tâm lý học hầu như chưa bắt đầu thấu hiểu, chứ chưa nói đến kiểm soát, hành vi và ham muốn của con người; nó bị trộn lẫn với thần bí học và siêu hình học, với phân tâm học, thuyết hành vi, thần thoại về các tuyến và những căn bệnh khác của tuổi dậy thì." *(Will Durant, The Mansions of Philosophy, tr. 376)*

Psychology is wandering in that borderland of the unseen which we dignify with the

Tâm lý học đang lang thang trong vùng biên giới của cái vô hình mà chúng ta tôn vinh

words *energy*—whether nervous, atomic or vital—*force*, etheric vibrations, and *electric currents and charges* and *the freely floating force* of the psychologists, to which has been given the name *libido*. All the sciences seem to be converging on this same no-man's land, on the indefinable. Perhaps the veil, when lifted, will reveal to us the promised land of man's dreams and aspirations. A spirit of uncertainty and expectancy is paralleling the certainties and cold facts of modern science. It is almost as if mankind were standing before the curtain in a cosmic proscenium, waiting for it to rise and reveal the next act, in which humanity can participate intelligently. It is a humanity with a long past, much gained experience and accumulated knowledge, which stands thus waiting, but it is also a humanity which realises that it may be called upon to take part in a revelation and a development wholly unexpected, and for which its present equipment and understanding of life may prove inadequate.

bằng các từ *năng lượng*—dù là thần kinh, nguyên tử hay sinh lực—*mãnh lực*, các rung động dĩ thái, và *các dòng điện và điện tích* và *lực trôi nổi tự do* của các nhà tâm lý học, cái đã được đặt tên là *libido*. Tất cả các ngành khoa học dường như đang hội tụ về vùng đất không người này, về cái không thể định nghĩa. Có lẽ bức màn, khi được vén lên, sẽ tiết lộ cho chúng ta vùng đất hứa của những giấc mơ và khát vọng của con người. Một tinh thần không chắc chắn và mong đợi đang song hành với những điều chắc chắn và những sự kiện lạnh lùng của khoa học hiện đại. Gần như thể nhân loại đang đứng trước tấm màn trong một sân khấu vũ trụ, chờ đợi nó được kéo lên và tiết lộ màn kế tiếp, trong đó nhân loại có thể tham gia một cách thông minh. Đó là một nhân loại với quá khứ dài lâu, nhiều kinh nghiệm đã đạt được và kiến thức đã tích lũy, đang đứng chờ đợi như vậy, nhưng đó cũng là một nhân loại nhận ra rằng mình có thể được kêu gọi tham gia vào một sự mặc khải và một sự phát triển hoàn toàn không ngờ tới, và đối với điều đó trang bị hiện tại và sự thấu hiểu cuộc sống của nó có thể tỏ ra không thỏa đáng.

[17] Meanwhile in this cosmic proscenium, and in the approach to truth through various lines, science has arranged the known facts and is deducing the next possible development and is proceeding in its many branches and activities upon hypotheses which, correct or incorrect, merit experiment and test. Voicing what should be the attitude of mind for students in all fields of human knowledge, Bertrand Russell says: "What we need is not the will to believe, but the wish to find out, which is the exact opposite." *(Bertrand Russell, Sceptical Essays, p. 157)*

[17] Trong khi đó, tại sân khấu vũ trụ này, và trong việc tiếp cận chân lý qua các con đường khác nhau, khoa học đã sắp xếp các sự kiện đã biết và đang suy luận về sự phát triển khả thi tiếp theo và đang tiến hành trong nhiều nhánh và hoạt động của nó dựa trên các giả thuyết mà, dù đúng hay sai, đều xứng đáng được thử nghiệm và kiểm chứng. Nói lên điều nên là thái độ của tâm trí đối với các môn sinh trong mọi lĩnh vực tri thức nhân loại, Bertrand Russell nói: "Điều chúng ta cần không phải là ý chí để tin, mà là mong muốn tìm ra, điều hoàn toàn ngược lại." *(Bertrand Russell, Sceptical Essays, tr. 157)*

The best type of mind to cope with this scientific situation today is that which is

Loại tâm trí tốt nhất để đối phó với tình huống khoa học này ngày nay là loại tâm trí

sceptical, yet willing to be convinced; agnostic, yet determined to investigate fairly; questioning, yet open to conviction when supposed facts are proved to be favourable of demonstration; and above all broadminded, realising that only in the formulated truths of the many can the one Truth be known. Only the small mind, the little man, is atheistical, dogmatic, destructive in criticism, static, with back turned to the light, and to the new day.

hoài nghi, nhưng sẵn sàng để được thuyết phục; bất khả tri, nhưng quyết tâm điều tra một cách công bằng; chất vấn, nhưng cởi mở với sự thuyết phục khi các sự kiện giả định được chứng minh là thuận lợi cho việc minh chứng; và trên hết là tư tưởng khoáng đạt, nhận ra rằng chỉ trong những chân lý đã được công thức hóa của số đông thì Chân Lý duy nhất mới có thể được biết. Chỉ có trí tuệ hẹp hòi, con người nhỏ mọn, mới vô thần, giáo điều, phá hoại trong phê bình, tĩnh tại, với lưng quay lại ánh sáng, và quay lại ngày mới.

This searching, enquiring, scientific type of mind and of investigation is especially appropriate in psychology, the oldest branch of knowledge in the world, and yet the youngest to enter the realm of true scientific study. Only a willingness to consider the field as a whole, and not a particular school alone, only by reserving opinion until more is known, will the investigator avoid the dangers [18] of one whose vision is limited, who sees only isolated points but never the panorama in which they lie, and who deals in fractions and decimals without ever achieving an integral unit.

Loại tâm trí và sự điều tra tìm kiếm, dò hỏi, mang tính khoa học này đặc biệt thích hợp trong tâm lý học, nhánh tri thức lâu đời nhất trên thế giới, và tuy nhiên lại là trẻ nhất bước vào lĩnh vực nghiên cứu khoa học thực sự. Chỉ với sự sẵn lòng xem xét lĩnh vực này như một tổng thể, chứ không phải một trường phái cụ thể nào, chỉ bằng cách bảo lưu ý kiến cho đến khi biết nhiều hơn, nhà điều tra mới tránh được những nguy hiểm [18] của một người có tầm nhìn hạn hẹp, người chỉ thấy những điểm cô lập nhưng không bao giờ thấy bức tranh toàn cảnh mà chúng nằm trong đó, và người chỉ giải quyết các phân số và số thập phân mà không bao giờ đạt được một đơn vị trọn vẹn.

One of the most hopeful signs of the time is the growing understanding of the Oriental point of view, and the tendency to investigate it. The psychology of our two hemispheres is so widely different, the approach to truth so dissimilar, that only lately have students considered the possibility of their fundamental unity, and that a new outlook on man and his environment may emerge out of the fusion of the Eastern and Western interpretations of life. Old interpretations may fail, yet ancient truths will stand: old

Một trong những dấu hiệu hy vọng nhất của thời đại là sự thấu hiểu ngày càng tăng về quan điểm phương Đông, và khuynh hướng điều tra nó. Tâm lý học của hai bán cầu chúng ta khác biệt nhau quá rộng, cách tiếp cận chân lý quá dị biệt, đến nỗi chỉ gần đây các môn sinh mới xem xét khả năng về sự thống nhất cơ bản của chúng, và rằng một cái nhìn mới về con người và môi trường của y có thể xuất hiện từ sự dung hợp của các diễn giải về cuộc sống của phương Đông và phương Tây. Những diễn giải cũ có thể thất bại, nhưng những chân lý cổ xưa sẽ đứng

misconceptions may be recognised as misleading, but reality will radiate clearer light and beauty. From the union of our different sciences, thought and deductions, a new psychology may emerge based on the comprehension, so familiar to the West, of the structure which man uses, and the comprehension, so familiar in the East, of the energy or spirit with which man animates and directs his structure. These—the structure and the motivating energy—are not antagonistic but mutually interdependent. They have an essential unity.

vững: những quan niệm sai lầm cũ có thể được nhận ra là gây hiểu lầm, nhưng thực tại sẽ tỏa ra ánh sáng và vẻ đẹp rõ ràng hơn. Từ sự kết hợp của các khoa học, tư tưởng và suy luận khác nhau của chúng ta, một nền tâm lý học mới có thể xuất hiện dựa trên sự lĩnh hội, vốn quen thuộc với phương Tây, về cấu trúc mà con người sử dụng, và sự lĩnh hội, vốn quen thuộc ở phương Đông, về năng lượng hay tinh thần mà con người dùng để truyền sự sống cho và điều khiển cấu trúc của mình. Những điều này—cấu trúc và năng lượng thúc đẩy—không đối kháng mà phụ thuộc lẫn nhau. Chúng có một sự thống nhất thiết yếu.

Western psychology concerns itself primarily with the structure, with the tangible objective universe and with the reaction of objective man to that world. It deals with man as an animated body; it emphasises the mechanics of his nature, [19] and the instrument he uses. It is therefore mechanistic and deals only with that which can be subjected to tests and experiment. It investigates the body and accounts for the emotions and the mentality, and even for what it calls the soul, in terms of the body. Durant points out this position in the following words: "As for the Self or Soul, it is merely the sum total of the hereditary character and the acquired experiences of the organism." *(Will Durant, The Mansions of Philosophy, p. 75)* It explains various types and temperaments in terms of the mechanism. Louis Berman sums up this position in his interesting book as follows:

Tâm lý học phương Tây quan tâm chủ yếu đến cấu trúc, đến vũ trụ ngoại giới hữu hình và đến phản ứng của con người ở phương diện ngoại giới đối với thế giới đó. Nó đề cập đến con người như một thân thể được truyền sự sống; nó nhấn mạnh cơ chế của bản chất y, [19] và công cụ mà y sử dụng. Do đó, nó mang tính cơ giới và chỉ giải quyết cái có thể chịu sự kiểm tra và thử nghiệm. Nó điều tra cơ thể và giải thích các cảm xúc và trí tuệ, và thậm chí cái mà nó gọi là linh hồn, theo khía cạnh của cơ thể. Durant chỉ ra quan điểm này bằng những lời sau: "Đối với Bản Ngã hay Linh Hồn, nó chỉ đơn thuần là tổng số của tính cách di truyền và những kinh nghiệm thu được của sinh vật." *(Will Durant, The Mansions of Philosophy, tr. 75)* Nó giải thích các loại hình và khí chất khác nhau theo khía cạnh của bộ máy. Louis Berman tóm tắt quan điểm này trong cuốn sách thú vị của ông như sau:

"The most precious bit of knowledge we possess today about Man is that he is the creature of his glands of internal secretion. That is, Man as a distinctive organism is the product, the by-product, of a number of cell factories which control the parts of his

"Mẩu kiến thức quý giá nhất mà chúng ta sở hữu ngày nay về Con Người là rằng y là tạo vật của các tuyến nội tiết của mình. Nghĩa là, Con người như một sinh vật đặc biệt là sản phẩm, phụ phẩm, của một số nhà máy tế bào kiểm soát các phần trong cấu tạo của y, cũng

make-up, much as the different divisions of an automobile concern produce the different parts of a car. These chemical factories consist of cells, manufacture special substances, which act upon the other cells of the body, and so start and determine the countless processes we call Life. Life, body and soul emerge from the activities of the magic ooze of their silent chemistry precisely as a tree of tin crystals arises from the chemical reactions started in a solution of tin salts by an electric current.

giống như các bộ phận khác nhau của một hãng xe hơi sản xuất các bộ phận khác nhau của một chiếc xe. Các nhà máy hóa học này bao gồm các tế bào, sản xuất các chất đặc biệt, tác động lên các tế bào khác của cơ thể, và do đó khởi động và xác định vô số quá trình mà chúng ta gọi là Sự Sống. Sự sống, thân thể và linh hồn xuất hiện từ các hoạt động của chất bùn ma thuật trong quá trình hóa học thầm lặng của chúng chính xác như một cây tinh thể thiếc nảy sinh từ các phản ứng hóa học bắt đầu trong dung dịch muối thiếc bởi một dòng điện.

Man is regulated by his Glands of Internal Secretion. At the beginning of the third decade of the twentieth century, after he had struggled, for we know at least fifty thousand years, to define and know himself, that summary may be accepted as the truth about [20] himself. It is a far-reaching induction, but a valid induction, supported by a multitude of detailed facts." *(Louis Berman, M.D., The Glands Regulating Personlaity, p. 26)*

Con người được điều chỉnh bởi các Tuyến Nội Tiết của mình. Vào đầu thập niên thứ ba của thế kỷ hai mươi, sau khi y đã đấu tranh, trong ít nhất năm mươi ngàn năm mà chúng ta biết, để định nghĩa và biết chính mình, tóm tắt đó có thể được chấp nhận như sự thật về [20] chính y. Đó là một quy nạp sâu rộng, nhưng là một quy nạp hợp lệ, được hỗ trợ bởi vô số sự kiện chi tiết." *(Louis Berman, M.D., The Glands Regulating Personality, tr. 26)*

Thus Western psychology emphasises the physical and seen and, in its chosen field, is scientific. It is constitutionally opposed to the idle and dreaming speculations of the visionary mystic. The result of its efforts has been to isolate a body of facts which do effectively embody the truth about man, his behaviour and equipment. This knowledge should be invaluable in producing a better mechanism through which a finer race can function.

Vì vậy, tâm lý học phương Tây nhấn mạnh vào cái vật lý và cái được nhìn thấy và, trong lĩnh vực đã chọn của nó, là khoa học. Nó về bản chất đối lập với những suy đoán nhàn rỗi và mơ mộng của nhà thần bí hão huyền. Kết quả của những nỗ lực của nó là đã cô lập được một tập hợp các sự kiện thực sự thể hiện sự thật về con người, hành vi và trang bị của y. Kiến thức này sẽ vô giá trong việc tạo ra một bộ máy tốt hơn mà qua đó một giống dân tốt đẹp hơn có thể hoạt động.

Western psychology, in its more extreme schools, is actively deterministic for it relates all feeling, thinking and activity to the functioning of the physical cells and the bodily organs. Freewill is therefore largely ruled out in favour of the organism, the

Tâm lý học phương Tây, trong các trường phái cực đoan hơn của nó, tích cực mang tính tất định vì nó liên hệ mọi cảm giác, suy nghĩ và hoạt động với sự vận hành của các tế bào vật lý và các cơ quan cơ thể. Do đó, tự do ý chí phần lớn bị loại bỏ để ủng hộ cho sinh

nervous apparatus, and of the endocrine system. The following quotations bear this out.

vật, bộ máy thần kinh, và hệ nội tiết. Những trích dẫn sau đây chứng minh điều này.

"Watson in his 'Psychology from the standpoint of a Behaviorist,' would teach that 'emotion is an heredity pattern-reaction involving profound changes of the bodily mechanism as a whole, but particularly of the visceral and glandular systems" (p. 195); and that 'thought is the action of language mechanisms' (page 316); is 'highly integrated bodily activity and nothing more' (p. 325); and that 'when we study implicit bodily processes we are studying thought.' By this Watson does not mean to identify thought with the correlated cortical activity of the brain—not at all; [21] but with all the bodily processes that are involved, implicitly and explicitly, in the production of spoken, written and sign language—the muscular activity of the vocal apparatus, diaphragm, hands, fingers, eye-movements, etc. (p. 324). *(Morton Prince, Psychologies of 1925 p. 208)*

"Watson trong 'Tâm lý học từ quan điểm của một nhà Hành vi học,' sẽ dạy rằng 'cảm xúc là một phản ứng theo khuôn mẫu di truyền liên quan đến những thay đổi sâu sắc của bộ máy cơ thể nói chung, nhưng đặc biệt là của hệ thống nội tạng và tuyến' (tr. 195); và rằng 'tư tưởng là hành động của các cơ chế ngôn ngữ' (trang 316); là 'hoạt động cơ thể được tích hợp cao độ và không gì hơn thế' (tr. 325); và rằng 'khi chúng ta nghiên cứu các quá trình cơ thể ngầm ẩn là chúng ta đang nghiên cứu tư tưởng.' Bằng cách này, Watson không có ý định đồng nhất tư tưởng với hoạt động vỏ não tương quan của bộ não—hoàn toàn không; [21] mà với tất cả các quá trình cơ thể có liên quan, ngầm ẩn và rõ ràng, trong việc sản xuất ngôn ngữ nói, viết và ký hiệu—hoạt động cơ bắp của bộ máy phát âm, cơ hoành, tay, ngón tay, chuyển động mắt, v.v. (tr. 324). *(Morton Prince, Psychologies of 1925 tr. 208)*

"Psychology studies the world with man left in it, i.e., it studies experience as dependent upon the nervous system, whereas physics studies experience as though existing independently of the nervous system. Psychology should, therefore, be classified with the general sciences as a discipline laying bare the general traits of mind, where mind is defined as the 'sum total of human experience considered as dependent upon a nervous system.'... Psychology studies the total environment viewed as existing only at the moment when it affects the (human) nervous system, whereas physics studies the total environment viewed as existing beyond the moment when it affects the (human) nervous system. *(Walter S. Hunter, Psychologies of 1925, p. 95)*

"Tâm lý học nghiên cứu thế giới với con người còn lại trong đó, nghĩa là, nó nghiên cứu trải nghiệm như phụ thuộc vào hệ thần kinh, trong khi vật lý học nghiên cứu trải nghiệm như thể tồn tại độc lập với hệ thần kinh. Do đó, tâm lý học nên được phân loại với các ngành khoa học chung như một ngành học làm sáng tỏ những đặc điểm chung của tâm trí, nơi tâm trí được định nghĩa là 'tổng số kinh nghiệm của con người được xem xét như phụ thuộc vào một hệ thần kinh.'... Tâm lý học nghiên cứu môi trường tổng thể được xem như chỉ tồn tại vào thời điểm khi nó ảnh hưởng đến hệ thần kinh (con người), trong khi vật lý học nghiên cứu môi trường tổng thể được xem như tồn tại vượt ra ngoài thời điểm khi nó ảnh

hưởng đến hệ thần kinh (con người). *(Walter S. Hunter, Psychologies of 1925, tr. 95)*

"Thirdly, the faith of the mechanist implies two assumptions which we must carefully distinguish; for one of them may be false, though the other be true. These two assumptions are (1) that all processes in the world are fundamentally of one kind only (2) that all these processes are of the kind commonly assumed by the physical sciences in their interpretations of inorganic nature; namely mechanistic, or strictly determined, and therefore strictly predictable, events." *(William McDougall, Psychologies of 1925), p. 303)*

"Thứ ba, niềm tin của nhà cơ giới hàm ý hai giả định mà chúng ta phải phân biệt cẩn thận; vì một trong số chúng có thể sai, mặc dù cái kia là đúng. Hai giả định này là (1) rằng tất cả các quá trình trên thế giới về cơ bản chỉ thuộc một loại duy nhất (2) rằng tất cả các quá trình này thuộc loại thường được các khoa học vật lý giả định trong các diễn giải của họ về thiên nhiên vô cơ; cụ thể là mang tính cơ giới, hay các sự kiện được xác định nghiêm ngặt, và do đó có thể dự đoán nghiêm ngặt." *(William McDougall, Psychologies of 1925, tr. 303)*

Dr. Rubin says, "the physical appearance of the individual, his psychic traits, or what might be called the chemistry of his soul, are demonstrated [22] in a great measure by the character and amount of the internal secretions of his various glands." *(Herman H. Rubin, M. D, Your Mysterious Glands, p. 54)*

Tiến sĩ Rubin nói, "vẻ ngoài vật lý của cá nhân, các đặc điểm tâm lý của y, hay cái có thể được gọi là hóa học của linh hồn y, được biểu lộ [22] phần lớn qua tính chất và lượng nội tiết tố của các tuyến khác nhau của y." *(Herman H. Rubin, M. D, Your Mysterious Glands, tr. 54)*

Some schools go so far to deny consciousness altogether and regard it (the Eastern investigator would say they rightly regard it) as inherent in matter. Dr. Leary says, "Consciousness characterizes nerves as vibration characterizes other forms of matter." *(Daniel H. Leary, Ph.D., Modern Psychology: Normal and Abnormal, p. 116)*

Một số trường phái đi xa đến mức phủ nhận hoàn toàn tâm thức và coi nó (nhà điều tra phương Đông sẽ nói họ coi nó một cách đúng đắn) là vốn có trong vật chất. Tiến sĩ Leary nói, "Tâm thức đặc trưng cho các dây thần kinh cũng như rung động đặc trưng cho các dạng vật chất khác." *(Daniel H. Leary, Ph.D., Modern Psychology: Normal and Abnormal, tr. 116)*

Thus it is defined elsewhere as "a complex integration and succession of bodily activities which are closely related to or involve the verbal and gestural mechanisms and hence most frequently come to social expression." *(Walter S. Hunter, Psychologies of 1925, p. 91)*

Vì vậy, nó được định nghĩa ở nơi khác là "một sự tích hợp phức tạp và sự kế tiếp của các hoạt động cơ thể có liên quan chặt chẽ đến hoặc bao hàm các cơ chế bằng lời nói và cử chỉ và do đó thường xuyên đi đến biểu hiện xã hội nhất." *(Walter S. Hunter, Psychologies of 1925, tr. 91)*

Watson warns his readers that they "will find no discussion of consciousness and no reference to such terms as sensation, perception, attention, will, image and the like. These terms are in good repute, but," he says, "I have found I can get along without them both in carrying out investigation and in presenting psychology as a system to my students. I frankly do not know what they mean nor do I believe that anyone else can use them consistently. *(Psychologies of 1925, p. 201, footnote)*

Watson cảnh báo độc giả của mình rằng họ "sẽ không tìm thấy cuộc thảo luận nào về tâm thức và không có tham chiếu đến các thuật ngữ như cảm giác, tri giác, sự chú ý, ý chí, hình ảnh và những thứ tương tự. Những thuật ngữ này có danh tiếng tốt, nhưng," ông nói, "tôi đã thấy mình có thể xoay xở mà không cần chúng cả trong việc thực hiện điều tra và trong việc trình bày tâm lý học như một hệ thống cho các sinh viên của tôi. Tôi thẳng thắn không biết chúng có nghĩa gì cũng như tôi không tin rằng bất kỳ ai khác có thể sử dụng chúng một cách nhất quán. *(Psychologies of 1925, tr. 201, chú thích)*

Finally we are told that "When psychology has become quite divorced from *psyche* and gets in bed with living beings we shall be able to throw the word 'consciousness' into the discard—along [23] with 'mind' and 'memory.' Human behavior then will be on a scientific basis and not a branch of literature, or philosophic or religious speculation. 'Mind' will give way to personality, 'consciousness' in general to specific exhibitions of learned behavior, and 'memory' to the calling out of some part of the individual's striped or unstriped muscle-tissue organization." *(George A.. Dorsey, Why We Behave Like Human Beings, p. 333.)*

Cuối cùng, chúng ta được bảo rằng "Khi tâm lý học đã trở nên hoàn toàn tách khỏi *psyche* và gắn bó với các sinh vật sống, chúng ta sẽ có thể ném từ 'tâm thức' vào sọt rác—cùng [23] với 'tâm trí' và 'ký ức.' Hành vi con người khi đó sẽ dựa trên cơ sở khoa học chứ không phải là một nhánh của văn học, hay suy đoán triết học hoặc tôn giáo. 'Tâm trí' sẽ nhường chỗ cho phàm ngã, 'tâm thức' nói chung cho những biểu hiện cụ thể của hành vi đã học được, và 'ký ức' cho việc gọi ra một phần nào đó của tổ chức mô cơ vân hoặc cơ trơn của cá nhân." *(George A.. Dorsey, Why We Behave Like Human Beings, tr. 333.)*

This intensely materialistic trend of Western psychology is the more surprising when we remember that, according to its derivation, psychology is the 'logos' or word of the psyche or soul.

Xu hướng duy vật mãnh liệt này của tâm lý học phương Tây càng đáng ngạc nhiên hơn khi chúng ta nhớ rằng, theo nguồn gốc của nó, tâm lý học là 'logos' hay lời của psyche hoặc linh hồn.

The West, however, has its dissenting voices. There is the introspective school of psychology, more frequently called the introspectionist, and also the mentalist. They admit the fact of consciousness and

Tuy nhiên, phương Tây có những tiếng nói bất đồng của mình. Có trường phái tâm lý học nội quan, thường được gọi là phái nội quan, và cả phái duy tâm. Họ thừa nhận sự thật của tâm thức và giả định một thực thể

assume a conscious entity. Dr. Leary defines these groups as follows:

có ý thức. Tiến sĩ Leary định nghĩa các nhóm này như sau:

"The introspectionist is interested in consciousness, awareness, awareness of awareness, the self, the 'I' images, and all sorts of other things that the behaviorist of strict training and rigid technology scorns, ignores and denies.... The introspectionist turns his attention inwardly; remembers, compares mentally, derives data from self-communion, asks others to do the same; the behaviorist theoretically treats the human animal the same as he would any lower form of life, and observes merely the overt and objective responses the animal makes in much the same manner as would be used by the physicist or chemist in observing the reactions of bodies or compounds in their laboratories. [24] Furthermore, the subjective school is apt to be ultra-rational and systematic; the behavioristic more empirical and pragmatic....

"Nhà nội quan quan tâm đến tâm thức, sự nhận biết, nhận biết về sự nhận biết, cái ngã, các hình ảnh 'Tôi', và đủ loại những thứ khác mà nhà hành vi học được đào tạo nghiêm ngặt và kỹ thuật cứng nhắc coi thường, phớt lờ và phủ nhận.... Nhà nội quan hướng sự chú ý của mình vào bên trong; ghi nhớ, so sánh trong tâm trí, rút ra dữ liệu từ sự tự giao tiếp, yêu cầu người khác làm tương tự; nhà hành vi học về mặt lý thuyết đối xử với động vật con người giống như y sẽ làm với bất kỳ dạng sống thấp hơn nào, và chỉ quan sát các phản ứng biểu lộ ra ngoài và có thể quan sát được mà con vật thực hiện theo cách tương tự như cách mà nhà vật lý hoặc nhà hóa học sẽ sử dụng trong việc quan sát các phản ứng của các vật thể hoặc hợp chất trong phòng thí nghiệm của họ. [24] Hơn nữa, trường phái chủ quan có khuynh hướng cực kỳ lý trí và hệ thống; trường phái hành vi mang tính thực nghiệm và thực dụng hơn....

"The mentalists insist that psychical activity is not the mere reflection of physical activity; that over and above the body and the brain there is something different, on a different level, call it mind, spirit, consciousness, what you will. Thought is not the functioning of matter. The materialists on the other hand, while differing among themselves, would hold just the reverse, namely, that all is physical, and that all human conduct, be it thinking, feeling, emotions, muscle activity or nerve activity, is all the functioning of physical, material cells, and that without such structure there can be no activity at all. Whatever acts is physical, however it acts. On the one hand we have an informing power or spirit using the structure of the

"Các nhà duy tâm khăng khăng rằng hoạt động tâm lý không chỉ đơn thuần là sự phản chiếu của hoạt động vật lý; rằng bên trên và vượt ra ngoài cơ thể và bộ não có một cái gì đó khác biệt, ở một cấp độ khác, hãy gọi nó là tâm trí, tinh thần, tâm thức, bất cứ gì bạn muốn. Tư tưởng không phải là sự vận hành của vật chất. Ngược lại, những người duy vật, trong khi khác biệt lẫn nhau, sẽ giữ quan điểm hoàn toàn ngược lại, cụ thể là, tất cả là vật lý, và rằng mọi hành vi của con người, dù là suy nghĩ, cảm giác, xúc cảm, hoạt động cơ bắp hay hoạt động thần kinh, tất cả đều là sự vận hành của các tế bào vật chất, vật lý, và rằng không có cấu trúc như vậy thì không thể có hoạt động nào cả. Bất cứ cái gì hành động đều là vật lý, dù nó hành động thế nào. Một mặt chúng ta có một

physical body; on the other we have structure as the basis, solely and indispensably, of function, however complex, however delicate, however noble that functioning may be in terms of morals or religion." *(Daniel H. Leary, Ph.D., Modern Psychology: Normal and Abnormal, pp. 6-7)*

quyền năng thấm nhuần hay tinh thần sử dụng cấu trúc của cơ thể vật lý; mặt khác chúng ta có cấu trúc làm cơ sở, duy nhất và không thể thiếu, của chức năng, dù phức tạp đến đâu, dù tinh vi đến đâu, dù chức năng đó có cao quý đến đâu về mặt đạo đức hay tôn giáo." *(Daniel H. Leary, Ph.D., Modern Psychology: Normal and Abnormal, tr. 6-7)*

The introspectionists and mentalists have not, however, demonstrated their point scientifically, and the position of these schools is still further weakened by the many diverse groups into which psychology is divided. Dr. Hocking, of Harvard, says:

Tuy nhiên, những nhà nội quan và những nhà duy tâm đã không chứng minh quan điểm của họ một cách khoa học, và vị thế của các trường phái này còn bị suy yếu thêm bởi nhiều nhóm đa dạng mà tâm lý học bị chia thành. Tiến sĩ Hocking, thuộc Đại học Harvard, nói:

"True, psychology does not speak with a single voice. There is dynamic psychology and purposive psychology, Gestalt psychology and reaction psychology, Freudian psychology, structural psychology, behavioristic psychology, and various other schools. They produce [25] different portraits of the self. But the composite of them has a distinctly physiological cast; and we may take behaviourism as the pure instance, because it is the extreme instance, of this character." *(Wm. E. Hocking, Self, Its Body and Freedom, pp. 17, 18.)*

"Đúng là tâm lý học không nói bằng một tiếng nói duy nhất. Có tâm lý học năng động và tâm lý học mục đích, tâm lý học Gestalt và tâm lý học phản ứng, tâm lý học Freud, tâm lý học cấu trúc, tâm lý học hành vi, và nhiều trường phái khác. Họ tạo ra [25] những chân dung khác nhau về bản ngã. Nhưng tổ hợp của chúng có một sắc thái sinh lý rõ rệt; và chúng ta có thể lấy thuyết hành vi làm ví dụ thuần túy, bởi vì nó là ví dụ cực đoan, của tính chất này." *(Wm. E. Hocking, Self, Its Body and Freedom, tr. 17, 18.)*

A broad and general division is outlined for us by Dr. Prince as follows:

Một sự phân chia rộng và chung được Tiến sĩ Prince phác thảo cho chúng ta như sau:

"Psychologists are divided into three camps —the self-psychologists, the selfless psychologists and the middle grounders. The first group maintain that the content of every conscious process includes a self—an awareness of self, a self-consciousness. Hence that all consciousness is a consciousness or awareness of something by a self.

"Các nhà tâm lý học được chia thành ba nhóm—các nhà tâm lý học hữu ngã, các nhà tâm lý học vô ngã và những người trung dung. Nhóm đầu tiên cho rằng nội dung của mọi quá trình có ý thức bao gồm một cái ngã —một sự nhận biết về cái ngã, một ngã thức. Do đó, mọi tâm thức là một tâm thức hay sự nhận biết về điều gì đó bởi một cái ngã.

"The second group, the selfless ones, claim to be unable to find any self, or consciousness of self by introspection; deny its reality and hold that mental processes function without any such reality. The 'I' and the 'You' are merely compulsory expressions required by the necessities of language." *(Morton Prince, Psychologies of 1925, p. 223.)*

"Nhóm thứ hai, những người vô ngã, tuyên bố không thể tìm thấy bất kỳ cái ngã nào, hay tâm thức về cái ngã bằng nội quan; phủ nhận thực tại của nó và cho rằng các quá trình tâm trí vận hành mà không có bất kỳ thực tại nào như vậy. Cái 'Tôi' và cái 'Bạn' chỉ đơn thuần là những cách diễn đạt bắt buộc do sự cần thiết của ngôn ngữ." *(Morton Prince, Psychologies of 1925, tr. 223.)*

Western psychology in the mass is clearly materialistic. It is mechanistic, thriving in an age of machines and machinery.

Tâm lý học phương Tây nói chung rõ ràng là duy vật. Nó mang tính cơ giới, phát triển mạnh trong thời đại của máy móc và cơ khí.

The position of the Western mechanistic psychologist is, therefore, almost impregnably strong, for it is based upon known truths and demonstrated facts. He can prove his position and cite his cases, and his knowledge of the mechanism of man which he claims is the entire man, is based upon experiment and tests, with objective and tangible results.

Do đó, vị thế của nhà tâm lý học cơ giới phương Tây gần như mạnh không thể công phá, vì nó dựa trên những chân lý đã biết và những sự kiện đã được chứng minh. Y có thể chứng minh quan điểm của mình và trích dẫn các trường hợp của mình, và kiến thức của y về bộ máy của con người mà y tuyên bố là toàn bộ con người, dựa trên thực nghiệm và các bài kiểm tra, với các kết quả khách quan và hữu hình.

[26] Against this materialistic psychology, the criticism which emerges immediately is the almost exclusive consideration that the Western Psychologist gives to subnormal, deficient, and pathological cases. The super-normal, the genius, and the so-called highly spiritual individual have been neglected, and much that is beautiful, essential and true to the average man is explained away. Had He been subjected to psycho-analysis, Christ would no doubt have found Himself neatly tabulated and classified, as suffering from a "Jehovah complex" and regarded as subject to hallucinations. Yet the type of structure that He used, and the quality of the "consciousness characterizing His nervous system" was such that He has set His mark upon the ages. How can such a

[26] Chống lại tâm lý học duy vật này, sự chỉ trích xuất hiện ngay lập tức là sự chú trọng gần như chỉ dành riêng mà Nhà tâm lý học phương Tây dành cho các trường hợp dưới mức bình thường, khiếm khuyết và bệnh lý. Người siêu thường, thiên tài, và cá nhân được gọi là có tinh thần cao cả đã bị bỏ qua, và nhiều điều đẹp đẽ, thiết yếu và đúng đắn đối với con người trung bình bị giải thích cho qua chuyện. Nếu Ngài được phân tích theo phương pháp phân tâm học, Đức Christ chắc chắn sẽ thấy Mình được lập bảng và phân loại gọn gàng, như mắc phải một "phức cảm Jehovah" và được coi là chịu những ảo giác. Tuy nhiên, loại cấu trúc mà Ngài sử dụng, và phẩm tính của "tâm thức đặc trưng cho hệ thần kinh của Ngài" là như vậy nên Ngài đã đặt dấu ấn của Mình lên các thời đại. Làm thế nào một cấu trúc như vậy có thể

structure again be duplicated? What can be done to reproduce a similar mechanism?

được lặp lại một lần nữa? Điều gì có thể được thực hiện để tái tạo một bộ máy tương tự?

Modern psychology is only at the threshold of its career, and Walt Whitman visions the greater field thus:

Tâm lý học hiện đại chỉ mới ở ngưỡng cửa của sự nghiệp mình, và Walt Whitman mường tượng về lĩnh vực rộng lớn hơn như sau:

"Hurrah for positive science! Long live exact demonstration!"...

"Hoan hô khoa học thực chứng! Vạn tuế sự chứng minh chính xác!"...

Your facts are useful, and yet they are not my dwelling,

Các dữ kiện của các bạn hữu ích, nhưng chúng không phải là nơi trú ngụ của ta,

I but enter by them to an area of my dwelling." *(Walt Whitman, Leaves of Grass, p.10)*

Ta chỉ nương theo chúng để vào một khu vực trong nơi trú ngụ của ta." *(Walt Whitman, Lá Cỏ, tr.10)*

In sharp contrast with the Western School is the Eastern one of which the introspectionists and mentalists in the West, though arising independently, [27] are but a hazy reflection. Eastern psychology deals with that which it claims lies back of the form. It is spiritual and transcendental. It assumes a soul and a spirit and all its deductions and conclusions are based on this premise. It fully admits the form and the structure, but lays the emphasis upon the one who uses the form and the energy with which he drives it forward. It is the psychology of life and energy.

Đối lập rõ rệt với Trường phái Tây phương là Trường phái Đông phương, mà các nhà nội quan và các nhà tâm trí học ở phương Tây, dẫu nảy sinh độc lập, [27] chỉ là một phản ảnh mờ nhạt. Tâm lý học phương Đông bàn đến cái mà nó khẳng định là nằm phía sau hình tướng. Nó mang tính tinh thần và siêu việt. Nó giả định một linh hồn và một tinh thần, và mọi suy diễn cũng như kết luận của nó đều dựa trên tiền đề này. Nó thừa nhận đầy đủ hình tướng và cấu trúc, nhưng nhấn mạnh vào đấng sử dụng hình tướng và năng lượng mà y dùng để thúc đẩy nó. Đó là tâm lý học của sự sống và năng lượng.

From time immemorial this has been the thought of the East, and it is clearly pictured in that venerable scripture of India, *The Bhagavad Gita:*

Từ ngàn xưa đây đã là tư tưởng của phương Đông, và nó được mô tả rõ ràng trong cuốn kinh thiêng liêng đáng kính của Ấn Độ, *Chí Tôn Ca:*

"The Supreme Spirit, here in the body, is called the Beholder, the Thinker, the Upholder, the Taster, the Lord, the Highest Self.

"Đấng Tinh thần Tối cao, ở đây trong thể xác, được gọi là Đấng Chiêm Ngưỡng, Tư Tưởng Gia, Đấng Nâng Đỡ, Đấng Thưởng Thức, Đấng Chúa Tể, Chân Ngã Tối Cao.

"Illuminated by the power that dwells in all the senses, yet free from all sense-powers, detached, all supporting, not divided into powers, yet enjoying all powers.

"Được soi sáng bởi quyền năng trú ngụ trong mọi giác quan, nhưng lại tự do khỏi mọi quyền năng giác quan, tách rời, nâng đỡ tất cả, không bị phân chia thành các quyền năng, nhưng lại thụ hưởng mọi quyền năng.

"Without and within all beings, motionless, yet moving, not to be perceived is That, because of its subtlety, That stands afar, yet close at hand. XIII:22, 14, 15.

"Bên ngoài và bên trong mọi chúng sinh, bất động, nhưng lại chuyển động, Đó là cái không thể nhận biết được vì sự tinh tế của nó, Đó đứng ở xa, nhưng lại ở ngay gần. XIII:22, 14, 15.

"These temporal bodies are declared to belong to the eternal lord of the body, imperishable, immeasurable. II:17.

"Những thể xác tạm thời này được tuyên bố là thuộc về đấng chúa tể vĩnh cửu của thể xác, bất diệt, vô lượng. II:17.

"They say the sense powers are higher than objects; than the sense powers, emotion is higher; than emotion, understanding is higher; but higher than understanding is He. III:42."

"Người ta nói rằng các quyền năng giác quan cao hơn các đối tượng; cao hơn các quyền năng giác quan là cảm xúc; cao hơn cảm xúc là sự hiểu biết; nhưng cao hơn sự hiểu biết là Ngài. III:42."

Thus Oriental psychology deals with the cause, with the creator, with the self, whether that self [28] is the human divine self, functioning in its own little world of mental, emotional and physical activities, or the great Self, in whom all lesser selves live and move and have their being. It claims its great Demonstrators, and has produced those claiming to know the Self, and through that knowledge to be in touch with the subjective Self, with the Over Soul. These claims, they state, can be substantiated and proven by any who will study their methods and submit to their special training. In the sphere of the energising Self, of the spirit behind and beyond, their position is as clear as that of the Western psychologist in the realm of the energised form.

Do đó, tâm lý học Phương Đông bàn đến nguyên nhân, đến đấng sáng tạo, đến bản ngã, cho dù bản ngã đó [28] là chân ngã thiêng liêng của con người, hoạt động trong thế giới nhỏ bé riêng mình gồm các hoạt động trí tuệ, cảm xúc và thể xác, hay là Chân Ngã vĩ đại, mà trong đó mọi bản ngã nhỏ bé hơn sống, hoạt động và hiện hữu. Nó khẳng định có những Người Chứng Minh Vĩ Đại của nó, và đã sản sinh ra những người tuyên bố biết Chân Ngã, và nhờ tri thức đó mà tiếp xúc được với Chân Ngã nội giới, với Đại Hồn. Họ tuyên bố rằng những khẳng định này có thể được chứng thực và chứng minh bởi bất kỳ ai chịu nghiên cứu các phương pháp của họ và tuân theo sự rèn luyện đặc biệt của họ. Trong lĩnh vực của Chân Ngã truyền năng lượng, của tinh thần ở phía sau và ở bên kia, lập trường của họ cũng rõ ràng như lập trường của nhà tâm lý học phương Tây trong

lĩnh vực của hình tướng được truyền năng lượng.

The defects of the two systems are plain and produce deplorable results in each case. The West emphasises the mechanism, and its tendency is towards the denial of the soul and of a motivating intelligent power. For it, man is but dust of the ground and into his nostrils was never breathed the spirit of God. The East recognises the physical but scorns it, and, in so doing, becomes responsible for the miserable physical conditions of the Orient. Serious as these defects are, is it not true in this field also that in union there is strength?

Những khiếm khuyết của hai hệ thống đều rõ ràng và tạo ra những kết quả đáng tiếc trong mỗi trường hợp. Phương Tây nhấn mạnh vào bộ máy, và xu hướng của nó là phủ nhận linh hồn và một quyền năng trí tuệ thúc đẩy. Đối với nó, con người chỉ là cát bụi của đất và chưa bao giờ được thổi sinh khí của Thượng đế vào lỗ mũi. Phương Đông thừa nhận thể xác nhưng coi thường nó, và khi làm như vậy, trở nên chịu trách nhiệm cho những điều kiện thể chất khốn khổ của phương Đông. Nghiêm trọng như những khiếm khuyết này, liệu có đúng trong lĩnh vực này rằng đoàn kết là sức mạnh chăng?

If the Self exists—and this must be demonstrated—and is the conscious divine Soul, can it not be aware of the physical plane as well as of its divine affiliations? If it is the dominant energy, producing all manifestation—and this too must be proved—cannot that energy be adapted to the [29] structure which it uses in such a wise and significant manner that the best results may be achieved? Cannot the scientific knowledge of the West about the form, and the accumulated and inherited wisdom of the East about the nature of the Soul be brought together intelligently so that a perfect expression of the Soul may be produced through the medium of the mechanism? Cannot matter reach upwards towards mind and Soul and Spirit—call it what you will—and cannot Spirit, assisting that urge upward, perfect the vehicle through which it demonstrates, and thus shine more radiantly?

Nếu Chân Ngã tồn tại—và điều này phải được chứng minh—và là Linh hồn thiêng liêng có ý thức, liệu nó không thể nhận biết cõi hồng trần cũng như các mối liên hệ thiêng liêng của nó sao? Nếu nó là năng lượng chủ đạo, tạo ra mọi biểu hiện—và điều này cũng phải được chứng minh—liệu năng lượng đó không thể thích ứng với [29] cấu trúc mà nó sử dụng một cách khôn ngoan và đầy ý nghĩa để đạt được những kết quả tốt nhất sao? Liệu kiến thức khoa học của phương Tây về hình tướng, và minh triết được tích lũy và thừa kế của phương Đông về bản chất của Linh hồn không thể được kết hợp lại một cách thông minh để một sự diễn đạt hoàn hảo của Linh hồn có thể được tạo ra thông qua trung gian của bộ máy sao? Liệu vật chất không thể vươn lên hướng tới trí tuệ và Linh hồn và Tinh thần—hãy gọi nó là gì tùy bạn—và liệu Tinh thần, hỗ trợ sự thúc đẩy đi lên đó, không thể hoàn thiện vận cụ mà qua đó nó thể hiện, và do đó tỏa sáng rạng rỡ hơn sao?

It is in this hope that I write—the hope of combining the materialistic and

Chính trong niềm hy vọng này mà tôi viết—niềm hy vọng kết hợp các nền tâm lý học

introspective psychologies, and of harmonising the West and the East, and so indicate that in their union lies strength and reality.

duy vật và nội quan, và hài hòa phương Tây và phương Đông, và qua đó chỉ ra rằng trong sự hợp nhất của chúng có sức mạnh và thực tại.

CHAPTER II — THE GLANDS AND HUMAN BEHAVIOUR— CHƯƠNG II — CÁC TUYẾN VÀ HÀNH VI CON NGƯỜI

[30] The study of the glands is in its infancy. Throughout the literature on this subject, one finds statements to the effect that little is known, and that the inner essence—technically called "hormones"—of any particular glandular secretion has not yet been discovered, and that mystery veils the subject. It is true that the secretions of certain glands have been discovered, and that even in common parlance one hears of the thyroid gland and of the administration of thyroid extract in certain cases, but the secretions of most glands are unknown or have only partly been isolated.

[30] Việc nghiên cứu các tuyến đang ở giai đoạn sơ khai. Xuyên suốt các tài liệu về chủ đề này, người ta tìm thấy những tuyên bố đại ý rằng người ta biết rất ít, và tinh chất bên trong—về mặt kỹ thuật được gọi là "nội tiết tố"—của chất tiết từ bất kỳ tuyến cụ thể nào vẫn chưa được khám phá, và bí ẩn bao trùm chủ đề này. Đúng là các chất tiết của một số tuyến nhất định đã được khám phá, và ngay cả trong ngôn ngữ thông thường người ta cũng nghe nói về tuyến giáp và việc sử dụng chiết xuất tuyến giáp trong một số trường hợp nhất định, nhưng chất tiết của hầu hết các tuyến vẫn chưa được biết đến hoặc chỉ mới được phân lập một phần.

Under these circumstances, an intelligent layman, even if not scientifically trained in medicine or in academic psychology, but armed with patience and a stout dictionary, need not hesitate to venture upon the subject of glands and their secretions and effects, and, after diligent study of the available material, to survey the field and report on it. Such a survey, in fact, may be of real value to the general public by supplying it with a ready summary of an important branch of inquiry. It may also be of substantial help even to the trained exponent, not merely enabling him to ascertain [31] the impression which the technical literature makes on others, but especially because a fresh mind, unhampered with scientific data, frequently gains a better perspective of the whole field. This would be particularly so if the one, so surveying and reporting, has long been versed in the race-old beliefs and age-long

Trong những hoàn cảnh này, một người không chuyên thông minh, ngay cả khi không được đào tạo khoa học về y khoa hay tâm lý học hàn lâm, nhưng được trang bị lòng kiên nhẫn và một cuốn từ điển dày, không cần phải ngần ngại mạo hiểm đi vào chủ đề về các tuyến và chất tiết cũng như tác dụng của chúng, và sau khi nghiên cứu kỹ lưỡng các tài liệu có sẵn, để khảo sát lĩnh vực này và báo cáo về nó. Thực tế, một cuộc khảo sát như vậy có thể có giá trị thực sự đối với công chúng bằng cách cung cấp cho họ một bản tóm tắt sẵn có về một nhánh nghiên cứu quan trọng. Nó cũng có thể giúp ích đáng kể ngay cả đối với chuyên gia đã qua đào tạo, không chỉ giúp y xác định [31] ấn tượng mà các tài liệu chuyên ngành tạo ra cho người khác, mà đặc biệt là vì một tâm trí mới mẻ, không bị cản trở bởi các dữ liệu khoa học, thường đạt được một cái nhìn tổng quan tốt hơn về toàn bộ lĩnh vực. Điều này sẽ đặc biệt đúng nếu người khảo sát và báo cáo đó đã am tường từ lâu về các niềm tin lâu đời của

convictions of the East on the general subject of psychology.

chủng tộc và những xác tín ngàn xưa của phương Đông về chủ đề chung của tâm lý học.

In considering the endocrine system, it is not my intention to describe it in its ordinary physiological terms and effects, such as its relation to the growth of the body, to the hair, heart, blood and organs of generation. All this can be gathered out of any medical book, even those published in the last century. Rather is it my intention to ascertain what advanced and modern investigators, medical men and psychologists, infer from a study of the glands, and what they judge their effects to be on human behaviour, and to check the claims, so often made, that the mysterious internal secretions are responsible for man's actions, emotions and mentality—in short, for the man himself. Understand the glands, they say, and behold the man.

Khi xem xét hệ nội tiết, tôi không có ý định mô tả nó theo các thuật ngữ và tác dụng sinh lý thông thường, chẳng hạn như mối liên hệ của nó với sự phát triển của cơ thể, với tóc, tim, máu và các cơ quan sinh dục. Tất cả những điều này có thể được thu thập từ bất kỳ cuốn sách y khoa nào, ngay cả những cuốn được xuất bản trong thế kỷ trước. Thay vào đó, ý định của tôi là xác định xem các nhà nghiên cứu tiên tiến và hiện đại, các bác sĩ và nhà tâm lý học, suy luận điều gì từ việc nghiên cứu các tuyến, và họ đánh giá tác dụng của chúng đối với hành vi con người như thế nào, và để kiểm chứng những khẳng định, thường được đưa ra, rằng các chất nội tiết bí ẩn chịu trách nhiệm cho hành động, cảm xúc và trí tuệ của con người—nói tóm lại, cho chính con người đó. Họ nói rằng, hãy hiểu các tuyến, và sẽ thấy được con người.

In considering glands in this sense, I shall quote largely from the available books, not merely because one is then more likely to speak as having authority, but also because one thus reflects the given view more freshly and vividly. A partial bibliography will be found at the close of this book.

Khi xem xét các tuyến theo nghĩa này, tôi sẽ trích dẫn nhiều từ các cuốn sách có sẵn, không chỉ vì khi đó người ta có nhiều khả năng nói như người có thẩm quyền, mà còn vì như thế người ta phản ánh quan điểm đã cho một cách mới mẻ và sinh động hơn. Một danh mục chọn lọc tài liệu tham khảo sẽ được tìm thấy ở cuối cuốn sách này.

[32] These books, and the trained investigators as a whole, use a terminology that staggers the general reader. The secretion of the thyroid gland, for example, has been labelled as "tri-iodo-tri-hydro-exygindole-propionic acid!" As far as possible, I shall avoid such playful expressions.

[32] Những cuốn sách này, và các nhà điều tra được đào tạo nói chung, sử dụng một thuật ngữ gây choáng váng cho độc giả phổ thông. Chẳng hạn, chất tiết của tuyến giáp đã được dán nhãn là "acid tri-iodo-tri-hydro-exygindole-propionic!" Trong chừng mực có thể, tôi sẽ tránh những cách diễn đạt đùa cợt như vậy.

Before considering the glands themselves, it is well to decide what we understand by

Trước khi xem xét chính các tuyến, thật tốt để quyết định xem chúng ta hiểu gì về "tâm

"psychology." In the West at least, it has abandoned its derivative meaning, already given, of the logos or law, of the psyche or soul. A recent and clear definition is given by Dr. Leary:

"The science of human behavior in the largest sense of the word behavior, the sense which includes all that human beings do, all that human beings have. In this sense of behavior it is the behavior of the whole, integrated personality which is under investigation.

"Psychology deals with the organism as a whole, as an integrated and orientated individual in contact with other individuals in a complex external environment, partly physical and partly social, in short, as a personality.

"The behavior of human beings, psychologically speaking,... reduces to physiological facts and findings, in turn to those of the field of biology, then to those of bio-chemistry, then to chemistry in general and then, inevitably, to physics as the science of matter in motion." *(Daniel H. Leary, Ph.D., Modern Psychology: Normal and Abnormal, pp. 10, 14, 18)*

Psychology, therefore, is the science of the activity of man, as a living organism, in the environment [33] in which he finds himself —the science of the interplay between man and that environment. It is the science of human conduct, but not in the ethical sense of right or wrong conduct. It is the science of human behaviour, of personality. But what is there behind this behaviour? Hocking says, "The self is indeed a system of behavior. But it is a system of *purposive behavior emerging from a persistent hope.* The

lý học". Ít nhất là ở phương Tây, nó đã từ bỏ nghĩa từ nguyên của nó, như đã nêu, về logos hay quy luật, về psyche hay linh hồn. Một định nghĩa rõ ràng và gần đây được đưa ra bởi Tiến sĩ Leary:

"Khoa học về hành vi con người theo nghĩa rộng nhất của từ hành vi, cái nghĩa bao gồm tất cả những gì con người làm, tất cả những gì con người có. Theo nghĩa này của hành vi, chính hành vi của toàn bộ phàm ngã tích hợp đang được điều tra.

"Tâm lý học bàn đến sinh vật như một tổng thể, như một cá nhân tích hợp và được định hướng trong sự tiếp xúc với các cá nhân khác trong một môi trường bên ngoài phức tạp, một phần là vật lý và một phần là xã hội, nói tóm lại, như một phàm ngã.

"Hành vi của con người, nói theo mặt tâm lý,... quy về các sự kiện và phát hiện sinh lý, rồi đến lượt chúng quy về lĩnh vực sinh học, sau đó đến hóa sinh, rồi đến hóa học nói chung và sau đó, chắc chắn, đến vật lý như là khoa học về vật chất đang chuyển động." *(Daniel H. Leary, Ph.D., Tâm lý học Hiện đại: Bình thường và Bất thường, tr. 10, 14, 18)*

Vì vậy, tâm lý học là khoa học về hoạt động của con người, như một sinh vật sống, trong môi trường [33] mà y thấy mình trong đó— khoa học về sự tương tác giữa con người và môi trường đó. Đó là khoa học về cư xử của con người, nhưng không phải theo nghĩa đạo đức của hành vi đúng hay sai. Đó là khoa học về hành vi con người, về phàm ngã. Nhưng có gì đằng sau hành vi này? Hocking nói, "Bản ngã thực sự là một hệ thống hành vi. Nhưng đó là một hệ thống *hành vi có mục đích nảy sinh từ một niềm hy vọng bền bỉ.* Hạt nhân của bản ngã là niềm hy vọng của nó."

kernel of the self is its hope." *(Wm. E. Hocking, Self, Its Body and Freedom, p. 46)*

(Wm. E. Hocking, Bản Ngã, Thân Thể và Sự Tự Do của Nó, tr. 46)

This hope that life may be made something that is greater than it has ever hitherto been, is indeed a persistent hope—we know, however, that if it is to be realised, we ourselves must help to bring about that realisation. Hence the purposive behaviour of which Hocking speaks.

Niềm hy vọng này rằng cuộc sống có thể được làm thành một điều gì đó vĩ đại hơn nó đã từng là từ trước đến nay, quả thực là một niềm hy vọng bền bỉ—tuy nhiên, chúng ta biết rằng nếu nó được hiện thực hóa, chính chúng ta phải giúp mang lại sự hiện thực hóa đó. Do đó có hành vi có mục đích mà Hocking nói đến.

In this field of human behaviour and personality, there are three main factors. There is, first, the environment. This is much more than a mere present fact, or set of facts, or a mere passive stage upon which the drama is played. It has been defined as "all that is not the organism, whether cultural, social, physical, or what-not, present in fact or in record." *(Daniel H. Leary, Ph.D., Modern Psychology: Normal and Abnormal, pp. 10, 14, 18)* There is, secondly, the human apparatus, especially the response apparatus which we shall presently discuss in greater detail. There is, finally, conduct, or the result of the interrelation between the environment and the response apparatus, and, given a certain environment and [34] a certain response apparatus, certain lines of conduct, it is claimed, are inevitable—the interplay of these three results in human behaviour.

Trong lĩnh vực hành vi và phàm ngã con người này, có ba yếu tố chính. Thứ nhất là môi trường. Điều này còn hơn cả một thực tế hiện tại đơn thuần, hay một tập hợp các thực tế, hay một sân khấu thụ động đơn thuần mà trên đó vở kịch được diễn ra. Nó đã được định nghĩa là "tất cả những gì không phải là sinh vật, dù là văn hóa, xã hội, vật lý, hay bất cứ thứ gì, hiện diện trong thực tế hay trong hồ sơ." *(Daniel H. Leary, Ph.D., Tâm lý học Hiện đại: Bình thường và Bất thường, tr. 10, 14, 18)* Thứ hai, là bộ máy con người, đặc biệt là bộ máy đáp ứng mà chúng ta sẽ thảo luận chi tiết hơn ngay sau đây. Cuối cùng, có sự cư xử, hay kết quả của mối tương quan giữa môi trường và bộ máy đáp ứng, và, với một môi trường nhất định và [34] một bộ máy đáp ứng nhất định, người ta khẳng định rằng một số đường lối cư xử nhất định là không thể tránh khỏi—sự tương tác của ba yếu tố này dẫn đến hành vi con người.

Our concern here is naturally with the second main factor, the response apparatus.

Mối quan tâm của chúng ta ở đây tự nhiên là về yếu tố chính thứ hai, bộ máy đáp ứng.

In that apparatus, certain aspects of the mechanism warrant closer attention than others, namely the nervous system, and the system of ductless glands, which two systems are found functioning in close coordination in the human frame.

Trong bộ máy đó, một số khía cạnh của cơ chế đòi hỏi sự chú ý kỹ hơn những khía cạnh khác, cụ thể là hệ thần kinh, và hệ thống các tuyến không ống dẫn, hai hệ thống này được tìm thấy đang hoạt động trong sự phối hợp chặt chẽ trong khung cơ thể con người.

It is through the nervous system, perhaps the most intricate and wonderful part of the human structure, that we contact our environment, the external world, and are adapted to function in it. Through this system we become aware of the tangible, and through the network of nerves, plus the spinal cord and brain, we become aware of information ceaselessly conveyed to us. Messages are carried along the millions of telegraph lines of our nerves to the central power house of our brain, and are then transformed in some mysterious way into information. To that information we respond: a reverse activity is instituted and we are galvanised into action.

Chính thông qua hệ thần kinh, có lẽ là phần tinh vi và kỳ diệu nhất trong cấu trúc con người, mà chúng ta tiếp xúc với môi trường của mình, thế giới bên ngoài, và được thích nghi để hoạt động trong đó. Thông qua hệ thống này, chúng ta nhận biết được những gì hữu hình, và thông qua mạng lưới các dây thần kinh, cộng với tủy sống và bộ não, chúng ta nhận biết được thông tin không ngừng chuyển đến chúng ta. Các thông điệp được truyền dọc theo hàng triệu đường dây điện báo của các dây thần kinh đến nhà máy điện trung tâm là bộ não của chúng ta, và sau đó được chuyển đổi theo một cách bí ẩn nào đó thành thông tin. Chúng ta đáp ứng với thông tin đó: một hoạt động ngược lại được thiết lập và chúng ta được kích động để hành động.

Along with this display of incoming and outgoing nervous energy there are parallel activities in the system of ductless glands (and the muscular system) and the interlocking of activity is so great that, unless the ductless glands are functioning normally, there will be no adequate response [35] to the information telegraphed and no transformation of one type of energy into another.

Cùng với sự biểu lộ của năng lượng thần kinh đi vào và đi ra này, có những hoạt động song song trong hệ thống các tuyến không ống dẫn (và hệ cơ bắp) và sự liên kết hoạt động lớn đến nỗi, trừ khi các tuyến không ống dẫn hoạt động bình thường, sẽ không có sự đáp ứng thỏa đáng [35] đối với thông tin được truyền đi và không có sự chuyển đổi loại năng lượng này thành loại năng lượng khác.

The whole response apparatus, and the mechanics of the case, have been summed up in the following terms:

Toàn bộ bộ máy đáp ứng, và cơ chế của trường hợp này, đã được tóm tắt trong các thuật ngữ sau:

“An organism is a transforming device which changes the incoming energy of the environment, received through the receptors, into outgoing energy in the form of the work of the muscles and glands and, at the same time, as transforming device, also transforms itself in terms of these and other, inwardly originating stimuli, both sets of stimuli and both outputs of energy co-operating in the complete act or behavior

“Một sinh vật là một thiết bị chuyển đổi làm thay đổi năng lượng đi vào của môi trường, nhận được qua các thụ thể, thành năng lượng đi ra dưới hình thức công việc của các cơ bắp và các tuyến, và đồng thời, như một thiết bị chuyển đổi, cũng tự chuyển đổi chính nó theo những kích thích này và những kích thích khác bắt nguồn từ bên trong, cả hai tập hợp kích thích và cả hai đầu ra của năng lượng hợp tác trong hành động

of the organism." *(Daniel H. Leary, Ph.D., Modern Psychology: Normal and Abnormal, p. 33.)*

hoặc hành vi hoàn chỉnh của sinh vật." *(Daniel H. Leary, Ph.D., Tâm lý học Hiện đại: Bình thường và Bất thường, tr. 33.)*

The nervous system and muscles may be loosely described as the physical response apparatus, and the means by which physical response to the environment is made, but the nervous system and the ductless glands as the intelligent and emotional response apparatus, and the means by which actual response is made.

Hệ thần kinh và các cơ bắp có thể được mô tả một cách lỏng lẻo là bộ máy đáp ứng vật lý, và là phương tiện để thực hiện sự đáp ứng vật lý đối với môi trường, nhưng hệ thần kinh và các tuyến không ống dẫn là bộ máy đáp ứng trí tuệ và cảm xúc, và là phương tiện để thực hiện sự đáp ứng thực sự.

It is claimed that this latter interaction between the apparatus and the environment produces conduct and behaviour, that feeling and thought activity have their seat in the endocrine system, and that even the nature of man is thus accounted for!

Người ta khẳng định rằng sự tương tác vừa nêu sau cùng giữa bộ máy và môi trường tạo ra sự cư xử và hành vi, rằng hoạt động cảm giác và tư tưởng có cơ sở hoạt động trong hệ nội tiết, và rằng ngay cả bản chất của con người cũng được giải thích theo cách này!

"It is probably true," continues Dr. Leary, "that, in the long run, when present speculation has been replaced by more adequate and better [36] grounded knowledge, we will find the seat of temperament in, or in connection with, the ductless glands." *(Daniel H. Leary, Ph.D., Modern Psychology: Normal and Abnormal, p. 189.)*

"Có lẽ đúng là," Tiến sĩ Leary tiếp tục, "về lâu dài, khi suy đoán hiện tại được thay thế bằng kiến thức đầy đủ hơn và có cơ sở [36] tốt hơn, chúng ta sẽ tìm thấy cơ sở của khí chất trong, hoặc liên quan đến, các tuyến không ống dẫn." *(Daniel H. Leary, Ph.D., Tâm lý học Hiện đại: Bình thường và Bất thường, tr. 189.)*

Dr. Rubin says "we are now rapidly coming to believe that all we are and all we may ever hope to be, depends very largely upon whether or not we have been born with normal ductless glands." *(Rubin, H. H., Your Mysterious Glands, p. 10)* And Dr. Leary says, "The emotions are more nearly concerned with interoceptors and unstriped muscles and ductless glands" than instincts are. *(Daniel H. Leary, Ph.D., Modern Psychology: Normal and Abnormal, p. 61.)* Dr. Cobb tells us:

Tiến sĩ Rubin nói "chúng ta hiện đang nhanh chóng đi đến niềm tin rằng tất cả những gì chúng ta là và tất cả những gì chúng ta có thể hy vọng trở thành, phụ thuộc rất lớn vào việc chúng ta có được sinh ra với các tuyến không ống dẫn bình thường hay không." *(Rubin, H. H., Các Tuyến Bí Ẩn Của Bạn, tr. 10)* Và Tiến sĩ Leary nói, "Các cảm xúc liên quan gần hơn với các thụ thể nội cảm và cơ trơn và các tuyến không ống dẫn" so với bản năng. *(Daniel H. Leary, Ph.D., Tâm lý học Hiện đại: Bình thường và Bất thường, tr. 61.)* Tiến sĩ Cobb cho chúng ta biết:

"... only three and a half grains of the thyroid secretion stands between intelligence and idiocy. It is a gruesome thought to realize that the absence of one chemical can result in a failure of development of the mind and body of an individual." *(I. G. Cobb, M.D., The Glands of Destiny, p. 5.)*

"... chỉ 3,5 grain chất tiết tuyến giáp đứng giữa trí thông minh và sự đần độn. Thật là một ý nghĩ khủng khiếp khi nhận ra rằng sự vắng mặt của một hóa chất có thể dẫn đến sự thất bại trong việc phát triển trí tuệ và cơ thể của một cá nhân." *(I. G. Cobb, M.D., Các Tuyến Định Mệnh, tr. 5.)*

Dr. Cobb also tells us in his Introduction that:

Tiến sĩ Cobb cũng cho chúng ta biết trong Lời Giới Thiệu của ông rằng:

"The action of the glands in determining the bodily build is indisputable; and the mental outlook—the 'behavior complexes'—of the individual appears to depend on the physical well-being; and the physical well-being undoubtedly depends upon the successful action and interaction of the various glandular secretions....

"Tác động của các tuyến trong việc xác định vóc dáng cơ thể là không thể chối cãi; và cách nhìn nhận của trí tuệ—'các phức cảm hành vi'—của cá nhân dường như phụ thuộc vào sự khỏe mạnh của thể chất; và sự khỏe mạnh của thể chất chắc chắn phụ thuộc vào hoạt động và sự tương tác thành công của các chất nội tiết khác nhau....

"Although we are as yet only on the fringe of the subject, we have advanced sufficiently to realize that, just as certain patterns are formed in the body by a [37] particular arrangement of the ductless glands, so does the mind receive its quota from the same source." *(I. G. Cobb, M.D., The Glands of Destiny, pp. 3, 6.)*

"Mặc dù chúng ta hiện vẫn chỉ mới ở bên lề của chủ đề, chúng ta đã tiến đủ xa để nhận ra rằng, cũng giống như những mô hình nhất định được hình thành trong cơ thể bởi một sự sắp xếp đặc biệt của các tuyến không ống dẫn [37], trí tuệ cũng nhận được phần đóng góp của nó từ cùng nguồn đó." *(I. G. Cobb, M.D., Các Tuyến Định Mệnh, tr. 3, 6.)*

Professor J.S. Huxley in a recent lecture says, "It seems clear that temperament, even more important than pure intellect in achieving success, is largely an affair of the balance of the various glands of internal secretion—thyroid, pituitary, and the rest. It may well be that the applied physiology of the future will discover how to modify temperament." *(I. G. Cobb, M.D., The Glands of Destiny, pp. 11, 12.)*

Giáo sư J.S. Huxley trong một bài giảng gần đây nói, "Dường như rõ ràng là khí chất, thậm chí quan trọng hơn cả trí năng thuần túy trong việc đạt được thành công, phần lớn là vấn đề cân bằng của các tuyến nội tiết khác nhau—tuyến giáp, tuyến yên, và những tuyến còn lại. Rất có thể sinh lý học ứng dụng trong tương lai sẽ khám phá ra cách sửa đổi khí chất." *(I. G. Cobb, M.D., Các Tuyến Định Mệnh, tr. 11, 12.)*

In regard to this matter of temperament, Dr. Hocking remarks:

Về vấn đề khí chất này, Tiến sĩ Hocking nhận xét:

"There is not the slightest reason to doubt the broad fact of the profound effect on temperament exercised by the glands of internal secretion, such as the thyroid or the interstitial glands or the adrenals. The stimulation of certain of these glands, or the injection of their products, or feeding therewith, may produce changes which would once have been thought miraculous. By administering thyroxin a cretin may be brought to something resembling normality; if the dosage is stopped he returns to his original condition. If the dosage is increased, unfortunately, neither he nor anyone is raised from normality to genius; we only produce another form of abnormality. And so far, no chemical discoveries justify any bright hopes of improving the human normal. There are, indeed, certain drugs which make an individual feel like a genius, but unless the results are judged under the same influence they are strangely disappointing. We must, therefore, not build at once too high hopes for [38] the future of mankind on these discoveries. But there is a genuine sense in which the soul has its chemistry, and 'a deficiency of iodine will turn a clever man into an idiot.'" *(W. E. Hocking, Self, Its Body and Freedom, pp. 58, 59.)*

"Không có lý do nhỏ nhất nào để nghi ngờ sự thật rộng lớn về ảnh hưởng sâu sắc lên khí chất được thực hiện bởi các tuyến nội tiết, chẳng hạn như tuyến giáp hoặc các tuyến kẽ hoặc tuyến thượng thận. Sự kích thích một số tuyến này, hoặc tiêm các sản phẩm của chúng, hoặc cho ăn chúng, có thể tạo ra những thay đổi mà trước kia có thể đã được coi là phép lạ. Bằng cách sử dụng thyroxin, một người đần độn có thể được đưa đến một cái gì đó giống như bình thường; nếu ngừng liều lượng, y trở lại tình trạng ban đầu. Thật không may, nếu tăng liều lượng, cả y hay bất kỳ ai cũng không được nâng từ bình thường lên thiên tài; chúng ta chỉ tạo ra một dạng bất thường khác. Và cho đến nay, không có khám phá hóa học nào biện minh cho bất kỳ hy vọng sáng ngời nào về việc cải thiện mức bình thường của con người. Thực ra, có một số loại thuốc làm cho một cá nhân cảm thấy như một thiên tài, nhưng trừ khi kết quả được đánh giá dưới cùng một ảnh hưởng, chúng gây thất vọng một cách lạ lùng. Do đó, chúng ta không được xây dựng ngay những hy vọng quá cao cho [38] tương lai của nhân loại dựa trên những khám phá này. Nhưng có một ý nghĩa chân thực trong đó linh hồn có hóa học của nó, và 'sự thiếu hụt iốt sẽ biến một người thông minh thành một kẻ ngốc.'" *(W. E. Hocking, Bản Ngã, Thân Thể và Sự Tự Do của Nó, tr. 58, 59.)*

The consideration, therefore, of the ductless glands and of their effect not only on physical structure, but on conduct as well, is of vital importance. What then are the glands? And, especially, what are the ductless glands often mentioned? Dr. Cobb tells us:

Vì vậy, việc xem xét các tuyến không ống dẫn và tác dụng của chúng không chỉ đối với cấu trúc vật lý, mà còn đối với sự cư xử, là vô cùng quan trọng. Vậy thì các tuyến là gì? Và, đặc biệt, các tuyến không ống dẫn thường được nhắc đến là gì? Tiến sĩ Cobb cho chúng ta biết:

"Glands may be divided into two main groups, those which are concerned with the drainage system—the lymphatic glands—and those which secrete products for use in

"Các tuyến có thể được chia thành hai nhóm chính, những tuyến liên quan đến hệ thống dẫn lưu—các tuyến bạch huyết—và những tuyến tiết ra các sản phẩm để sử dụng trong

the bodily work. The lymphatic glands do not concern us here. The second group, whose duty is to contribute fluids which, acting in concert with each other, control and regulate the bodily processes, consist of two subdivisions.

công việc của cơ thể. Các tuyến bạch huyết không liên quan đến chúng ta ở đây. Nhóm thứ hai, có nhiệm vụ đóng góp các chất lỏng mà, hoạt động phối hợp với nhau, kiểm soát và điều chỉnh các quá trình của cơ thể, bao gồm hai phân nhóm.

"The first of these contain glands with ducts, down which they discharge their contents. The second possess no ducts, and their secretions are absorbed directly into the blood stream. These are known as the ductless glands, or 'endocrine organs' and their products have been called internal secretions. The term 'endocrinology' has been applied to the study of the glands of internal secretion." *(I. G. Cobb, M.D., The Glands of Destiny, p. 1.)*

"Phân nhóm thứ nhất chứa các tuyến có ống dẫn, qua đó chúng xả các chất chứa của mình. Phân nhóm thứ hai không sở hữu ống dẫn nào, và các chất tiết của chúng được hấp thụ trực tiếp vào dòng máu. Những tuyến này được gọi là các tuyến không ống dẫn, hay 'cơ quan nội tiết' và các sản phẩm của chúng được gọi là nội tiết tố. Thuật ngữ 'nội tiết học' đã được áp dụng cho việc nghiên cứu các tuyến nội tiết." *(I. G. Cobb, M.D., Các Tuyến Định Mệnh, tr. 1.)*

The word "endocrine" it may be noted is from the Greek word "krinein," meaning "to separate."

Từ "endocrine" (nội tiết) cần lưu ý là bắt nguồn từ từ Hy Lạp "krinein," có nghĩa là "tách ra."

Dr. Rubin says: [39]

Tiến sĩ Rubin nói: [39]

"These ductless glands or organs of secretion are often referred to as the 'endocrine glands.' Their secretions are absorbed directly into the blood, and into the streams of nutrient lymph—the body, it would appear, thereby dispensing its own drugs.

"Các tuyến không ống dẫn hay cơ quan tiết này thường được gọi là 'tuyến nội tiết.' Các chất tiết của chúng được hấp thụ trực tiếp vào máu, và vào các dòng bạch huyết dinh dưỡng—cơ thể, dường như, qua đó tự phân phối các loại thuốc của riêng mình.

"These secretions contain the 'hormones' or chemical messengers of the organism which excite some of the most marvellous reactions known in physiology. In fact, it has been stated that hormones are to physiology what radium is to chemistry." *(H. H. Rubin, Your Mysterious Glands, pp. 8, 9.)*

"Những chất tiết này chứa các 'nội tiết tố' hay các sứ giả hóa học của sinh vật kích thích một số phản ứng kỳ diệu nhất được biết đến trong sinh lý học. Thực tế, người ta đã tuyên bố rằng nội tiết tố đối với sinh lý học cũng giống như radium đối với hóa học." *(H. H. Rubin, Các Tuyến Bí Ẩn Của Bạn, tr. 8, 9.)*

This system of endocrine glands forms a unit functionally, working in the utmost cooperation and interdependence. Dr. Berman tells us, “The body mind is a perfect corporation. Of this corporation the glands of internal secretion are the directors.... Behind the body, and behind the mind is this board of governors.” *(Louis Berman, M.D., The Glands Regulating Personality, pp. 96, 97.)* All the glands, in fact, work in unison. They are known to correlate their activity, to balance each other, and through their united effect, it is claimed, to make a man what he is.

Hệ thống các tuyến nội tiết này hình thành một đơn vị về mặt chức năng, hoạt động trong sự hợp tác và phụ thuộc lẫn nhau cao nhất. Tiến sĩ Berman cho chúng ta biết, “Thân tâm là một tập đoàn hoàn hảo. Của tập đoàn này, các tuyến nội tiết là các giám đốc.... Đằng sau cơ thể, và đằng sau tâm trí là hội đồng quản trị này.” *(Louis Berman, M.D., Các Tuyến Điều Chỉnh Phàm Ngã, tr. 96, 97.)* Thực tế, tất cả các tuyến đều hoạt động đồng bộ. Chúng được biết là tương quan hoạt động của mình, cân bằng lẫn nhau, và thông qua tác dụng hợp nhất của chúng, người ta khẳng định, tạo nên con người như y là.

They form, in fact, a close interlocking system with functions and organisms clearly distinct from those of other systems within the mechanism of the human frame. The blood system and the nervous system pursue their own activities, but are closely linked to the endocrine system. The blood acts mysteriously as the carrier of the peculiar hormones of the different glands, and the nervous system [40] seems more specifically related to the psychical development incident to the normal, or abnormal, functioning of the endocrine glands.

Thực tế, chúng tạo thành một hệ thống liên kết chặt chẽ với các chức năng và cơ quan rõ ràng khác biệt với các hệ thống khác trong cơ chế của khung cơ thể con người. Hệ tuần hoàn và hệ thần kinh theo đuổi các hoạt động riêng của chúng, nhưng được liên kết chặt chẽ với hệ nội tiết. Máu hoạt động một cách bí ẩn như người vận chuyển các nội tiết tố đặc biệt của các tuyến khác nhau, và hệ thần kinh [40] dường như liên quan cụ thể hơn đến sự phát triển thông linh gắn liền với hoạt động bình thường, hoặc bất thường, của các tuyến nội tiết.

From this discussion of the endocrine system we come naturally to the question: What, then, are the ductless glands, one by one?

Từ cuộc thảo luận về hệ nội tiết này, chúng ta tự nhiên đi đến câu hỏi: Vậy thì, từng cái một, các tuyến không ống dẫn là gì?

Beginning with the head, and working downwards, there are seven glands of special importance to be listed. These are:

Bắt đầu với đầu, và đi xuống dưới, có bảy tuyến đặc biệt quan trọng cần được liệt kê. Đó là:

	Tên	Vị trí	Chất tiết
	Name	*Location*	*Secretion*

1.	Tuyến tùng		Đầu	Chưa biết
	Pineal gland		*Head*	*Unknown*
2.	Tuyến yên–		Đầu	
	Pituitary—		*Head*	
		thùy trước	Chưa biết	
		anterior	*Unknown*	
		thùy sau	Pituitrin	
		posterior	*Pituitrin*	
3.	Tuyến giáp		Cổ họng	Thyroxin
	Thyroid		*Throat*	*Thyroxin*
4.	Tuyến ức		Phần ngực trên	Chưa biết
	Thymus		*Upper Chest*	*Unknown*
5.	Tuyến tụy		Vùng tùng thái dương	Insulin
	Pancreas		*Solar Plexus region*	*Insulin*
6.	Các tuyến thượng thận—		Phía sau thận	
	Adrenals—		*Behind the kidneys*	
		vỏ		Chưa biết
		cortex		*Unknown*
		tủy		Adrenalin
		medulla		*Adrenalin*
7.	Các tuyến sinh dục		Phần bụng dưới	Của tinh hoàn và buồng trứng

	Gonads	*Lower Abdomen*	*Of the testes and ovaries*

(Publisher's Note: Since this chapter was written, experiments with the ductless glands have continued. Details given here are not final or conclusive but the basic postulates of the Author remain untouched. F.B.)

(Ghi chú của Nhà Xuất Bản: Kể từ khi chương này được viết, các thí nghiệm với các tuyến không ống dẫn vẫn tiếp tục. Các chi tiết được đưa ra ở đây chưa phải là kết quả cuối cùng hay có tính kết luận dứt khoát nhưng các định đề cơ bản của Tác giả vẫn không bị ảnh hưởng. F.B.)

Thus we have distributed over the head and torso a network of important glands, which, it is claimed, physiologically govern the structure, growth and chemical changes of the body, and, psychologically, are responsible for the emotional reactions and the thought processes of the human being. Hence, they would be the producers of his [41] qualities, good and bad, of his behaviour and conduct of affairs, and of his very character.

Như vậy chúng ta có phân bố trên đầu và thân mình một mạng lưới các tuyến quan trọng, mà người ta khẳng định rằng, về mặt sinh lý cai quản cấu trúc, sự tăng trưởng và các thay đổi hóa học của cơ thể, và, về mặt tâm lý, chịu trách nhiệm cho các phản ứng cảm xúc và các tiến trình tư tưởng của con người. Do đó, chúng sẽ là những cơ quan tạo ra các [41] phẩm tính của y, tốt và xấu, sự cư xử và hành vi của y trong các công việc, và chính tính cách của y.

We shall now consider the seven glands mentioned, but confining our discussion to their mental and psychic effects.

Bây giờ chúng ta sẽ xem xét bảy tuyến được đề cập, nhưng giới hạn cuộc thảo luận của chúng ta vào các tác dụng về mặt trí tuệ và thông linh của chúng.

1. The pineal gland—location, head—secretion, unknown.

1. Tuyến tùng—vị trí, đầu—chất tiết, chưa biết.

The pineal gland is cone-shaped, about the size of a pea, and is in the centre of the brain in a tiny cave behind and above the pituitary gland which lies a little behind the root of the nose. The pineal gland is attached to the third ventricle of the brain. It contains a pigment similar to that in the retina of the eye, and also collections of what have been called "brain sand particles." Dr. Tilney says:

Tuyến tùng có hình nón, kích thước khoảng bằng hạt đậu, và nằm ở trung tâm bộ não trong một hang nhỏ phía sau và bên trên tuyến yên, nằm hơi lui về phía sau gốc mũi. Tuyến tùng được gắn vào não thất ba. Nó chứa một sắc tố tương tự như trong võng mạc của mắt, và cũng chứa các tập hợp của cái được gọi là "các hạt cát não." Tiến sĩ Tilney nói:

"Numerous attempts have been made to determine what function, if any, the pineal body possesses. Is it indispensable to life, or does it play some role important to a particular phase of metabolic activity? We may perhaps concede that this organ does possess a function in man and in most mammals. It is not improbable that this function is particularly determined by an internal secretion, a secretion, however, which is certainly not indispensable to life. The exact influence of the pineal secretion is still obscure." *(Frederick Tilney, M. D., The Pineal Gland, pp. 537, 542)*

"Nhiều nỗ lực đã được thực hiện để xác định thể tùng sở hữu chức năng gì, nếu có. Nó có không thể thiếu đối với sự sống không, hay nó đóng một vai trò quan trọng đối với một giai đoạn cụ thể của hoạt động trao đổi chất? Chúng ta có lẽ có thể thừa nhận rằng cơ quan này thực sự sở hữu một chức năng ở con người và ở hầu hết các động vật có vú. Không phải là không thể xảy ra việc chức năng này được xác định cụ thể bởi một sự tiết bên trong, tuy nhiên, một sự tiết chắc chắn không phải là không thể thiếu đối với sự sống. Ảnh hưởng chính xác của chất tiết tuyến tùng vẫn còn mơ hồ." *(Frederick Tilney, M. D., Tuyến Tùng, tr. 537, 542)*

It has also been suggested that this gland regulates our susceptibility to light, that it has a definite effect upon the sex nature, that it is related to brain growth and that its active functioning [42] causes intellectual precocity as is clearly indicated in the historic case discussed below. This gland has also been called the third eye, and the eye of the Cyclops. Beyond these facts or conjectures, investigators frankly say they know nothing, and experiments have produced little information. In the experiment of feeding pineal gland extract to children and to defectives the response was nothing when the subject was over fifteen years of age, and contradictory in all other cases, so deduction was impossible.

Cũng có ý kiến cho rằng tuyến này điều chỉnh sự nhạy cảm của chúng ta với ánh sáng, rằng nó có tác dụng rõ rệt đối với bản chất tình dục và rằng nó liên quan đến sự phát triển não bộ và rằng hoạt động tích cực của nó [42] gây ra sự sớm phát triển trí tuệ như được chỉ ra rõ ràng trong trường hợp lịch sử được thảo luận dưới đây. Tuyến này cũng được gọi là con mắt thứ ba, và con mắt của Cyclops. Ngoài những thực tế hoặc phỏng đoán này, các nhà điều tra thẳng thắn nói rằng họ không biết gì cả, và các thí nghiệm đã tạo ra ít thông tin. Trong thí nghiệm cho trẻ em và những người khiếm khuyết ăn chiết xuất tuyến tùng, phản ứng là không có gì khi đối tượng trên mười lăm tuổi, và mâu thuẫn trong tất cả các trường hợp khác, vì vậy không thể suy luận được.

Until a few decades ago scant attention was paid to the pineal gland. Then came the case, noted by Dr. Berman, in which a child was brought to a German clinic suffering from eye trouble and headaches. He was five years old and very mature, and apparently had reached the age of adolescence. He was abnormally bright mentally, discussing metaphysical and spiritual subjects. He was

Cho đến vài thập kỷ trước, ít sự chú ý được dành cho tuyến tùng. Sau đó đến trường hợp, được ghi nhận bởi Tiến sĩ Berman, trong đó một đứa trẻ được đưa đến một phòng khám Đức vì bị bệnh mắt và đau đầu. Cậu bé mới năm tuổi và rất trưởng thành, và dường như đã đến tuổi dậy thì. Cậu bé thông minh bất thường về mặt trí tuệ, thảo luận các chủ đề siêu hình và tinh thần. Cậu có ý

strongly group-conscious and only happy when sharing what he had with others. After his arrival at the clinic, he rapidly grew worse and died in a month. An autopsy showed a tumour of the pineal gland. *(Louis Berman, M.D., The Glands Regulating Personlaity, p. 89)*

thức nhóm mạnh mẽ và chỉ hạnh phúc khi chia sẻ những gì mình có với người khác. Sau khi đến phòng khám, cậu bé nhanh chóng trở bệnh nặng hơn và qua đời trong vòng một tháng. Một cuộc khám nghiệm tử thi cho thấy một khối u ở tuyến tùng. *(Louis Berman, M.D., Các Tuyến Điều Chỉnh Phàm Ngã, tr. 89)*

As will be seen later, this historic case has a special interest in view of the conclusions of Oriental philosophers.

Như sẽ thấy sau này, trường hợp lịch sử này đặc biệt đáng chú ý xét về các kết luận của các triết gia Phương Đông.

Most of the books note that the pineal gland is stated by ancient philosophers to be the seat of the soul, and Descartes is frequently quoted as [43] saying, "In man, soul and body touch each other only at a single point, the pineal gland in the head."

Hầu hết các cuốn sách đều ghi chú rằng tuyến tùng được các triết gia cổ đại tuyên bố là nơi trú ngụ của linh hồn, và Descartes thường được trích dẫn là [43] nói rằng, "Ở con người, linh hồn và thân thể chỉ chạm nhau tại một điểm duy nhất, tuyến tùng trong đầu."

In the ancient belief that the pineal gland is the seat of the soul and in the fact apparently established that the pineal gland is a distinctive gland of childhood and atrophies later, is there not, perhaps, some real connection, some indication of hidden truth? Children have a ready belief in God and recognition of Him. Christ said, "The Kingdom of Heaven is within you" and "Except ye become as little children ye shall not enter into the Kingdom of Heaven."

Trong niềm tin cổ xưa rằng tuyến tùng là nơi trú ngụ của linh hồn và trong thực tế dường như đã được xác lập rằng tuyến tùng là một tuyến đặc biệt của thời thơ ấu và teo đi sau này, liệu có lẽ không có một mối liên hệ thực sự nào đó, một chỉ dẫn nào đó về chân lý ẩn giấu sao? Trẻ em có niềm tin sẵn có vào Thượng đế và sự nhận biết Ngài. Đức Christ nói, "Nước Trời ở trong các ngươi" và "Nếu các ngươi không trở nên như con trẻ, các ngươi sẽ không vào được Nước Trời."

One is mindful too, of Wordsworth's "Ode on Intimations of Immortality from Recollections of Early Childhood."

Người ta cũng nhớ đến bài "Ode on Intimations of Immortality from Recollections of Early Childhood" (Tạm dịch: Bài Thơ Về Những Gợi Ý Của Sự Bất Tử Từ Những Hồi Ức Của Thời Thơ Ấu) của Wordsworth.

"Our birth is but a sleep and a forgetting;

"Sự ra đời của chúng ta chỉ là một giấc ngủ và một sự lãng quên;

The soul that rises with us, our life's star,	Linh hồn mọc lên cùng chúng ta, ngôi sao của cuộc đời chúng ta,
Hath had elsewhere its setting	Đã lặn ở nơi khác
And cometh from afar;	Và đến từ phương xa;
Not in entire forgetfulness,	Không phải trong sự lãng quên hoàn toàn,
And not in utter nakedness,	Và không phải trong sự trần trụi hoàn toàn,
But trailing clouds of glory do we come	Nhưng kéo theo những đám mây vinh quang, chúng ta đến
From God who is our home:	Từ Thượng đế, là ngôi nhà của chúng ta:
Heaven lies about us in our infancy!	Thiên đường nằm quanh chúng ta trong thời thơ ấu!
Shades of the prison-house begin to close	Những bóng tối của nhà tù bắt đầu khép lại
Upon the growing Boy,	Trên Cậu Bé đang lớn,
But he beholds the light, and whence it flows,	Nhưng cậu nhìn thấy ánh sáng, và nơi nó bắt nguồn,
He sees it in his joy.	Cậu thấy nó trong niềm vui của mình.
The youth, who daily farther from the East	Chàng thanh niên, người hàng ngày phải đi xa hơn
Must travel, still is Nature's priest,	Khỏi Phương Đông, vẫn là tư tế của Thiên Nhiên,
And by the vision splendid	Và bởi tầm nhìn huy hoàng
Is on his way attended; [44]	Được tầm nhìn ấy đồng hành trên đường đi của mình; [44]

At length the Man perceives it die away,

Cuối cùng, Người Đàn Ông nhận thấy nó chết dần,

And fade into the light of common day."

Và phai nhạt vào ánh sáng của ngày thường."

Oriental philosophy confirms this possible connection between the pineal gland and the soul.

Triết học phương Đông xác nhận mối liên hệ có thể có này giữa tuyến tùng và linh hồn.

2. Pituitary—location head—secretion of anterior gland unknown, secretion of posterior, pituitrin.

2. Tuyến yên—vị trí đầu—chất tiết của thùy trước chưa biết, chất tiết của thùy sau, pituitrin.

Interest in the pituitary gland has been evidenced for centuries but until the late eighties so little was known about it that it was regarded as an organ of external secretion. It is really two glands in one. It is about the size of a pea and lies at the base of the brain a short distance behind the root of the nose.

Sự quan tâm đến tuyến yên đã được chứng minh trong nhiều thế kỷ nhưng cho đến cuối những năm tám mươi, người ta biết rất ít về nó đến nỗi nó được coi là một cơ quan ngoại tiết. Nó thực sự là hai tuyến trong một. Nó có kích thước khoảng bằng hạt đậu và nằm ở đáy não một khoảng ngắn phía sau gốc mũi.

This gland has been called “nature’s darling treasure,” being cradled in a niche, like a “skull within a skull.” As most of the glands do, in some form or other, it has a close relation to sex, and is also related to such periodic phenomena as sleep and sex epochs. We are told that it is a gland of continued effort, of energy consumption, and is essential to life. It is believed to stimulate the brain cells and to have a “direct and important bearing upon the personality.” We are also informed that insufficient pituitary development causes, or at least accompanies conspicuous moral and intellectual inferiority, and lack of self-control; but that with a good pituitary development there will also be pronounced mental activity and endurance. It seems to have a very close connection with our emotional and mental qualities.

Tuyến này đã được gọi là “kho báu yêu dấu của thiên nhiên,” được nâng niu trong một hốc nhỏ, giống như một “hộp sọ bên trong hộp sọ.” Như hầu hết các tuyến, dưới hình thức này hay hình thức khác, nó có mối liên hệ chặt chẽ với tình dục, và cũng liên quan đến các hiện tượng định kỳ như giấc ngủ và các giai đoạn tình dục. Chúng ta được biết rằng đó là một tuyến của nỗ lực liên tục, của sự tiêu thụ năng lượng, và là thiết yếu đối với sự sống. Nó được tin là kích thích các tế bào não và có “tác động trực tiếp và quan trọng đến phàm ngã.” Chúng ta cũng được thông báo rằng sự phát triển tuyến yên không đầy đủ gây ra, hoặc ít nhất đi kèm với sự thấp kém rõ rệt về đạo đức và trí tuệ, và thiếu sự tự kiểm soát; nhưng với sự phát triển tốt của tuyến yên, cũng sẽ có hoạt động trí tuệ và sức bền rõ rệt. Nó dường như có một mối liên hệ rất chặt chẽ với các phẩm tính cảm xúc và trí tuệ của chúng ta.

[45] The pituitary, as we have said, is really two glands in one. The secretion of the post-pituitary is pituitrin.

[45] Tuyến yên, như chúng ta đã nói, thực sự là hai tuyến trong một. Chất tiết của thùy sau tuyến yên là pituitrin.

“The post-pituitary governs the maternal-sexual instincts and their sublimations, the social and creative instincts.... It might be said to energize deeply the tender emotions.... For all the basic sentiments (as opposed to the intellectualized self-protective sentimentalism), tender-heartedness, sympathy and suggestibility, are interlocked with its functions.”

“Thùy sau tuyến yên cai quản các bản năng mẫu tử-tình dục và sự thăng hoa của chúng, các bản năng xã hội và sáng tạo.... Có thể nói nó cung cấp năng lượng sâu sắc cho các cảm xúc dịu dàng.... Vì tất cả các tình cảm cơ bản (đối lập với chủ nghĩa tình cảm tự bảo vệ được trí tuệ hóa), lòng nhân hậu, sự cảm thông và tính dễ bị ám thị, đều được liên kết với các chức năng của nó.”

The secretion of the ante-pituitary is unknown.

Chất tiết của thùy trước tuyến yên chưa được biết đến.

“The ante-pituitary has been depicted as the gland of intellectuality.... By intellectuality we mean the capacity of the mind to control its environment by concepts and abstract

“Thùy trước tuyến yên đã được mô tả là tuyến của trí năng.... Bởi trí năng, chúng ta muốn nói đến khả năng của tâm trí để kiểm soát môi trường của nó bằng các khái niệm

ideas." *(Louis Berman, M.D., The Glands Regulating Personality, p.178)*

và ý tưởng trừu tượng." *(Louis Berman, M.D., Các Tuyến Điều Chỉnh Phàm Ngã, tr.178)*

Dr. Berman also adds, "Mental activity is accompanied by increased function of the ante-pituitary, if intellectual, or of the post-pituitary, if emotional." *(Louis Berman, M.D., The Glands Regulating Personality, p.236)*

Tiến sĩ Berman cũng nói thêm, "Hoạt động trí tuệ đi kèm với chức năng gia tăng của thùy trước tuyến yên, nếu thuộc về trí năng, hoặc của thùy sau tuyến yên, nếu thuộc về cảm xúc." *(Louis Berman, M.D., Các Tuyến Điều Chỉnh Phàm Ngã, tr.236)*

From a study of these comments, it becomes apparent that the personality qualities—emotions, whether we mean maternal instincts shared with all animals, love of one's fellowmen, or love of God—are regarded as largely dependent upon the condition of the pituitary gland, as is also the ability to intellectualise.

Từ việc nghiên cứu những bình luận này, rõ ràng là các phẩm tính phàm ngã—cảm xúc, cho dù chúng ta muốn nói đến bản năng mẫu tử chia sẻ với tất cả các loài động vật, tình thương đối với đồng loại, hay tình yêu đối với Thượng đế—được coi là phụ thuộc phần lớn vào tình trạng của tuyến yên, cũng như khả năng hoạt động trí tuệ.

Approaching the problem from a different angle, the student of the Eastern wisdom proves the relative correctness of all these inferences. [46]

Tiếp cận vấn đề từ một góc độ khác, người học viên của minh triết Phương Đông chứng minh sự đúng đắn tương đối của tất cả những suy luận này. [46]

3. Thyroid—location, throat—secretion, thyroxin.

3. Tuyến giáp—vị trí, cổ họng—chất tiết, thyroxin.

Of the thyroid gland, more is known than of the pineal gland or the pituitary body, and from the standpoint of Eastern wisdom, this was to be expected. This gland is found astride the neck, above the wind-pipe, close to the larynx, and is a very large gland. It was once a sex gland, is frequently called the "third ovary," is always involved in ovarian cases. In the lower vertebrates it is clearly connected with the ducts of the sexual organs, but in the march of evolution upwards, "that relationship is lost, the thyroid migrates more and more to the head region, to become the great link between sex and brain." *(Louis Berman, M.D., The Glands Regulating Personality, p.46)* We are told also that it is the great differentiator of tissues,

Về tuyến giáp, người ta biết nhiều hơn so với tuyến tùng hay thể yên, và theo quan điểm của minh triết Phương Đông, điều này có thể dự đoán được. Tuyến này được tìm thấy nằm vắt ngang cổ, phía trên khí quản, gần thanh quản, và là một tuyến rất lớn. Nó từng là một tuyến sinh dục, thường được gọi là "buồng trứng thứ ba," luôn liên quan đến các trường hợp về buồng trứng. Ở các động vật có xương sống thấp hơn, nó liên kết rõ ràng với các ống dẫn của cơ quan sinh dục, nhưng trong cuộc hành trình tiến hóa đi lên, "mối quan hệ đó bị mất, tuyến giáp di chuyển ngày càng nhiều hơn về vùng đầu, để trở thành mối liên kết lớn giữa tình dục và não bộ." *(Louis Berman, M.D., Các Tuyến Điều Chỉnh Phàm Ngã, tr.46)* Chúng ta cũng được

and has anti-toxic power, preventing poisoning and increasing resistance to poison.

biết rằng nó là tác nhân phân hóa lớn của các mô, và có khả năng chống độc, ngăn ngừa ngộ độc và tăng sức đề kháng với chất độc.

Above everything else, however, the thyroid gland is the controller of the metabolism of energy. It has been called the efficient lubricator of energy transformation, and is the great catalyst of energy in the body. It controls the speed of living and is the keystone of the endocrine system. It is indispensable to life.

Tuy nhiên, trên hết mọi thứ khác, tuyến giáp là bộ điều khiển sự chuyển hóa năng lượng. Nó đã được gọi là bộ bôi trơn hiệu quả của sự chuyển đổi năng lượng, và là chất xúc tác lớn của năng lượng trong cơ thể. Nó kiểm soát tốc độ sống và là trụ cột của hệ nội tiết. Nó không thể thiếu đối với sự sống.

Through the work done with subnormal people, deficients and idiots, investigators have come to the conclusion that, in the words of Dr. Berman:

Thông qua công việc được thực hiện với những người dưới mức bình thường, những người khiếm khuyết và những người mắc chứng đần độn, các nhà điều tra đã đi đến kết luận rằng, theo lời của Tiến sĩ Berman:

"Without thyroid there can be no complexity of thought, no learning, no education, no habit-formation, [47] no responsive energy for situations, as well as no physical unfolding of faculty and function and no reproduction of kind, with no sign of adolescence at the expected age, and no exhibition of sex tendencies thereafter." *(Louis Berman, M.D., The Glands Regulating Personality, p. 55)*

"Nếu không có tuyến giáp thì không thể có sự phức tạp của tư tưởng, không có sự học hỏi, không có giáo dục, không có sự hình thành thói quen, [47] không có năng lượng đáp ứng cho các tình huống, cũng như không có sự mở ra về mặt vật lý của khả năng và chức năng và không có sự sinh sản đồng loại, không có dấu hiệu của tuổi dậy thì ở độ tuổi dự kiến, và không có sự thể hiện các xu hướng tình dục sau đó." *(Louis Berman, M.D., Các Tuyến Điều Chỉnh Phàm Ngã, tr. 55)*

We are also told that

Chúng ta cũng được bảo rằng

"Sensitivity, the ability to discriminate between grades of sensation or acuteness of perception is another thyroid quality. Just as the thyroid plus is more energetic, so is he more sensitive. He feels things more, he feels pain more readily, because he arrives more quickly at the stage when the stimulus damages his nerve apparatus." *(Louis*

"Sự nhạy cảm, khả năng phân biện giữa các cấp độ cảm giác hay sự sắc bén của tri giác là một phẩm tính khác của tuyến giáp. Cũng như người có tuyến giáp hoạt động mạnh có nhiều năng lượng hơn, y cũng nhạy cảm hơn. Y cảm nhận sự việc nhiều hơn, y cảm thấy đau đớn dễ dàng hơn, bởi vì y đạt đến giai đoạn mà sự kích thích gây tổn hại cho bộ máy thần kinh của mình nhanh hơn." *(Louis*

Berman, M.D., The Glands Regulating Personality, p. 180)

Berman, M.D., The Glands Regulating Personality, tr. 180)

The thyroid, like the pituitary, has also close connection with the memory.

Tuyến giáp, giống như tuyến yên, cũng có mối liên hệ mật thiết với trí nhớ.

"... the pituitary seems to be related to preservation of the memory deposit.... The thyroid memory applies particularly to perception and precepts, the pituitary to conception (reading, studying, thinking) and concepts."*(Louis Berman, M.D., The Glands Regulating Personality, p. 182)*

"... tuyến yên dường như liên quan đến việc bảo tồn kho lưu trữ ký ức.... Trí nhớ của tuyến giáp áp dụng đặc biệt cho tri giác và các quy tắc, còn tuyến yên cho quan niệm (đọc, nghiên cứu, suy nghĩ) và các khái niệm."*(Louis Berman, M.D., The Glands Regulating Personality, tr. 182)*

4. Thymus—location, upper chest—secretion, unknown.

4. Tuyến ức—vị trí, ngực trên—chất tiết, chưa rõ.

Of the thymus gland, we know practically nothing, and it is one of the most mysterious of all. Like the pineal gland, it is regarded as a gland of childhood, but both as yet baffle investigation.

Về tuyến ức, chúng ta hầu như không biết gì cả, và nó là một trong những tuyến bí ẩn nhất. Giống như tuyến tùng, nó được xem là tuyến của thời thơ ấu, nhưng cả hai cho đến nay vẫn làm các cuộc điều tra thất bại.

The thymus gland is situated in the chest, covers the upper portion of the heart, and, perhaps, has relation to nutrition and growth. It seems to be [48] connected with the irresponsible nature of children, and, when over-functioning in adult years, produces the irresponsible man or woman, and the amoral people.

Tuyến ức nằm ở ngực, bao phủ phần trên của tim, và có lẽ có liên hệ với sự dinh dưỡng và tăng trưởng. Nó dường như [48] liên kết với bản chất vô trách nhiệm của trẻ em, và khi hoạt động quá mức ở tuổi trưởng thành, nó tạo ra người đàn ông hay phụ nữ vô trách nhiệm, và những người phi luân.

5. Pancreas—location, solar plexus region—secretion, insulin.

5. Tuyến tụy—vị trí, vùng tùng thái dương—chất tiết, insulin.

Most of the information given in connection with the pancreas is strictly physiological, and, therefore, out of place here. Suffice it to say, however, that it lies in the abdomen and is close to the solar plexus (which is the brain of the instinctual animal nature) and is closely concerned with the "mobilization of energy for physical and mental purposes.

Hầu hết thông tin được đưa ra liên quan đến tuyến tụy hoàn toàn thuộc về sinh lý học, và do đó, không phù hợp ở đây. Tuy nhiên, chỉ cần nói rằng nó nằm trong ổ bụng và gần tùng thái dương (vốn là bộ não của bản chất thú tính bản năng) và liên quan chặt chẽ đến việc "huy động năng lượng cho các mục đích thể chất và trí tuệ. Nó có hai loại chất tiết, cả

It has two secretions, both insulin, one concerned with the digestive processes and the other known to be vital to the metabolism of sugar. Without sufficient sugar for the cells, no muscle work or nerve work—essentials in the struggle for existence—are possible." *(Louis Berman, M.D., The Glands Regulating Personality, p. 55)*

hai đều là insulin, một liên quan đến các quá trình tiêu hóa và loại kia được biết là thiết yếu cho sự chuyển hóa đường. Nếu không có đủ đường cho các tế bào, thì không hoạt động cơ bắp hay hoạt động thần kinh nào—những yếu tố cốt yếu trong cuộc đấu tranh sinh tồn—có thể diễn ra." *(Louis Berman, M.D., The Glands Regulating Personality, tr. 55)*

6. Adrenals—location behind the kidneys—secretion of the cortex adrenals unknown, of the medulla adrenals adrenalin.

6. Tuyến thượng thận—vị trí sau thận—chất tiết của vỏ thượng thận chưa rõ, của tủy thượng thận là adrenalin.

The adrenal glands are each of them dual and are situated on both sides of the abdomen, astride and back of the kidneys. They are concerned with general growth, and the growth of the brain cells. The adrenal cortex secretion (to which no name has been given) is one source of the internal secretions producing maturity.

Các tuyến thượng thận đều là tuyến kép và nằm ở hai bên ổ bụng, nằm trên và phía sau thận. Chúng liên quan đến sự tăng trưởng chung, và sự tăng trưởng của các tế bào não. Nội tiết tố vỏ thượng thận (chưa được đặt tên) là một nguồn của các nội tiết tố bên trong tạo nên sự trưởng thành.

[49] The adrenal glands, however, are primarily the glands of combat. They produce that immediate and active response which men exhibit in times of danger or anger, and their secretion is stimulated in times of emergency. Pain, rage and fear have a definite effect upon the discharge, and we are told, "all the evidence points to its medulla as the secretor of the substance which makes for the phenomena of fear, and to its cortex as dominant in the reactions of anger." *(Louis Berman, M.D., The Glands Regulating Personality, p. 76)*

[49] Tuy nhiên, các tuyến thượng thận chủ yếu là các tuyến của sự chiến đấu. Chúng tạo ra phản ứng tức thời và tích cực mà con người thể hiện trong những lúc nguy hiểm hay giận dữ, và sự tiết ra của chúng được kích thích trong những lúc khẩn cấp. Đau đớn, phẫn nộ và sợ hãi có tác động rõ rệt lên sự phóng xuất này, và chúng ta được bảo rằng, "mọi bằng chứng đều chỉ ra tủy của nó là nơi tiết ra chất tạo nên các hiện tượng sợ hãi, và vỏ của nó đóng vai trò chủ đạo trong các phản ứng giận dữ." *(Louis Berman, M.D., The Glands Regulating Personality, tr. 76)*

Also:

Ngoài ra:

"Courage is so closely related to fear and anger that all are always associated in any discussion. Courage is commonly thought of as the emotion that is the opposite of fear. It would follow that courage meant simply

"Lòng can đảm liên quan chặt chẽ đến sợ hãi và giận dữ đến nỗi tất cả luôn được liên kết trong bất kỳ cuộc thảo luận nào. Lòng can đảm thường được nghĩ đến như là cảm xúc đối lập với sợ hãi. Theo đó, lòng can đảm chỉ

inhibition of the adrenal medulla. As a matter of fact the mechanism of courage is more complex. One must distinguish animal courage and deliberate courage. Animal courage is literally the courage of the beast. As noted, animals with the largest amounts of adrenal cortex are the pugnacious, aggressive, charging kings of the fields and forests. The emotion experienced by them is probably anger with a sort of blood-lust, and no consideration of the consequences. The object attacked acted like a red rag waved at a bull—it had stimulated a flow of the secretion of the adrenal cortex, and the instinct of anger became sparked, as it were, by the new condition of the blood. In courage, deliberate courage, there is more than instinct. There is an act of volition, a display of will. Admitting that without the adrenal cortex such courage would be impossible, the chief credit for courage [50] must be ascribed to the ante-pituitary. It is the proper conjunction of its secretion and that of the adrenal cortex that makes for true courage. So it is we find that acts of courage have been recorded most often of individuals of the ante-pituitary type." *(Louis Berman, M.D., The Glands Regulating Personality, p. 177)*

đơn giản là sự ức chế tủy thượng thận. Thực tế, cơ chế của lòng can đảm phức tạp hơn. Người ta phải phân biệt lòng can đảm của thú vật và lòng can đảm có suy tính. Lòng can đảm thú vật đúng nghĩa là lòng can đảm của loài thú. Như đã lưu ý, những động vật có lượng vỏ thượng thận lớn nhất là những vua chúa hiếu chiến, hung hăng, tấn công của các cánh đồng và khu rừng. Cảm xúc mà chúng trải qua có lẽ là sự giận dữ với một loại khát máu, và không hề cân nhắc đến hậu quả. Đối tượng bị tấn công hành động như một miếng giẻ đỏ vẫy trước con bò tót—nó đã kích thích dòng chảy nội tiết tố của vỏ thượng thận, và bản năng giận dữ bùng lên, cứ như thể, bởi tình trạng mới của máu. Trong lòng can đảm, lòng can đảm có suy tính, có nhiều thứ hơn là bản năng. Có một hành động của ý chí, một sự biểu lộ của ý chí. Thừa nhận rằng nếu không có vỏ thượng thận thì lòng can đảm như vậy sẽ là không thể, nhưng công lao chính cho lòng can đảm [50] phải được quy cho thùy trước tuyến yên. Chính sự kết hợp thích hợp giữa sự tiết ra của nó và của vỏ thượng thận tạo nên lòng can đảm thực sự. Vì vậy, chúng ta thấy rằng các hành động can đảm được ghi lại thường xuyên nhất ở những cá nhân thuộc loại hình thùy trước tuyến yên." *(Louis Berman, M.D., The Glands Regulating Personality, tr. 177)*

Gonads—location, lower abdomen—secretion, that of male testes and female ovaries.

Tuyến sinh dục—vị trí, bụng dưới—chất tiết, của tinh hoàn nam và buồng trứng nữ.

The gonads or interstitial glands are the sex glands of external secretion, but are known to have an internal secretion also. Their gross secretion is the medium for reproduction. It is unnecessary to dwell at length upon the effects of the gonads on personality. The sex impulse and its various subsidiary effects, both physical and

Các tuyến sinh dục hay tuyến kẽ là các tuyến giới tính ngoại tiết, nhưng cũng được biết là có sự tiết bên trong. Sự tiết thô của chúng là môi trường cho sự sinh sản. Không cần thiết phải bàn dài dòng về những ảnh hưởng của tuyến sinh dục đối với phàm ngã. Xung lực tình dục và các tác động phụ thuộc khác nhau của nó, cả về thể chất lẫn tâm lý, đều

psychical, are well recognised and much studied, and this study, largely of perversions and inhibitions, has proved of paramount importance to the understanding of humanity. Some psychologists relate all human reactions—physical, emotional and mental—to sex and sex alone, and, back of every extreme position, we know there lies a substratum of truth. Others regard sex as playing an important part, but not as responsible for the entire story. The Eastern wisdom offers an interpretation which warrants consideration and which will appear when we consider the force centres and their relation to the glands.

được công nhận rõ ràng và được nghiên cứu nhiều, và sự nghiên cứu này, phần lớn về các sự đồi trụy và ức chế, đã chứng tỏ tầm quan trọng tối cao đối với việc thấu hiểu nhân loại. Một số nhà tâm lý học liên hệ mọi phản ứng của con người—thể chất, cảm xúc và trí tuệ—với tình dục và chỉ tình dục mà thôi, và, đằng sau mỗi lập trường cực đoan, chúng ta biết có một nền tảng sự thật. Những người khác xem tình dục đóng vai trò quan trọng, nhưng không chịu trách nhiệm cho toàn bộ câu chuyện. Minh triết phương Đông đưa ra một sự giải thích đáng được xem xét và sẽ xuất hiện khi chúng ta xem xét các trung tâm mãnh lực và mối quan hệ của chúng với các tuyến.

Of all the foregoing, and of many books and articles on the subject, the following may be given as a brief summary.

Về tất cả những điều trên, và về nhiều cuốn sách cũng như bài viết về chủ đề này, phần sau đây có thể được đưa ra như một bản tóm tắt ngắn gọn.

[51] The whole subject is in an experimental stage, and much remains to be done. Clearly, however, there is a close relationship between the glands and a similarity of function, and most of them have to do with the metabolism of the body and with growth, and all of them seem closely related to sex life. Finally, they determine, apparently, the type and temperament of the personality.

[51] Toàn bộ chủ đề đang ở giai đoạn thử nghiệm, và còn nhiều việc phải làm. Tuy nhiên, rõ ràng là có một mối quan hệ chặt chẽ giữa các tuyến và một sự tương đồng về chức năng, và hầu hết chúng đều liên quan đến sự chuyển hóa của cơ thể và sự tăng trưởng, và tất cả chúng dường như liên quan chặt chẽ đến đời sống tình dục. Cuối cùng, dường như chúng xác định loại hình và khí chất của phàm ngã.

Experimental as the science is, man seems to have been psycho-analysed and understood at last. Those elusive and intangible processes, called emotions and mental concepts, are accounted for in terms of matter. To the glands and to the nervous system, and to the poor or good development and functioning of man's apparatus of contact and response, is ascribed all that he is. A saint can be made into a sinner and the sinner into a saint, and

Mặc dù khoa học này mang tính thử nghiệm, con người dường như cuối cùng đã được phân tích theo phương pháp phân tâm học và thấu hiểu. Những quá trình khó nắm bắt và vô hình đó, được gọi là cảm xúc và các khái niệm trí tuệ, được giải thích theo thuật ngữ của vật chất. Đối với các tuyến và hệ thần kinh, và đối với sự phát triển cũng như hoạt động kém hay tốt của bộ máy tiếp xúc và đáp ứng của con người, tất cả những gì y là đều được quy vào đó. Một vị thánh có thể

this merely by increasing or decreasing certain internal secretions. Thus a man is no better, no worse, than the equipment with which he comes into the world and his mechanism is the sum total of him. He can improve it or misuse it, but the apparatus is the determining factor. Free-will is eliminated and immortality denied. The best a man can do is so to act that he is happy and, also, to shoulder the responsibility of building better bodies in order that the next generation can manifest better psychically.

bị biến thành kẻ tội đồ và kẻ tội đồ thành một vị thánh, và điều này chỉ đơn thuần bằng cách tăng hoặc giảm một số nội tiết tố nhất định. Do đó, một người không tốt hơn, không xấu hơn thiết bị mà y mang theo khi vào thế giới, và cơ chế của y là tổng số của con người y. Y có thể cải thiện nó hoặc sử dụng sai nó, nhưng bộ máy là yếu tố quyết định. Ý chí tự do bị loại bỏ và sự bất tử bị phủ nhận. Điều tốt nhất một người có thể làm là hành động sao cho y hạnh phúc và, cũng vậy, gánh vác trách nhiệm xây dựng những cơ thể tốt hơn để thế hệ tiếp theo có thể biểu hiện tốt hơn về mặt thông linh.

Whether we agree with those conclusions or disagree, we must at least admit that, with the mechanism the object of all study, it should eventually [52] be possible to ascertain the laws and methods by which perfect bodies may be constructed which, in turn, can be the instruments through which a perfect psychic nature can function.

Dù chúng ta đồng ý hay không đồng ý với những kết luận đó, ít nhất chúng ta phải thừa nhận rằng, với cơ chế là đối tượng của mọi nghiên cứu, cuối cùng [52] sẽ có thể xác định được các quy luật và phương pháp để xây dựng những cơ thể hoàn hảo, mà đến lượt chúng, có thể là những công cụ qua đó một bản chất thông linh hoàn hảo có thể hoạt động.

But are all these conclusions as to the endocrine glands, in fact correct? Has man, in outline, been classified and labelled, and does there remain only the filling of blanks in the general outline? Who can say? But to my mind the answer lies in two questions or groups of questions, the one primarily a matter of the individual, and the second all-embracing.

Nhưng liệu tất cả những kết luận này về các tuyến nội tiết, thực tế có đúng không? Phải chăng con người, về mặt đại cương, đã được phân loại và dán nhãn, và chỉ còn lại việc điền vào các chỗ trống trong phác thảo chung? Ai có thể nói được? Nhưng theo tôi, câu trả lời nằm trong hai câu hỏi hoặc hai nhóm câu hỏi, nhóm thứ nhất chủ yếu là vấn đề của cá nhân, và nhóm thứ hai mang tính bao trùm tất cả.

As for the individual, are glands and glandular functions primary causes, or are they merely effects or instrumentalities? Is there not, in truth, something greater which lies beyond? Is there not in each of us a soul which functions through the whole physical and psychic mechanism? Was not St. Paul, in short, right in saying that man has a natural

Đối với cá nhân, các tuyến và chức năng tuyến là nguyên nhân sơ cấp, hay chúng chỉ đơn thuần là kết quả hoặc các phương tiện? Phải chăng, thực sự, không có điều gì vĩ đại hơn nằm bên kia sao? Phải chăng trong mỗi chúng ta không có một linh hồn hoạt động thông qua toàn bộ cơ chế thể chất và thông linh? Tóm lại, chẳng phải Thánh Paul đã

body and a spiritual body, and in implying that the glory of the natural is one, and the glory of the spiritual another?

đúng khi nói rằng con người có một thể xác tự nhiên và một thể tinh thần, và ngụ ý rằng vinh quang của cái tự nhiên là một, và vinh quang của cái tinh thần là một cái khác sao?

And as for the second and broader question, is a mere mechanism the be-all and end-all of existence, and our only guiding star the perfecting of that mechanism? Then, indeed, "let us eat and drink, for tomorrow we die." Is it not that there is not only a finer self in us—call it spirit, soul, or what you will—but does it not, itself form a part of a transcendent whole—call it God as religion does, or Oversoul as Emerson does, or by any other [53] name—but in any case a transcendent whole, the glory and radiance of which surpass all understanding? Shall we never be at-one with That, and meanwhile the longing for that at-one-ment lead us onward? Shall this corruptible never put on incorruption, or this mortal never put on immortality? Shall death never be swallowed up in victory?

Và đối với câu hỏi thứ hai và rộng hơn, liệu một cơ chế đơn thuần có phải là tất cả mục đích và cứu cánh của sự tồn tại, và ngôi sao dẫn đường duy nhất của chúng ta là việc hoàn thiện cơ chế đó? Vậy thì, quả thực, "chúng ta hãy ăn và uống, vì ngày mai chúng ta sẽ chết." Phải chăng không chỉ có một cái bản ngã tốt đẹp hơn trong chúng ta—hãy gọi nó là tinh thần, linh hồn, hay bất cứ gì bạn muốn—mà chính nó cũng tạo thành một phần của một tổng thể siêu việt—hãy gọi là Thượng đế như tôn giáo gọi, hay Đại hồn như Emerson gọi, hay bằng bất kỳ [53] tên gọi nào khác—nhưng trong bất kỳ trường hợp nào cũng là một tổng thể siêu việt, mà vinh quang và sự rạng ngời của nó vượt qua mọi sự hiểu biết? Phải chăng chúng ta sẽ không bao giờ hợp nhất với Cái Đó, và trong khi đó niềm khao khát cho sự hợp nhất đó dẫn dắt chúng ta tiến lên? Phải chăng cái hư nát này sẽ không bao giờ mặc lấy sự bất hư nát, hay kẻ phải chết này không bao giờ mặc lấy sự bất tử? Phải chăng cái chết sẽ không bao giờ bị nuốt chửng trong chiến thắng?

For answers to these questions, let us turn to the Wisdom of the East.

Để trả lời những câu hỏi này, chúng ta hãy quay về với Minh Triết Phương Đông.

CHAPTER III — THE THEORY OF THE ETHERIC BODY— CHƯƠNG III — LÝ THUYẾT VỀ THỂ DĨ THÁI

[54] The Oriental psychologist starts with that which the Occidental regards as hypothetical. He lays the emphasis upon the spiritual nature of man, and believes that the physical nature itself is the result of spiritual activity. He asserts that all that is objectively seen is but the outward manifestation of inner subjective energies. He regards the entire mechanics of the cosmos and of man as effects, and believes the scientist is dealing only with effects. His position may be summed up as follows:

[54] Nhà tâm lý học Phương Đông bắt đầu với điều mà người Phương Tây xem là giả thuyết. Y đặt trọng tâm vào bản chất tinh thần của con người, và tin rằng bản chất thể chất chính nó là kết quả của hoạt động tinh thần. Y khẳng định rằng tất cả những gì được nhìn thấy ở ngoại giới chỉ là biểu hiện bên ngoài của các năng lượng nội giới bên trong. Y xem toàn bộ cơ học của vũ trụ và của con người là các kết quả, và tin rằng nhà khoa học chỉ đang xử lý các kết quả. Lập trường của y có thể được tóm tắt như sau:

First: There is nothing but energy, and it functions through a substance which interpenetrates and actuates all forms, and which is analogous to the ether of the modern world. Matter is energy or spirit in its densest form, and spirit is matter in its most sublimated aspect.

Thứ nhất: Không có gì ngoài năng lượng, và nó hoạt động thông qua một chất liệu thâm nhập và kích hoạt mọi hình tướng, và tương tự như dĩ thái của thế giới hiện đại. Vật chất là năng lượng hay tinh thần ở hình thái đậm đặc nhất của nó, và tinh thần là vật chất ở phương diện thăng hoa nhất của nó.

Second: As all forms are interpenetrated by this ether, every form has an etheric form or etheric body.

Thứ hai: Vì tất cả các hình tướng đều được dĩ thái này thâm nhập, nên mọi hình tướng đều có một hình tướng dĩ thái hay thể dĩ thái.

Third: As the tiny atom has a positive nucleus, or positive nuclei, as well as negative aspects, so in every etheric body there are positive centres of force in the midst of negative substance. The human being too has an etheric body which is positive to the negative physical body, which galvanises it [55] into activity, and which acts as its coherent force, holding it in being.

Thứ ba: Cũng như nguyên tử nhỏ bé có một hạt nhân dương, hay các hạt nhân dương, cũng như các phương diện âm, thì trong mỗi thể dĩ thái đều có các trung tâm mãnh lực dương ở giữa chất liệu âm. Con người cũng có một thể dĩ thái vốn dương tính đối với thể xác âm tính, nó kích thích thể xác [55] đi vào hoạt động, và hành động như mãnh lực kết dính của thể xác, giữ cho thể xác tồn tại.

Fourth: The etheric body of man has seven main nuclei of energy through which

Thứ tư: Thể dĩ thái của con người có bảy hạt nhân năng lượng chính qua đó các loại năng

various types of energy flow, producing his psychical activity. These nuclei are related to the cerebro-spinal system, and the base of this psychical activity, or the seat of the soul nature, is situated in the head. The governing principle therefore is in the head and from this centre the entire mechanism should be directed, and energised through the medium of the other six force centres.

lượng khác nhau tuôn chảy, tạo ra hoạt động thông linh của y. Các hạt nhân này liên quan đến hệ thống não-tủy, và cơ sở của hoạt động thông linh này, hay chỗ ngự của bản chất linh hồn, nằm ở trong đầu. Do đó, nguyên khí chủ đạo nằm ở trong đầu và từ trung tâm này, toàn bộ cơ chế nên được chỉ đạo, và được tiếp sinh lực thông qua trung gian của sáu trung tâm mãnh lực khác.

Fifth: Only certain centres are now functioning in man and the rest are quiescent. In a perfect human being all the centres will function fully and produce perfect psychical unfoldment and a perfect mechanism.

Thứ năm: Hiện nay chỉ một số trung tâm đang hoạt động ở con người và phần còn lại đang yên nghỉ. Ở một con người hoàn hảo, tất cả các trung tâm sẽ hoạt động đầy đủ và tạo ra sự khai mở hoàn hảo về thông linh và một cơ chế hoàn hảo.

This Oriental emphasis upon spiritual energy and the Occidental emphasis upon the structure or mechanism, it will be seen, accounts fully for the psychical nature of man, both in its higher and in its lower aspects.

Sự nhấn mạnh của Phương Đông vào năng lượng tinh thần và sự nhấn mạnh của Phương Tây vào cấu trúc hay cơ chế, như chúng ta sẽ thấy, giải thích đầy đủ cho bản chất thông linh của con người, cả ở các phương diện cao hơn và thấp hơn của nó.

To unite the Eastern or vitalistic conception, and the Western or mechanistic conception, and so bridge the gap between them, it is necessary to establish the fact of the existence of the etheric body.

Để hợp nhất quan niệm Phương Đông hay quan niệm duy sinh, và quan niệm Phương Tây hay quan niệm cơ giới, và do đó bắc cầu qua khoảng cách giữa chúng, cần thiết phải xác lập sự thật về sự tồn tại của thể dĩ thái.

The Oriental system is abstruse and intricate, and defies summarisation. Still, some brief introduction must be made and the following outline is therefore given. It is incomplete, but if it gives an [56] intelligible survey of the field, however brief, it will serve its purpose.

Hệ thống Phương Đông rất thâm sâu và phức tạp, và không thể tóm tắt được. Tuy nhiên, một vài lời giới thiệu ngắn gọn phải được đưa ra và do đó phác thảo sau đây được trình bày. Nó không đầy đủ, nhưng nếu nó đưa ra một [56] cái nhìn tổng quan dễ hiểu về lĩnh vực này, dù ngắn gọn, nó sẽ phục vụ được mục đích của nó.

In giving this outline, we shall make positive statements instead of continually repeating that “the Eastern psychologist believes” or “the Orientalist states” or similar expressions. It is enough to recognise once

Khi đưa ra phác thảo này, chúng tôi sẽ đưa ra những tuyên bố khẳng định thay vì liên tục lặp lại rằng “nhà tâm lý học Phương Đông tin rằng” hay “nhà Đông phương học nói rằng” hoặc các cách diễn đạt tương tự. Chỉ cần

and fully that to the Western mind it must be presented as an hypothesis, to be submitted to test, to stand proved or fall disproved.

nhận ra một lần và đầy đủ rằng đối với tâm trí Phương Tây, nó phải được trình bày như một giả thuyết, để được đưa ra thử nghiệm, để đứng vững khi được chứng minh hoặc sụp đổ khi bị bác bỏ.

With this introduction we proceed to outline the Eastern theory.

Với lời giới thiệu này, chúng ta tiến hành phác thảo lý thuyết Phương Đông.

There is a universal substance, the source of all, but so sublimated, so subtle that it is truly beyond the real grasp of human intelligence. In comparison with it, the most delicate fragrance, the dancing radiance of sunbeams, the crimson glory of the sunset, are gross and earthly. It is “a web of light,” forever invisible to human eye.

Có một chất liệu vũ trụ, nguồn gốc của tất cả, nhưng thăng hoa đến mức, vi tế đến mức nó thực sự vượt ra ngoài sự nắm bắt thực sự của trí thông minh con người. So với nó, hương thơm tinh tế nhất, ánh rạng ngời nhảy múa của những tia nắng, vinh quang đỏ thắm của hoàng hôn, đều là thô kệch và trần tục. Nó là “một mạng lưới ánh sáng”, mãi mãi vô hình đối với mắt người.

The key word “substance” with its suggestion of materiality is a misnomer. It is helpful however, to reduce this word to its Latin roots: “sub” under and “sto” to stand. So, substance is that which stands underneath, or underlies. The spelling, or misspelling “sub-stans” is more indicative and suggestive.

Từ khóa “chất liệu” (substance) với sự gợi ý về tính vật chất của nó là một sự nhầm lẫn về tên gọi. Tuy nhiên, thật hữu ích khi quy từ này về các gốc Latin của nó: “sub” là dưới và “sto” là đứng. Vì vậy, chất liệu là cái đứng bên dưới, hay làm nền tảng. Cách đánh vần, hay đánh vần sai “sub-stans” có tính biểu thị và gợi ý nhiều hơn.

Subtle and fugitive as this universal substance is, yet in another sense it is denser even than matter. If we could conceive of an agent outside of universal substance—an hypothesis contrary to all fact and possibility—and if such an external agent attempted to compress universal substance, or in some [57] other way affect it from without, then substance would be found denser than any known material.

Dù chất liệu vũ trụ này vi tế và khó nắm bắt như thế nào, nhưng theo một nghĩa khác, nó còn đậm đặc hơn cả vật chất. Nếu chúng ta có thể hình dung về một tác nhân bên ngoài chất liệu vũ trụ—một giả thuyết trái ngược với mọi thực tế và khả năng—và nếu tác nhân bên ngoài như vậy cố gắng nén chất liệu vũ trụ, hoặc theo một [57] cách nào đó tác động đến nó từ bên ngoài, thì chất liệu sẽ được thấy là đậm đặc hơn bất kỳ vật liệu nào đã biết.

Inherent in substance, and a perpetual counterpart of it, is life, incessant life. Life and substance are one and the same, one and forever inseparable, but different aspects

Vốn có trong chất liệu, và là một đối phần vĩnh viễn của nó, là sự sống, sự sống không ngừng. Sự sống và chất liệu là một và giống nhau, là một và không thể tách rời mãi mãi,

however, of the one reality. Life is as positive electricity, substance negative. Life is dynamic, substance static. Life is activity or spirit, and substance form or matter. Life is the father and begets, substance is the mother and conceives.

tuy nhiên là những phương diện khác nhau của một thực tại duy nhất. Sự sống giống như điện dương, chất liệu là âm. Sự sống là động, chất liệu là tĩnh. Sự sống là hoạt động hay tinh thần, và chất liệu là hình tướng hay vật chất. Sự sống là cha và sinh ra, chất liệu là mẹ và thụ thai.

In addition to these two aspects of life and substance, there is still a third. Life is theoretical or potential activity, and needs a field of operation. Substance furnishes this and in the union of life and substance, there flames forth active energy.

Ngoài hai phương diện sự sống và chất liệu này, còn có một phương diện thứ ba. Sự sống là hoạt động về mặt lý thuyết hay tiềm năng, và cần một trường hoạt động. Chất liệu cung cấp điều này và trong sự kết hợp của sự sống và chất liệu, bùng lên năng lượng hoạt động.

Thus we have a single reality, universal substance—but at the same time a co-existent duality—life and substance; and at the same time, a coexistent trinity, life, substance, and the resultant interaction which we call consciousness or soul.

Vì vậy, chúng ta có một thực tại đơn nhất, chất liệu vũ trụ—nhưng đồng thời là một nhị nguyên cùng tồn tại—sự sống và chất liệu; và đồng thời, một tam nguyên cùng tồn tại, sự sống, chất liệu, và sự tương tác kết quả mà chúng ta gọi là tâm thức hay linh hồn.

The entire manifested world arises from energy (and the co-factors substance and consciousness). All that is seen, from the tiniest grain of sand to the widest sweep of starry heaven, from an African savage to a Buddha or a Christ, all are outgrowths of energy. Matter is energy in its densest or lowest form; spirit is this same Energy in highest or most subtle form. So matter is spirit descending and debased; spirit, conversely, is matter ascending and glorified.

Toàn bộ thế giới biểu hiện nảy sinh từ năng lượng (và các yếu tố đồng hành là chất liệu và tâm thức). Tất cả những gì được nhìn thấy, từ hạt cát nhỏ nhất đến sự bao la rộng lớn nhất của bầu trời đầy sao, từ một người hoang dã Châu Phi đến một Đức Phật hay một Đức Christ, tất cả đều là sự phát triển của năng lượng. Vật chất là năng lượng ở hình thái đậm đặc nhất hay thấp nhất của nó; tinh thần chính là Năng lượng này ở hình thái cao nhất hay vi tế nhất. Vì vậy vật chất là tinh thần đang giáng hạ và bị làm cho thấp kém; ngược lại, tinh thần là vật chất đang thăng lên và được vinh hiển.

[58] In taking on density, energy takes on, or descends into, seven degrees or planes. Man exemplifies three. He has his physical body, his emotional mechanism and his mind-body, and consequently functions on three planes, or is awake on three, the physical, the

[58] Khi nhận lấy độ đậm đặc, năng lượng nhận lấy, hay giáng xuống, bảy cấp độ hay bảy cõi. Con người minh họa cho ba cõi. Y có thể xác, cơ chế cảm xúc và thể trí của mình, và do đó hoạt động trên ba cõi, hay thức tỉnh trên ba cõi, cõi hồng trần, cõi cảm dục và cõi

emotional and the mental. He is on the threshold of the recognition of a fourth and higher factor, the Soul, the Self, and will next awaken to that realisation. The three higher planes require no comment in this elementary discussion.

trí. Y đang ở ngưỡng cửa của sự nhận biết một yếu tố thứ tư và cao hơn, Linh hồn, Chân Ngã, và tiếp theo sẽ thức tỉnh với sự chứng nghiệm đó. Ba cõi cao hơn không cần bình luận trong cuộc thảo luận sơ đẳng này.

In addition to seven planes, each plane has seven subplanes. We shall discuss only the seven subplanes of the lowest or physical plane.

Ngoài bảy cõi, mỗi cõi có bảy cõi phụ. Chúng ta sẽ chỉ thảo luận về bảy cõi phụ của cõi thấp nhất hay cõi hồng trần.

Three subplanes of the physical are known to every school-boy—the solid, liquid and gaseous, for example, ice, water and steam. In addition there are four subtler planes, or rather four different types of ether. These four are co-existent with each of the three well known subplanes, and interpenetrate them.

Ba cõi phụ của cõi hồng trần đều được mọi cậu học trò biết đến—chất rắn, chất lỏng và chất khí, ví dụ như nước đá, nước và hơi nước. Ngoài ra còn có bốn cõi vi tế hơn, hay đúng hơn là bốn loại dĩ thái khác nhau. Bốn loại này cùng tồn tại với ba cõi phụ đã biết rõ, và thâm nhập chúng.

The physical body of man is no exception. It, too, has its etheric counterpart, its etheric body. This is positive, while the dense physical body is negative. The etheric body is the cohesive factor, and maintains the physical body in life and being.

Thể xác của con người không phải là ngoại lệ. Nó cũng có đối phần dĩ thái của nó, thể dĩ thái của nó. Thể này là dương, trong khi thể xác đậm đặc là âm. Thể dĩ thái là yếu tố kết dính, và duy trì thể xác trong sự sống và sự tồn tại.

The etheric counterpart, whether of man or of any physical thing, is of the universal substance, of universal life, and of universal energy. It partakes of all of these. But it is not self-sufficient or independently existing. It draws upon the reservoir [59] of universal energy, and in it the etheric counterpart lives and moves and has its being. Energy is thus functioning through the etheric.

Đối phần dĩ thái, dù là của con người hay của bất kỳ vật thể vật lý nào, đều thuộc về chất liệu vũ trụ, sự sống vũ trụ, và năng lượng vũ trụ. Nó mang những đặc tính của tất cả những điều này. Nhưng nó không tự cung tự cấp hay tồn tại độc lập. Nó rút lấy từ hồ chứa [59] năng lượng vũ trụ, và trong đó đối phần dĩ thái sống, chuyển động và tồn tại. Như vậy năng lượng đang hoạt động thông qua dĩ thái.

This is true of man also. The universal energy functions through his etheric body. And as man exists on seven planes, so the etheric body has seven points of contact with energy—but as only three planes are

Điều này cũng đúng với con người. Năng lượng vũ trụ hoạt động thông qua thể dĩ thái của y. Và vì con người tồn tại trên bảy cõi, nên thể dĩ thái có bảy điểm tiếp xúc với năng lượng—nhưng vì chỉ có ba cõi đang hoạt

active, and four dormant, so only three force centres are fully developed and four as yet undeveloped. Of this, more later.

động, và bốn cõi còn tiềm ẩn, nên chỉ có ba trung tâm mãnh lực phát triển đầy đủ và bốn trung tâm chưa phát triển. Về điều này, sẽ nói thêm sau.

In harmonising the two schools, the question naturally arises, does Western Science corroborate the Eastern theory?

Trong việc hài hòa hai trường phái, câu hỏi tự nhiên nảy sinh là, liệu Khoa học Phương Tây có xác nhận lý thuyết Phương Đông không?

No less a scientist than Sir Isaac Newton accepts the universal medium of ether without question. In the last paragraph of his Principia, he says:

Chính nhà khoa học tầm cỡ như Sir Isaac Newton chấp nhận môi trường dĩ thái phổ quát mà không thắc mắc. Trong đoạn cuối của tác phẩm Principia, ông nói:

"And now we might add something concerning a certain most subtle spirit which pervades and lies hid in all gross bodies; by the force and action of which spirit the particles of bodies mutually attract one another at near distances, and cohere if contiguous; and electric bodies operate to greater distances, as well repelling as attracting the neighbouring corpuscles; and light is emitted, reflected, refracted, inflected, and heats bodies; and all sensation is excited, and the members of animal bodies move at the command of the will, namely by the vibrations of this spirit, mutually propagated along the solid firmaments of the nerves, from the outward organs of sense to the brain, and from the brain into the muscles. But these are things that cannot be explained in few words, nor are we furnished with that sufficiency of experiments which is required to an accurate determination and [60] demonstration of the laws by which this electric and elastic spirit operates." *(Edwin Arthur Burtt, Ph.D., Metaphysical Foundations of Modern Physical Science, p. 275)*

"Và bây giờ chúng ta có thể thêm đôi điều liên quan đến một tinh thần vi tế nhất nào đó thâm nhập và ẩn giấu trong tất cả các vật thể thô; nhờ sức mạnh và tác động của tinh thần này mà các hạt của các vật thể thu hút lẫn nhau ở khoảng cách gần, và kết dính nếu tiếp giáp; và các vật thể điện tác động đến những khoảng cách lớn hơn, vừa đẩy vừa hút các tiểu thể lân cận; và ánh sáng được phát ra, phản xạ, khúc xạ, nhiễu xạ, và làm nóng các vật thể; và mọi cảm giác được kích thích, và các chi của cơ thể động vật di chuyển theo mệnh lệnh của ý chí, cụ thể là nhờ các rung động của tinh thần này, được truyền qua lại dọc theo các cấu trúc rắn chắc của các dây thần kinh, từ các cơ quan giác quan bên ngoài đến não bộ, và từ não bộ vào các cơ bắp. Nhưng đây là những điều không thể giải thích bằng vài từ, chúng ta cũng không được trang bị đầy đủ các thí nghiệm cần thiết cho một sự xác định chính xác và [60] chứng minh các quy luật mà tinh thần điện và đàn hồi này hoạt động." *(Edwin Arthur Burtt, Ph.D., Metaphysical Foundations of Modern Physical Science, tr. 275)*

Thus it can be argued from the above that Newton recognised the facts of the etheric body, underlying all forms, including the human.

Do đó, từ những điều trên có thể lập luận rằng Newton đã công nhận các sự thật về thể dĩ thái, nằm bên dưới tất cả các hình tướng, bao gồm cả con người.

As Newton is not of this century or the last, let us turn to a recent edition (1926) of the Encyclopaedia Britannica. The following discussion is given under the heading of "ether."

Vì Newton không thuộc thế kỷ này hay thế kỷ trước, chúng ta hãy chuyển sang một ấn bản gần đây (1926) của bộ Bách khoa toàn thư Britannica. Cuộc thảo luận sau đây được đưa ra dưới tiêu đề "dĩ thái".

"Whether space is a mere geometrical abstraction, or whether it has definite physical properties which can be investigated, is a question which in one form or another has often been debated. As to the parts which are occupied by matter, that is by a substance which appeals to the senses, there has never been any doubt; and the whole of science may be said to be an investigation of the properties of matter. But from time to time attention has been directed to the intervening portions of space from which sensible matter is absent; and this also has physical properties, of which the complete investigation has hardly begun.

"Liệu không gian chỉ là một sự trừu tượng hình học, hay liệu nó có những tính chất vật lý xác định có thể được điều tra, là một câu hỏi mà dưới hình thức này hay hình thức khác thường được tranh luận. Đối với các phần bị chiếm giữ bởi vật chất, nghĩa là bởi một chất liệu mà các giác quan có thể cảm nhận, thì chưa bao giờ có bất kỳ sự nghi ngờ nào; và toàn bộ khoa học có thể được nói là một cuộc điều tra về các tính chất của vật chất. Nhưng thỉnh thoảng sự chú ý đã được hướng đến các phần không gian trung gian nơi vắng mặt vật chất khả giác; và phần này cũng có các tính chất vật lý, mà cuộc điều tra trọn vẹn về chúng hầu như chưa bắt đầu.

"These physical properties do not appeal directly to the senses, and are therefore comparatively obscure; but there is now no doubt of their existence; even among those who still prefer to use the term space. But a space endowed with physical properties is more than a geometrical abstraction, and is most conveniently thought of as a substantial reality, to which therefore some other name is appropriate. The term used is unimportant, but long ago the term ETHER was invented; it was adopted by Isaac Newton, and is good enough for us. The term ether therefore [61] connotes a genuine entity filling all space, without any break or cavity anywhere, the one omnipresent

"Những tính chất vật lý này không trực tiếp tác động đến các giác quan, và do đó tương đối mơ hồ; nhưng hiện nay không còn nghi ngờ gì về sự tồn tại của chúng; ngay cả trong số những người vẫn thích sử dụng thuật ngữ không gian. Nhưng một không gian được phú cho các tính chất vật lý thì còn hơn cả một sự trừu tượng hình học, và được nghĩ đến một cách thuận tiện nhất như một thực tại có thật, mà đối với nó một cái tên khác là thích hợp. Thuật ngữ được sử dụng không quan trọng, nhưng từ lâu thuật ngữ DĨ THÁI đã được phát minh; nó được Isaac Newton chấp nhận, và đủ tốt cho chúng ta. Do đó, thuật ngữ dĩ thái [61] bao hàm một thực thể đích thực lấp đầy mọi không gian, không có

physical reality, of which there is a growing tendency to perceive that everything in the material universe consists; matter itself being in all probability one of its modifications....

bất kỳ sự đứt đoạn hay lỗ hổng nào ở bất cứ đâu, là thực tại vật lý toàn hiện duy nhất, mà có một xu hướng ngày càng tăng để nhận thấy rằng mọi thứ trong vũ trụ vật chất đều được cấu thành từ thực tại ấy; bản thân vật chất rất có thể là một trong những biến thể của nó....

"Thus an ether is necessary for the purpose of transmitting what is called gravitational force between one piece of matter and another, and for the still more important and universal purpose of transmitting waves of radiation between one piece of matter and another however small and distant they be....

"Do đó, một dĩ thái là cần thiết cho mục đích truyền dẫn cái gọi là lực hấp dẫn giữa một mảnh vật chất này và mảnh vật chất khác, và cho mục đích quan trọng và phổ quát hơn nữa là truyền dẫn các sóng bức xạ giữa một mảnh vật chất này và mảnh vật chất khác dù chúng nhỏ bé và xa cách đến đâu....

"The properties of the ether are not likely to be expressible in terms of matter; but, as we have no better clue, we must proceed by analogy, and we may apologetically speak of the elasticity and density of the ether as representing things which, if it were matter, would be called by those names. What these terms really express we have not yet fathomed; but if, as is now regarded as very probable, atomic matter is a structure in ether, there is every reason for saying that the ether must in some sense be far denser than any known material substance....

"Các tính chất của dĩ thái dường như không thể diễn đạt bằng các thuật ngữ của vật chất; nhưng, vì chúng ta không có manh mối nào tốt hơn, chúng ta phải tiến hành bằng sự tương đồng, và chúng ta có thể biện hộ khi nói về độ đàn hồi và độ đậm đặc của dĩ thái như đại diện cho những thứ mà, nếu là vật chất, sẽ được gọi bằng những cái tên đó. Những thuật ngữ này thực sự diễn đạt điều gì chúng ta vẫn chưa hiểu thấu; nhưng nếu, như hiện nay được coi là rất có thể, vật chất nguyên tử là một cấu trúc trong dĩ thái, thì có mọi lý do để nói rằng dĩ thái theo một nghĩa nào đó phải đậm đặc hơn nhiều so với bất kỳ chất liệu vật chất nào đã biết....

"Matter therefore is comparatively a gossamer structure, subsisting in a very substantial medium...." *(Encyclopedia Britannica, 13th Edition: Article: Ether)*

"Do đó, vật chất là một cấu trúc tương đối mỏng manh, tồn tại trong một môi trường rất thực chất...." *(Encyclopedia Britannica, Ấn bản thứ 13: Bài viết: Dĩ thái)*

These views are amplified by other scientists of note.

Những quan điểm này được các nhà khoa học nổi tiếng khác trình bày thêm.

Writing in the 17th century, Henry More, the Cambridge Platonist as quoted by Dr. Burtt said:

Viết vào thế kỷ 17, Henry More, nhà Platon học Cambridge như được Tiến sĩ Burtt trích dẫn, đã nói:

"Whence, I ask if it be unworthy of a philosopher to inquire of a philosopher if there be not in nature an incorporeal substance, which, while it can impress on any body all the qualities of body, or at least most [62] of them, such as motion, figure, position of parts, etc.,... would be further able, since it is almost certain that this substance removes and stops bodies, to add whatever is involved in such motion, that is, it can unite, divide, scatter, bind, form the small parts, order the forms, set in circular motion those which are disposed for it, or move them in any way whatever, arrest their circular motion, and do such similar further things with them as are necessary to produce according to your principles light, colours, and the other objects of the senses.... Finally, incorporeal substance having the marvellous power of cohering and dissipating matter, of combining it, dividing it, thrusting it forth and at the same time retaining control of it, by mere application of itself without bonds, without hooks, without projections or other instruments; does it not appear probable that it can enter once more in itself, since there is no impenetrability to frustrate it, and expand itself again, and the like."

"Do đó, tôi hỏi liệu có không xứng đáng với một triết gia khi hỏi một triết gia rằng liệu có hay không trong tự nhiên một chất liệu vô hình, mà, trong khi nó có thể in dấu lên bất kỳ vật thể nào tất cả các phẩm tính của vật thể, hoặc ít nhất là hầu hết [62] trong số chúng, chẳng hạn như chuyển động, hình dáng, vị trí của các bộ phận, v.v.,... liệu sẽ còn có thể, vì gần như chắc chắn rằng chất liệu này di dời và dừng các vật thể, thêm bất cứ điều gì liên quan đến chuyển động đó, nghĩa là, nó có thể hợp nhất, phân chia, phân tán, trói buộc, hình thành các phần nhỏ, sắp xếp các hình tướng, đặt vào chuyển động tròn những cái được sắp đặt cho điều đó, hoặc di chuyển chúng theo bất kỳ cách nào, ngăn chặn chuyển động tròn của chúng, và làm những việc tương tự khác với chúng cần thiết để tạo ra theo các nguyên lý của ngài ánh sáng, màu sắc, và các đối tượng khác của các giác quan.... Cuối cùng, chất liệu vô hình có sức mạnh kỳ diệu trong việc kết dính và làm tiêu tan vật chất, kết hợp nó, phân chia nó, đẩy nó ra và đồng thời giữ quyền kiểm soát nó, chỉ bằng cách áp dụng chính nó mà không cần dây trói, không cần móc, không cần vật phóng hay các công cụ khác; liệu có vẻ không hợp lý khi nó có thể đi vào một lần nữa trong chính nó, vì không có tính bất khả thâm nhập để ngăn chặn nó, và mở rộng chính nó một lần nữa, và những điều tương tự."

In discussing Henry More, Dr. Burtt goes on to say:

Khi thảo luận về Henry More, Tiến sĩ Burtt tiếp tục nói:

"In this passage More extends his reasoning from the conclusion of an incorporeal substance in human beings to the assumption of a similar and greater

"Trong đoạn văn này, More mở rộng lập luận của mình từ kết luận về một chất liệu vô hình trong con người sang giả định về một chất liệu vô hình tương tự và vĩ đại hơn

incorporeal substance in nature as a whole, for he was convinced that the facts of science showed nature to be no more a simple machine than is a human being."*(Edwin Arthur Burtt, Ph.D., Metaphysical Foundations of Modern Physical Science, pp. 131-132)*

trong tự nhiên nói chung, vì ông tin rằng các sự thật của khoa học cho thấy tự nhiên cũng không phải là một cỗ máy đơn thuần, cũng như con người không phải là một cỗ máy như vậy."(Edwin *Arthur Burtt, Ph.D., Metaphysical Foundations of Modern Physical Science, các trang 131-132)*

Also writing in the 17th century, Robert Boyle brought forward the same hypothesis and ascribed two functions to ether, to propagate motion by successive impacts and to be a medium through which [63] curious phenomena manifested, such as magnetism, Boyle said:

Cũng viết vào thế kỷ 17, Robert Boyle đã đưa ra giả thuyết tương tự và quy hai chức năng cho dĩ thái, để truyền chuyển động bằng các tác động liên tiếp và là một môi trường qua đó [63] các hiện tượng kỳ lạ biểu hiện, chẳng hạn như từ tính, Boyle nói:

"That there may be such a substance in the universe, the asserters of it will probably bring for proofs several of the phenomena I am about to relate; but whether there be or be not in the world any matter that exactly answers to the descriptions they make of their first and second elements I shall not here discuss, though divers experiments seem to argue that there is an ethereal substance, very subtle and not a little diffused." *(Edwin Arthur Burtt, Ph.D., Metaphysical Foundations of Modern Physical Science, pp. 182, 183)*

"Rằng có thể có một chất liệu như vậy trong vũ trụ, những người khẳng định điều đó có lẽ sẽ đưa ra bằng chứng là một số hiện tượng tôi sắp kể lại; nhưng liệu có hay không có trong thế giới bất kỳ vật chất nào đáp ứng chính xác các mô tả mà họ đưa ra về các nguyên tố thứ nhất và thứ hai của họ, tôi sẽ không thảo luận ở đây, mặc dù nhiều thí nghiệm dường như lập luận rằng có một chất liệu dĩ thái, rất vi tế và khuếch tán không ít." *(Edwin Arthur Burtt, Ph.D., Metaphysical Foundations of Modern Physical Science, các trang 182, 183)*

Coming again to modern times Sir William Barrett said:

Trở lại với thời hiện đại, Sir William Barrett đã nói:

"The universe presents us with an assemblage of phenomena—physical, vital, and intellectual—the connecting link between the worlds of intellect and matter being that of organized vitality, occupying the whole domain of animal and vegetable life, throughout which, in some way inscrutable to us, movements among the molecules of matter are originated of such a character as apparently to bring them under the control of an agency other than physical,

"Vũ trụ trình bày cho chúng ta một tập hợp các hiện tượng—vật lý, sinh lực, và trí tuệ—mối liên kết giữa thế giới của trí tuệ và vật chất là mối liên kết của sức sống có tổ chức, chiếm toàn bộ lĩnh vực của đời sống động vật và thực vật, trong đó, theo một cách nào đó bí ẩn đối với chúng ta, các chuyển động giữa các phân tử của vật chất được khởi phát với đặc tính dường như đưa chúng dưới sự kiểm soát của một tác nhân khác với vật lý, thay thế các định luật thông thường điều

superseding the ordinary laws which regulate the movements of inanimate matter, or in other words, giving rise to movements which would not result from the action of those laws uninterfered with; and therefore implying, on the very same principle, the origination of force." *(Sir William Barrett, On the Threshold of the Unseen, p. 274)*

chỉnh các chuyển động của vật chất vô tri, hay nói cách khác, làm nảy sinh các chuyển động sẽ không là kết quả từ hành động của các định luật đó nếu không bị can thiệp; và do đó ngụ ý, trên chính nguyên tắc đó, sự khởi phát của lực." *(Sir William Barrett, On the Threshold of the Unseen, tr. 274)*

The Eastern teaching regards the vital body as the intermediary between the physical and the intellectual: it acts as the agency of the mind in a human being and of the Universal Mind in a solar [64] system, and it is interesting to note in this connection Sir William Barrett's threefold enumeration of "physical, vital and intellectual."

Giáo lý Phương Đông xem thể sinh lực là trung gian giữa thể xác và trí tuệ: nó hoạt động như tác nhân của tâm trí ở con người và của Vũ Trụ Trí trong một hệ mặt trời [64], và thật thú vị khi lưu ý trong mối liên hệ này sự liệt kê bộ ba của Sir William Barrett là "vật lý, sinh lực và trí tuệ."

Sir Oliver Lodge, though often criticised for his views as to communication between the living and the dead, is, in matters of pure science, in the front rank of this age. He says:

Sir Oliver Lodge, mặc dù thường bị chỉ trích vì quan điểm của ông về sự giao tiếp giữa người sống và người chết, nhưng trong các vấn đề khoa học thuần túy, ông đứng ở hàng đầu của thời đại này. Ông nói:

"What about the Ether which holds the atoms together, the welding ether which is essential to the characteristic configuration of a body—which is as essential as the matter itself?

"Còn về Dĩ thái giữ các nguyên tử lại với nhau, dĩ thái hàn gắn vốn thiết yếu cho cấu hình đặc trưng của một vật thể—thứ cũng thiết yếu như chính vật chất thì sao?

"We do not usually attend to the ether aspect of a body; we have no sense organ for its appreciation, we only directly apprehend matter. Matter we apprehend clearly when young children, but as we grow up we infer the Ether, too, or some of us do. We know that a body of characteristic shape, or indeed of any definite shape, cannot exist without the forces of cohesion—cannot exist therefore without the Ether—meaning by the Ether now, not the whole, but the unmaterialized part of it, the part which is the region of strain, the receptacle of

"Chúng ta thường không chú ý đến phương diện dĩ thái của một vật thể; chúng ta không có cơ quan giác quan để đánh giá nó, chúng ta chỉ trực tiếp lĩnh hội vật chất. Chúng ta lĩnh hội vật chất rõ ràng khi còn là trẻ nhỏ, nhưng khi lớn lên, chúng ta cũng suy luận ra Dĩ thái, hoặc một số người trong chúng ta làm vậy. Chúng ta biết rằng một vật thể có hình dạng đặc trưng, hay thực sự bất kỳ hình dạng xác định nào, không thể tồn tại nếu không có các lực kết dính—do đó không thể tồn tại nếu không có Dĩ thái—ngụ ý Dĩ thái bây giờ, không phải là toàn bộ, mà là

potential energy, the substance in which the atoms of matter are embedded. Not only is there a matter body, there is also an ether body: the two are coexistent." *(Sir Oliver Lodge, Ether and Reality, pp. 161, 162)*

phần phi vật chất hóa của nó, phần là vùng của sự căng thẳng, nơi chứa năng lượng tiềm tàng, chất liệu trong đó các nguyên tử của vật chất được nhúng vào. Không chỉ có một thể vật chất, còn có một thể dĩ thái: cả hai cùng tồn tại." *(Sir Oliver Lodge, Ether and Reality, các trang 161, 162)*

He takes up the same subject again in an article which appeared in *The Hibbert Journal* and presents some most interesting and suggestive conclusions, as follows:

Ông lại đề cập đến cùng chủ đề trong một bài viết xuất hiện trên tạp chí *The Hibbert Journal* và trình bày một số kết luận thú vị và gợi mở nhất, như sau:

"Light is an affection of the ether. Light is to ether as sound is to matter.... Subject to all the laws of [65] time and space, fully amenable to the laws of energy, largely the source of terrestrial energy, governing all the manifestations of physical forces, at the root of elasticity and tenacity and every other static property of matter, the ether is just beginning to take its rightful place in the scheme of physics....

"Ánh sáng là một biến động trong dĩ thái. Ánh sáng đối với dĩ thái cũng như âm thanh đối với vật chất.... Chịu sự chi phối của tất cả các quy luật về [65] thời gian và không gian, hoàn toàn tuân theo các định luật về năng lượng, phần lớn là nguồn gốc của năng lượng địa cầu, chi phối tất cả các biểu hiện của các lực vật lý, là gốc rễ của tính đàn hồi và độ bền và mọi tính chất tĩnh khác của vật chất, dĩ thái chỉ mới bắt đầu chiếm vị trí xứng đáng của nó trong sơ đồ vật lý....

"Electric charges, composed of modified ether, are likely to prove to be the cosmic building material.... There is the great bulk of undifferentiated ether, the entity which fills all space and in which everything material occurs. A duality runs through the scheme of physics—matter and ether.

"Các điện tích, bao gồm dĩ thái được biến đổi, có khả năng chứng tỏ là vật liệu xây dựng vũ trụ.... Có một khối lượng lớn dĩ thái không biệt phân, thực thể lấp đầy mọi không gian và trong đó mọi thứ vật chất xuất hiện. Một tính nhị nguyên chạy xuyên suốt sơ đồ vật lý —vật chất và dĩ thái.

"All kinetic energy belongs to what we call matter, whether in the atomic or the corpuscular form; movement or locomotion is its characteristic. All static energy belongs to the ether, the unmodified and universal ether; its characteristics are strain and stress. Energy is always passing to and fro from one to the other—from ether to matter or vice versa—and in this passage is all work done.

"Tất cả động năng thuộc về cái chúng ta gọi là vật chất, dù ở dạng nguyên tử hay tiểu thể; chuyển động hay sự di chuyển là đặc tính của nó. Tất cả năng lượng tĩnh thuộc về dĩ thái, dĩ thái không biến đổi và phổ quát; các đặc tính của nó là sự căng và sức ép. Năng lượng luôn chuyển qua lại từ cái này sang cái kia—từ dĩ thái sang vật chất hoặc ngược lại —và trong sự chuyển tiếp này mọi công được thực hiện.

“Now, the probability is that every sensible object has both a material and an etherial counterpart. One side only are we sensibly aware of, the other we have to infer. But the difficulty of perceiving this other side—the necessity for indirect inference—depends essentially and entirely on the nature of our sense organs, which tell us of matter and do not tell us of ether. Yet one is as real and substantial as the other, and their fundamental joint quality is coexistence and interaction. Not interaction everywhere and always, for there are plenty of regions without matter—though there is no region without ether; but the potentiality of interaction, and often the conspicuous reality of it, everywhere prevails and constitutes the whole of our purely mundane experience.”

[66] In a supplementary note to the article, he says:

“Nay, khả năng là mọi đối tượng khả giác đều có cả một đối phần vật chất và một đối phần dĩ thái. Chúng ta chỉ nhận thức được một mặt qua giác quan, mặt kia chúng ta phải suy luận. Nhưng khó khăn trong việc nhận thức mặt kia—sự cần thiết của suy luận gián tiếp—phụ thuộc thiết yếu và hoàn toàn vào bản chất của các cơ quan giác quan của chúng ta, vốn cho chúng ta biết về vật chất và không cho chúng ta biết về dĩ thái. Tuy nhiên, cái này cũng thực và thực chất như cái kia, và phẩm tính chung cơ bản của chúng là sự cùng tồn tại và tương tác. Không phải tương tác ở mọi nơi và mọi lúc, vì có rất nhiều vùng không có vật chất—mặc dù không có vùng nào không có dĩ thái; nhưng tiềm năng tương tác, và thường là thực tại dễ thấy của nó, chiếm ưu thế ở mọi nơi và cấu thành toàn bộ trải nghiệm trần tục thuần túy của chúng ta.”

[66] Trong một ghi chú bổ sung cho bài viết, ông nói:

"Ether belongs to the physical frame of things, no one supposes it be a psychic entity; but it probably subserves psychical purposes, just as matter does. Professors Tait and Balfour Stewart surmised a psychic significance for the ether of space so long ago as 1875, and treated it from a religious point of view in that much criticized book *The Unseen Universe.* And that great mathematical physicist, James Clerk Maxwell, concluded his article "Ether" in the ninth edition of the *Encyclopedia Britannica* with an expression of faith, not indeed in this speculation, about which he evinced great caution, but in the real existence of a supersensuous universal connecting medium, and in the probability of its having many unsuspected functions." *(Sir Oliver Lodge, Matter and Soul, Hibbert Journal, January, 1919)*

"Dĩ thái thuộc về khung vật lý của sự vật, không ai cho rằng nó là một thực thể thông linh; nhưng nó có lẽ phục vụ cho các mục đích thông linh, cũng giống như vật chất vậy. Các giáo sư Tait và Balfour Stewart đã phỏng đoán một ý nghĩa thông linh cho dĩ thái của không gian từ lâu vào năm 1875, và đã xử lý nó từ quan điểm tôn giáo trong cuốn sách bị chỉ trích nhiều đó *The Unseen Universe.* Và nhà vật lý toán học vĩ đại đó, James Clerk Maxwell, đã kết thúc bài viết "Dĩ thái" của mình trong ấn bản thứ chín của *Encyclopedia Britannica* với một biểu lộ đức tin, thực sự không phải vào sự suy đoán này, mà về nó ông tỏ ra rất thận trọng, nhưng vào sự tồn tại thực sự của một môi trường kết nối phổ quát siêu cảm giác, và vào khả năng nó có nhiều chức năng không ngờ tới." *(Sir Oliver Lodge, Matter and Soul, Hibbert Journal, tháng 1 năm 1919)*

Dr. Sajous, Professor of Endocrinology in Pennsylvania University asserts his belief in this universal medium in the following terms:

Tiến sĩ Sajous, Giáo sư Nội tiết học tại Đại học Pennsylvania khẳng định niềm tin của mình vào môi trường phổ quát này bằng những thuật ngữ sau:

"It seems plain that the need of a primary intelligent and coordinative creative medium such as the ether asserts itself on all sides....

"Dường như rõ ràng là nhu cầu về một môi trường sáng tạo nguyên sơ, thông tuệ và có khả năng phối hợp như dĩ thái khẳng định chính nó ở mọi phía....

"The ether, as interpreted by scientists, meets all these conditions and is the only medium known to science that is capable of doing so. It is invisible, permeates all matter and pervades all space by wave motion, without limit in the universe. It offers practically no resistance to radiant energy, even to light from the sun and the most distant stars discovered. It is the medium which transmits 'radio' waves, wireless telegraphy waves, Becquerel rays, X- or Roentgen rays, etc. [67]

"Dĩ thái, như được các nhà khoa học giải thích, đáp ứng tất cả những điều kiện này và là môi trường duy nhất được khoa học biết đến có khả năng làm như vậy. Nó vô hình, thâm nhập mọi vật chất và lan tỏa khắp không gian bằng chuyển động sóng, không giới hạn trong vũ trụ. Nó hầu như không gây trở ngại cho năng lượng bức xạ, ngay cả ánh sáng từ mặt trời và những ngôi sao xa xôi nhất được phát hiện. Nó là môi trường truyền các sóng 'vô tuyến', sóng điện báo

không dây, tia Becquerel, tia X hay tia Roentgen, v.v. [67]

"The ether is endowed with creative power in space and on earth.... The ether of space, therefore, builds solar systems as it does matter, with co-ordination and intelligence, and endows all chemical elements it forms with the properties they are known to possess...." *(Chas. E. de M. Sajous, M.D., ScD., LLD., Strength of Religion as Shown by Science, pp. 152,153)*

"Dĩ thái được phú cho quyền năng sáng tạo trong không gian và trên trái đất.... Do đó, dĩ thái của không gian xây dựng nên các hệ mặt trời cũng như nó xây dựng vật chất, với sự phối hợp và trí tuệ, và ban cho mọi nguyên tố hóa học mà nó tạo thành những đặc tính mà người ta biết chúng sở hữu...." *(Chas. E. de M. Sajous, M.D., ScD., LLD., Sức Mạnh của Tôn Giáo như được Khoa Học Chứng Minh, tr. 152,153)*

Dr. Joad of Oxford University pictures for us the activity of this vital force, of the 'livingness' animating matter and shows the relationship between life and form. He comes close indeed, to the Eastern theory of the etheric counterpart and the energy functioning through it.

Tiến sĩ Joad thuộc Đại học Oxford mô tả cho chúng ta hoạt động của mãnh lực sự sống này, của 'sức sống' đang làm cho vật chất trở nên sống động và chỉ ra mối quan hệ giữa sự sống và hình tướng. Thực ra, ông đã tiến rất gần đến lý thuyết phương Đông về đối phần dĩ thái và năng lượng hoạt động qua nó.

"*The Life Force.* Let us suppose that in the first instance the universe was purely material. It was chaos, deadness and blankness, without energy or purpose, and devoid of life. Into this inorganic universe there is introduced at some stage or other, and from some source unexplained, a principle of life, and by life I mean a something which is not expressible in terms of matter. At first blind and stumbling, a purely instinctive thrust or pulse, it seeks to express itself by struggling to achieve an ever higher degree of consciousness. We may conceive the ultimate purpose of the life force to be the achievement of complete and universal consciousness, a result which can only be secured by the permeation of the whole universe with life and energy, so that beginning as a world of 'matter' it may end as a world of 'mind,' or 'spirit.' With this object it works in and through matter, infusing and permeating matter with its

"Mãnh Lực Sự *Sống.* Chúng ta hãy giả sử rằng thuở ban đầu, vũ trụ hoàn toàn là vật chất. Đó là sự hỗn độn, chết chóc và trống rỗng, không có năng lượng hay mục đích, và không có sự sống. Vào vũ trụ vô cơ này, ở giai đoạn này hay giai đoạn khác, và từ một nguồn nào đó không được giải thích, một nguyên khí của sự sống được đưa vào, và bởi sự sống, tôi muốn nói đến một cái gì đó không thể diễn tả bằng ngôn ngữ của vật chất. Lúc đầu mù quáng và vấp váp, một sức đẩy hoặc xung lực hoàn toàn theo bản năng, nó tìm cách tự biểu hiện bằng sự đấu tranh để đạt tới một mức độ tâm thức ngày càng cao hơn. Chúng ta có thể quan niệm mục đích tối hậu của mãnh lực sự sống là việc đạt được tâm thức trọn vẹn và phổ quát, một kết quả chỉ có thể được đảm bảo bằng sự thâm nhập của sự sống và năng lượng vào toàn bộ vũ trụ, để rồi bắt đầu như một thế giới của 'vật chất', nó có thể kết thúc như một thế giới của 'trí', hoặc 'tinh thần'. Với mục tiêu

own principle of energy and life. To matter so infused we give the name of a living organism. Living organisms are to be regarded [68] in the light of the tools or weapons which the life force creates to assist it in the accomplishment of its purpose. Like the universe itself, each living organism is formed of a substratum of matter which has been animated by life, much as a length of wire may be charged with an electric current. It is a current of life which has been insulated in a piece of matter.

này, nó hoạt động trong và thông qua vật chất, truyền và thấm nhuần vật chất với nguyên khí năng lượng và sự sống của chính nó. Đối với vật chất được truyền sự sống như vậy, chúng ta đặt tên là một sinh vật. Các sinh vật phải được xem xét [68] dưới ánh sáng của các công cụ hoặc vũ khí mà mãnh lực sự sống tạo ra để hỗ trợ nó trong việc hoàn thành mục đích của mình. Giống như chính vũ trụ, mỗi sinh vật được hình thành từ một nền tảng vật chất đã được làm cho sống động bởi sự sống, cũng giống như một đoạn dây dẫn có thể được nạp một dòng điện. Đó là một dòng sự sống đã được cách ly trong một mảnh vật chất.

"The life force is far from being all-powerful. It is limited by the matter which it seeks to overcome, and its methods are experimental, varying according to the stage of evolution which, in the persons of the organisms created by it, it has succeeded in reaching. Different types of beings best serve its purpose at different stages." *(C. E. M. Joad, B.A., Mind and Matter, pp. 178, 179)*

"Mãnh lực sự sống còn lâu mới là toàn năng. Nó bị giới hạn bởi vật chất mà nó tìm cách khắc phục, và các phương pháp của nó mang tính thử nghiệm, thay đổi tùy theo giai đoạn tiến hóa mà nó đã thành công đạt tới thông qua các sinh vật do nó tạo ra. Các loại sinh linh khác nhau phụng sự tốt nhất cho mục đích của nó ở các giai đoạn khác nhau." *(C. E. M. Joad, B.A., Trí và Vật Chất, tr. 178, 179)*

Will Durant, doubtless the most widely read and popular author on philosophical subjects, says:

Will Durant, chắc chắn là tác giả được đọc nhiều nhất và phổ biến nhất về các chủ đề triết học, nói rằng:

"The more we study matter the less we see it as fundamental, the more we perceive it as merely the externality of energy, as our flesh is the outward sign of life and mind.... In the heart of matter, giving it form and power, is something not material, possessed of its own spontaneity and life; and this subtle, hidden and yet always revealed vitality is the final essence of everything that we know.... Life is first, and within; matter, coeval with it in time and inextricable from it in space, is second to it in essence, in logic, and in significance; matter is the form and visibility of life....

"Càng nghiên cứu vật chất, chúng ta càng ít thấy nó là cơ bản, chúng ta càng nhận thức nó chỉ đơn thuần là bề ngoài của năng lượng, cũng như xác thịt của chúng ta là dấu hiệu bên ngoài của sự sống và trí tuệ.... Trong trái tim của vật chất, mang lại cho nó hình tướng và sức mạnh, là một cái gì đó phi vật chất, sở hữu tính tự phát và sự sống của riêng nó; và sức sống tinh tế, ẩn giấu nhưng luôn luôn được tiết lộ này là tinh chất cuối cùng của mọi thứ mà chúng ta biết.... Sự sống là cái đầu tiên, và ở bên trong; vật chất, cùng tuổi với nó về thời gian và không thể tách rời khỏi nó trong không gian, là thứ yếu so với

nó về tinh chất, về logic, và về tầm quan trọng; vật chất là hình tướng và tính khả kiến của sự sống....

"The life is not a function of the form, the form is a product of the life; the weight and solidity of matter are the result and expression of intra-atomic energy, and every muscle or nerve in the body is the moulded instrument of desire." *(Will Durant, Mansions of Philosophy, pp. 66,67, 80, 81)*

"Sự sống không phải là một chức năng của hình tướng, hình tướng là một sản phẩm của sự sống; trọng lượng và độ rắn của vật chất là kết quả và biểu hiện của năng lượng nội nguyên tử, và mọi cơ bắp hay dây thần kinh trong cơ thể là công cụ được đúc nặn của dục vọng." *(Will Durant, Những Lâu Đài của Triết Học, tr. 66, 67, 80, 81)*

[69] These books and scientists show that the Eastern doctrine of an etheric body, the medium of a vital force, of energy or life, is not the vague dream of a mystically inclined people, but is regarded as a fact in nature by many practical minded Occidental investigators.

[69] Những cuốn sách và các nhà khoa học này cho thấy rằng học thuyết phương Đông về thể dĩ thái, trung gian dẫn truyền một mãnh lực sự sống, của năng lượng hay sự sống, không phải là giấc mơ mơ hồ của một dân tộc có khuynh hướng thần bí, mà được coi là một sự kiện trong tự nhiên bởi nhiều nhà nghiên cứu phương Tây có đầu óc thực tế.

In summarising our ideas we might formulate them as follows:

Khi tóm tắt các ý tưởng của mình, chúng ta có thể trình bày chúng như sau:

Behind the objective body lies a subjective form constituted of etheric matter and acting as a conductor of the life principle of energy, or prana. This life principle is the force aspect of the soul, and through the medium of the etheric body the soul animates the form, gives it its peculiar qualities and attributes, impresses upon it its desires and, eventually directs it through the activity of the mind. Through the medium of the brain the soul galvanises the body into conscious activity and through the medium of the heart all parts of the body are pervaded by life.

Đằng sau thân thể ngoại giới có một hình tướng nội giới được cấu tạo từ vật chất dĩ thái và hoạt động như một chất dẫn truyền của nguyên khí năng lượng của sự sống, hay prana. Nguyên khí sự sống này là phương diện mãnh lực của linh hồn, và thông qua trung gian của thể dĩ thái, linh hồn làm cho hình tướng trở nên sống động, mang lại cho nó những phẩm tính và thuộc tính riêng biệt, ghi khắc lên nó những dục vọng của mình và, cuối cùng điều khiển nó thông qua hoạt động của thể trí. Thông qua trung gian của bộ não, linh hồn kích thích cơ thể vào hoạt động có ý thức và thông qua trung gian của trái tim, tất cả các phần của cơ thể được thấm nhuần bởi sự sống.

This theory has a close correspondence to the animistic theory of the West and will be defined later. The term animism has sufficed up to the present, but is likely to be superseded by that of "dynamism," owing to the developments taking place within the human consciousness itself. Man, being now a fully self-conscious entity and the personality being now integrated and functioning, the time has come when he can, for the first time, demonstrate conscious purpose and directive will.

Lý thuyết này có sự tương ứng chặt chẽ với thuyết vật linh của phương Tây và sẽ được định nghĩa sau. Thuật ngữ thuyết vật linh đã đủ dùng cho đến nay, nhưng có khả năng sẽ bị thay thế bởi thuật ngữ "thuyết động lực," do những phát triển đang diễn ra bên trong chính tâm thức con người. Con người, giờ đây là một thực thể hoàn toàn tự ý thức và phàm ngã hiện đang được tích hợp và hoạt động, thời điểm đã đến khi y, lần đầu tiên, có thể thể hiện mục đích có ý thức và ý chí chỉ đạo.

The three states of man's nature, referred to [70] earlier in this chapter—physical, sentient and mental—form a coordinated unity for the first time in the history of the race. The directing self, therefore, can now take control, and, through the mind, acting on the vital or etheric body and having its point of contact in the brain, drive its instrument into fully controlled expression, and subsequent creative activity. Thus will emerge what Keyserling calls the "deeper Being." He says:

Ba trạng thái trong bản chất của con người, được đề cập đến [70] trước đó trong chương này—thể xác, cảm dục và trí tuệ—tạo thành một sự thống nhất được phối hợp lần đầu tiên trong lịch sử của giống dân. Do đó, cái ngã chỉ đạo hiện có thể nắm quyền kiểm soát, và, thông qua trí tuệ, tác động lên thể sinh lực hay thể dĩ thái và có điểm tiếp xúc trong bộ não, điều khiển công cụ của nó đi vào biểu hiện được kiểm soát hoàn toàn, và hoạt động sáng tạo sau đó. Như vậy sẽ xuất hiện cái mà Keyserling gọi là "Hữu thể sâu thẳm hơn." Ông nói:

"The next question is whether and how it is possible to develop deeper Being. When we speak of the Being of a man in contradistinction to his ability, we mean his vital soul; and when we say that this Being decides, we mean that all his utterances are penetrated with individual life, that every single expression radiates personality, and that this personality is ultimately responsible. Now such a penetration can actually be achieved where it does not already exist. It is possible, thanks for the fact that man as a being possessing a mind and a soul represents a Sense connection within which his consciousness moves freely. He is free to lay the emphasis wherever he pleases; according to the 'place'

"Câu hỏi tiếp theo là liệu có thể và làm thế nào để phát triển Hữu thể sâu thẳm hơn. Khi chúng ta nói về Hữu thể của một người trong sự phân biệt với khả năng của y, chúng ta muốn nói đến linh hồn sống động của y; và khi chúng ta nói rằng Hữu thể này quyết định, chúng ta muốn nói rằng tất cả các lời nói của y đều được thâm nhập bằng sự sống cá nhân, rằng mỗi biểu hiện đơn lẻ đều tỏa ra phàm ngã, và rằng phàm ngã này chịu trách nhiệm cuối cùng. Nay sự thâm nhập như vậy thực sự có thể đạt được ở nơi nó chưa tồn tại. Điều này là có thể, nhờ sự thật rằng con người như một hữu thể sở hữu một trí tuệ và một linh hồn đại diện cho một sự kết nối Giác quan mà trong đó tâm thức của y di chuyển tự do. Y tự do đặt trọng tâm ở bất cứ

thus stressed the psychic organism actually shifts its centre, and thus actually obtains a new centre of Being. Therefore, if theoretical inquiry shows that it depends upon the centring of consciousness, whether the centre of a man lies in his Being or at the surface, then it must be practically possible to induce the necessary process of shifting. Hence in principle everybody can succeed in raising his Being; to this end he need only persistently lay the emphasis on his essential Being, persistently demand of himself that he should never utter anything but what is really consistent with his inner Being. Surely the task is a [71] hard one. Its solution is not only a very slow process; it necessitates a specific technique of training." *(Count Hermann Keyserling, Creative Understanding, pp. 180, 181)*

nơi nào y muốn; tùy theo 'vị trí' được nhấn mạnh như vậy, cơ thể thông linh thực sự chuyển dịch trung tâm của nó, và do đó thực sự đạt được một trung tâm Hữu thể mới. Vì vậy, nếu sự tìm hiểu lý thuyết cho thấy rằng điều đó phụ thuộc vào việc tập trung tâm thức, liệu trung tâm của một người nằm trong Hữu thể của y hay ở bề mặt, thì về mặt thực hành phải có thể tạo ra quy trình chuyển dịch cần thiết. Do đó, về nguyên tắc, mọi người đều có thể thành công trong việc nâng cao Hữu thể của mình; để đạt mục đích này, y chỉ cần kiên trì đặt trọng tâm vào Hữu thể thiết yếu của mình, kiên trì đòi hỏi bản thân rằng y không bao giờ thốt ra bất cứ điều gì ngoại trừ những gì thực sự nhất quán với Hữu thể bên trong của mình. Chắc chắn nhiệm vụ này là một [71] nhiệm vụ khó khăn. Giải pháp của nó không chỉ là một quá trình rất chậm; nó đòi hỏi một kỹ thuật rèn luyện cụ thể." *(Bá tước Hermann Keyserling, Sự Hiểu Biết Sáng Tạo, tr. 180, 181)*

The possibility of man functioning as a soul, as a synthesis of mechanism, life and purpose, will, I believe, be greatly hastened when the Eastern and Western psychologies are merged and the relationship of the Glands to the vital body, with its centres of force, studied and understood. Hocking, in this connection, comes to this conclusion:

Khả năng con người hoạt động như một linh hồn, như một sự tổng hợp của cơ chế, sự sống và mục đích, tôi tin rằng, sẽ được đẩy nhanh đáng kể khi các nền tâm lý học phương Đông và phương Tây được hợp nhất và mối quan hệ của các Tuyến với thể sinh lực, với các trung tâm mãnh lực của nó, được nghiên cứu và thấu hiểu. Trong sự liên quan này, Hocking đi đến kết luận sau:

"There seems reason to hope for a better physical future of the race by the aid of a sound mental hygiene. After the era of the charlatans has gone by, and to some extent by their aid, there appears a possibility of steadily enlarging self-mastery, as the spiritual sense of such discipline as the Yoga joins with the sober elements of Western psychology and a sane system of ethics. No one of these is worth much without the

"Dường như có lý do để hy vọng vào một tương lai thể chất tốt đẹp hơn của giống dân nhờ sự hỗ trợ của một nền vệ sinh tâm trí lành mạnh. Sau khi kỷ nguyên của những kẻ lang băm đã qua đi, và ở một mức độ nào đó nhờ sự trợ giúp của họ, xuất hiện một khả năng mở rộng đều đặn sự tự làm chủ, khi ý nghĩa tinh thần của phép rèn luyện như Yoga kết hợp với các yếu tố tỉnh táo của tâm lý học phương Tây và một hệ thống đạo đức lành mạnh. Không một cái nào trong số này

others." *(Wm. E. Hocking, Self, Its Body and Freedom)*

có giá trị nhiều nếu thiếu những cái khác." *(Wm. E. Hocking, Bản Ngã, Thân Thể và Sự Tự Do của Nó)*

Two points merit discussion, before we pass on to a detailed account of the Eastern teaching as to the force centres. One is a consideration as to the nature of the soul, and the other is an attempt to consider the testimony of the centuries as to the probable location of the soul consciousness.

Hai điểm đáng được thảo luận, trước khi chúng ta chuyển sang một bản tường trình chi tiết về giáo lý phương Đông đối với các trung tâm mãnh lực. Một là sự xem xét về bản chất của linh hồn, và hai là nỗ lực xem xét lời chứng của nhiều thế kỷ về vị trí có thể có của tâm thức linh hồn.

CHAPTER IV — THE NATURE OF THE SOUL AND ITS LOCATION —CHƯƠNG IV — BẢN CHẤT CỦA LINH HỒN VÀ VỊ TRÍ CỦA NÓ

[72] Throughout the ages the soul has been the subject of discussion, of argument, and of attempted definition. It has been, and still is, the paramount intellectual interest of the ages, and the outstanding theme of all religions and philosophies. From this alone, we may perhaps deduce that the soul is possibly a fact in nature, for the testimony of millennia must have some basis in reality. After the elimination of all conclusions founded on the visions and experiences of hysterics, of neurotics, and of pathological cases, there remains a residue of testimony and a structure of deduction, emanating from sane and reputable thinkers, philosophers and scientists, which evades negation and warrants recognition by humanity.

[72] Trong suốt các thời đại, linh hồn đã là chủ đề của sự thảo luận, của sự tranh luận và của nỗ lực định nghĩa. Nó đã, và vẫn là, mối quan tâm trí tuệ tối cao của các thời đại, và là chủ đề nổi bật của tất cả các tôn giáo và triết học. Chỉ riêng từ điều này, chúng ta có lẽ có thể suy luận rằng linh hồn có khả năng là một sự kiện trong tự nhiên, vì lời chứng của hàng thiên niên kỷ hẳn phải có cơ sở nào đó trong thực tại. Sau khi loại bỏ tất cả các kết luận dựa trên các linh ảnh và trải nghiệm của những người cuồng loạn, của những người loạn thần kinh chức năng, và của các trường hợp bệnh lý, vẫn còn lại một phần dư của lời chứng và một cấu trúc suy luận, xuất phát từ những nhà tư tưởng, triết gia và nhà khoa học lành mạnh và có uy tín, những điều này không thể bị phủ nhận và đáng được nhân loại công nhận.

Dr. Richard Müller-Freienfels says, “To write the history of man’s belief in the soul one would have at the same time to write the history of the whole human race.” *(Richard Müller-Freienfels, Mysteries of the Soul, p. 24)*

Tiến sĩ Richard Müller-Freienfels nói, “Để viết lịch sử về niềm tin của con người vào linh hồn, người ta đồng thời sẽ phải viết lịch sử của toàn bộ nhân loại.” *(Richard Müller-Freienfels, Những Bí Ẩn của Linh Hồn, tr. 24)*

The problem has been well summarized for us by Professor Ames:

Vấn đề đã được tóm tắt rất tốt cho chúng ta bởi Giáo sư Ames:

“On the one side was this self or soul, with its thinking; on the other, all the world of objects, other persons [73] and God. The efforts of wise men for centuries have been to find a way to span the chasm between the self and other objects. But with ideas as events in the head, and things existing outside, there was no sure bridge upon which to make the passage that alone could

“Ở một bên là cái ngã hay linh hồn này, với tư duy của nó; ở bên kia, là toàn bộ thế giới của các đối tượng, những người khác [73] và Thượng đế. Những nỗ lực của các nhà hiền triết trong nhiều thế kỷ là tìm ra một cách để bắc cầu qua hố sâu ngăn cách giữa cái ngã và các đối tượng khác. Nhưng với các ý tưởng như là những sự kiện ở trong đầu, và các sự vật tồn tại bên ngoài, không có cây cầu chắc

guarantee that the representations in the head were true to the objects in the outer realm. Upon the two sides of this gulf have been arrayed the armies of philosophers: the idealists upon the side of the self, vainly trying to stretch themselves to reach the reality they have posited as separated from their grasp; and on the opposite side the materialists, striving to ignore the self or to regard it as a phantom, or epiphenomenon, a breath or mist, exuding from the physical world itself. Some, called dualists, assumed the reality of both the psychical and the physical, but allowed each its place and never succeeded in an adequate answer to the question as to how the mind goes out of itself to so different an object, or how the object could be itself and yet be known." *(Edward Scribner Ames, Prof. of Philosophy, Universtity of Chicago, Religion, pp. 127-128)*

chắn nào để thực hiện việc băng qua vốn là cách duy nhất có thể đảm bảo rằng những sự trình hiện trong đầu là đúng với các đối tượng ở cõi bên ngoài. Tại hai bên của vực thẳm này, các đội quân triết gia đã dàn trận: những người duy tâm ở phía của cái ngã, cố gắng vươn mình một cách vô vọng để chạm tới thực tại mà họ đã định vị là tách biệt khỏi tầm nắm bắt của họ; và ở phía đối diện là những người duy vật, phấn đấu để phớt lờ cái ngã hoặc xem nó như một ảo ảnh, hay hiện tượng phụ, một hơi thở hay làn sương, tiết ra từ chính thế giới vật lý. Một số người, được gọi là những người theo thuyết nhị nguyên, giả định thực tại của cả cái thuộc về tâm lý và cái thuộc về vật lý, nhưng cho phép mỗi cái có vị trí của nó và chưa bao giờ thành công trong một câu trả lời thỏa đáng cho câu hỏi về việc làm thế nào tâm trí đi ra khỏi chính nó để đến với một đối tượng quá khác biệt, hay làm thế nào đối tượng có thể là chính nó và lại được nhận biết." *(Edward Scribner Ames, Giáo sư Triết học, Đại học Chicago, Tôn Giáo, tr. 127-128)*

Some definitions of the soul might here have place. They have been gathered out of a vast number. It is noticeable that there is a very remarkable uniformity in definition and exegesis. Webster defines the soul in most interesting terms, and from the standpoint of the Eastern wisdom, with great exactitude.

Một số định nghĩa về linh hồn có thể có chỗ ở đây. Chúng đã được thu thập từ một số lượng lớn. Đáng chú ý là có một sự đồng nhất rất đáng kể trong định nghĩa và sự giải thích. Webster định nghĩa linh hồn bằng những thuật ngữ thú vị nhất, và từ quan điểm của minh triết phương Đông, với độ chính xác tuyệt vời.

"An entity, conceived as the essence, substance, or actuating cause of individual life, especially of life manifested in psychical activities; the vehicle of individual existence, separate in nature from the body and usually held to be separable in existence."

"Một thực thể, được quan niệm là tinh chất, chất liệu, hay nguyên nhân thúc đẩy của sự sống cá nhân, đặc biệt là của sự sống biểu hiện trong các hoạt động tâm lý; phương tiện của sự tồn tại cá nhân, tách biệt về bản chất khỏi thân thể và thường được coi là có thể tách rời trong sự tồn tại."

[74] As one investigates the different interpretations as to the nature of the soul,

[74] Khi người ta điều tra các cách giải thích khác nhau về bản chất của linh hồn, ba quan

three points of view emerge and these have been well summarised for us in Webster's Dictionary:

điểm xuất hiện và những điều này đã được tóm tắt rất tốt cho chúng ta trong Từ điển Webster:

"First, the soul has been treated as an entity or subject, manifested especially in man's volitional thinking activities; it is the subject of the experience meditated by the body; it is not the mind, but that which thinks and wills.

"Thứ nhất, linh hồn được coi là một thực thể hay chủ thể, biểu hiện đặc biệt trong các hoạt động tư duy có ý chí của con người; nó là chủ thể của trải nghiệm được truyền qua trung gian của thân thể; nó không phải là tâm trí, mà là cái suy nghĩ và định đoạt.

"Second, the soul is identified with the mind or with conscious experience; this is the usual sense of the word in psychology, and is the general conception of idealists.

"Thứ hai, linh hồn được đồng nhất với tâm trí hoặc với trải nghiệm có ý thức; đây là nghĩa thông thường của từ này trong tâm lý học, và là quan niệm chung của những người duy tâm.

"Third, the soul is treated as a function or the sum of the functions of the brain; thus Pierre J. G. Cabanis (1757-1808) taught that the brain secretes thought as the stomach digests food."

"Thứ ba, linh hồn được coi là một chức năng hoặc tổng hợp các chức năng của bộ não; do đó Pierre J. G. Cabanis (1757-1808) đã dạy rằng bộ não tiết ra tư tưởng cũng như dạ dày tiêu hóa thức ăn."

Webster adds the following comment which is appropriate in its application to the present trend of world thought:

Webster thêm lời bình luận sau đây, rất thích hợp trong việc áp dụng vào xu hướng tư tưởng thế giới hiện nay:

"Some conceptions, such as that of Fechner, that the soul is the whole unitary, spiritual process in conjunction with the whole unitary bodily process, appear to stand mid-way between the idealistic and materialistic views." *(Webster's Dictionary, Edition of 1923)*

"Một số quan niệm, chẳng hạn như của Fechner, cho rằng linh hồn là toàn bộ quá trình tinh thần thống nhất kết hợp với toàn bộ quá trình thân thể thống nhất, dường như đứng giữa các quan điểm duy tâm và duy vật." *(Từ điển Webster, Ấn bản năm 1923)*

Perhaps, after all, the "noble middle path" which the Buddhist emphasises, holds for the coming generation a way of escape from these extreme positions.

Có lẽ, rốt cuộc, "con đường trung đạo cao quý" mà Phật giáo nhấn mạnh, nắm giữ cho thế hệ sắp tới một lối thoát khỏi những lập trường cực đoan này.

The Egyptians held the soul was a divine ray, [75] acting through a peculiar, fluid-like compound, whilst the Jews regarded it as the

Người Ai Cập cho rằng linh hồn là một tia thiêng liêng, [75] hoạt động thông qua một hợp chất đặc biệt, giống như chất lỏng, trong

vital principle. The Hindus teach that the human soul is a portion of an immutable Principle, the Soul of the World, the Anima Mundi, the all-pervading Ether (Akasa) of space. This Ether is simply the conductor of certain types of energy and serves as the interrelating medium between essential spirit and tangible matter.

khi người Do Thái coi nó là nguyên khí sự sống. Người Hindu dạy rằng linh hồn con người là một phần của một Nguyên khí bất biến, Linh hồn của Thế giới, Anima Mundi, Dĩ thái (Akasa) thâm nhập mọi nơi của không gian. Dĩ thái này đơn giản là chất dẫn truyền của một số loại năng lượng nhất định và phục vụ như môi trường tương quan giữa tinh thần thiết yếu và vật chất hữu hình.

Pythagoras, who did so much in his day to link the Eastern and Western philosophies, gave the same teaching. In China, Lao-tse taught that the spiritual soul is united to the semi- material vital soul, and between them they animate the physical body. The Greeks, in their turn, held that the soul (with all the mental faculties) was separable from the body, whilst the Romans regarded the soul as a triplicity—a spiritual soul, an intellectual soul or the mind, and a vital body. Many, such as Theophrastus, regarded it as "the real principle of passion" and

Pythagoras, người đã làm rất nhiều trong thời đại của mình để liên kết các triết học Đông và Tây, đã đưa ra cùng một giáo lý. Ở Trung Hoa, Lão Tử dạy rằng linh hồn tinh thần được hợp nhất với linh hồn sinh lực bán vật chất, và giữa chúng, chúng làm cho thể xác trở nên sống động. Người Hy Lạp, đến lượt họ, cho rằng linh hồn (với tất cả các năng lực trí tuệ) có thể tách rời khỏi thân thể, trong khi người La Mã coi linh hồn là một bộ ba—một linh hồn tinh thần, một linh hồn trí tuệ hay tâm trí, và một thể sinh lực. Nhiều người, chẳng hạn như Theophrastus, coi nó là "nguyên khí thực sự của đam mê" và

"The Stoics gave currency to a new designation of the animating principle or theory of the vital processes, namely pneuma.... With the introduction of the pneuma began that trichotomy of human personality into body, soul and spirit, which has figured prominently in the speculations of theologians. The conception of the soul or psyche... became differentiated into two conceptions... namely, on the one hand, the vital force of the physiologists, and on the other hand the spirit or immaterial soul of man." *(Bernard Hollander, M.D., In Search of the Soul, Vol. I, pp. 53-54.*

"Các nhà Khắc kỷ đã phổ biến một tên gọi mới cho nguyên khí làm cho sống động hay lý thuyết về các quá trình sự sống, cụ thể là pneuma.... Với việc giới thiệu pneuma, đã bắt đầu sự phân chia ba phần của con người thành thân thể, linh hồn và tinh thần, vốn đã nổi bật trong các suy đoán của các nhà thần học. Quan niệm về linh hồn hay psyche... được phân thành hai quan niệm... cụ thể là, một mặt, mãnh lực sự sống theo các nhà sinh lý học, và mặt khác là tinh thần hay linh hồn phi vật chất của con người." *(Bernard Hollander, M.D., Đi Tìm Linh Hồn, Tập I, tr. 53-54.*

[76] The Stoics therefore emphasised a teaching which is entirely in line with the

[76] Do đó, những người Khắc kỷ nhấn mạnh một giáo lý hoàn toàn phù hợp với triết học

Oriental philosophy. They bridged the gap therefore between the two hemispheres.

Plato expounded the doctrine of the soul in the following manner:

"He believed the soul to have three parts. One, an immortal or rational part, coming from God; another a mortal, animal or sensitive part, the seat of appetite and sensation, belonging to the body; and a third, lying between these and making their interaction possible—will or spirit—by means of which reason conquered desire. Plants have the lowest part; animals the two lower; but the rational part is exclusively human.

"This rational soul he regarded as immaterial and metaphysical in nature, incapable of being perceived by the senses, and only to be grasped by the intellect. The union with the mortal, material and physical body was only a minor incident of its long career.... Plato thus drew a fundamental distinction between soul and body." *(Bernard Hollander, M.D., In Search of the Soul, Vol. I, p. 35).*

Aristotle regarded the soul as the sum of the vital principles and as being to the body what vision is to the eye. The soul was to him the true Being in the body, and with him Plotinus was in agreement. He regarded the soul as the living sentiency of the body, belonging to a higher degree of being than matter. Tertullian divided the soul into two parts, a vital and a rational principle, as did St. Gregory. Most of the Oriental schools regard [77] the soul as the self, the individual, and Christian mysticism is concerned with the elaboration of the teaching of St. Paul, that there dwells in each human being a potentiality which is called

phương Đông. Vì vậy, họ đã bắc cầu qua khoảng cách giữa hai bán cầu.

Plato đã giải thích học thuyết về linh hồn theo cách sau:

"Ông tin rằng linh hồn có ba phần. Một, phần bất tử hay lý tính, đến từ Thượng đế; một phần khác, phần hữu tử, thú tính hay cảm giác, là chỗ của sự thèm khát và cảm giác, thuộc về cơ thể; và phần thứ ba, nằm giữa những phần này và làm cho sự tương tác của chúng trở nên khả thi—ý chí hay tinh thần—nhờ đó lý trí chinh phục dục vọng. Thực vật có phần thấp nhất; động vật có hai phần thấp hơn; nhưng phần lý tính là độc quyền của con người.

"Linh hồn lý tính này ông coi là phi vật chất và siêu hình về bản chất, không thể được nhận thức bởi các giác quan, và chỉ được nắm bắt bởi trí năng. Sự kết hợp với cơ thể hữu tử, vật chất và hữu hình chỉ là một sự kiện nhỏ trong sự nghiệp lâu dài của nó.... Do đó, Plato đã vạch ra một sự phân biệt cơ bản giữa linh hồn và thân thể." *(Bernard Hollander, M.D., Đi Tìm Linh Hồn, Tập I, tr. 35).*

Aristotle coi linh hồn là tổng hợp của các nguyên khí sự sống và đối với thân thể cũng giống như sự nhìn đối với con mắt. Đối với ông, linh hồn là Hữu thể đích thực trong thân thể, và Plotinus đồng ý với ông. Ông coi linh hồn là khả năng cảm giác sống động của thân thể, thuộc về một cấp độ hiện hữu cao hơn vật chất. Tertullian chia linh hồn thành hai phần, một nguyên khí sự sống và một nguyên khí lý tính, Thánh Gregory cũng vậy. Hầu hết các trường phái phương Đông coi [77] linh hồn là cái ngã, là cá nhân, và chủ nghĩa thần bí Cơ Đốc giáo quan tâm đến việc giải thích giáo lý của Thánh Paul, rằng cư ngụ trong mỗi con người là một tiềm năng

by him “Christ in you,” and which, through its presence, enables every man eventually to attain the status of the Christ. A close comparison of the Christian and Oriental teachings leads to the conclusion that the terms: Self, Soul, Christ, connote the same state of being or consciousness, and indicate the subjective reality in every man.

được ông gọi là “Đức Christ trong bạn,” và nhờ sự hiện diện của Ngài, cho phép mọi người cuối cùng đạt được địa vị của Đức Christ. Một sự so sánh chặt chẽ giữa các giáo lý Cơ Đốc giáo và phương Đông dẫn đến kết luận rằng các thuật ngữ: Ngã, Linh hồn, Đức Christ, bao hàm cùng một trạng thái hiện hữu hay tâm thức, và chỉ ra thực tại nội giới trong mỗi con người.

The early Christian Fathers were tremendously influenced by Greek ideas as to the Soul, and their teaching was later coloured by Gnosticism and Manicheanism. By them the soul was regarded as light and the body as darkness; light must irradiate the body and eventually be liberated from the body. St. Gregory in the 4th century emphasised the triplicate of body, soul and spirit as did St. Paul. He summed up in his teaching the point of view of the best thinkers of his time, and (quoting Dr. Hollander) taught that:

Các Giáo phụ Cơ Đốc giáo thời kỳ đầu chịu ảnh hưởng to lớn bởi những ý tưởng của Hy Lạp về Linh hồn, và giáo lý của họ sau đó được tô màu bởi Thuyết Ngộ Đạo và Mani giáo. Đối với họ, linh hồn được coi là ánh sáng và thân thể là bóng tối; ánh sáng phải chiếu rọi thân thể và cuối cùng được giải phóng khỏi thân thể. Vào thế kỷ thứ 4, Thánh Gregory đã nhấn mạnh bộ ba thân thể, linh hồn và tinh thần như Thánh Paul đã làm. Ông tóm tắt trong giáo lý của mình quan điểm của những nhà tư tưởng xuất sắc nhất thời đại ông, và (trích dẫn Tiến sĩ Hollander) đã dạy rằng:

“... the Soul has no parts, yet Gregory distinguished nutritive, sensitive, and rational faculties, corresponding to the body, soul and spirit. The rational nature is not equally present in all parts of the body. The higher nature uses the lower as its vehicle. In matter resides the vital power; in the vital dwells sensitive power, and to the sensitive power is united the rational. The sensitive soul is thus a medium, purer than flesh and grosser than the rational soul. The soul thus [78] united with the body is the real source of all activities.” *(Bernard Hollander, M.D., In Search of the Soul, Vol. I, p. 88)*

“... Linh hồn không có các phần, tuy nhiên Gregory phân biệt các năng lực dưỡng sinh, cảm giác và lý tính, tương ứng với thân thể, linh hồn và tinh thần. Bản chất lý tính không hiện diện đồng đều ở tất cả các phần của thân thể. Bản chất cao hơn sử dụng bản chất thấp hơn làm phương tiện của nó. Trong vật chất cư ngụ quyền năng sự sống; trong sự sống cư ngụ quyền năng cảm giác, và hợp nhất với quyền năng cảm giác là lý tính. Do đó, linh hồn cảm giác là một trung gian, tinh khiết hơn xác thịt và thô trược hơn linh hồn lý tính. Linh hồn do đó [78] hợp nhất với thân thể là nguồn thực sự của mọi hoạt động.” *(Bernard Hollander, M.D., Đi Tìm Linh Hồn, Tập I, tr. 88)*

From the 5th century on to the 17th we have the ideas of various schools; of Scholastics,

Từ thế kỷ thứ 5 đến thế kỷ 17, chúng ta có những ý tưởng của các trường phái khác

of Arabian philosophers, of Kabbalists, also the philosophers of the Middle Ages, and that notable group of men who brought about the Reformation and Renaissance. They discussed the various theories accounting for the soul, but not much progress was made, for all was gradually tending towards the emergence of modern science, the establishment of modern medicine, and the revelations of the age of electricity. Gradually the form aspect of nature and the laws governing natural phenomena engrossed attention, until speculations as to the soul and its nature were increasingly relegated to the theologians.

nhau; của các học giả Kinh viện, của các triết gia Ả Rập, của các nhà Kabbalah, cũng như các triết gia thời Trung cổ, và nhóm người đáng chú ý đã mang lại cuộc Cải cách và Phục hưng. Họ đã thảo luận về các lý thuyết khác nhau giải thích cho linh hồn, nhưng không đạt được nhiều tiến bộ, vì tất cả đang dần dần hướng tới sự xuất hiện của khoa học hiện đại, việc thiết lập nền y học hiện đại, và những tiết lộ của kỷ nguyên điện. Dần dần phương diện hình tướng của tự nhiên và các định luật chi phối các hiện tượng tự nhiên đã thu hút sự chú ý, cho đến khi những suy đoán về linh hồn và bản chất của nó ngày càng bị đẩy sang cho các nhà thần học.

In the 17th century, Stahl wrote fully upon the subject of the soul and summarised a great deal of the teaching extant in his time. This has been termed the Theory of Animism. It is the doctrine that the soul is the vital principle, and responsible for all organic development. We speak of the animism of the little evolved races, who personified and worshipped the forces of nature; we recognise the animism outlined by Stahl in the later cycles of our own time as having been always present; we study the modern scientists' teaching as to force, as to energy, as to the atom, and we find that we are [79] confronted by a world of energies which cannot be negated. We live in a universe animated by forces. Speed, activity, vitality, transportation, the transmission of sound, electrical energy, and many such phrases are the catch-words of today. We speak and think in terms of force.

Vào thế kỷ 17, Stahl đã viết đầy đủ về chủ đề linh hồn và tóm tắt rất nhiều giáo lý còn tồn tại trong thời đại của ông. Điều này đã được gọi là Thuyết Vật linh. Đó là học thuyết cho rằng linh hồn là nguyên khí sự sống, và chịu trách nhiệm cho mọi sự phát triển hữu cơ. Chúng ta nói về thuyết vật linh của các giống dân ít tiến hóa, những người đã nhân cách hóa và tôn thờ các lực của tự nhiên; chúng ta nhận ra thuyết vật linh được Stahl phác thảo trong các chu kỳ sau này của thời đại chúng ta như là đã luôn hiện diện; chúng ta nghiên cứu giáo lý của các nhà khoa học hiện đại về lực, về năng lượng, về nguyên tử, và chúng ta thấy rằng chúng ta đang [79] đối mặt với một thế giới của các năng lượng không thể bị phủ nhận. Chúng ta sống trong một vũ trụ được làm cho sống động bởi các lực. Tốc độ, hoạt động, sức sống, giao thông vận tải, sự truyền âm thanh, năng lượng điện, và nhiều cụm từ như vậy là những từ ngữ được dùng phổ biến của ngày nay. Chúng ta nói và suy nghĩ bằng ngôn ngữ của lực.

Stahl summed up the teaching in the following terms:

Stahl tóm tắt giáo lý bằng các thuật ngữ sau:

"The body is made for the soul; the soul is not made for, and is not the product of, the body.... The source of all vital movement is the soul, which builds up the machine of the body, and maintains it for a time against external influences.... The immediate cause of death is not disease, but the direct action of the soul, which leaves the bodily machine, either because it has become unworkable through some serious lesion or because it does not choose to work it any longer." *(Bernard Hollander, M.D., In Search of the Soul, Vol. I, p.169.)*

"Thân thể được tạo ra cho linh hồn; linh hồn không được tạo ra cho, và không phải là sản phẩm của, thân thể.... Nguồn gốc của mọi chuyển động sự sống là linh hồn, nó xây dựng nên bộ máy của thân thể, và duy trì nó trong một thời gian chống lại các ảnh hưởng bên ngoài.... Nguyên nhân trực tiếp của cái chết không phải là bệnh tật, mà là hành động trực tiếp của linh hồn, nó rời bỏ bộ máy thân thể, hoặc vì nó đã trở nên không thể hoạt động được do một tổn thương nghiêm trọng nào đó hoặc vì nó không chọn vận hành thân thể đó nữa." *(Bernard Hollander, M.D., Đi Tìm Linh Hồn, Tập I, tr. 169.)*

Berkeley's definition of the soul is interesting, for he defines it as a simple, active being, revealed to us through experience.

Định nghĩa của Berkeley về linh hồn rất thú vị, vì ông định nghĩa nó là một hữu thể đơn nhất, năng động, được tiết lộ cho chúng ta thông qua trải nghiệm.

The modern materialistic psychology which regards the soul as the product of brain activity is perhaps not entirely wrong but is dealing with a secondary demonstration of the vital soul.

Tâm lý học duy vật hiện đại coi linh hồn là sản phẩm của hoạt động não bộ có lẽ không hoàn toàn sai nhưng đang đề cập đến một biểu hiện thứ yếu của linh hồn sự sống.

Dr. Müller-Freienfels says:

Tiến sĩ Müller-Freienfels nói:

"... we must not regard the body as an atomistic mechanism but rather as the vehicle of a comprehensive vital energy; whereupon the 'body' ceases to be merely matter and is conceived of as being 'animated'."

"... chúng ta không được coi cơ thể như một cơ chế nguyên tử mà đúng hơn là phương tiện của một năng lượng sống toàn diện; khi đó 'cơ thể' thôi không còn chỉ đơn thuần là vật chất và được quan niệm là đang 'sống động'."

[80] He goes on to say also:

[80] Ông cũng nói tiếp:

"And now at last we see a possibility of arriving at a conception of the soul! Let us remember how mankind came to form this conception. Not in order to explain the 'consciousness' (for the 'soul' can exist without consciousness), but in order to

"Và giờ đây cuối cùng chúng ta thấy một khả năng đi đến một quan niệm về linh hồn! Chúng ta hãy nhớ lại nhân loại đã hình thành quan niệm này như thế nào. Không phải để giải thích 'tâm thức' (vì 'linh hồn' có thể tồn tại mà không có tâm thức), mà để

make comprehensible that complex continuity of activities which we call life, mankind created the conception of the soul. We have already stressed the fact that in all primitive cultures the 'soul' is by no means identical with the consciousness, and that this equivalence is a late philosophical reservation. As a matter of fact, what primitive man understands by 'soul' is what we today call 'life.' 'Animated' and 'alive' are, as conceptions, completely identical, just as the conceptions 'inanimate' and 'dead' are identical. The Greek word *psyche* does not by any means signify merely consciousness, but can usually be translated simply by 'life,' and similarly, in many cases the German words *Leben* and *Seele*, as the English words 'life' and 'soul,' are interchangeable....

làm cho dễ hiểu tính liên tục phức tạp của các hoạt động mà chúng ta gọi là sự sống, nhân loại đã tạo ra quan niệm về linh hồn. Chúng ta đã nhấn mạnh thực tế rằng trong tất cả các nền văn hóa nguyên thủy, 'linh hồn' hoàn toàn không đồng nhất với tâm thức, và sự tương đương này là một sự dè dặt triết học muộn màng. Thật ra, điều mà người nguyên thủy hiểu là 'linh hồn' chính là điều mà ngày nay chúng ta gọi là 'sự sống.' 'Sống động' và 'sống' là, như các quan niệm, hoàn toàn đồng nhất, cũng như các quan niệm 'vô tri' và 'chết' là đồng nhất. Từ tiếng Hy Lạp *psyche* hoàn toàn không chỉ biểu thị đơn thuần là tâm thức, mà thường có thể được dịch đơn giản là 'sự sống,' và tương tự, trong nhiều trường hợp, các từ tiếng Đức *Leben* và *Seele*, cũng như các từ tiếng Anh 'life' và 'soul,' có thể hoán đổi cho nhau....

"In this, however, we are at one with both the main tendencies of recent philosophy. Even the later materialists had come to admit that the soul is not a substance, but that the psychical processes occur in substance, and they therefore regarded it as equivalent to 'motion.' On the other hand, the conscientialists also regarded psychical processes as 'events' which they had somehow to bring into relation with physical movements.

"Tuy nhiên, về điều này, chúng ta đồng tình với cả hai xu hướng chính của triết học gần đây. Ngay cả những người duy vật sau này cũng đã phải thừa nhận rằng linh hồn không phải là một bản thể, mà các quá trình tâm lý xảy ra trong bản thể, và do đó họ coi nó tương đương với 'chuyển động.' Mặt khác, những người theo thuyết duy tâm thức cũng coi các quá trình tâm lý là 'các sự kiện' mà họ bằng cách nào đó phải đưa vào mối quan hệ với các chuyển động vật lý.

"We accept both these notions. What we call 'soul' is neither an extended 'substance' nor a thinking 'substance'; it is not a 'substance' at all, but a highly complicated event, a continuity of effects, which reveals itself on the one hand in the building up of the body, and on the other in the consciousness. [81]

"Chúng ta chấp nhận cả hai ý niệm này. Cái mà chúng ta gọi là 'linh hồn' không phải là một 'bản thể' mở rộng cũng không phải là một 'bản thể' tư duy; nó hoàn toàn không phải là một 'bản thể', mà là một sự kiện vô cùng phức tạp, một sự liên tục của các hiệu quả, tự tiết lộ một mặt trong việc xây dựng cơ thể, và mặt khác trong tâm thức. [81]

"Nevertheless, this doctrine of ours, which does not divide the universe into substance and consciousness, but places a connecting-

"Tuy nhiên, học thuyết này của chúng ta, vốn không chia vũ trụ thành bản thể và tâm thức, mà đặt một liên kết kết nối giữa hai cái

link between the two, which on the one hand reveals itself materially, but is also the hypothesis of the consciousness, differs from both materialism and conscientialism in this, that it does not conceive of the soul as existing in substance alone nor yet in consciousness alone. On the contrary, both consciousness and body appear to us only as effect of a third thing which comprehends them both, producing the consciousness and also giving form to the raw material. We have already seen that the consciousness must necessarily demand such a profounder 'being,' whereas the materialistic theory demands a formative 'power,' which forms the body and with it the soul. One might call this theory 'monistic,' though it avoids one-sidedness just as it avoids dualism, only that the conception has been overworked, and both the conscientialtheory and the materialistic theory are—though, after all, incorrectly—described as monistic. We call the theory towards which we are working the dynamistic theory, because it represents the nature of the soul as directed force; and we may also call it vitalistic, because this force, which gives the body form and engenders the consciousness, proves to be identical with life." *(Richard Müller-Freienfels, Mysteries of the Soul, pp. 40, 41, 42.)*

đó, cái một mặt tự tiết lộ về mặt vật chất, nhưng cũng là giả thuyết của tâm thức, khác biệt với cả chủ nghĩa duy vật và thuyết duy tâm thức ở chỗ nó không quan niệm linh hồn như là chỉ tồn tại trong bản thể hay chỉ trong tâm thức. Trái lại, cả tâm thức và cơ thể đối với chúng ta dường như chỉ là hiệu quả của một cái thứ ba bao hàm cả hai, tạo ra tâm thức và cũng mang lại hình tướng cho nguyên liệu thô. Chúng ta đã thấy rằng tâm thức nhất thiết phải đòi hỏi một 'hữu thể' sâu sắc hơn như vậy, trong khi lý thuyết duy vật đòi hỏi một 'quyền năng' tạo hình, tạo nên cơ thể và cùng với nó là linh hồn. Người ta có thể gọi lý thuyết này là 'nhất nguyên,' mặc dù nó tránh sự phiến diện cũng như nó tránh chủ nghĩa nhị nguyên, chỉ có điều quan niệm này đã bị lạm dụng, và cả thuyết duy tâm thức lẫn thuyết duy vật đều—mặc dù, rốt cuộc, không chính xác—được mô tả là nhất nguyên. Chúng ta gọi lý thuyết mà chúng ta đang hướng tới là lý thuyết động lực, bởi vì nó đại diện cho bản chất của linh hồn như là mãnh lực được định hướng; và chúng ta cũng có thể gọi nó là duy sinh, bởi vì lực này, cái mang lại hình tướng cho cơ thể và sinh ra tâm thức, chứng tỏ là đồng nhất với sự sống." *(Richard Müller-Freienfels, Những Bí Ẩn của Linh Hồn, tr. 40, 41, 42.)*

We get a hint of the relation between these three, spirit, soul and body, in the words of *The Secret Doctrine.*

Chúng ta có được một gợi ý về mối quan hệ giữa ba cái này, tinh thần, linh hồn và thân thể, trong những lời của *Giáo Lý Bí Nhiệm.*

"Life we look upon as the One Form of Existence, manifesting in what is called Matter; or what, incorrectly separating them, we name Spirit, Soul and Matter in man. Matter is the Vehicle for the manifestation [82] of Soul on this plane of existence, and Soul is the Vehicle on a higher plane for the manifestation of Spirit, and

"Chúng tôi xem Sự Sống là Hình Tướng Tồn Tại Duy Nhất, biểu hiện trong cái được gọi là Vật Chất; hay cái mà, do tách biệt chúng một cách không chính xác, chúng ta gọi là Tinh thần, Linh hồn và Vật chất ở con người. Vật chất là Vận cụ cho sự biểu hiện [82] của Linh hồn trên cõi tồn tại này, và Linh hồn là Vận cụ trên một cõi cao hơn cho sự biểu hiện của

these three are a Trinity synthesized by Life, which pervades them all." *(H.P. Blavatsky, The Secret Doctrine, Vol. I, pp. 79, 80.)*

Tinh thần, và ba cái này là một Tam Vị được tổng hợp bởi Sự Sống, cái thâm nhập tất cả chúng." *(H.P. Blavatsky, Giáo Lý Bí Nhiệm, Tập I, tr. 79, 80.)*

The soul, the self are synonymous terms in Oriental literature. The main treatise upon the Soul, its nature, purpose and mode of existence, is that most famous of all the Eastern Scriptures, the *Bhagavad Gita*. Deussen summarises the teaching as to the Atma, the self or soul, as follows:

Linh hồn, cái ngã là những thuật ngữ đồng nghĩa trong văn học phương Đông. Luận thuyết chính về Linh hồn, bản chất, mục đích và phương thức tồn tại của nó, là Kinh điển nổi tiếng nhất trong tất cả các Kinh điển phương Đông, *Bhagavad Gita*. Deussen tóm tắt giáo lý về Atma, cái ngã hay linh hồn, như sau:

"If for our present purpose we hold fast to this distinction of the Brahman as the cosmical principle of the universe, the atman as the psychical, the fundamental thought of the entire Upanishad philosophy may be expressed by the simple equation:

"Nếu vì mục đích hiện tại của chúng ta, chúng ta giữ chặt sự phân biệt này về Brahman như là nguyên khí vũ trụ của vũ trụ, atman như là nguyên khí tâm lý, thì tư tưởng cơ bản của toàn bộ triết học Upanishad có thể được diễn đạt bằng phương trình đơn giản:

Brahman = Atman

Brahman = Atman

This is to say—the Brahman, the power which presents itself to us materialized in all existing things, which creates, sustains, preserves, and receives back into itself again all worlds, this eternal infinite divine power is identical with the atman, with that which, after stripping off everything external, we discover in ourselves as our real most essential being, our individual self, the soul. This identity of the Brahman and the atman, of God and the soul, is the fundamental thought of the entire doctrine of the Upanishads....

Điều này có nghĩa là—Brahman, quyền năng tự trình hiện với chúng ta dưới dạng vật chất hóa trong tất cả những vật đang tồn tại, cái tạo ra, duy trì, bảo tồn và thu nhận trở lại vào chính nó tất cả các thế giới, quyền năng thiêng liêng vô hạn vĩnh cửu này đồng nhất với atman, với cái mà, sau khi lột bỏ mọi thứ bên ngoài, chúng ta khám phá ra trong chính mình là hữu thể thiết yếu nhất thực sự của chúng ta, cái ngã cá nhân của chúng ta, linh hồn. Sự đồng nhất này của Brahman và atman, của Thượng đế và linh hồn, là tư tưởng cơ bản của toàn bộ giáo lý Upanishad....

"The atman is, as has often already been pointed out, an idea capable of very different interpretations. The word signifies no more than 'the self,' and the question then arises

"Atman, như đã thường được chỉ ra, là một ý tưởng có thể có những cách giải thích rất khác nhau. Từ này không biểu thị gì hơn là 'cái ngã,' và câu hỏi sau đó nảy sinh là chúng

what we regard as our self. Three positions are here possible, according as by the atman is [83] understood (1) the corporeal self, the body; (2) the individual soul, free from the body, which as knowing subject is contrasted with and distinct from the object; or (3) the supreme soul, in which subject and object are no longer distinguished from one another, or which, according to the Indian conception, is the objectless knowing subject." *(Paul Deussen, M.D., The Religion and Philosophy of India. pp. 39, 94.)*

ta coi cái gì là cái ngã của mình. Ba lập trường ở đây là có thể, tùy theo việc atman được [83] hiểu là (1) cái ngã xác thân, thân thể; (2) linh hồn cá nhân, tự do khỏi thân thể, cái như là chủ thể hiểu biết được đối lập với và khác biệt với khách thể; hoặc (3) linh hồn tối cao, trong đó chủ thể và khách thể không còn bị phân biệt với nhau, hoặc cái mà, theo quan niệm của Ấn Độ, là chủ thể hiểu biết không có khách thể." *(Paul Deussen, M.D., Tôn Giáo và Triết Học của Ấn Độ. tr. 39, 94.)*

An Oriental writer comments as follows:

Một tác giả phương Đông bình luận như sau:

"All organic beings have a principle of self-determination, to which the name of 'soul' is generally given. In the strict sense of the word, 'soul' belongs to every being that has life in it, and the different souls are fundamentally identical in nature. The differences are due to the physical organizations that obscure and thwart the life of the soul. The nature of the bodies in which the souls are incorporated accounts for their various degrees of obscuration.

"Tất cả các sinh vật hữu cơ đều có một nguyên khí tự quyết, thường được đặt tên là 'linh hồn'. Theo nghĩa chặt chẽ của từ này, 'linh hồn' thuộc về mọi sinh vật có sự sống trong nó, và các linh hồn khác nhau về cơ bản là đồng nhất về bản chất. Những sự khác biệt là do các tổ chức vật lý che khuất và cản trở sự sống của linh hồn. Bản chất của các cơ thể mà trong đó các linh hồn được nhập vào giải thích cho các mức độ che khuất khác nhau của chúng.

"Each buddhi, with its grasp of senses and the like, is an isolated organism determined by its past karma, and has its own peculiarly associated ignorance (avidya). The ego is the psychological unity of that stream of conscious experiencing which constitutes what we know as the inner life of an empirical self.

"Mỗi buddhi, với sự nắm bắt các giác quan và những thứ tương tự, là một sinh vật cô lập được xác định bởi nghiệp quả quá khứ của nó, và có sự vô minh (avidya) liên kết riêng biệt của chính nó. Bản ngã là sự thống nhất tâm lý của dòng trải nghiệm có ý thức đó, cái tạo thành những gì chúng ta biết là đời sống bên trong của một cái ngã theo kinh nghiệm.

"The Empirical Self is the mixture of free spirit and mechanism, of purusa and prakriti.... Every ego possesses within the gross material body, which suffers dissolution at death, a subtle body, formed of the psychical apparatus, including the senses." *(S. Radhakrishnan, Indian Philosophy, Vol. II, pp. 279, 283, 284, 285.)*

"Cái Ngã theo Kinh nghiệm là sự pha trộn của tinh thần tự do và cơ chế, của purusa và prakriti.... Mọi bản ngã đều sở hữu bên trong cơ thể vật chất thô trược, cái chịu sự tan rã khi chết, một thể vi tế, được hình thành từ bộ máy tâm lý, bao gồm các giác quan." *(S. Radhakrishnan, Triết Học Ấn Độ, Tập II, tr. 279, 283, 284, 285.)*

An Indian scripture sums up this teaching as follows: [84]

Một kinh điển Ấn Độ tóm tắt giáo lý này như sau: [84]

"So there are four Atmas—the life, the mind, the soul, the spirit. The ultimate force which lies at the root of macrocosmic power of the manifestations of soul, mind, and the life-principle, is the spirit." *(Rama Prasad, Nature's Finer Forces, p. 121. [Quoted from the Prashnopanishad.])*

"Vì vậy có bốn Atma—sự sống, tâm trí, linh hồn, tinh thần. Mãnh lực tối hậu nằm ở gốc rễ của quyền năng đại thiên địa của các biểu hiện của linh hồn, tâm trí, và nguyên khí sự sống, là tinh thần." *(Rama Prasad, Những Lực Tinh Vi Hơn của Tự Nhiên, tr. 121. [Trích từ Prashnopanishad.])*

All, therefore, appears to be an expression of the life force, and we begin to approach the truth as formulated in the East, that matter is spirit or energy in its lowest manifestation, and spirit is matter in its highest expression. In between these two extremes, and thus manifesting in time and space, come those diversities of the manifested life-consciousness which engross the interest of the religious man, the psychologist, the scientist, and the philosopher, according to their peculiar predilections and tendencies. All are studying the varying aspect of the one animating life.

Do đó, tất cả dường như là một biểu hiện của mãnh lực sự sống, và chúng ta bắt đầu tiếp cận chân lý như được trình bày ở phương Đông, rằng vật chất là tinh thần hay năng lượng trong biểu hiện thấp nhất của nó, và tinh thần là vật chất trong biểu hiện cao nhất của nó. Ở giữa hai thái cực này, và do đó biểu hiện trong không gian và thời gian, là những sự đa dạng của tâm thức-sự sống đã biểu hiện, cái thu hút sự quan tâm của người tôn giáo, nhà tâm lý học, nhà khoa học và triết gia, tùy theo những sở thích và khuynh hướng riêng biệt của họ. Tất cả đều đang nghiên cứu phương diện thay đổi của một sự sống đang làm cho sống động.

The differentiations, the terminologies, and the tabulations in connection with these various approaches to truth are the cause of much of the confusion. We are engaged in separating a unified Reality into parts, and in so doing we lose our sense of proportion and over-emphasise that particular part

Các sự phân biệt, các thuật ngữ, và các bảng phân loại liên quan đến những cách tiếp cận chân lý khác nhau này là nguyên nhân của nhiều sự nhầm lẫn. Chúng ta đang bận rộn tách một Thực tại thống nhất thành các phần, và khi làm như vậy, chúng ta mất đi ý thức về tỉ lệ của mình và nhấn mạnh quá

which we happen temporarily to be dissecting. But the whole remains intact, and our realisation of this Reality grows as we become inclusive in our consciousness and participate in a veritable experience.

mức vào phần cụ thể mà chúng ta tình cờ đang mổ xẻ tạm thời. Nhưng cái toàn thể vẫn còn nguyên vẹn, và sự chứng nghiệm của chúng ta về Thực tại này phát triển khi chúng ta có tâm thức ngày càng bao quát và tham gia vào một trải nghiệm thực sự.

The testimony to this experience can be traced from the very night of time. From the emergence [85] of the human family in the unfolding evolutionary development of the world plan there has been a paralleling progressive development of the God idea to account for nature and the soul idea to account for man. An anthology of the soul remains as yet to be compiled, the very magnitude of the task probably serving as a deterrent.

Lời chứng cho trải nghiệm này có thể được truy nguyên từ buổi sơ khai xa xưa nhất. Kể từ sự xuất hiện [85] của gia đình nhân loại trong sự phát triển tiến hóa đang mở ra của kế hoạch thế giới, đã có một sự phát triển tiến bộ song song của ý niệm Thượng đế để giải thích cho tự nhiên và ý niệm linh hồn để giải thích cho con người. Một tuyển tập về linh hồn vẫn chưa được biên soạn, chính quy mô to lớn của nhiệm vụ có lẽ đóng vai trò như một sự ngăn trở.

Speculation has always been rife as to where the soul was to be found, and where, within the human form, it might be located. A few of the theories propounded might be touched upon here.

Luôn có nhiều sự suy đoán về nơi linh hồn được tìm thấy, và vị trí của nó bên trong hình tướng con người. Một vài lý thuyết được đề xuất có thể được đề cập ở đây.

Plato held that the vital principle was in the brain and that brain and spinal cord were coordinators of vital force, whilst

Plato cho rằng nguyên lý sự sống nằm trong bộ não và rằng não cùng tủy sống là những bộ phận điều phối mãnh lực sự sống, trong khi

Strato placed it in the forepart of the brain, between the eyebrows.

Strato đặt nó ở phần trước của bộ não, giữa hai lông mày.

Hippocrates placed the consciousness or soul in the brain and

Hippocrates đặt tâm thức hay linh hồn trong bộ não và

Herophilus made the calamus scriptorius the chief seat of the soul.

Herophilus coi calamus scriptorius là chỗ ngự chủ yếu của linh hồn.

Erasistratos located the soul in the cerebellum, or the little brain, and stated that it was concerned in the coordination of movement.

Erasistratos xác định vị trí linh hồn ở tiểu não, hay bộ não nhỏ, và tuyên bố rằng nó liên quan đến sự điều phối cử động.

Galen, the great forerunner of modern medical methods, argued for the fourth ventricle of the brain as the home of the soul in man.

Galen, người tiên phong vĩ đại của các phương pháp y học hiện đại, lập luận cho rằng não thất thứ tư của bộ não là ngôi nhà của linh hồn trong con người.

Hippolytus (3rd century A.D.) says: "The membranes in the head are gently moved by the spirit which advances toward the pineal gland. Near this is situated the entrance to the cerebellum which admits the current of spirit and distributes [86] it into the spinal column. This cerebellum by an ineffable and inscrutable process attracts through the pineal gland the spiritual and life giving substance."

Hippolytus (thế kỷ thứ 3 sau Công Nguyên) nói: "Các màng trong đầu được chuyển động nhẹ nhàng bởi tinh thần đang tiến về phía tuyến tùng. Gần đó là lối vào tiểu não, nơi tiếp nhận dòng tinh thần và phân phối [86] nó vào cột sống. Tiểu não này, qua một quy trình không thể diễn tả và khó dò, thu hút chất liệu tinh thần và ban sự sống qua tuyến tùng."

St. Augustine regarded the soul as located in the middle ventricle.

Thánh Augustine coi linh hồn nằm ở não thất giữa.

The Arabian philosophers, who so strongly moulded thought in the Middle Ages, identified the ventricles of the brain as the seat of the soul or conscious life.

Các triết gia Ả Rập, những người đã định hình tư tưởng rất mạnh mẽ trong thời Trung Cổ, xác định các não thất của bộ não là chỗ ngự của linh hồn hay đời sống ý thức.

Dr. Hollander tells us that:

Tiến sĩ Hollander cho chúng ta biết rằng:

"The reason why the ancient philosophers, from whom the Arabs adopted this localization, placed the faculties in certain cells, meaning cavities or ventricles, probably was to give more room for the pneuma, the gaseous substance, to expand.... Some distinguished four regions, as follows: The *first* or anterior ventricle of the brain, which was supposed to look towards the front, was the ventricle of common sense; because from it the nerves of the five outer senses were presumed to

"Lý do tại sao các triết gia cổ đại, mà từ đó người Ả Rập tiếp thu cách định vị này, đặt các năng lực vào những khoang nhất định, tức là các khoang hay não thất, có lẽ là để tạo thêm chỗ cho pneuma, tức chất khí, giãn nở.... Một số người phân biệt bốn vùng, như sau: Não thất *thứ nhất* hay não thất trước, được cho là nhìn về phía trước, là não thất của giác quan chung; bởi vì từ đó các dây thần kinh của năm giác quan bên ngoài được cho là phân nhánh, và nhờ sự trợ giúp của các dây thần kinh này, mọi cảm giác được

branch off, and into it, by the aid of these nerves, all sensations were brought together. The *second* ventricle, connected by a minute opening with the first, was fixed upon as the seat of the imaginative faculty, because the impressions from the five outer senses are transmitted from the first ventricle into it, as a second stage in their progress through the brain. The *third* ventricle was the seat of the understanding; and the *fourth* was sacred to memory, because it was commodiously situated as a storehouse into which the conceptions of the mind, digested in the second ventricle, might be transmitted for attention and accumulation. As a matter of fact, the so-called *anterior* ventricle consists of two ventricles: the right and left lateral [87] ventricles, which communicate with one another and are continuous with the third ventricle—called in ancient times the *middle* ventricle—by the Foramen of Monro; and the third ventricle communicates with the fourth ventricle—called by the ancients the *posterior* ventricle—by the Aqueduct of Sylvius.

tập hợp vào đó. Não thất *thứ hai*, nối với não thất thứ nhất bằng một lỗ nhỏ, được ấn định là chỗ ngự của năng lực tưởng tượng, bởi vì các ấn tượng từ năm giác quan bên ngoài được truyền từ não thất thứ nhất vào đó, như một giai đoạn thứ hai trong tiến trình của chúng qua bộ não. Não thất *thứ ba* là chỗ ngự của sự hiểu biết; và não thất *thứ tư* dành riêng cho trí nhớ, bởi vì nó nằm ở vị trí thuận lợi như một kho chứa, nơi mà các khái niệm của tâm trí, đã được tiêu hóa trong não thất thứ hai, có thể được truyền đến để chú ý và tích lũy. Trên thực tế, cái gọi là não thất *trước* bao gồm hai não thất: các não thất bên [87] phải và trái, thông với nhau và liên tục với não thất thứ ba—được người xưa gọi là não thất *giữa*—bởi Lỗ Monro; và não thất thứ ba thông với não thất thứ tư—được người xưa gọi là não thất *sau*—bởi Cống Sylvius.

"The lateral ventricles are roofed over by the corpus callosum; the third is covered by the optic thalamus; and the fourth is situated between cerebellum and pons.... If the sense of sight and sense of hearing are stimulated at the same time, their effects somehow cohere in consciousness, and the knowledge of this fact inspired the hypothesis of a sensory centre to which the term sensorium commune or common sense was applied. By some this was regarded as the seat of the soul. As parts of the brain are double, the localities to be selected were very limited, and only structures in the middle line could be chosen; as, for example, the pineal gland by Descartes and, as late as the nineteenth century, the optic thalamus by W.B. Carpenter, and the pons cerebri by Herbert

"Các não thất bên được lợp bởi thể chai; não thất thứ ba được che phủ bởi đồi thị; và não thất thứ tư nằm giữa tiểu não và cầu não.... Nếu thị giác và thính giác bị kích thích cùng lúc, các hiệu quả của chúng bằng cách nào đó kết dính trong tâm thức, và sự hiểu biết về thực tế này đã truyền cảm hứng cho giả thuyết về một trung tâm cảm giác, mà thuật ngữ sensorium commune hay giác quan chung được áp dụng. Một số người coi đây là chỗ ngự của linh hồn. Vì các phần của bộ não là đôi, nên các vị trí được chọn rất hạn chế, và chỉ những cấu trúc ở đường giữa mới có thể được chọn; ví dụ, tuyến tùng bởi Descartes và, mãi đến thế kỷ mười chín, đồi thị bởi W.B. Carpenter, và cầu não bởi Herbert Spencer." *(Bác sĩ Bernard Hollander, Cuộc Tìm Kiếm Linh Hồn, Tập I, tr. 97.)*

Spencer." *(Bernard Hollander, M.D., In Search of the Soul, Vol. I, p. 97.)*

Roger Bacon regarded the centre of the brain as the place where the soul could be found.

Roger Bacon coi trung tâm của bộ não là nơi có thể tìm thấy linh hồn.

Ludovico Vives "regarded the soul as the principle, not only of conscious life, but of life in general; the heart is the centre of its vital or vegetative activity, the brain of its intellectual activity." *(Bernard Hollander, M.D., In Search of the Soul, Vol. I, p. 119)*

Ludovico Vives "coi linh hồn là nguyên khí, không chỉ của đời sống có ý thức, mà của sự sống nói chung; trái tim là trung tâm của hoạt động duy trì sự sống hay sinh dưỡng của nó, bộ não là trung tâm của hoạt động trí tuệ của nó." *(Bác sĩ Bernard Hollander, Cuộc Tìm Kiếm Linh Hồn, Tập I, tr. 119)*

Mundinus, a famous anatomist of the Middle Ages, believed firmly in "animal spirits." He taught that these animal spirits passed into the third ventricle by a narrow passage. He also [88] taught that the cellules of the brain are the seat of the intellect.

Mundinus, một nhà giải phẫu học nổi tiếng thời Trung Cổ, tin tưởng chắc chắn vào "các sinh khí." Ông dạy rằng các sinh khí này đi vào não thất thứ ba qua một lối đi hẹp. Ông cũng [88] dạy rằng các tế bào nhỏ của bộ não là chỗ ngự của trí năng.

Vesalius, the first to discern the difference between the grey and white matter of the brain and to describe the five ventricles, "distinguished three souls... and he assigned to the brain the chief soul, the sum of the animal spirits, whose functions were distinctly mental." *(Bernard Hollander, M.D., In Search of the Soul, Vol. I, p. 186.)*

Vesalius, người đầu tiên phân biệt sự khác nhau giữa chất xám và chất trắng của bộ não và mô tả năm não thất, "phân biệt ba linh hồn... và ông gán cho bộ não linh hồn chủ yếu, tổng thể của các tinh thần thú vật, mà các chức năng của chúng rõ ràng thuộc về trí tuệ." *(Bác sĩ Bernard Hollander, Cuộc Tìm Kiếm Linh Hồn, Tập I, tr. 186.)*

Servetus located the soul in the Aqueduct of Sylvius, the channel connecting the third and fourth ventricle of the brain.

Servetus định vị linh hồn ở Cống Sylvius, kênh nối não thất thứ ba và thứ tư của bộ não.

Telesio in *De Rerum Natura* "taught that the soul was the subtlest form of matter, a very delicate substance, enclosed within the nervous system and therefore eluding our senses. Its seat is chiefly the brain, but it extends also to the spinal cord, the nerves, arteries, veins, and the covering membranes of the internal organs.... Recognizing that the nervous system is in close connection

Telesio trong *De Rerum Natura* "dạy rằng linh hồn là dạng vi tế nhất của vật chất, một chất liệu rất vi tế, được bao bọc bên trong hệ thần kinh và do đó lẩn tránh các giác quan của chúng ta. Chỗ ngự của nó chủ yếu là bộ não, nhưng nó cũng mở rộng đến tủy sống, các dây thần kinh, động mạch, tĩnh mạch, và các màng bao phủ các cơ quan nội tạng.... Nhận ra rằng hệ thần kinh có mối liên hệ mật thiết

with soul-life, he acknowledged that the soul in man differs only in degree from the soul in animals. He assumed beside the material soul in man, a divine non-corporeal soul directly implanted by God, which united with the material soul." *(Bernard Hollander, M.D., In Search of the Soul, Vol. I, p. 132.)*

với đời sống linh hồn, ông thừa nhận rằng linh hồn ở con người chỉ khác về mức độ so với linh hồn ở loài vật. Ngoài linh hồn vật chất ở con người, ông giả định một linh hồn thiêng liêng phi thể xác được Thượng đế trực tiếp cấy vào, kết hợp với linh hồn vật chất." *(Bác sĩ Bernard Hollander, Cuộc Tìm Kiếm Linh Hồn, Tập I, tr. 132.)*

Willis ascribed the various faculties of the soul, such as mentality, vitality, memory, etc., to different parts of the brain.

Willis quy các năng lực khác nhau của linh hồn, như trí lực, sinh lực, trí nhớ, v.v., cho các phần khác nhau của bộ não.

Vieussens located the soul in the centrum ovale.

Vieussens định vị linh hồn tại trung tâm bầu dục.

Swedenborg says: "The royal road of the sensations [89] of the body to the soul... is through the corpora striata.... All determinations of the will also descend by that road.... It is the Mercury of Olympus; it announces to the soul what is happening to the body, and it bears the mandates of the soul to the body." *(Bernard Hollander, M.D., In Search of the Soul, Vol. I, p. 186.)*

Swedenborg nói: "Con đường chính của các cảm giác [89] của thân thể đến linh hồn... là thông qua các thể vân.... Mọi quyết định của ý chí cũng đi xuống bằng con đường đó.... Nó là Thần Mercury của đỉnh Olympus; nó thông báo cho linh hồn những gì đang xảy ra với thân thể, và nó mang các mệnh lệnh của linh hồn đến thân thể." *(Bác sĩ Bernard Hollander, Cuộc Tìm Kiếm Linh Hồn, Tập I, tr. 186.)*

The corpora striata are a pair of large ganglia of the brain immediately under the anterior and superior region of the brain.

Các thể vân là một cặp hạch thần kinh lớn của bộ não ngay dưới vùng trước và vùng trên của bộ não.

Hollis concluded that "both sensation and movement have their power in the medulla of the brain. This therefore is the seat of the soul," and

Hollis kết luận rằng "cả cảm giác và chuyển động đều có quyền năng của chúng trong hành não của bộ não. Do đó đây là chỗ ngự của linh hồn," và

Charles Bonnet said: "The different senses... with which we are endowed... have, somewhere, in the brain, secret communications by means of which they may act on one another. The part where the communications take place is that which must be regarded as the seat of the soul.... It

Charles Bonnet nói: "Các giác quan khác nhau... mà chúng ta được phú bẩm... có, ở đâu đó, trong bộ não, những sự giao tiếp bí mật mà nhờ đó chúng có thể tác động lên nhau. Phần nơi các sự giao tiếp diễn ra là phần phải được coi là chỗ ngự của linh hồn.... Chính bằng phần này mà linh hồn tác

is by this part that the soul acts on the body, and by the body on so many different beings. Now the soul acts only by the agency of the nerves." *(Bernard Hollander, M.D. In Search of the Soul, Vol. I, p. 190.)*

động lên thân thể, và qua thân thể lên rất nhiều sinh linh khác. Nay linh hồn chỉ hành động nhờ sự trung gian của các dây thần kinh." *(Bác sĩ Bernard Hollander, Cuộc Tìm Kiếm Linh Hồn, Tập I, tr. 190.)*

von Sommering localized the seat of the soul in the fluid of the cerebral ventricles, whilst

von Sommering khu trú chỗ ngự của linh hồn trong chất dịch của các não thất não, trong khi

W. B. Carpenter, the physiologist, regarded the optic thalamus as the seat of the soul life. (The speculations of these various writers have been taken from Dr. Hollander's work quoted above.)

W. B. Carpenter, nhà sinh lý học, coi đồi thị là chỗ ngự của đời sống linh hồn. (Sự suy đoán của các tác giả khác nhau này được lấy từ tác phẩm của Tiến sĩ Hollander được trích dẫn ở trên.)

However, from the time of Francis Joseph Gall, the great animist and physician and the founder of the Science of Phrenology, emphasis is no longer [90] laid on the probable location of the soul. The mind has emerged into the limelight; character, ethics and what has been called the Science of Ethology has come into being. The relation of psychical qualities to the brain has become the subject of consideration, and today we have included the glands in our speculation and so carried the idea forward. The modern mechanistic teachings of psychology have temporarily taken the place of the older vitalistic, animistic, and mystical ideas. The materialistic approach, however, has been of profound value. It has brought about two things among many others: It has preserved the balance, first of all, and produced a structure of knowledge, based on natural facts, which has off-set the errors and deductions of the visionary mystic and the superstitions of the religious theologians. Secondly, by means of the conclusions arrived at through the work of the modern psychologists, through the study of the mind, and of its power, and through the influence of such organisations

Tuy nhiên, từ thời Francis Joseph Gall, nhà vật linh học và bác sĩ vĩ đại, người sáng lập Khoa Tướng Sọ, sự nhấn mạnh không còn [90] đặt vào vị trí có thể có của linh hồn nữa. Trí tuệ đã trở thành tâm điểm chú ý; tính cách, đạo đức và cái được gọi là Khoa học về Tính cách đã ra đời. Mối quan hệ của các phẩm tính thông linh với bộ não đã trở thành chủ đề được xem xét, và ngày nay chúng ta đã bao gồm các tuyến vào sự suy đoán của mình và do đó mang ý tưởng tiến về phía trước. Các giáo lý cơ giới hiện đại của tâm lý học đã tạm thời thay thế các ý tưởng duy sinh, vật linh và thần bí cũ hơn. Tuy nhiên, cách tiếp cận duy vật đã có giá trị sâu sắc. Nó đã mang lại hai điều trong số nhiều điều khác: Trước hết, nó đã bảo tồn sự cân bằng, và tạo ra một cấu trúc kiến thức, dựa trên các sự kiện tự nhiên, đã hóa giải các sai lầm và suy diễn của nhà thần bí ảo tưởng và sự mê tín của các nhà thần học tôn giáo. Thứ hai, nhờ các kết luận đạt được qua công trình của các nhà tâm lý học hiện đại, qua việc nghiên cứu trí tuệ, và quyền năng của nó, và qua ảnh hưởng của các tổ chức như Khoa học Cơ đốc và Tư Tưởng Mới, một cây cầu đã được xây dựng giữa Đông và Tây. Giờ đây, giáo lý Đông phương về bộ ba linh hồn, trí

as Christian Science and New Thought, a bridge has been constructed between the East and the West. It is now possible for the Oriental teaching as to the triplicity of soul, mind and brain, to be appreciated and understood. After eliminating certain undesirable features (and there are several) and in collaboration with Western science, light again may stream forth from the East and point the way for humanity into a new state of being, into a fuller realisation of power, and into a truer appreciation [91] of the nature of the human soul. Then perhaps we shall appreciate the truth of Browning's conception of this integrated human being:

tuệ và bộ não đã có thể được đánh giá cao và thấu hiểu. Sau khi loại bỏ một số đặc điểm không mong muốn (và có vài điều như vậy) và trong sự cộng tác với khoa học phương Tây, ánh sáng một lần nữa có thể tuôn ra từ phương Đông và chỉ đường cho nhân loại đi vào một trạng thái hiện hữu mới, vào một sự chứng nghiệm trọn vẹn hơn về quyền năng, và vào một sự đánh giá đúng đắn hơn [91] về bản chất của linh hồn con người. Khi đó có lẽ chúng ta sẽ đánh giá cao sự thật trong quan niệm của Browning về con người tích hợp này:

"Three souls which make up one soul; first, to wit,

"Ba linh hồn tạo nên một linh hồn; thứ nhất, tức là

A soul of each and all the bodily parts,

Một linh hồn của mỗi và mọi bộ phận cơ thể,

Seated therein, which works, and is what Does,

Ngự bên trong, làm việc, và là cái Làm,

And has the use of earth, and ends the man

Và sử dụng đất, và tạo nên giới hạn của con người

Downward: but, tending upward for advice,

Hướng xuống: nhưng, hướng lên để xin lời khuyên,

Grows into, and again is grown into

Phát triển vào trong, và lại được phát triển vào

By the next soul, which, seated in the brain,

Bởi linh hồn kế tiếp, vốn ngự trong não,

Useth the first with its collected use,

Sử dụng cái thứ nhất với công dụng đã thu thập của nó,

And feeleth, thinketh, willeth—is what Knows:

Và cảm thấy, suy nghĩ, định đoạt—là cái Biết:

Which, duly tending upward in its turn,

	Cái mà, đến lượt mình hướng lên một cách thích hợp,
Grows into, and again is grown into	Phát triển vào trong, và lại được phát triển vào
By the last soul, that uses both the first,	Bởi linh hồn cuối cùng, vốn sử dụng cả hai cái trước,
Subsisting whether they assist or no,	Tồn tại dù chúng có hỗ trợ hay không,
And, constituting man's self, is what Is—	Và, cấu thành bản ngã của con người, là cái Là—
And leans upon the former, makes it play,	Và dựa vào cái trước đó, làm cho nó hoạt động,
As that played off the first; and, tending up,	Như cái đó đã làm cho cái thứ nhất hoạt động; và, hướng lên,
Holds, is upheld by, God, and ends the man	Nắm giữ, được nâng đỡ bởi, Thượng đế, và tạo nên giới hạn của con người
Upward in that dread point of intercourse,	Hướng lên tại điểm giao tiếp đáng sợ đó,
Nor needs a place, for it returns to Him.	Cũng không cần một nơi chốn, vì nó trở về với Ngài.
What Does, what Knows, what Is; three souls, one man."	Cái Làm, cái Biết, cái Là; ba linh hồn, một con người."
(Robert Browning, A Death in the Desert.)	(Robert Browning, Cái Chết trong Sa Mạc.)

CHAPTER V — ORIENTAL TEACHING AS TO THE SOUL, ETHER AND ENERGY—CHƯƠNG V — GIÁO LÝ ĐÔNG PHƯƠNG VỀ LINH HỒN, DĨ THÁI VÀ NĂNG LƯỢNG

"As from its fineness, the all-pervading ether is not touched, so the soul, located in every body, is not touched.

"Như vì sự tinh tế của nó, dĩ thái thâm nhập tất cả không bị chạm đến, cũng vậy linh hồn, ngự trong mọi thân thể, không bị chạm đến.

"As the one Sun illumines all this world so He that abideth in the body lights up the whole field.

"Như một Mặt Trời soi sáng tất cả thế gian này, cũng vậy Ngài, Đấng ngự trong thể xác, thắp sáng toàn bộ trường.

"They, who with the eye of Wisdom perceive the distinction between the field and the Knower of the field, and the liberation of being from nature, go to the Supreme." *(Bhagavad Gita, XIII, pp. 32, 33, 34.)*

"Họ, những người với con mắt của Minh triết nhận thức sự phân biệt giữa trường và Thức giả của trường, và sự giải thoát của bản thể khỏi tự nhiên, đi đến Đấng Tối Cao." *(Chí Tôn Ca, XIII, tr. 32, 33, 34.)*

[92] The literature of the East dealing with the soul and its expression, the etheric or vital body, on the physical plane is immense as a study of the very incomplete bibliography will show. Scattered throughout the Upanishads and the Puranas are thousands of passages dealing with this teaching. Two of the most important sources of information are the *Shiv-Samhita* and the *Shatchakra Nirupanam.*

[92] Văn học của phương Đông đề cập đến linh hồn và sự biểu lộ của nó, thể dĩ thái hay thể sinh lực, trên cõi hồng trần rất phong phú, như việc xem xét danh mục tài liệu tham khảo còn rất thiếu sẽ cho thấy. Rải rác khắp các Upanishad và Purana là hàng ngàn đoạn đề cập đến giáo lý này. Hai trong số những nguồn thông tin quan trọng nhất là *Shiv-Samhita* và *Shatchakra Nirupanam.*

Sir John Woodroffe (Arthur Avalon) has done much, through his books, to bring a knowledge of this Eastern teaching and of this technique of soul development to the West; he has, through the form in which he has presented it, safeguarded the public also from a too quick comprehension of a most [93] dangerous science. A little book by a Hindu physician, well grounded in Western medicine and science, entitled *The*

Sir John Woodroffe (Arthur Avalon) đã làm rất nhiều, qua các cuốn sách của ông, để mang kiến thức về giáo lý phương Đông này và về kỹ thuật phát triển linh hồn này đến phương Tây; qua hình thức mà ông đã trình bày, ông cũng đã bảo vệ công chúng khỏi sự hiểu biết quá nhanh về một [93] khoa học nguy hiểm nhất. Một cuốn sách nhỏ của một bác sĩ Hindu, có nền tảng tốt về y học và khoa học phương Tây, tựa đề *The Mysterious*

Mysterious Kundalini (Vasant G. Rele) is of real value also.

Kundalini (Vasant G. Rele) cũng có giá trị thực sự.

The danger of this science is well recognised by those who know anything about it. It lies in the fact that through a knowledge of a certain technical method it becomes possible for a man to work actively with the forces of his own nature, as they function through the medium of the vital body. Modern physicians are recognising increasingly the energy factor in connection with man. The electrical nature of the human unit is a natural out-growth of a necessary recognition that the physical body is formed of atoms, as are all forms in the natural world.

Sự nguy hiểm của khoa học này được nhận biết rõ bởi những ai biết bất cứ điều gì về nó. Nó nằm ở thực tế là thông qua sự hiểu biết về một phương pháp kỹ thuật nhất định, một người có thể làm việc tích cực với các mãnh lực của chính bản chất mình, khi chúng vận hành qua trung gian của thể sinh lực. Các bác sĩ hiện đại đang ngày càng nhận ra yếu tố năng lượng liên quan đến con người. Bản chất điện của đơn vị con người là một sự phát triển tự nhiên của sự công nhận cần thiết rằng thể xác được hình thành từ các nguyên tử, cũng như mọi hình tướng trong thế giới tự nhiên.

The Occidental scientist recognises ether and motion. The Oriental teacher speaks of the akasha and of prana. Both are dealing with the vital livingness which permeates all forms, and is the cause of their coherency, sentiency, and terms of existence. The following passage from the *Kenopanishad* will substantiate this.

Nhà khoa học phương Tây công nhận dĩ thái và chuyển động. Vị thầy phương Đông nói về akasha và prana. Cả hai đều đang đề cập đến sinh lực sống động vốn thâm nhập mọi hình tướng, và là nguyên nhân cho sự kết dính, khả năng cảm giác, và các điều kiện tồn tại của chúng. Đoạn trích sau đây từ *Kenopanishad* sẽ chứng minh điều này.

"Unmanifested, formless, the one giver of light, is the Great Power; from that appeared the sonoriferous ether (Akasha); from that had birth the tangiferous ether.

"Không biểu hiện, vô tướng, đấng ban ánh sáng duy nhất, là Quyền Năng Vĩ Đại; từ đó xuất hiện dĩ thái truyền âm (Akasha); từ đó sinh ra dĩ thái truyền xúc giác.

"From the tangiferous ether, the luminiferous ether, and from this the gustiferous ether; thence was the birth of the odoriferous ether. These are the five ethers and they have fivefold extension. [94]

"Từ dĩ thái truyền xúc giác, sinh ra dĩ thái truyền ánh sáng, và từ đây dĩ thái truyền vị; từ đó là sự ra đời của dĩ thái truyền hương. Đây là năm dĩ thái và chúng có sự triển khai thành năm phần. [94]

"From these the universe came forth; by these it continues; into these it disappears; among these also it shows itself again." *(Kenopanishad—Quoted by Rama Prasad in Nature's Finer Forces, pp. 187-188.)*

"Từ những cái này vũ trụ sinh ra; nhờ những cái này nó tiếp tục; vào trong những cái này nó biến mất; giữa những cái này nó cũng tự thể hiện lại." *(Kenopanishad—Được trích dẫn*

bởi Rama Prasad trong Các Mãnh Lực Tinh Vi Hơn của Tự Nhiên, tr. 187-188.)

A resemblance between the luminiferous ether of the ancient Indian scriptures, and the light waves of the modern scientist is obvious. Rama Prasad in an amazingly interesting book called Nature's Finer Forces lists four states of subtle matter:

Một sự tương đồng giữa dĩ thái truyền ánh sáng của các kinh sách Ấn Độ cổ đại, và các sóng ánh sáng của nhà khoa học hiện đại là hiển nhiên. Rama Prasad trong một cuốn sách thú vị đáng kinh ngạc có tên Nature's Finer Forces liệt kê bốn trạng thái của vật chất vi tế:

1. Prana or life matter

1. Prana hay vật chất sự sống

2. Psychic matter

2. Vật chất thông linh

3. Mental matter

3. Vật chất trí tuệ

4. Spiritual matter

4. Vật chất tinh thần

and it becomes apparent that these four are qualities of the energies which use the Akasha as their medium of expression. A study of the Oriental books gives us a picture of a material world which is brought into being and animated by a subjective world of forces, which use the ether (Akasha) as their playground, and are responsible for all forms, qualities and differentiations in the phenomenal world.

và trở nên rõ ràng rằng bốn cái này là các phẩm tính của những năng lượng sử dụng Akasha làm môi trường biểu lộ của chúng. Một nghiên cứu về các sách phương Đông cho chúng ta một bức tranh về một thế giới vật chất được đưa vào hiện hữu và được làm cho sống động bởi một thế giới nội giới của các mãnh lực, vốn sử dụng dĩ thái (Akasha) như sân chơi của chúng, và chịu trách nhiệm cho mọi hình tướng, phẩm tính và sự biến phân trong thế giới hiện tượng.

The following extracts from *The Serpent Power* give the Oriental teaching about matter and ether.

Các đoạn trích sau đây từ *Quyền Năng Hỏa Xà (The Serpent Power)* đưa ra giáo lý phương Đông về vật chất và dĩ thái.

"Recent scientific research has shown that this original substance cannot be scientific 'matter'—that is, that which has mass, weight, and inertia. Matter has been dematerialised and reduced, according to current hypotheses, [95] to something which differs profoundly from 'matter' as known by the senses. This ultimate

"Nghiên cứu khoa học gần đây đã chỉ ra rằng chất liệu ban đầu này không thể là 'vật chất' khoa học—nghĩa là, cái có khối lượng, trọng lượng, và quán tính. Vật chất đã bị phi vật chất hóa và quy về, theo các giả thuyết hiện hành, [95] thành một cái gì đó khác biệt sâu sắc với 'vật chất' như được biết bởi các giác quan. Chất liệu tối hậu này được tuyên bố là

substance is stated to be Ether in a state of motion. The present scientific hypothesis would appear to be as follows. There is no such thing as scientific 'Matter.' If there seems to be such, this is due to the action of Shakti as Maya. The ultimate and simplest physical factor from which the universe has arisen is motion of and in a substance, called 'ether,' which is not scientific 'matter.' The motions of this substance give rise from the realistic point of view to the notion of 'matter.' Matter is thus at base one, notwithstanding the diversity of its forms. Its ultimate element is on the final analysis of one kind, and the differences in the various kinds of matter depend on the various movements of the ultimate particle and its succeeding combinations. Given such unity of base, it is possible that one form of matter may pass into another." *(Arthur Avalon (Sir John Woodroffe), The Serpent Power, p. 89.)*

Dĩ thái trong trạng thái chuyển động. Giả thuyết khoa học hiện tại dường như sẽ như sau. Không có cái gọi là 'Vật chất' khoa học. Nếu dường như có cái như vậy, điều này là do tác động của Shakti như là Maya. Yếu tố vật lý đơn giản nhất và tối hậu mà từ đó vũ trụ đã nảy sinh là chuyển động của và trong một chất liệu, gọi là 'dĩ thái,' vốn không phải là 'vật chất' khoa học. Các chuyển động của chất liệu này tạo nên, từ quan điểm duy thực, khái niệm về 'vật chất.' Do đó vật chất về cơ bản là một, bất chấp sự đa dạng về hình tướng của nó. Nguyên tố tối hậu của nó xét về sự phân tích cuối cùng là thuộc một loại, và những sự khác biệt trong các loại vật chất khác nhau phụ thuộc vào các chuyển động khác nhau của hạt tối hậu và các tổ hợp kế tiếp của nó. Với sự thống nhất về cơ sở như vậy, có thể một dạng vật chất này chuyển sang dạng khác." *(Arthur Avalon (Sir John Woodroffe), Quyền Năng Hỏa Xà, tr. 89.)*

In another book Arthur Avalon says:

Trong một cuốn sách khác Arthur Avalon nói:

"In the first place, it is now admitted that 'matter,' even with the addition of all possible forces, is insufficient to explain many phenomena, such as those of light; and it has, accordingly, come to be an article of scientific faith that there is a substance called 'Ether'; a medium which, filling the universe, transports by its vibrations the radiations of light, heat, electricity, and perhaps action from a distance, such as the attraction exercised between heavenly bodies. It is said, however, that this Ether is not 'matter,' but differs profoundly from it, and that it is only our infirmity of knowledge which obliges us, in our attempted description of it, to borrow comparisons from 'matter' in its ordinary physical sense, which alone is known by our

"Trước hết, hiện nay người ta thừa nhận rằng 'vật chất,' ngay cả với sự bổ sung của tất cả các mãnh lực có thể, là không đủ để giải thích nhiều hiện tượng, chẳng hạn như hiện tượng ánh sáng; và theo đó, đã trở thành một tín điều khoa học rằng có một chất liệu gọi là 'Dĩ thái'; một môi trường vốn, lấp đầy vũ trụ, vận chuyển bằng các rung động của nó các bức xạ của ánh sáng, nhiệt, điện, và có lẽ tác động từ xa, chẳng hạn như sự hấp dẫn được thực hiện giữa các thiên thể. Tuy nhiên, người ta nói rằng Dĩ thái này không phải là 'vật chất,' mà khác biệt sâu sắc với nó, và rằng chỉ do sự khiếm khuyết về kiến thức của chúng ta buộc chúng ta, trong sự cố gắng mô tả nó, phải mượn các sự so sánh từ 'vật chất' theo nghĩa vật lý thông thường của nó, vốn là cái duy nhất được biết bởi các giác

senses. But if we assume the existence of Ether, we know that [96] 'material' bodies immersed in it can change their places therein. In fact, to use an Indian expression, the characteristic property of the vibrations of the Akasha Tattva is to make the space in which the other Tattvas and their derivatives exist. With 'Matter' and Ether as its materials, Western purely 'scientific' theories have sought to construct the world." *(Arthur Avalon (Sir John Woodroffe), Shakti and Shakta, p. 167.)*

quan của chúng ta. Nhưng nếu chúng ta giả định sự tồn tại của Dĩ thái, chúng ta biết rằng [96] các vật thể 'vật chất' chìm trong nó có thể thay đổi vị trí của chúng ở trong đó. Thực tế, để sử dụng một thuật ngữ Ấn Độ, đặc tính tiêu biểu của các rung động của Akasha Tattva là tạo ra không gian trong đó các Tattva khác và các dẫn xuất của chúng tồn tại. Với 'Vật chất' và Dĩ thái làm nguyên liệu của nó, các lý thuyết thuần túy 'khoa học' phương Tây đã tìm cách xây dựng thế giới." *(Arthur Avalon (Sir John Woodroffe), Shakti và Shakta, tr. 167.)*

"Many people were wont, as some still are, to laugh at the idea of Maya. Was not matter solid, permanent and real enough? But according to science what are we (as physical beings) at base? The answer is, infinitely tenuous formless energy which materialises into relatively stable, yet essentially transitory, forms.... The process by which the subtle becomes gradually more and more gross continues until it develops into what a friend of mine calls the 'crust' of solid matter (Parthivabhuta). This whilst it lasts is tangible enough. But it will not last for ever and in some radio-active substances dissociates before our eyes." *(Arthur Avalon (Sir John Woodroffe) Shakti and Shakta, p. 170.)*

"Nhiều người đã từng, cũng như một số người vẫn còn, cười nhạo ý tưởng về Maya. Chẳng phải vật chất đủ rắn chắc, thường hằng và thực tế sao? Nhưng theo khoa học, chúng ta (như những sinh vật vật lý) về cơ bản là gì? Câu trả lời là, năng lượng vô tướng mong manh vô hạn vật chất hóa thành các hình tướng tương đối ổn định, nhưng về bản chất là nhất thời.... Quá trình mà qua đó cái vi tế dần dần trở nên ngày càng thô trược hơn tiếp tục cho đến khi nó phát triển thành cái mà một người bạn của tôi gọi là 'lớp vỏ' của vật chất rắn (Parthivabhuta). Điều này trong khi nó tồn tại thì đủ hữu hình. Nhưng nó sẽ không tồn tại mãi mãi và trong một số chất phóng xạ nó phân ly trước mắt chúng ta." *(Arthur Avalon (Sir John Woodroffe) Shakti và Shakta, tr. 170.)*

Vivekananda, who did so much to reveal the soul of India to the West, says:

Vivekananda, người đã làm rất nhiều để tiết lộ linh hồn của Ấn Độ cho phương Tây, nói:

"According to the philosophers of India, the whole universe is composed of two materials, one of which they call *Akasa*. It is the omnipresent all penetrating existence. Everything that has form, everything that is the result of the compounds, is evolved out of this *Akasa*. It is the *Akasa* that becomes the air, that becomes the liquids, that

"Theo các triết gia của Ấn Độ, toàn bộ vũ trụ được cấu tạo từ hai vật liệu, một trong số đó họ gọi là *Akasa*. Nó là sự hiện hữu thâm nhập tất cả có mặt khắp nơi. Mọi thứ có hình tướng, mọi thứ là kết quả của các hợp chất, đều được tiến hóa ra từ *Akasa* này. Chính *Akasa* trở thành không khí, trở thành các chất lỏng, trở thành các chất rắn; chính

becomes the solids; it is the *Akasa* that becomes the sun, the earth, the moon, the stars, the comets; it is the *Akasa* that becomes the body, the animal body, the planets, every form that we see, everything that can be sensed, everything that exists. It itself cannot be perceived; it is so subtle that [97] it is beyond all ordinary perception; it can only be seen when it has become gross, has taken form. At the beginning of creation there is only this *Akasa*; at the end of the cycle the solids, the liquids, and the gases all melt into the *Akasa* again, and the next creation similarly proceeds out of this *Akasa*.

Akasa trở thành mặt trời, trái đất, mặt trăng, các ngôi sao, các sao chổi; chính *Akasa* trở thành cơ thể, cơ thể động vật, các hành tinh, mọi hình tướng mà chúng ta thấy, mọi thứ có thể được cảm nhận, mọi thứ tồn tại. Bản thân nó không thể được nhận thức; nó tinh tế đến mức [97] nó vượt ngoài mọi sự nhận thức thông thường; nó chỉ có thể được nhìn thấy khi nó đã trở nên thô trược, đã lấy hình tướng. Vào lúc bắt đầu của cuộc sáng tạo chỉ có *Akasa* này; vào lúc cuối của chu kỳ, các chất rắn, chất lỏng, và chất khí tất cả tan chảy vào *Akasa* một lần nữa, và cuộc sáng tạo tiếp theo cũng tiến hành tương tự từ *Akasa* này.

"By what power is this *Akasa* manufactured into this universe? By the power of Prana. Just as *Akasa* is the infinite omnipresent material of this universe, so is this *Prana* the infinite omnipresent manifesting power of this universe. At the beginning and at the end of a cycle everything becomes *Akasa*, and all the forces that are in the universe resolve back into the *Prana*; in the next cycle, out of this *Prana*, is evolved everything that we call energy, everything that we call force. It is the *Prana* that is manifesting as motion; it is the *Prana* that is manifesting as gravitation, as magnetism. It is the *Prana* that is manifesting as the actions of the body, as the nerve currents, as thought force. From thought, down to the lowest physical force, everything is but the manifestation of *Prana*. The sum-total of all force in the universe, mental or physical, when resolved back to its original state, is called *Prana*..." *(Swami Vivekananda, Raja Yoga, pp. 29, 30.)*

"Bởi quyền năng nào mà *Akasa* này được chế tạo thành vũ trụ này? Bởi quyền năng của Prana. Cũng như *Akasa* là vật liệu có mặt khắp nơi vô hạn của vũ trụ này, thì *Prana* này cũng là quyền năng biểu lộ có mặt khắp nơi vô hạn của vũ trụ này. Vào lúc bắt đầu và lúc kết thúc của một chu kỳ mọi thứ trở thành *Akasa*, và tất cả các mãnh lực có trong vũ trụ quy trở lại *Prana*; trong chu kỳ kế tiếp, từ *Prana* này, được tiến hóa mọi thứ mà chúng ta gọi là năng lượng, mọi thứ mà chúng ta gọi là mãnh lực. Chính *Prana* đang biểu lộ là chuyển động; chính *Prana* đang biểu lộ là lực hấp dẫn, là từ tính. Chính *Prana* đang biểu lộ là các hành động của cơ thể, là các dòng thần kinh, là mãnh lực tư tưởng. Từ tư tưởng, xuống đến mãnh lực vật lý thấp nhất, mọi thứ chỉ là sự biểu lộ của *Prana*. Tổng cộng của tất cả mãnh lực trong vũ trụ, thuộc trí tuệ hay vật lý, khi được quy trở lại trạng thái nguyên thủy của nó, được gọi là *Prana*..." *(Swami Vivekananda, Raja Yoga, tr. 29, 30.)*

A more modern writer, Ramacharaka, says:

Một tác giả hiện đại hơn, Ramacharaka, nói:

"In order to avoid misconceptions arising from the various theories regarding this

"Để tránh những hiểu lầm nảy sinh từ các lý thuyết khác nhau liên quan đến nguyên lý vĩ

great principle, which theories are usually attached to some name given the principle, we, in this work, will speak of the principle as *'Prana,'* this word being the Sanscrit term meaning 'Absolute Energy.' Many occult authorities teach that the principle which the Hindus term *'Prana'* is the universal principle of energy or force, and that all energy or force is derived from that principle, or, rather, [98] is a particular form of manifestation of that principle.... We may consider it as the active principle of life—Vital Force, if you please. It is found in all forms of life, from the amoeba to man—from the most elementary form of plant life to the highest form of animal life. *'Prana'* is all pervading. It is found in all things having life, and as the occult philosophy teaches that life is in all things—in every Atom—the apparent lifelessness of some things being only a lesser degree of manifestation, we may understand their teachings that *'Prana'* is everywhere, in everything. *'Prana'* must not be confounded with the Ego—that bit of Divine Spirit in every soul, around which clusters matter and energy. *'Prana'* is merely a form of energy used by the Ego in its material manifestation. When the Ego leaves the body, the *'Prana,'* being no longer under its control, responds only to the order of the individual atoms, or groups of atoms, forming the body, and as the body disintegrates and is resolved to its original elements, each atom takes with it sufficient *'Prana'* to enable it to form new combinations, the unused *'Prana'* returning to the great universal storehouse from which it came. With the Ego in control, cohesion exists and the atoms are held together by the Will of the Ego.

đại này, những lý thuyết thường được gắn với một cái tên nào đó được đặt cho nguyên lý, chúng tôi, trong tác phẩm này, sẽ nói về nguyên lý như là *'Prana,'* từ này là thuật ngữ Phạn ngữ nghĩa là 'Năng Lượng Tuyệt Đối.' Nhiều tác giả có uy tín về huyền bí học dạy rằng nguyên lý mà người Hindu gọi là *'Prana'* là nguyên lý năng lượng hay mãnh lực vũ trụ, và rằng tất cả năng lượng hay mãnh lực đều bắt nguồn từ nguyên lý đó, hay đúng hơn, [98] là một hình thức biểu lộ cụ thể của nguyên lý đó.... Chúng ta có thể coi nó như nguyên khí năng động của sự sống—Sinh Lực, nếu bạn muốn. Nó được tìm thấy trong mọi hình thức của sự sống, từ amip đến con người—từ hình thức sơ đẳng nhất của đời sống thực vật đến hình thức cao nhất của đời sống động vật. *'Prana'* thâm nhập tất cả. Nó được tìm thấy trong mọi thứ có sự sống, và vì triết học huyền bí dạy rằng sự sống có trong mọi thứ—trong mỗi Nguyên tử—sự không có sự sống bề ngoài của một số thứ chỉ là một mức độ biểu lộ thấp hơn, chúng ta có thể hiểu những lời dạy của họ rằng *'Prana'* ở khắp mọi nơi, trong mọi thứ. *'Prana'* không được nhầm lẫn với Chân ngã—mẩu Tinh thần Thiêng liêng đó trong mỗi linh hồn, mà xung quanh nó vật chất và năng lượng tụ tập. *'Prana'* chỉ là một dạng năng lượng được Chân ngã sử dụng trong sự biểu lộ vật chất của nó. Khi Chân ngã rời bỏ cơ thể, *'Prana,'* không còn dưới sự kiểm soát của nó nữa, chỉ đáp ứng với mệnh lệnh của các nguyên tử riêng lẻ, hoặc các nhóm nguyên tử, tạo thành cơ thể, và khi cơ thể tan rã và được phân rã về các nguyên tố ban đầu của nó, mỗi nguyên tử mang theo nó đủ *'Prana'* để cho phép nó tạo thành các tổ hợp mới, phần *'Prana'* không sử dụng trở về kho chứa vũ trụ vĩ đại mà từ đó nó đến. Với Chân ngã nắm quyền kiểm soát, sự kết dính tồn tại và các nguyên tử được giữ lại với nhau bởi Ý Chí của Chân ngã.

"'*Prana*' is the name by which we designate a universal principle, which principle is the essence of all motion, force or energy, whether manifested in gravitation, electricity, the revolution of the planets, and all forms of life, from the highest to the lowest. It may be called the soul of Force and Energy in all their forms, and that principle which, operating in a certain way, causes that form of activity which accompanies life." *(Yogi Ramacharaka, The Hindu-Yogi Science of Breath, pp. 16, 17.)*

"'*Prana*' là cái tên mà chúng tôi dùng để chỉ định một nguyên lý vũ trụ, nguyên lý đó là tinh chất của mọi chuyển động, mãnh lực hay năng lượng, dù được biểu lộ trong lực hấp dẫn, điện, chuyển động trên quỹ đạo của các hành tinh, và mọi hình thức của sự sống, từ cao nhất đến thấp nhất. Nó có thể được gọi là linh hồn của Mãnh lực và Năng lượng trong mọi hình thức của chúng, và nguyên lý đó, hoạt động theo một cách nhất định, gây ra hình thức hoạt động đi kèm với sự sống." *(Yogi Ramacharaka, Khoa học về Hơi thở của Yogi Hindu, tr. 16, 17.)*

This prana is therefore the universal life principle in all forms, and the so-called energies or [99] life of the human body are the differentiated quota of that universal principle which any particular human soul has appropriated.

Do đó prana này là nguyên lý sự sống vũ trụ trong mọi hình tướng, và cái gọi là các năng lượng hay [99] sự sống của cơ thể con người là phần được phân biệt của nguyên lý vũ trụ đó mà bất kỳ linh hồn con người cụ thể nào đã chiếm hữu.

The energies which utilise the akasha (ether) in the universe are divided into three main divisions according to the Ageless Wisdom.

Các năng lượng sử dụng akasha (dĩ thái) trong vũ trụ được chia thành ba nhóm chính theo Minh Triết Ngàn Đời.

1. *Fohat,* is analogous to what the Christian regards as the spirit; it is the will-to-exist, the determining life principle of God, Who, we can predicate, is the sum total of all forms, and of all states of consciousness; it is divine Purpose, actively functioning.

1. *Fohat,* tương tự với cái mà người Cơ đốc giáo coi là tinh thần; nó là ý chí-tồn tại, nguyên lý sự sống quyết định của Thượng đế, Đấng, mà chúng ta có thể khẳng định, là tổng thể của mọi hình tướng, và của mọi trạng thái tâm thức; nó là Thiên Ý, đang vận hành một cách tích cực.

2. *Prana,* is analogous to the activity of the consciousness principle, the Soul of the Christian. This prana is an effect of the union of spirit or life, and matter or substance, and demonstrates as the energy of the form, as it produces cohesion, animation and sensitivity, carrying out divine purpose.

2. *Prana,* tương tự với hoạt động của nguyên lý tâm thức, Linh hồn của người Cơ đốc giáo. Prana này là một hiệu quả của sự hợp nhất của tinh thần hay sự sống, và vật chất hay chất liệu, và biểu lộ thành năng lượng của hình tướng, khi nó tạo ra sự kết dính, sự hoạt hóa và tính nhạy cảm, thực hiện thiên ý.

3. *Kundalini*, as it is called in connection with the human form, is the force latent in matter itself; it is the integral life of the atom, apart from any form in which that atom may participate in its tiny cycle of experience.

3. *Kundalini*, như nó được gọi trong mối liên hệ với hình tướng con người, là mãnh lực tiềm tàng trong chính vật chất; nó là sự sống toàn vẹn của nguyên tử, tách biệt với bất kỳ hình tướng nào mà nguyên tử đó có thể tham gia trong chu kỳ kinh nghiệm nhỏ bé của nó.

Shakti is power or energy. Arthur Avalon defines it as follows:

Shakti là quyền năng hay năng lượng. Arthur Avalon định nghĩa nó như sau:

"What then is Shakti and how does it come about that there is some principle of unconsciousness in things; a fact which cannot be denied. Shakti comes from the root 'shak' 'to be able,' 'to have power.' It [100] may be applied to any form of activity. The power to burn is Shakti of fire and so forth. These are all forms of activity which are ultimately reducible to the Primordial Shakti (Adya Shakti) whence every other form of Power proceeds." *(Sir John Woodroffe (Arthur Avalon), Shakti and Shakta, p. 207.)*

"Vậy Shakti là gì và làm thế nào mà có một nguyên lý vô thức nào đó trong sự vật; một thực tế không thể phủ nhận. Shakti đến từ gốc 'shak' 'có thể,' 'có quyền năng.' Nó [100] có thể được áp dụng cho bất kỳ hình thức hoạt động nào. Quyền năng đốt cháy là Shakti của lửa và vân vân. Tất cả những cái này là các hình thức hoạt động vốn cuối cùng có thể quy về Shakti Nguyên Thủy (Adya Shakti) mà từ đó mọi hình thức Quyền Năng khác xuất phát." *(Sir John Woodroffe (Arthur Avalon), Shakti và Shakta, tr. 207.)*

These three types of energy are therefore aspects of the one universal life, as it expresses itself through a solar system, utilising the ether as its medium or field of activity, and producing therefrom all the objective forms. The process repeats itself in man, according to the Hindu philosophy.

Do đó ba loại năng lượng này là các phương diện của sự sống duy nhất vũ trụ, khi nó tự biểu lộ qua một hệ mặt trời, sử dụng dĩ thái làm môi trường hay trường hoạt động của nó, và tạo ra từ đó mọi hình tướng ngoại giới. Quá trình này tự lặp lại ở con người, theo triết học Hindu.

The physical body is the expression in its component parts or atoms of the third type of energy, and the sum-total of that atomic energy is called Kundalini:

Thể xác là sự biểu lộ trong các phần cấu thành hay các nguyên tử của nó của loại năng lượng thứ ba, và tổng thể của năng lượng nguyên tử đó được gọi là Kundalini:

"The centre where all residual sensations are, as it were, stored up is called Mul-adhara chakra, and the coiled up energy of action is Kundalini, 'the coiled up'."

"Trung tâm nơi mọi cảm giác còn lại, cứ như là, được lưu trữ được gọi là Luân xa Mul-adhara, và năng lượng hành động được cuộn lại là Kundalini, 'cái cuộn lại'."

"It is the individual bodily representative of the great cosmic power (Shakti) which created and sustains the universe." *(Vasant G. Rele, The Mysterious Kundalini, p. 40.)*

"Nó là đại diện thuộc cơ thể cá nhân của quyền năng vũ trụ vĩ đại (Shakti) vốn đã tạo ra và duy trì vũ trụ." *(Vasant G. Rele, The Mysterious Kundalini, tr. 40.)*

The physical body itself is often regarded as an atom in the body of the human kingdom, and in this case the Kundalini energy, localised as it is supposed to be in a centre at the base of the spine, would be a positive nucleus, with the other atoms of the body regarded as electronic in nature.

Bản thân thể xác thường được coi là một nguyên tử trong tập thể của giới nhân loại, và trong trường hợp này năng lượng Kundalini, được định vị như nó được cho là ở một trung tâm tại đáy cột sống, sẽ là một hạt nhân dương, với các nguyên tử khác của cơ thể được coi là có bản chất điện tử.

The vital body, or body of ether, is the medium [101] for the expression of the life soul, that sentient vivifying duality which we call prana. This dual energy has two positive centres in the vital body and consequently in the physical—one in the heart, where feeling and sentiency are claimed to be centred, and another in the head where the mind and the spiritual consciousness find expression.

Thể sinh lực, hay thể dĩ thái, là trung gian [101] cho sự biểu lộ của linh hồn sự sống, cái nhị nguyên làm sống động và có cảm giác mà chúng ta gọi là prana. Năng lượng kép này có hai trung tâm dương trong thể sinh lực và do đó trong thể xác—một ở tim, nơi cảm xúc và khả năng cảm giác được cho là tập trung, và một cái khác ở đầu nơi trí tuệ và tâm thức tinh thần tìm thấy sự biểu lộ.

Dr. Rele says that "Prana proper is located between the larynx and the base of the heart."

Bác sĩ Rele nói rằng "Prana đúng nghĩa nằm giữa thanh quản và đáy tim."

"The heart more than the head occupies the attention of the thinkers of the Upanishads. It is there that the vital breaths reside. Not only the five pranas, but also eye, ear, speech, and manas originate from the heart. The heart and not the head is the home of manas; and the former therefore is the centre also of conscious life. In sleep the organs of the soul remain in the heart, and there also they gather at death; 'through the heart we recognize forms,' through the heart we recognize faith, beget children, know the truth, on it speech also is based, while the further question on what the heart is based is angrily rejected. Not the organs however

"Trái tim chiếm nhiều sự chú ý của các tư tưởng gia Upanishad hơn là cái đầu. Chính nơi đó các hơi thở sinh lực cư ngụ. Không chỉ năm loại prana, mà cả mắt, tai, lời nói, và manas đều bắt nguồn từ trái tim. Trái tim chứ không phải cái đầu mới là nhà của manas; và vì vậy trái tim cũng là trung tâm của đời sống hữu thức. Trong giấc ngủ, các cơ quan của linh hồn vẫn ở trong trái tim, và chúng cũng tụ hội về đó khi chết; 'thông qua trái tim chúng ta nhận biết các hình tướng,' thông qua trái tim chúng ta nhận biết đức tin, sinh con để cái, biết sự thật, lời nói cũng dựa vào đó, trong khi câu hỏi xa hơn về việc trái tim dựa vào đâu lại bị giận dữ bác bỏ.

alone, but all beings are based upon and supported by the heart; and even setting aside the actual definition of the heart as Brahman, it is yet the empirical home of the soul, and therefore of Brahman—'here within the heart is a cavity, wherein he resides, the lord of the universe, the ruler of the universe, the chief of the universe.' The heart is called hridayam, because 'it is he' who dwells 'in the heart' (hridi ayam, Chand. 8.3.3.), small as a grain of rice or barley; an inch in height the purusha dwells in the midst of the body, as the self of created things in the heart." *(Dr. Paul Deussen, The Philosophy of the Upanishads, pp. 286, 287.)* [102]

Tuy nhiên, không chỉ các cơ quan, mà mọi sinh linh đều dựa vào và được nâng đỡ bởi trái tim; và ngay cả khi gạt bỏ định nghĩa thực tế về trái tim là Brahman, nó vẫn là nơi trú ngụ của linh hồn theo kinh nghiệm, và do đó là của Brahman—'tại đây bên trong trái tim là một hang động, nơi Ngài cư ngụ, chúa tể của vũ trụ, đấng cai trị của vũ trụ, thủ lĩnh của vũ trụ.' Trái tim được gọi là hridayam, bởi vì 'chính là Ngài' Đấng cư ngụ 'trong trái tim' (hridi ayam, Chand. 8.3.3.), nhỏ như một hạt gạo hay hạt lúa mạch; cao một inch, purusha cư ngụ ở giữa cơ thể, như bản ngã của các vật được tạo ra ở trong trái tim." *(Dr. Paul Deussen, The Philosophy of the Upanishads, tr. 286, 287.)* [102]

"Similarly numerous passages in the later Upanishads celebrate Brahman as 'implanted in the cavity of the heart.' The identity of the atman in us with the atman of the universe is expressed by the *tat tvam asi* of Chand. 6.8-16, and also by the *etad vai tad*, 'in truth this is that,' of Brih. 5.4, which is probably an imitation of the other. The same formula is found twelve times in Kath. 4.3-6.1, in a prose passage appended to the verses. The highest bliss, according to Kath. 5.14, consists in the consciousness of this thought. We quote in this connection only Kath. 4.12-13:

"Tương tự, nhiều đoạn trong các Upanishad sau này ca ngợi Brahman như là 'được cấy vào trong hang động của con tim.' Sự đồng nhất của atman trong chúng ta với atman của vũ trụ được diễn đạt bởi câu *tat tvam asi* của Chand. 6.8-16, và cũng bởi câu *etad vai tad*, 'quả thật cái này là cái đó,' của Brih. 5.4, câu này có lẽ là một sự mô phỏng của câu kia. Công thức tương tự được tìm thấy mười hai lần trong Kath. 4.3-6.1, trong một đoạn văn xuôi được nối thêm vào các câu thơ. Hạnh phúc tối thượng, theo Kath. 5.14, bao gồm tâm thức về tư tưởng này. Trong sự liên quan này, chúng tôi chỉ trích dẫn Kath. 4.12-13:

"An inch in height, here in the body

The purusha dwells,

Lord of the past and the future;

He who knows him frets no more—

In truth, this is that.

"Cao một inch, tại đây trong cơ thể

Purusha cư ngụ,

Chúa tể của quá khứ và tương lai;

Kẻ biết Ngài không còn phiền muộn nữa—

Quả thật, cái này là cái đó.

~

“Like flame without smoke, an inch in height

The purusha is in size,

Lord of the past and the future;

It is he to-day and also to-morrow—

In truth, this is that.”

(Dr. Paul Deussen, The Philosophy of the Upanishads, p. 170. 287.)

As here the purusha is compared to a smokeless flame, so in imitation of this passage, in S’vet. 6.19, it is likened to a fire whose fuel is consumed; while in S’vet. 5.9, the contrast between the atman within us and the atman in the universe is pushed to an extreme:

“Split a hundred times the tip of a hair,

And take a hundredth part thereof;

That I judge to be the size of the soul,

Yet it goes to immortality.”

[103] The description of the atman as a smokeless flame in the heart has been developed in the Yogi Upanishads into the picture of the tongue of flame in the heart, the earliest occurrence of which is perhaps Mahan. 11.6-12.” *(Dr. Paul Deussen, The Philosophy of the Upanishads, p. 171. 287.)*

~

“Như ngọn lửa không khói, cao một inch

Purusha có kích thước như thế,

Chúa tể của quá khứ và tương lai;

Chính là Ngài hôm nay và cả ngày mai—

Quả thật, cái này là cái đó.”

(Dr. Paul Deussen, The Philosophy of the Upanishads, tr. 170. 287.)

Vì ở đây purusha được so sánh với ngọn lửa không khói, nên khi mô phỏng đoạn này, trong S’vet. 6.19, nó được ví như một ngọn lửa mà nhiên liệu đã bị thiêu rụi; trong khi ở S’vet. 5.9, sự tương phản giữa atman bên trong chúng ta và atman trong vũ trụ được đẩy đến cực điểm:

“Chẻ trăm lần đầu một sợi tóc,

Và lấy một phần trăm của nó;

Đó, ta phán, là kích thước của linh hồn,

Tuy vậy nó đi đến sự bất tử.”

[103] Việc mô tả atman như một ngọn lửa không khói trong tim đã được phát triển trong các Upanishad của Yogi thành hình ảnh lưỡi lửa trong tim, sự xuất hiện sớm nhất của hình ảnh này có lẽ là ở Mahan. 11.6-12.” *(Dr. Paul Deussen, The Philosophy of the Upanishads, tr. 171. 287.)*

The Scriptures are full of references to the fact that Atman, the self, is found in the heart, from whence it expresses itself as the *life principle through the medium of the blood. The soul nature, or the rational mind and the self-conscious individual, expresses itself in the head* and from that position governs the nervous system:

Các Kinh sách chứa đầy những tham chiếu đến thực tế rằng Atman, hay bản ngã, được tìm thấy trong tim, từ đó nó thể hiện chính mình như là *nguyên khí sự sống thông qua phương tiện của máu. Bản chất linh hồn, hay trí tuệ duy lý và cá nhân có ý thức về bản thân, thể hiện chính mình trong đầu* và từ vị trí đó cai quản hệ thần kinh:

"It has now been proved, that the highest centres are located in the cortex of the brain, where knowledge of action and sensation is manifested. These centres are both receiving i.e. sensory; and directing i.e. motor, and have their subsidiary centres in the two large swellings called the basal-ganglia in each hemisphere of the brain. They are known as thalamus and corpus striatum. The first one is auxiliary to the chief sensory centre and the second one auxiliary to the chief motor centre in the cortex of the brain. Normally, the auxiliary motor centres are more or less under the control of the will.... The Yogi is concerned with the subsidiary nerve centres in the thalamus. The normal function of the thalamus is to receive sensations from all parts of the body, which are relayed to it through the spinal cord, before they reach the chief centre.

"Giờ đây đã chứng minh được rằng, các trung tâm cao nhất nằm ở vỏ não, nơi sự hiểu biết về hành động và cảm giác được biểu hiện. Các trung tâm này vừa là nơi tiếp nhận, tức là cảm giác; vừa là nơi chỉ đạo, tức là vận động, và có các trung tâm phụ trợ của chúng nằm trong hai khối phồng lớn gọi là các hạch nền ở mỗi bán cầu não. Chúng được biết đến là đồi thị và thể vân. Cái thứ nhất bổ trợ cho trung tâm cảm giác chính và cái thứ hai bổ trợ cho trung tâm vận động chính trong vỏ não. Thông thường, các trung tâm vận động phụ trợ ít nhiều chịu sự kiểm soát của ý chí.... Yogi quan tâm đến các trung tâm thần kinh phụ trợ trong đồi thị. Chức năng bình thường của đồi thị là tiếp nhận các cảm giác từ tất cả các bộ phận của cơ thể, được chuyển tiếp đến nó qua tủy sống, trước khi chúng đến được trung tâm chính.

As this is the highest reflex centre in the brain and as all impressions ascend to it, it is called the Udana-prana. The last relay in the cord, from which it receives impulses, is from that portion of the cord, [104] called the Bulb, which is on a level with the root of the nose. Udana-prana is, therefore, said to rule the portion of the head above this point.

Vì đây là trung tâm phản xạ cao nhất trong não và vì mọi ấn tượng đều đi lên nó, nên nó được gọi là Udana-prana. Trạm chuyển tiếp cuối cùng trong tủy sống, nơi từ đó nó nhận các xung động, là từ phần tủy sống đó, [104] được gọi là Hành tủy (Bulb), nằm ngang mức với gốc mũi. Do đó, Udana-prana được cho là cai quản phần đầu nằm trên điểm này.

The Yogi, by a conscious control over the Udana-prana, suppresses all incoming and outgoing sensations into it, and this is necessary to prevent the distraction of the mind which he is anxious to control." *(Vasant G.*

Yogi, bằng một sự kiểm soát có ý thức đối với Udana-prana, kìm nén tất cả các cảm giác đi vào và đi ra khỏi nó, và điều này là cần thiết để ngăn chặn sự xao lãng của thể trí mà y đang nóng lòng muốn kiểm soát." *(Vasant G.*

(Vasant G. Rele, The Mysterious Kundalini, p. 70.s, p. 171. 287.)

Srinivasa Iyengar makes the following postulates and states that all the schools of thought, except the school of crude Nihilism, accept them.

1. Man is a complex of consciousness, mind and body.

2. The Atma (self) is of the nature of the consciousness and is immutable.

3. Mind, though an inner organ, is material, and is other than the atman.

4. All energy in the universe is personal, i.e., bound up with consciousness.

5. This energy is prana, which is intermediate between mind and matter.

"Hindu philosophy regards Prana and not motion as the fundamental energy of the cosmos. Prana is conceived as a power coming from or started by the Purusha (Spirit aspect—A.A.B.) and acting on matter."

"All the energy of animals is nervous energy till it leaves the muscles and acts on outside objects. This nervous energy is called Prana. Western Science has for a hundred years unsuccessfully tried to explain nervous energy as a form of mechanical motion; Eastern Philosophy reverses the process and derives mechanical [105] motion from Prana, or energy accompanied by consciousness.

Rele, The Mysterious Kundalini, tr. 70.s, tr. 171. 287.)

Srinivasa Iyengar đưa ra các tiên đề sau đây và nói rằng tất cả các trường phái tư tưởng, ngoại trừ trường phái Hư Vô thô thiển, đều chấp nhận chúng.

1. Con người là một phức hợp của tâm thức, trí tuệ và thân thể.

2. Atma (bản ngã) mang bản chất của tâm thức và bất biến.

3. Trí tuệ (Mind), tuy là một cơ quan nội tại, nhưng thuộc về vật chất, và khác với atman.

4. Mọi năng lượng trong vũ trụ đều mang tính cá nhân, nghĩa là, gắn liền với tâm thức.

5. Năng lượng này là prana, cái trung gian giữa trí tuệ và vật chất.

"Triết học Hindu coi Prana chứ không phải chuyển động là năng lượng cơ bản của vũ trụ. Prana được quan niệm như một quyền năng đến từ hoặc được khởi động bởi Purusha (phương diện Tinh thần—A.A.B.) và tác động lên vật chất."

"Mọi năng lượng của động vật đều là năng lượng thần kinh cho đến khi nó rời khỏi các cơ bắp và tác động lên các đối tượng bên ngoài. Năng lượng thần kinh này được gọi là Prana. Khoa học phương Tây trong một trăm năm qua đã cố gắng giải thích năng lượng thần kinh như một dạng chuyển động cơ học nhưng không thành công; Triết học phương Đông đảo ngược quy trình và dẫn xuất chuyển động cơ học [105] từ Prana, hay năng lượng đi kèm với tâm thức.

"Prana corresponds to the Psychikon pneuma, animal spirits, of Greek philosophy, a category which is intermediate between spirit and matter, and brings them into relation with each other." *(P.T. Srinivasa Iyengar, Outlines of Indian Philosophy, pp. 58. 59.)*

"Prana tương ứng với Psychikon pneuma, các tinh thần động vật, của triết học Hy Lạp, một phạm trù trung gian giữa tinh thần và vật chất, và đưa chúng vào mối quan hệ với nhau." *(P.T. Srinivasa Iyengar, Outlines of Indian Philosophy, tr. 58. 59.)*

Arthur Avalon says:

Arthur Avalon nói:

"Various people have in antiquity assigned to various parts of the body the 'seat of the soul' or life, such as the blood, the heart, and the breath. Generally the brain was not so regarded. The Vaidik system posits the heart as the chief centre of Consciousness—a relic of which notion we also still preserve in such phrases as 'take it to heart' and to 'learn by heart.' Sadhaka, which is one of the five functions of Pitta, and which is situated in the heart, indirectly assists in the performance of cognitive functions by keeping up the rhythmic cardiac contractions, and it has been suggested that it was perhaps this view of the heart's construction which predisposed Indian physiologists to hold it to be the seat of cognition. According to the Tantras, however, the chief centres of consciousness are to be found in the Chakras of the cerebro-spinal system and in the upper brain (Sahasrara), which they describe, though the heart is also recognized as a seat of the Jivatma, or embodied spirit, in its aspect as Prana." *(Arthur Avalon (Sir John Woodroffe), The Serpent Power, p. 3)*

"Trong thời cổ đại, nhiều người khác nhau đã gán cho các bộ phận khác nhau của cơ thể là 'chỗ ngự của linh hồn' hay sự sống, chẳng hạn như máu, tim, và hơi thở. Nhìn chung não bộ không được coi như vậy. Hệ thống Veda xác định tim là trung tâm chính của Tâm thức—một di tích của quan niệm này chúng ta vẫn còn giữ lại trong các cụm từ như 'để tâm' (take it to heart) và 'học thuộc lòng' (learn by heart). Sadhaka, vốn là một trong năm chức năng của Pitta, và nằm ở trong tim, gián tiếp hỗ trợ việc thực hiện các chức năng nhận thức bằng cách duy trì các co bóp tim nhịp nhàng, và người ta cho rằng có lẽ chính quan điểm về cấu tạo của tim này đã khiến các nhà sinh lý học Ấn Độ thiên về việc coi nó là chỗ ngự của nhận thức. Tuy nhiên, theo các bộ Tantra, các trung tâm chính của tâm thức được tìm thấy trong các Chakra của hệ não-tủy và trong phần não trên (Sahasrara), mà họ mô tả, mặc dù tim cũng được công nhận là một chỗ ngự của Jivatma, hay tinh thần đã nhập thể, trong phương diện Prana của nó." *(Arthur Avalon (Sir John Woodroffe), The Serpent Power, tr. 3)*

These two points of view account probably for the phenomenon of the human being. As evolution proceeds it may be found and demonstrated that the positive centre or nucleus for the life of [106] the material form is located at the base of the spine, that the positive centre for the life of the sentient

Hai quan điểm này có lẽ giải thích cho hiện tượng con người. Khi tiến hoá tiếp diễn, có thể sẽ tìm thấy và chứng minh được rằng trung tâm dương hay hạt nhân cho sự sống của [106] hình tướng vật chất nằm ở đáy cột sống, rằng trung tâm dương cho sự sống của con người có ý thức và cảm giác nằm ở tim,

conscious man is in the heart, whilst the positive centre for the mind and the spiritual life principles is in the head.

trong khi trung tâm dương cho trí tuệ và các nguyên khí sự sống tinh thần nằm ở trong đầu.

The whole scheme and technique of the Oriental teaching as to the centres in man have in view the increasing display of prana or life-soul energy. Through an understanding of this a man can demonstrate (through the automaton of the physical body) those soul powers and spiritual qualities which are the inheritance of the spiritual man, the Soul.

Toàn bộ hệ thống và kỹ thuật của giáo lý phương Đông về các trung tâm trong con người đều nhằm vào việc gia tăng sự hiển lộ của prana hay năng lượng sự sống-linh hồn. Thông qua sự thấu hiểu điều này, một người có thể thể hiện (thông qua bộ máy tự động của thể xác) những quyền năng linh hồn và những phẩm tính tinh thần vốn là di sản của con người tinh thần, Linh hồn.

The object, therefore, of all methods and practices is to bring about conscious union with the soul, and produce the subordination of the two lower energies, those of matter and those of the sentient mental nature, to the highest of the three energies, the spiritual life. When this is accomplished, the spiritual life principle animates a soul which knows no barriers and limitations because it has brought its mechanism to the highest state of perfection. Matter has been raised into heaven, and hence the Hindu teaching that the Kundalini fire, the energy of matter (sometimes called the mother) has eventually to be raised from its position at the base of the spine up into the head. This is a correspondence to the Roman Catholic teaching as to the Assumption of the Virgin-Mother into Heaven to take her place by the side of her Son, the Christ, the Soul. This has to be brought about [107] consciously by the soul or self, seated in the mind and brain consciousness, and from there assuming control of the energies of the entire natural man. This is Yoga or union, which is not only a mystical experience, but a vital or physical one also. This is the at-one-ment of the Christian. It is an integration of the entire man, physical, sentient, and mental, and

Vì vậy, mục tiêu của mọi phương pháp và thực hành là mang lại sự hợp nhất có ý thức với linh hồn, và tạo ra sự phục tùng của hai năng lượng thấp hơn, năng lượng của vật chất và năng lượng của bản chất trí tuệ cảm giác, đối với năng lượng cao nhất trong ba năng lượng, là sự sống tinh thần. Khi điều này được hoàn thành, nguyên khí sự sống tinh thần làm sinh động một linh hồn vốn không biết đến rào cản và giới hạn nào bởi vì nó đã đưa bộ máy của mình đến trạng thái hoàn hảo cao nhất. Vật chất đã được nâng lên thiên đàng, và do đó giáo lý Hindu dạy rằng lửa Kundalini, năng lượng của vật chất (đôi khi được gọi là người mẹ) cuối cùng phải được nâng lên từ vị trí của nó tại đáy cột sống lên trong đầu. Điều này tương ứng với giáo lý Công giáo La Mã về việc Đức Mẹ Đồng Trinh được đưa cả hồn lẫn xác lên Trời để nhận lấy vị trí của bà bên cạnh Con trai bà, Đức Christ, Linh hồn. Điều này phải được thực hiện [107] một cách có ý thức bởi linh hồn hay bản ngã, ngự trong tâm thức của trí tuệ và não bộ, và từ đó nắm quyền kiểm soát các năng lượng của toàn bộ con người tự nhiên. Đây là Yoga hay sự hợp nhất, vốn không chỉ là một trải nghiệm thần bí, mà còn là một trải nghiệm về sinh lực hay về thể xác. Đây là sự hợp nhất (at-one-ment) của người Kitô giáo. Nó là một sự tích hợp của

then a conscious unification with the universal soul. Dr. Rele says:

toàn bộ con người, vật lý, cảm giác, và trí tuệ, và sau đó là một sự thống nhất có ý thức với linh hồn vũ trụ. Tiến sĩ Rele nói:

"The word 'Yoga' is derived from the root 'Yuga' to join or to weld together. Just as in welding, two pieces of the same metal are made to become one by the process of heating and hammering, so also in the Yoga of Indian Philosophy, the embodied spirit 'Jivatma,' which is a part of the universal spirit 'Paramatma,' is made to become one with the Universal Spirit by certain physical and mental exercises.

"Từ 'Yoga' bắt nguồn từ gốc 'Yuga' nghĩa là nối hoặc hàn lại với nhau. Cũng giống như trong việc hàn, hai mảnh của cùng một kim loại được làm cho trở thành một bằng quy trình nung nóng và đập búa, cũng vậy trong Yoga của Triết học Ấn Độ, tinh thần đã nhập thể 'Jivatma,' vốn là một phần của tinh thần vũ trụ 'Paramatma,' được làm cho trở thành một với Tinh thần Vũ trụ bằng những bài tập thể xác và trí tuệ nhất định.

"Yoga is the science which raises the capacity of the human mind to respond to higher vibrations, and to perceive, catch, and assimilate the infinite conscious movements going on around us in the universe." *(Rele Vasant G., The Mysterious Kundalini, pp. 13, 14.)*

"Yoga là khoa học nâng cao khả năng của tâm trí con người để đáp ứng với các rung động cao hơn, và để nhận thức, nắm bắt, và đồng hóa những chuyển động hữu thức vô hạn đang diễn ra xung quanh chúng ta trong vũ trụ." *(Rele Vasant G., The Mysterious Kundalini, tr. 13, 14.)*

René Guénon sums up the result of this union in the following terms:

René Guénon tóm tắt kết quả của sự hợp nhất này bằng những thuật ngữ sau:

"Deliverance or Union, which is one and the same thing, involves, as we have already stated, 'over and above,' the possession of all states, since it is the perfect realization (*sadhana*) and totalization of the being; it is moreover of little import whether these states are or are not actually manifested, since it is only as permanent and immutable possibilities that they are to be metaphysically considered. 'Lord of many states by [108] the simple effect of his will, the Yogi only concerns himself with one, leaving the others void of the animating breath (*prana*), as so many unused instruments, he can animate more than one form in the same way that a single lamp may supply more than one wick.' 'The *Yogi*,' says Aniruddha, 'is in direct connexion with the

"Sự Giải thoát hay Hợp nhất, vốn là một và cùng một thứ, bao hàm, như chúng tôi đã nêu, 'vượt lên trên,' việc sở hữu tất cả các trạng thái, vì nó là sự thực chứng (*sadhana*) hoàn hảo và sự toàn thể hóa của bản thể; hơn nữa, việc các trạng thái này có thực sự biểu hiện hay không cũng ít quan trọng, vì chỉ khi là những khả năng vĩnh cửu và bất biến thì chúng mới được xem xét về mặt siêu hình. 'Là Chúa tể của nhiều trạng thái bằng [108] hiệu quả đơn giản của ý chí mình, Yogi chỉ quan tâm đến một trạng thái, để những trạng thái khác trống rỗng không có hơi thở sinh động (*prana*), như rất nhiều công cụ không được sử dụng, y có thể làm sinh động nhiều hơn một hình tướng theo cùng cách mà một ngọn đèn đơn lẻ có thể cung cấp cho nhiều hơn một bấc đèn.' '*Yogi*,' Aniruddha

primordial principle of the Universe, and in consequence (secondarily) with the whole of space, of time and of things,' that is to say, with manifestation, and, more particularly, with the human state in all its modifications." *(Réné Guénon, Man and His Becoming, p. 238.)*

nói, 'có mối liên hệ trực tiếp với nguyên khí nguyên sơ của Vũ trụ, và do đó (thứ cấp) với toàn bộ không gian, thời gian và sự vật,' nghĩa là, với sự biểu hiện, và, cụ thể hơn, với trạng thái con người trong tất cả các biến thái của nó." *(Réné Guénon, Man and His Becoming, tr. 238.)*

CHAPTER VI — SEVEN CENTRES OF FORCE—CHƯƠNG VI — BẢY TRUNG TÂM MÃNH LỰC

[109] In the previous chapter we have seen that, according to the Eastern teaching, the vital or etheric body is constituted of ether and acts as the conductor of prana which is the life principle and energises matter and produces form. The vital body also embodies that sentient principle in nature called the soul, or rather the vital body is the expression and vehicle of the soul.

[109] Trong chương trước, chúng ta đã thấy rằng, theo giáo lý phương Đông, thể sinh lực hay thể dĩ thái được cấu tạo từ chất dĩ thái và hoạt động như vật dẫn của prana, vốn là nguyên khí sự sống và tiếp năng lượng cho vật chất và tạo ra hình tướng. Thể sinh lực cũng hiện thân cho nguyên khí cảm giác đó trong tự nhiên được gọi là linh hồn, hay đúng hơn thể sinh lực là sự biểu hiện và vận cụ của linh hồn.

The main characteristic of the soul is consciousness. The soul as life is "seated in the heart," and as rational spiritual consciousness is "seated on the throne between the eyebrows." René Guénon expresses this as follows:

Đặc điểm chính của linh hồn là tâm thức. Linh hồn xét như sự sống thì "ngự trong tim," và xét như tâm thức tinh thần duy lý thì "ngự trên ngai giữa hai chân mày." René Guénon diễn đạt điều này như sau:

"Thus, what dwells in the vital centre, from the physical point of view, is ether; from the psychic point of view, it is the 'living soul,' and so far we are not transcending the realm of individual possibilities; but also, and above all, from the metaphysical point of view, it is the principal and unconditioned 'Self.' It is, therefore, truly the 'Universal Spirit' (*Atma*), which is, in reality, *Brahma* Itself, the 'Supreme Ruler'; and thus the designation of this centre as *Brahma-pura* is found to be fully justified. But *Brahma*, considered in this manner as within man (and one might consider it in like manner in relation to every state of being) is called *Purusha*, because It rests or dwells in the individuality [110]... as in a town (*puri-shaya*) for *pura*, in its proper and literal sense, signifies town'." *(Réné Guénon, Man and His Becoming, pp. 44, 45.)*

"Vì vậy, cái cư ngụ trong trung tâm sinh lực, theo quan điểm vật lý, là dĩ thái; theo quan điểm thông linh, là 'linh hồn sống,' và cho đến đây chúng ta vẫn chưa vượt ra khỏi vương quốc của các khả năng cá nhân; nhưng cũng vậy, và trên hết thảy, theo quan điểm siêu hình, nó là 'Tự ngã' chính yếu và vô điều kiện. Do đó, nó thực sự là 'Tinh thần Vũ trụ' (*Atma*), cái mà, trên thực tế, chính là *Brahma*, 'Đấng Cai Trị Tối Cao'; và vì thế việc gọi tên trung tâm này là *Brahma-pura* được thấy là hoàn toàn chính xác. Nhưng *Brahma*, được xem xét theo cách này như là ở bên trong con người (và người ta cũng có thể xem xét nó theo cách tương tự trong mối quan hệ với mọi trạng thái của bản thể) được gọi là *Purusha*, bởi vì Nó nghỉ ngơi hay cư ngụ trong cá tính [110]... như trong một thành phố (*puri-shaya*) vì từ *pura*, theo nghĩa đúng và nghĩa đen của nó, biểu thị thành

phố'." *(Réné Guénon, Man and His Becoming, tr. 44, 45.)*

The life force has seven main points of contact with the physical body, called the seven centres.

Mãnh lực sự sống có bảy điểm tiếp xúc chính với thể xác, được gọi là bảy trung tâm.

These seven force centres transmit the life force, and are the agents of the soul. They maintain bodily existence and produce its activity.

Bảy trung tâm mãnh lực này truyền tải mãnh lực sự sống, và là các tác nhân của linh hồn. Chúng duy trì sự tồn tại của cơ thể và tạo ra hoạt động của nó.

The Dreamer in his book, says:

The Dreamer trong cuốn sách của mình, nói:

"What then are the centres of man? They are the reflections in the respective nuclei of the upadhi of the one Self. If we study the workings of the impregnation of matter by Divine Energy, sometimes spoken of as the life waves, we shall see how, from the projection of the Self into the limits of objectivity called matter, certain qualities are imparted to matter developing into what are called tattvas. Each tattva has got for its ensouled life a tanmatra, or a modification of the Divine consciousness. In each tattva, therefore, we have the Divine consciousness as the central life, while the idea of resistance forms the outer wall."

"Vậy thì các trung tâm của con người là gì? Chúng là những phản chiếu trong các hạt nhân tương ứng thuộc upadhi của Tự ngã duy nhất. Nếu chúng ta nghiên cứu các hoạt động của sự thấm nhuần vật chất bởi Năng Lượng Thiêng Liêng, đôi khi được gọi là các làn sóng sự sống, chúng ta sẽ thấy cách mà, từ sự phóng chiếu của Tự ngã vào các giới hạn của sự biểu hiện ngoại giới được gọi là vật chất, những phẩm tính nhất định được truyền cho vật chất phát triển thành cái gọi là các tattva. Do đó, mỗi tattva đều có một tanmatra, hay một sự biến đổi của tâm thức Thiêng liêng, làm sự sống phú linh cho nó. Do đó, trong mỗi tattva, chúng ta có tâm thức Thiêng liêng như là sự sống trung tâm, trong khi ý niệm về sự kháng cự hình thành nên bức tường bên ngoài."

"We have seen that the Self, in virtue of its power of manifestation, reflects itself in the various upadhis, developing in them artificial centres which form, so to say, at one and the same time the nucleus of the upadhis as well as the representatives of the Self in the respective planes." *(The Dreamer, Studies in the Bhagavad Gita, pp. 37, 40, 107.)*

"Chúng ta đã thấy rằng Tự ngã, nhờ quyền năng biểu hiện của nó, phản chiếu chính nó trong các upadhi khác nhau, phát triển trong chúng các trung tâm nhân tạo, có thể nói, cùng lúc hình thành nên hạt nhân của các upadhi cũng như các đại diện của Tự ngã trong các cõi tương ứng." *(The Dreamer, Studies in the Bhagavad Gita, tr. 37, 40, 107.)*

The Indian name of a force centre is "chakra." The location of the seven centres of force (with their complete Indian names) are as follows, from the head downwards: [111]

Tên Ấn Độ của một trung tâm mãnh lực là "chakra." Vị trí của bảy trung tâm mãnh lực (với tên gọi tiếng Ấn đầy đủ của chúng) như sau, từ đầu xuống dưới: [111]

1. Head centre — sahasrara chakra

1. Trung tâm đầu — sahasrara chakra

2. Centre between eyebrows — ajna chakra

2. Trung tâm giữa hai lông mày — ajna chakra

3. Throat centre — vishuddha chakra

3. Trung tâm cổ họng — vishuddha chakra

4. Heart or cardiac centre — anahata chakra

4. Trung tâm tim hay trung tâm thuộc tim — anahata chakra

5. Solar plexus centre — manipura chakra

5. Trung tâm tùng thái dương — manipura chakra

6. Sacral or sexual centre — svadhisthana chakra

6. Trung tâm xương cùng hay trung tâm tình dục — svadhisthana chakra

7. Centre at base of spine — muladhara chakra

7. Trung tâm tại đáy cột sống — muladhara chakra

It will be noted that there are four centres above the diaphragm and three below.

Cần lưu ý rằng có bốn trung tâm ở trên cơ hoành và ba trung tâm ở dưới.

Much has been written and more could be said, about these force centres or chakras, but the following will serve as an introductory summary.

Nhiều điều đã được viết và còn có thể nói nhiều hơn nữa về các trung tâm mãnh lực hay chakra này, nhưng những điều sau đây sẽ đóng vai trò như một tóm tắt giới thiệu.

The force centres carry pranic energy for every part of the body and are in close relation to the nervous system in its three divisions, namely: the cerebro-spinal, sympathetic and peripheral.

Các trung tâm mãnh lực mang năng lượng prana cho mọi bộ phận của cơ thể và có mối quan hệ chặt chẽ với hệ thần kinh trong ba phân khu của nó, cụ thể là: não-tủy, giao cảm và ngoại biên.

From the force centres the vital or pranic energy is distributed along subtle lines of direction. These lines are called "nadis" and

Từ các trung tâm mãnh lực, năng lượng sinh lực hay prana được phân phối dọc theo những đường dẫn vi tế. Những đường này

are closely related to the nerves and at the same time to the arteries; they apparently underlie the corporeal nervous system. In *Man and His Becoming* we read:

"As regards the nadis or arteries of the subtle form, they must not be confounded with the corporeal arteries through which the circulation of the blood is effected, and, physiologically, they correspond rather to the ramifications of the nervous system, for they are [112] expressly described as luminous; but as fire is in some sort polarized into heat and light, the subtle state is linked to the corporeal state in two different and complementary ways, by the blood as to the caloric quality, and by the nervous system as to the luminous quality. However, it must be clearly understood that, between the *nadis* and the nerves, there is still only a simple correspondence and not an identification, since the former are not corporeal, and that we are dealing in reality with two different realms in the integral individuality. Similarly, when a relation is affirmed between the function of these *nadis* and respiration, because this is essential to the maintenance of life and corresponds truly with the principal vital activity, it must by no means be concluded on this account that they can be conceived as a kind of channel in which the air circulates; this would be to confuse the 'vital breath' (*prana*), which properly belongs to the subtle manifestation, with a corporeal element.

It is stated that the total number of *nadis* is seventy-two thousand; according to other texts, however, it should be seven hundred and twenty millions; but the difference here is more apparent than real, since, as always holds good in such cases, these numbers must be taken symbolically, not literally."

được gọi là "các nadi" và có liên hệ chặt chẽ với các dây thần kinh và đồng thời với các động mạch; chúng dường như nằm bên dưới hệ thần kinh thể xác. Trong *Man and His Becoming* chúng ta đọc thấy:

"Về các nadi hay động mạch của hình tướng vi tế, chúng không được nhầm lẫn với các động mạch thể xác mà qua đó sự tuần hoàn của máu được thực hiện, và, về mặt sinh lý, chúng tương ứng đúng hơn với các nhánh của hệ thần kinh, vì chúng được [112] mô tả rõ ràng là phát sáng; nhưng vì lửa theo một cách nào đó được phân cực thành nhiệt và ánh sáng, trạng thái vi tế được liên kết với trạng thái thể xác theo hai cách khác nhau và bổ sung cho nhau, bởi máu đối với đặc tính nhiệt, và bởi hệ thần kinh đối với đặc tính quang. Tuy nhiên, phải hiểu rõ rằng, giữa các *nadi* và các dây thần kinh, vẫn chỉ có một sự tương ứng đơn giản chứ không phải là một sự đồng nhất, vì những cái trước không thuộc về thể xác, và rằng chúng ta đang thực sự đối phó với hai lĩnh vực khác nhau trong cá tính toàn vẹn. Tương tự, khi một mối quan hệ được khẳng định giữa chức năng của các *nadi* này và sự hô hấp, bởi vì điều này là thiết yếu cho việc duy trì sự sống và tương ứng thực sự với hoạt động sống chính yếu, thì không được vì lý do này mà kết luận rằng chúng có thể được hình dung như một loại kênh dẫn trong đó không khí lưu thông; điều này sẽ là nhầm lẫn 'hơi thở sinh lực' (*prana*), vốn thuộc về biểu hiện vi tế một cách đúng đắn, với một yếu tố thuộc về thể xác.

Người ta nói rằng tổng số các *nadi* là bảy mươi hai ngàn; tuy nhiên, theo các văn bản khác, nó phải là bảy trăm hai mươi triệu; nhưng sự khác biệt ở đây mang tính hình thức hơn là thực tế, bởi vì, như luôn đúng trong những trường hợp như vậy, những con số này phải được hiểu theo nghĩa biểu tượng,

(René Guénon, Man and His Becoming, pp. 136, 137.)

chứ không phải nghĩa đen." *(René Guénon, Man and His Becoming, tr. 136, 137.)*

Rama Prasad, who uses the Indian word lotus for chakra or force centre, makes an interesting comment in this connection:

Rama Prasad, người sử dụng từ Ấn Độ là hoa sen cho chakra hay trung tâm mãnh lực, đưa ra một bình luận thú vị trong liên hệ này:

"The nervous plexuses of the modern anatomists coincide with these centres. From what has been said above it will appear that the centres are constituted by bloodvessels. But the only difference between the nerves and the bloodvessels is the difference between [113] the vehicles of the positive and negative Pranas. The nerves are the positive, the bloodvessels the negative system of the body. Wherever there are nerves there are corresponding bloodvessels. Both of them are indiscriminately called Nadis. One set has for its centre the lotus of the Heart, the other the thousand-petalled lotus of the brain. The system of bloodvessels is an exact picture of the nervous system, is, in fact, only its shadow. Like the heart, the brain has its upper and lower divisions—the cerebrum and the cerebellum—and, as well, its right and left divisions." *(Rama Prasad, Nature's Finer Forces, pp. 45-46)*

"Các đám rối thần kinh của các nhà giải phẫu học hiện đại trùng khớp với các trung tâm này. Từ những điều đã nói ở trên, có vẻ như các trung tâm được cấu tạo bởi các mạch máu. Nhưng sự khác biệt duy nhất giữa các dây thần kinh và các mạch máu là sự khác biệt giữa [113] các vận cụ của Prana dương và âm. Các dây thần kinh là hệ thống dương, các mạch máu là hệ thống âm của cơ thể. Bất cứ nơi nào có dây thần kinh đều có các mạch máu tương ứng. Cả hai đều được gọi một cách không phân biệt là Nadi. Một bộ có trung tâm của nó là hoa sen của Tim, bộ kia là hoa sen ngàn cánh của bộ não. Hệ thống mạch máu là một hình ảnh chính xác của hệ thần kinh, thực tế, chỉ là cái bóng của nó. Giống như tim, não có các phân khu trên và dưới của nó—đại não và tiểu não—và, cũng như vậy, các phân khu bên phải và bên trái của nó." *(Rama Prasad, Nature's Finer Forces, tr. 45-46)*

The force centres are situated up the spinal column and in the head. Arthur Avalon says:

Các trung tâm mãnh lực nằm dọc theo cột sống và ở trong đầu. Arthur Avalon nói:

"A description of the Chakras involves, in the first place, an account of the Western anatomy and physiology of the central and sympathetic nervous systems; secondly, an account of the Tantrik nervous system and Chakras; and, lastly, the correlation, so far as that is possible, of the two systems on the anatomical and physiological side, for the rest is in general peculiar to Tantrik Occultism.

"Một mô tả về các Chakra liên quan đến, trước hết, một sự tường thuật về giải phẫu học và sinh lý học phương Tây của hệ thần kinh trung ương và giao cảm; thứ hai, một sự tường thuật về hệ thần kinh và các Chakra Tantra; và, cuối cùng, sự tương quan, trong chừng mực có thể, của hai hệ thống về mặt giải phẫu và sinh lý, vì phần còn lại nói chung là riêng biệt đối với Huyền bí học Tantra.

The Tantrik theory regarding the Chakras and Sahasrara is concerned on the physiological side... with the central spinal system, comprising the brain or encephalon, contained within the skull, and the spinal cord, contained within the vertebral column (Merudanda). It is to be noted that, just as there are five centres (Chakras) hereinafter described, the vertebral column itself is divided into five regions, which, commencing from the lowest, are the coccygeal, consisting of four imperfect vertebrae, often united together into one bone called the coccyx; the sacral region, consisting of five vertebrae united together to form a single [114] bone, the sacrum; the lumbar region, or region of the loins, consisting of five vertebrae; the dorsal region, or region of the back, consisting of twelve vertebrae; and the cervical region, or region of the neck, consisting of seven vertebrae. As exhibited by segments, the cord shows different characteristics in different regions. Roughly speaking these correspond to the regions which are assigned to the governing control of the Muladhara, Svadhishthana, Manipura, Anahata, and Vishuddha centres, or Chakras. *(These regions are the base of the spine, sacral centre, solar plexus centre, heart centre and throat centre.)* The central system has relation with the periphery through the thirty-one spinal and twelve cranial nerves, which are both afferent and efferent or sensory and motor, arousing sensation or stimulating action. Of the cranial nerves, the last six arise from the spinal bulb (medulla), and the other six, except the olfactory and optic nerves, from the parts of the brain just in front of the bulb. Writers of the Yoga and Tantra schools use the term Nadi, by preference, for nerves. They also, it has been said, mean cranial nerves when they speak of Shiras, never using the latter for arteries,

Lý thuyết Tantra liên quan đến các Chakra và Sahasrara quan tâm về mặt sinh lý... đến hệ thống tủy trung tâm, bao gồm não bộ hay encephalon, chứa bên trong hộp sọ, và tủy sống, chứa bên trong cột sống (Merudanda). Cần lưu ý rằng, cũng như có năm trung tâm (Chakra) được mô tả sau đây, bản thân cột sống được chia thành năm vùng, bắt đầu từ thấp nhất, là vùng xương cụt, bao gồm bốn đốt sống không hoàn hảo, thường hợp lại với nhau thành một xương gọi là xương cụt; vùng xương cùng, bao gồm năm đốt sống hợp lại với nhau để tạo thành một xương [114] đơn lẻ, xương cùng; vùng thắt lưng, hay vùng của hông, bao gồm năm đốt sống; vùng lưng, hay vùng của lưng, bao gồm mười hai đốt sống; và vùng cổ, hay vùng của cổ, bao gồm bảy đốt sống. Như được thể hiện bởi các đoạn, tủy sống cho thấy các đặc điểm khác nhau ở các vùng khác nhau. Nói một cách đại khái, những vùng này tương ứng với các vùng được gán cho sự kiểm soát cai quản của các trung tâm, hay Chakra: Muladhara, Svadhishthana, Manipura, Anahata, và Vishuddha. *(Các vùng này là đáy cột sống, trung tâm xương cùng, trung tâm tùng thái dương, trung tâm tim và trung tâm cổ họng.)* Hệ thống trung tâm có quan hệ với ngoại biên thông qua ba mươi mốt dây thần kinh tủy và mười hai dây thần kinh sọ, vốn vừa hướng tâm và ly tâm hay cảm giác và vận động, khơi dậy cảm giác hoặc kích thích hành động. Trong các dây thần kinh sọ, sáu dây cuối cùng phát sinh từ hành tủy (medulla), và sáu dây kia, ngoại trừ dây thần kinh khứu giác và thị giác, từ các phần của não ngay phía trước hành tủy. Các tác giả của trường phái Yoga và Tantra ưu tiên sử dụng thuật ngữ Nadi cho các dây thần kinh. Người ta cũng nói rằng, họ ngụ ý các dây thần kinh sọ khi nói về Shiras, không bao giờ sử dụng từ sau cho các động mạch, như được thực hiện trong y văn. Tuy nhiên, phải lưu ý rằng các Nadi Yoga không phải là các dây thần

as is done in the medical literature. It must, however, be noted that the Yoga Nadis are not the ordinary material nerves, but subtler lines of direction along which the vital forces go. The spinal nerves, after their exit from the inter-vertebral foramina, enter into communication with the gangliated cords of the sympathetic nervous system which lie on each side of the vertebral column. The spinal cord extends in the case of man from the upper border of the atlas, below the cerebellum, passing into the medulla, and finally opening into the fourth ventricle of the brain, and descends to the second lumbar vertebra, where it tapers to a point, called the filum terminale." *(Arthur Avalon, The Serpent Power, pp. 123-125.)*

kinh vật chất thông thường, mà là các đường dẫn vi tế hơn mà các mãnh lực sinh lực đi qua. Các dây thần kinh tủy, sau khi thoát ra khỏi các lỗ gian đốt sống, đi vào giao tiếp với các dây hạch của hệ thần kinh giao cảm nằm ở mỗi bên của cột sống. Tủy sống mở rộng trong trường hợp của con người từ bờ trên của đốt sống cổ thứ nhất (atlas), bên dưới tiểu não, đi vào hành tủy, và cuối cùng mở vào não thất tư của não, và đi xuống đến đốt sống thắt lưng thứ hai, nơi nó thon lại thành một điểm, gọi là dây tận cùng (filum terminale)." *(Arthur Avalon, The Serpent Power, tr. 123-125.)*

[115] As the foregoing quotation refers to the Tantrik system, it should be noted that reference is made to an Indian system of energy control safe only for those of the highest moral character and purity of life and thought. Certain degraded practices and schools, occurring both in the East and the West, teaching so-called Tantrik practices cannot be too severely condemned.

[115] Vì đoạn trích dẫn trên đề cập đến hệ thống Tantra, cần lưu ý rằng sự tham chiếu được thực hiện đối với một hệ thống kiểm soát năng lượng của Ấn Độ chỉ an toàn cho những người có tư cách đạo đức và sự trong sạch của đời sống và tư tưởng cao nhất. Một số thực hành và trường phái suy đồi, xuất hiện cả ở phương Đông và phương Tây, giảng dạy cái gọi là các thực hành Tantra có bị lên án nghiêm khắc đến đâu cũng không quá mức.

These force centres are not merely situated up the spinal column and in the head as we have just shown, but they are related to one another through the medium of the spinal column—a relationship too intricate to be detailed here.

Các trung tâm mãnh lực này không chỉ nằm dọc theo cột sống và trong đầu như chúng ta vừa chỉ ra, mà chúng còn liên quan đến nhau thông qua phương tiện của cột sống—một mối quan hệ quá phức tạp để được chi tiết hóa ở đây.

Of the seven centres, two are in the head and five in the spinal column. The two centres in the head have a direct relation to the faculties of mind and motion. The sahasrara centre (head centre) called usually the thousand-petalled lotus, is the embodiment of spiritual energy, demonstrating as Will,

Trong bảy trung tâm, hai trung tâm nằm trong đầu và năm trung tâm nằm trong cột sống. Hai trung tâm trong đầu có mối quan hệ trực tiếp với các năng lực của trí tuệ và vận động. Trung tâm sahasrara (trung tâm đầu) thường được gọi là hoa sen ngàn cánh, là hiện thân của năng lượng tinh thần, biểu

as the abstract or spiritual mind, and as the intuition. The ajna centre, or the centre between the eyebrows, concerns the lower mind and psychic nature of that integrated organism we call man, the personality.

hiện như là Ý chí, như là trí trừu tượng hay trí tuệ tinh thần, và như là trực giác. Trung tâm ajna, hay trung tâm giữa hai lông mày, liên quan đến hạ trí và bản chất thông linh của sinh vật tích hợp đó mà chúng ta gọi là con người, phàm ngã.

The five centres in the spinal column concern the varying activities of the organism as the man demonstrates his animal instinct, his emotional reactions and his life intention. They are largely directed by the force pouring into and issuing from the head centres.

Năm trung tâm trong cột sống liên quan đến các hoạt động khác nhau của sinh vật khi con người biểu lộ bản năng động vật, các phản ứng cảm xúc và chủ đích cuộc sống của y. Chúng phần lớn được chỉ đạo bởi mãnh lực tuôn đổ vào và phát ra từ các trung tâm đầu.

In *The Serpent Power* it is stated that: [116]

Trong *The Serpent Power* có nêu rằng: [116]

"The centres influence not only the muscular combinations concerned in volitional movements, but also the functions of vascular innervation, secretion, and the like, which have their proximate centres in the spinal cord. The cerebral centres are said, however, to control these functions only in relation with the manifestations of volition, feeling, and emotion; whereas the spinal centres with the subordinate sympathetic system are said to constitute the mechanism of unconscious adaptation, in accordance with the varying conditions of stimuli which are essential to the continued existence of the organism. The Medulla, again, is also both a path of communication between the higher centres and the periphery and an independent centre regulating functions of the greatest importance in the system. It is to be noted that the nerve fibres which carry motor impulses descending from the brain to the spinal cord cross over rather suddenly from one side to the other on their way through the spinal bulb (medulla), a fact which has been noted in the Tantras in the description of the Mukta Triveni. The latter is connected

"Các trung tâm ảnh hưởng không chỉ đến các tổ hợp cơ bắp liên quan đến các chuyển động theo ý muốn, mà còn đến các chức năng phân bố thần kinh mạch máu, bài tiết, và những thứ tương tự, vốn có các trung tâm gần nhất của chúng trong tủy sống. Tuy nhiên, các trung tâm não được cho là kiểm soát các chức năng này chỉ trong mối quan hệ với các biểu hiện của ý chí, cảm giác, và cảm xúc; trong khi các trung tâm tủy sống với hệ thống giao cảm phụ thuộc được cho là cấu thành cơ chế thích nghi vô thức, phù hợp với các điều kiện kích thích thay đổi vốn thiết yếu cho sự tồn tại liên tục của sinh vật. Một lần nữa, Hành tủy cũng vừa là một con đường giao tiếp giữa các trung tâm cao hơn và ngoại biên, vừa là một trung tâm độc lập điều chỉnh các chức năng có tầm quan trọng lớn nhất trong hệ thống. Cần lưu ý rằng các sợi thần kinh mang các xung động vận động đi xuống từ não đến tủy sống bắt chéo qua khá đột ngột từ bên này sang bên kia trên đường đi của chúng qua hành tủy (medulla), một thực tế đã được ghi nhận trong các Tantra trong mô tả về Mukta Triveni. Cái sau được kết nối bởi vô số đường hướng tâm và ly tâm với tiểu não và các hạch não. Bên trên

by numerous afferent and efferent tracts with the cerebellum and cerebral ganglia. Above the cerebellum is the cerebrum, the activity of which is ordinarily associated with conscious volition and ideation and the origination of voluntary movements. The notion of Consciousness, which is the introspective subject-matter of psychology, must not, however, be confused with that of physiological function. There is therefore no organ of consciousness, simply because 'Consciousness' is not an organic conception, and has nothing to do with the physiological conception of energy, whose inner introspective side it presents. Consciousness in itself is the Atma. Both mind and body, of which latter the brain is a part, are imperfect or veiled expressions of Consciousness, which in the case of body is so veiled [117] that it has the appearance of unconsciousness. The living brain is constituted of gross sensible matter (Mahabhuta) infused by Prana. Its material has been worked up so as to constitute a suitable vehicle for the expression of consciousness in the form of mind (Antahkarana). As consciousness is not a property of the body, neither is it a mere function of the brain. The fact that mental consciousness is affected or disappears with disorder of the brain proves the necessity of the latter for the expression of such consciousness, and not that consciousness is inherent alone in brain or that it is the property of the same. On each side of the vertebral column there is a chain of ganglia connected with nerve fibre, called the sympathetic cord (Ida and Pingala), extending all the way from the base of the skull to the coccyx. This is in communication with the spinal cord. It is noteworthy that there is in the thoracic and lumbar regions a ganglion of each chain corresponding with great regularity to each spinal nerve, though in the cervical region

tiểu não là đại não, hoạt động của nó thường gắn liền với ý chí và ý niệm có ý thức và sự khởi đầu của các chuyển động tự nguyện. Tuy nhiên, khái niệm về Tâm thức, vốn là chủ đề nội quan của tâm lý học, không được nhầm lẫn với khái niệm về chức năng sinh lý. Do đó, không có cơ quan của tâm thức, đơn giản vì 'Tâm thức' không phải là một quan niệm hữu cơ, và không liên quan gì đến quan niệm sinh lý về năng lượng, mà tâm thức là phương diện nội quan bên trong của năng lượng ấy. Tâm thức trong chính nó là Atma. Cả trí tuệ và cơ thể, mà não bộ là một phần của cái sau, đều là những biểu hiện không hoàn hảo hay bị che phủ của Tâm thức, mà trong trường hợp của cơ thể thì bị che phủ [117] đến mức nó có vẻ bề ngoài là vô thức. Bộ não sống được cấu tạo bởi vật chất khả giác thô trược (Mahabhuta) được truyền Prana. Vật liệu của nó đã được gia công để cấu thành một vận cụ phù hợp cho sự biểu hiện của tâm thức dưới hình thức của trí tuệ (Antahkarana). Vì tâm thức không phải là một thuộc tính của cơ thể, nó cũng không phải là một chức năng đơn thuần của não bộ. Thực tế là tâm thức trí tuệ bị ảnh hưởng hoặc biến mất khi não bộ bị rối loạn chứng minh sự cần thiết của não bộ cho sự biểu hiện của tâm thức như vậy, chứ không phải là tâm thức vốn chỉ có trong não hay là thuộc tính của não. Ở mỗi bên của cột sống có một chuỗi các hạch được kết nối với sợi thần kinh, gọi là dây giao cảm (Ida và Pingala), kéo dài suốt từ đáy hộp sọ đến xương cụt. Cái này giao tiếp với tủy sống. Đáng chú ý là trong các vùng ngực và thắt lưng có một hạch của mỗi chuỗi tương ứng với mức độ đều đặn lớn đối với mỗi dây thần kinh tủy, mặc dù trong vùng cổ nhiều hạch có vẻ bị thiếu; và rằng các cụm cấu trúc thần kinh cực lớn được tìm thấy trong vùng tim, dạ dày, và phổi, các vùng được cai quản bởi Anahata, Manipura, và Vishuddha, tương ứng, là ba trung tâm trên của năm Chakra được mô tả sau đây. Từ chuỗi giao cảm ở mỗi

many of them appear to be missing; and that extra large clusters of nervous structure are to be found in the region of the heart, stomach, and lungs, the regions governed by the Anahata, Manipura, and Vishuddha, respectively, the three upper of the five Chakras hereinafter described. From the sympathetic chain on each side nerve fibres pass to the viscera of the abdomen and thorax. From these, nerves are also given off which pass back into the spinal nerves, and others which pass into some of the cranial nerves; these are thus distributed to the blood vessels of the limbs, trunk, and other parts to which the spinal or cranial nerves go. The sympathetic nerves chiefly carry impulses which govern the muscular tissue of the viscera and the muscular coat of the small arteries of the various tissues. It is through the sympathetic that the tone of the [118] bloodvessels is kept up by the action of the vaso-motor centre in the spinal bulb. The sympathetic, however, derives the impulses which it distributes from the central nervous system; these do not arise in the sympathetic self. The impulses issue from the spinal cord by the anterior roots of the spinal nerves, and pass through short branches into the sympathetic chains. The work of the sympathetic systems controls and influences the circulation, digestion, and respiration.

bên, các sợi thần kinh đi đến nội tạng của bụng và lồng ngực. Từ những cái này, các dây thần kinh cũng được phát ra đi ngược lại vào các dây thần kinh tủy, và những dây khác đi vào một số dây thần kinh sọ; do đó chúng được phân bố đến các mạch máu của tay chân, thân mình, và các bộ phận khác mà các dây thần kinh tủy hoặc sọ đi đến. Các dây thần kinh giao cảm chủ yếu mang các xung động cai quản mô cơ của nội tạng và lớp cơ của các động mạch nhỏ của các mô khác nhau. Chính thông qua hệ giao cảm mà trương lực của [118] các mạch máu được duy trì bởi hoạt động của trung tâm vận mạch trong hành tủy. Tuy nhiên, hệ giao cảm nhận được các xung động mà nó phân phối từ hệ thần kinh trung ương; những xung động này không phát sinh trong bản thân hệ giao cảm. Các xung động phát ra từ tủy sống bởi các rễ trước của các dây thần kinh tủy, và đi qua các nhánh ngắn vào các chuỗi giao cảm. Công việc của các hệ thống giao cảm kiểm soát và ảnh hưởng đến sự tuần hoàn, tiêu hóa, và hô hấp.

The anatomical arrangement of the central nervous system is excessively intricate, and the events which take place in that tangle of fibre, cell and fibril, are, on the other hand, even now almost unknown. And so it has been admitted that in the description of the physiology of the central nervous system we can as yet do little more than trace the paths by which impulses may pass between one portion of the system and another, and from the anatomical connections deduce, with more or less probability, the nature of the

Sự sắp xếp giải phẫu của hệ thần kinh trung ương là cực kỳ phức tạp, và các sự kiện diễn ra trong mớ hỗn độn của sợi, tế bào và sợi nhỏ đó, mặt khác, thậm chí cho đến nay vẫn gần như chưa được biết đến. Do đó, người ta thừa nhận rằng trong việc mô tả sinh lý học của hệ thần kinh trung ương, chúng ta chưa thể làm gì nhiều hơn ngoài việc vạch ra các con đường mà xung lực có thể đi qua giữa phần này và phần khác của hệ thống, và từ các kết nối giải phẫu suy ra, với xác suất ít nhiều, bản chất của mối liên kết sinh lý mà

physiological nexus which its parts form with each other and the rest of the body. In a general way, however, there may (it is said) be reasons to suppose that there are nervous centres in the central system related in a special way to special mechanisms, sensory, secretory, or motor, and that centres, such as the alleged genito-spinal centre, for a given physiological action exist in a definite portion of the spinal cord. It is the subtle aspect of such centres as expressions of consciousness (Chaitanya) embodied in various forms of Maya Shakti which is here called Chakra. These are related through intermediate conductors with the gross organs of generation, micturition, digestion, cardiac action, and respiration in ultimate relation with the Muladhara, Svadhishthana, Manipura, Anahata, and Vishuddha Chakras respectively, just as tracts have been assigned in special, even if not exclusive, relation with [119] various perceptive, volitional, and ideative processes." *(Arthur Avalon, The Serpent power, pp. 126-129)*

các bộ phận của nó hình thành với nhau và với phần còn lại của cơ thể. Tuy nhiên, theo một cách tổng quát, (người ta nói rằng) có thể có những lý do để giả định rằng có các trung tâm thần kinh trong hệ thống trung ương liên quan theo một cách đặc biệt với các cơ chế đặc biệt, về cảm giác, tiết ra, hoặc vận động, và rằng các trung tâm, chẳng hạn như trung tâm sinh dục-cột sống được cho là tồn tại ở một phần xác định của tủy sống. Chính phương diện vi tế của các trung tâm như vậy, với tư cách là những biểu hiện của tâm thức (Chaitanya) thể hiện trong các hình thức khác nhau của Maya Shakti, là cái được gọi ở đây là Chakra. Những Chakra này liên quan thông qua các dây dẫn trung gian với các cơ quan thô trược của sự sinh sản, tiểu tiện, tiêu hóa, hoạt động tim, và hô hấp trong mối quan hệ tối hậu tương ứng với các Luân xa Muladhara, Svadhishthana, Manipura, Anahata, và Vishuddha, cũng giống như các vùng đã được ấn định trong mối quan hệ đặc biệt, ngay cả khi không độc quyền, với [119] các quy trình nhận thức, ý chí và tạo ý khác nhau." *(Arthur Avalon, The Serpent power, tr. 126-129)*

These centres vary in activity according to the evolutionary status of the individual. In some people certain centres are "awake" and in others the same centres may be relatively quiescent. In certain types, the solar plexus centre will be active or dominant, in others the heart, in still others the throat. In very few as yet, is the head centre active. Speaking largely, in savage people and the little evolved, the three centres below the diaphragm—the centre at the base of the spine, the sacral centre and the solar plexus centre—are alive and dominant, but the centres above the diaphragm are "asleep." In average humanity the throat centre is beginning to make itself felt with the head and heart centres still asleep. In the highly evolved human being, the race leader, the

Các trung tâm này thay đổi hoạt động tùy theo trạng thái tiến hóa của cá nhân. Ở một số người, các trung tâm nhất định đã "thức tỉnh" và ở những người khác, chính các trung tâm đó có thể tương đối tĩnh tại. Ở một số kiểu người nhất định, trung tâm tùng thái dương sẽ hoạt động hoặc chiếm ưu thế, ở những người khác là tim, và ở những người khác nữa là cổ họng. Cho đến nay, ở rất ít người trung tâm đầu hoạt động. Nói một cách rộng rãi, ở những người dã man và kém tiến hóa, ba trung tâm bên dưới cơ hoành—trung tâm tại đáy cột sống, trung tâm xương cùng và trung tâm tùng thái dương—đang sống động và chiếm ưu thế, nhưng các trung tâm bên trên cơ hoành đang "ngủ". Ở nhân loại trung bình, trung tâm cổ họng đang bắt đầu làm cho sự hiện diện của nó được cảm

intuitive philosopher and the scientist, and in the great saints, both the head and heart centres are making their vibrations felt, priority between head and heart being determined by type, and the quality of the emotional and mental consciousness.

thấy với các trung tâm đầu và tim vẫn đang ngủ. Ở con người đã tiến hóa cao, vị lãnh tụ chủng tộc, triết gia trực giác và nhà khoa học, và ở các vị thánh vĩ đại, cả hai trung tâm đầu và tim đều đang làm cho những rung động của chúng được cảm thấy, sự ưu tiên giữa đầu và tim được xác định bởi kiểu loại, và phẩm tính của tâm thức cảm xúc và trí tuệ.

According, then, to the development of the man these force centres become alive and dominant, and according to their aliveness various types of activity make their presence felt. The centres below the diaphragm govern the physical life of the material form and the animal psychic life, found both [120] in man and in the animal. Those above the diaphragm concern the intellectual and spiritual life and bring about those activities in which man demonstrates that his status is different to, and higher than that of the animal, and that he is climbing upward on the ladder of evolution.

Vậy thì, tùy theo sự phát triển của con người mà các trung tâm mãnh lực này trở nên sống động và chiếm ưu thế, và tùy theo sự sống động của chúng mà các loại hoạt động khác nhau làm cho sự hiện diện của chúng được cảm thấy. Các trung tâm bên dưới cơ hoành cai quản đời sống vật lý của hình tướng vật chất và đời sống thông linh thú tính, được tìm thấy cả [120] ở con người và ở động vật. Những trung tâm bên trên cơ hoành liên quan đến đời sống trí năng và tinh thần, và mang lại những hoạt động mà trong đó con người chứng tỏ rằng địa vị của y khác với, và cao hơn địa vị của động vật, và rằng y đang leo lên trên nấc thang tiến hóa.

Such in brief is the teaching of the East with regard to the seven centres of force or chakras.

Tóm lại, đó là giáo huấn của phương Đông liên quan đến bảy trung tâm mãnh lực hay các luân xa.

When we compare the Eastern Doctrine of the seven centres with the Western doctrine of glands, we find first of all a striking fact with regard to locality. The seven centres of force are to be found in the same region where the glands are located, and each centre of force might well be (and according to Indian teaching is) the source of power and of life for the corresponding gland. The following comparative table shows this identity of location.

Khi chúng ta so sánh Giáo lý phương Đông về bảy trung tâm với giáo lý phương Tây về các tuyến, trước hết chúng ta tìm thấy một sự thật nổi bật liên quan đến vị trí. Bảy trung tâm mãnh lực được tìm thấy ở cùng vùng nơi các tuyến tọa lạc, và mỗi trung tâm mãnh lực rất có thể là (và theo giáo huấn Ấn Độ thì đúng là) nguồn quyền năng và sự sống cho tuyến tương ứng. Bảng so sánh sau đây cho thấy sự đồng nhất về vị trí này.

[table]

CÁC LUÂN XA	Các tuyến
CENTRES	*GLANDS*
Luân xa đầu	Tuyến tùng
Head centre	*Pineal gland*
Trung tâm giữa hai lông mày	Tuyến yên
Centre between eyebrows	*Pituitary body*
Luân xa cổ họng	Tuyến giáp
Throat centre	*Thyroid gland*
Luân xa tim	Tuyến ức
Heart centre	*Thymus gland*
Luân xa tùng thái dương	Tuyến tụy
Solar plexus centre	*Pancreas*
Luân xa xương cùng	Các tuyến sinh dục
Sacral centre	*The gonads*
Luân xa ở đáy cột sống	Các tuyến thượng thận
Centre at base of spine	*Adrenal glands*

A second fact, even more striking than the first, is that the force centres which are awake conform to the glands whose functions are known and of [121] which most of the secretions or hormones, have

Một sự thật thứ hai, thậm chí còn nổi bật hơn sự thật thứ nhất, là các trung tâm mãnh lực đang thức tỉnh phù hợp với các tuyến mà chức năng đã được biết đến và [121] hầu hết các chất tiết hoặc hóc-môn của chúng đã

been discovered. The centres that are asleep or awakening in advanced members of the race, conform to the glands whose functions are relatively unknown and whose secretions in the main have not been isolated. It will be noted for example that Dr. Berman states that the secretion of the pineal gland, one of the two in the pituitary body and the thymus gland, are listed as unknown, as is the secretion of the cortex adrenal gland. These conform to the sleeping or awakening heart centre, throat centre, centre in the head, and at the base of the spine.

được khám phá. Các trung tâm đang ngủ hoặc đang thức tỉnh ở các thành viên tiên tiến của giống dân, phù hợp với các tuyến mà chức năng tương đối chưa được biết đến và các chất tiết của chúng về cơ bản chưa được tách chiết. Ví dụ, cần lưu ý rằng Tiến sĩ Berman tuyên bố rằng chất tiết của tuyến tùng, một trong hai tuyến trong thể yên và tuyến ức, được liệt kê là chưa biết, cũng như chất tiết của vỏ tuyến thượng thận. Những tuyến này phù hợp với trung tâm tim, trung tâm cổ họng, trung tâm trong đầu và tại đáy cột sống đang ngủ hoặc đang thức tỉnh.

Is this an interesting coincidence? Or are we faced with the fact that in each case these glands with the undiscovered hormones, are allied to a centre which is asleep, not yet awakened in average humanity?

Đây có phải là một sự trùng hợp thú vị không? Hay chúng ta đang đối mặt với sự thật rằng trong mỗi trường hợp, các tuyến với những hóc-môn chưa được khám phá này, đều liên kết với một trung tâm đang ngủ, chưa được đánh thức ở nhân loại trung bình?

I believe it will eventually be established that the glands have been brought into being through the energy of the centres, for those centres which, in average humanity, are awake and functioning seem to be related to glands, whose peculiar secretion has been isolated, and its action in relation to the bloodstream known, whilst those centres which are as yet asleep and undeveloped seem to be allied to glands whose secretion is only partially known or totally unknown. It is in any case worthy of consideration.

Tôi tin rằng cuối cùng sẽ xác lập được rằng các tuyến đã được đưa vào hiện hữu thông qua năng lượng của các trung tâm, vì những trung tâm nào, ở nhân loại trung bình, đang thức tỉnh và hoạt động dường như liên quan đến các tuyến mà chất tiết đặc biệt của chúng đã được tách chiết, và tác động của nó liên quan đến dòng máu đã được biết đến, trong khi những trung tâm nào cho đến nay vẫn đang ngủ và chưa phát triển dường như liên kết với các tuyến mà chất tiết chỉ được biết một phần hoặc hoàn toàn chưa biết. Dù sao đi nữa, điều này cũng đáng để xem xét.

The Occidental psychologists are consequently right when they state that a man is what his glands [122] make him, and that we are no better or worse than our peculiar endocrine system. But the reason for this may lie in the correctness of the Oriental theory as to the force centres. The

Do đó, các nhà tâm lý học phương Tây đã đúng khi họ tuyên bố rằng một người là những gì mà các tuyến của y [122] tạo nên y, và rằng chúng ta không tốt hơn hay tệ hơn hệ nội tiết đặc biệt của mình. Nhưng lý do cho điều này có thể nằm ở sự chính xác của lý thuyết phương Đông về các trung tâm

condition of the glands and their super-activity or sub-normality, and their right or wrong functioning may be determined by the state of those centres. The glands are only outer symbols, the visible, material aspect of a far greater and more intricate system. They are determined by the character of the soul life which plays through them, and the soul which controls and dominates all.

mãnh lực. Tình trạng của các tuyến và sự hoạt động thái quá hay dưới mức bình thường của chúng, và sự vận hành đúng hay sai của chúng có thể được xác định bởi trạng thái của các trung tâm đó. Các tuyến chỉ là những biểu tượng bên ngoài, khía cạnh vật chất hữu hình của một hệ thống vĩ đại hơn và phức tạp hơn nhiều. Chúng được xác định bởi tính chất của đời sống linh hồn tuôn chảy qua chúng, và bởi linh hồn, cái kiểm soát và chi phối tất cả.

The state of the centres, then, is dependent upon the type and quality of soul force vibrating through them. In the undeveloped person it is simply the life force, prana, which is active and registers. This nurtures the animal life and brings the lower centres (the centre at the base of the spine and the sacral centre) into activity. Later, as man develops, the consciousness, soul-aspect, gradually makes its presence felt and brings the solar plexus centre into activity. This centre is the seat of the lower psychic sentient life both in man and in the animal, and is often referred to as the instinctual brain. Bhagavan Das teaches us that:

Vậy thì, trạng thái của các trung tâm phụ thuộc vào loại và phẩm tính của mãnh lực linh hồn đang rung động qua chúng. Ở người chưa phát triển, đơn giản chỉ là sinh lực, prana, đang hoạt động và ghi nhận. Mãnh lực này nuôi dưỡng đời sống thú tính và đưa các trung tâm thấp (trung tâm tại đáy cột sống và trung tâm xương cùng) vào hoạt động. Sau này, khi con người phát triển, tâm thức, phương diện linh hồn, dần dần làm cho sự hiện diện của nó được cảm thấy và đưa trung tâm tùng thái dương vào hoạt động. Trung tâm này là chỗ trú đóng của đời sống cảm giác thông linh thấp ở cả con người và động vật, và thường được gọi là bộ não bản năng. Bhagavan Das dạy chúng ta rằng:

"It is worth noting that in Sanskrit literature the navel is often treated as more central and almost more essential to the organism than the heart. Indications of the importance of the heart are not wanting, it is true,... but it is probable that physiologically the 'navel' was the more vital organ in the earlier stages [123] of evolution, and is even at the present stage more essentially connected with desire proper than the heart which may perhaps be regarded as connected with the actional sub-division of desire." *(Bhagavan Das, The Science of the Sacred word, Vol. I, p. 82)*

"Điều đáng chú ý là trong văn học Sanskrit, lỗ rốn thường được coi là trung tâm hơn và gần như thiết yếu hơn đối với sinh vật so với tim. Đúng là không thiếu các chỉ dấu về tầm quan trọng của tim... nhưng có lẽ về mặt sinh lý, 'lỗ rốn' là cơ quan quan trọng hơn trong các giai đoạn sớm hơn [123] của tiến hóa, và thậm chí ở giai đoạn hiện tại còn kết nối thiết yếu hơn với dục vọng đúng nghĩa so với tim, vốn có lẽ có thể được coi là kết nối với phân bộ hành động của dục vọng." *(Bhagavan Das, The Science of the Sacred word, Vol. I, tr. 82)*

He quotes Mrs. Besant also in the following paragraph:

"The 'navel' represents the solar plexus, perhaps the most important plexus of the sympathetic system; it controls the digestive tract, and sends its branches to liver, spleen, stomach, as well as to the alimentary canal and generative organs. Nor is it unconnected with the lungs and heart. It may he regarded as the brain of the sympathetic system, and responds with dangerous facility to thought; concentration on it, often rashly undertaken, is apt to result in a peculiarly intractable form of nervous disease. Emotions set up in it violent disturbances, and the feeling of a nausea, which often follows an emotional shock, is due to its excited action." *(Bhagavan Das, The Science of the Sacred word, Vol. I, p. 83)*

Man functions today through the medium of these three centres for the most part. The forces of the body serve to feed and stimulate the sex life through the gonads, they create the urge to combat and to evolve through the adrenal glands, the glands of combat, and of struggle; they govern the psychic instinctual life through the solar plexus. Thus the personal man is mobilised and becomes a conscious sentient human being. As his evolution proceeds, the self or soul becomes more and more [124] active and dominant in man and in his corporeal existence, and little by little all parts of the etheric structure become vitally awake. Gradually the higher centres come into increased activity, and the emphasis of the force pouring through the body shifts to the centres above the diaphragm. The throat centre awakens and becomes the organ of creative work; the heart centre is vivified and the man becomes aware of his soul relationships, his group responsibilities and

Ông cũng trích dẫn bà Besant trong đoạn sau:

"'Lỗ rốn' đại diện cho tùng thái dương, có lẽ là đám rối quan trọng nhất của hệ giao cảm; nó kiểm soát đường tiêu hóa, và gửi các nhánh của nó đến gan, lá lách, dạ dày, cũng như đến ống tiêu hóa và các cơ quan sinh dục. Nó cũng không phải là không kết nối với phổi và tim. Nó có thể được coi là bộ não của hệ giao cảm, và đáp ứng với tư tưởng bằng một sự dễ dàng nguy hiểm; việc tập trung vào nó, thường được thực hiện một cách hấp tấp, dễ dẫn đến một dạng bệnh thần kinh đặc biệt khó chữa. Những cảm xúc gây ra trong nó những xáo trộn dữ dội, và cảm giác buồn nôn, thường theo sau một cú sốc tình cảm, là do hoạt động bị kích thích của nó." *(Bhagavan Das, The Science of the Sacred word, Vol. I, tr. 83)*

Ngày nay, con người vận hành phần lớn thông qua trung gian của ba trung tâm này. Các mãnh lực của thân thể phục vụ việc nuôi dưỡng và kích thích đời sống tình dục thông qua các tuyến sinh dục, chúng tạo ra sự thôi thúc chiến đấu và tiến hóa thông qua các tuyến thượng thận, những tuyến của chiến đấu, và của đấu tranh; chúng cai quản đời sống bản năng thông linh thông qua tùng thái dương. Do đó, con người phàm ngã được huy động và trở thành một con người hữu tình có ý thức. Khi sự tiến hóa của y tiến triển, cái tôi hay linh hồn ngày càng trở nên [124] hoạt động và chi phối trong con người và trong sự tồn tại xác thân của y, và từng chút một, tất cả các phần của cấu trúc dĩ thái trở nên thức tỉnh đầy sức sống. Dần dần, các trung tâm cao hơn đi vào hoạt động gia tăng, và trọng tâm của mãnh lực tuôn đổ qua thân thể chuyển sang các trung tâm bên trên cơ hoành. Trung tâm cổ họng thức tỉnh và trở thành cơ quan của công việc sáng tạo; trung tâm tim được làm cho sống động và con

the inclusiveness of the life-soul. Finally the head centres awaken and another range of perceptions enters into his consciousness. He becomes aware of himself as a soul, integrated as a personality, and later still he becomes aware of the world of spirit, of divine life, of the unseen world of spirits, and of that "cloud of witnesses" who testify to the reality of the soul life.

người trở nên nhận biết các mối quan hệ linh hồn của mình, các trách nhiệm nhóm và tính bao quát của sự sống-linh hồn. Cuối cùng, các trung tâm đầu thức tỉnh và một phạm vi nhận thức khác đi vào tâm thức của y. Y trở nên nhận biết bản thân mình là một linh hồn, được tích hợp như một phàm ngã, và trễ hơn nữa, y trở nên nhận biết thế giới của tinh thần, của sự sống thiêng liêng, của thế giới vô hình của các thần linh, và của "đám mây nhân chứng" đó, những người làm chứng cho thực tại của đời sống linh hồn.

One of the objectives of human evolution is to accomplish this. The centre at the base of the spine, the heart and head centres, must come into full functioning activity and thus, through a blending of the energy latent in matter itself and stored up in the centre at the base of the spine, of the energy of the soul, which has its seat in the heart, and of the energy of the spirit, centred in the head, bring the human being to the highest point of perfection. Through this fusion of energies he becomes an active expression of God—spirit, soul, body, blended and united so that the body is indeed the vehicle for the soul, and that soul is indeed the expression of the will and purpose of the spirit.

Một trong những mục tiêu của tiến hóa nhân loại là hoàn thành điều này. Trung tâm tại đáy cột sống, các trung tâm tim và đầu, phải đi vào hoạt động chức năng trọn vẹn và do đó, thông qua sự pha trộn của năng lượng tiềm tàng trong chính vật chất và được tích trữ trong trung tâm tại đáy cột sống, của năng lượng linh hồn, vốn có chỗ trú đóng trong tim, và của năng lượng tinh thần, tập trung trong đầu, đưa con người đến điểm hoàn hảo cao nhất. Thông qua sự dung hợp các năng lượng này, y trở thành một biểu hiện năng động của Thượng đế—tinh thần, linh hồn, thân thể, được pha trộn và hợp nhất sao cho thân thể thực sự là vận cụ cho linh hồn, và linh hồn đó thực sự là biểu hiện của ý chí và mục đích của tinh thần.

[125] What did Christ say when on earth? "He that hath seen me hath seen the Father." *(John XIV: 9)*. He said also, "He that believeth on Me, the works that I do shall he do also; and greater works than these shall he do; because I go unto My Father" *(John XIV: 12)*. He was the Soul incarnate in the body, revealing the Father, the Spirit, and through the mechanism of the body, demonstrating the powers of the soul, which, the Hindus claim, follow upon the awakening of the centres, and which they list as follows:

[125] Đức Christ đã nói gì khi còn ở trần gian? "Ai thấy Ta là thấy Cha." *(John XIV: 9)*. Ngài cũng nói, "Kẻ nào tin Ta, thì việc Ta làm, kẻ ấy cũng sẽ làm; và họ sẽ làm những việc lớn hơn nữa; vì Ta đi về cùng Cha Ta" *(John XIV: 12)*. Ngài là Linh hồn lâm phàm trong thân thể, hiển lộ Cha, Tinh thần, và thông qua bộ máy của thân thể, thể hiện các quyền năng của linh hồn, những quyền năng mà người Hindu khẳng định là sẽ theo sau sự thức tỉnh của các trung tâm, và họ liệt kê như sau:

1. Anima... the power to penetrate all bodies, and to bring the dead to life. Christ could pass unseen into rooms, and could raise the dead. (See Luke 24:36, Mark 16:14, John 20:19, John 11.)

1. Anima... quyền năng thâm nhập vào mọi thân thể, và làm cho kẻ chết sống lại. Đức Christ có thể đi vào các căn phòng mà không bị nhìn thấy, và có thể làm cho kẻ chết sống lại. (Xem Luke 24:36, Mark 16:14, John 20:19, John 11.)

2. Mahima... the power to include or make oneself large or to comprehend the universe. Christ knew all things. (Matt. 12:25, John 2:24, John 6:64.)

2. Mahima... quyền năng bao gồm hoặc làm cho bản thân trở nên to lớn hoặc thấu hiểu vũ trụ. Đức Christ biết mọi sự. (Matt. 12:25, John 2:24, John 6:64.)

3. Laghima... the power to make oneself light so that one could float in the air or walk on the water. Christ walked on the water. (Matt. 14:25, 26, Mark 6:48.)

3. Laghima... quyền năng làm cho bản thân trở nên nhẹ để có thể lơ lửng trong không khí hoặc đi trên mặt nước. Đức Christ đã đi trên mặt nước. (Matt. 14:25, 26, Mark 6:48.)

4. Garima... the power to make oneself heavy. There is no record in the Christian Scripture of Christ exercising this power.

4. Garima... quyền năng làm cho bản thân trở nên nặng. Không có ghi chép nào trong Kinh Thánh Cơ Đốc giáo về việc Đức Christ thực thi quyền năng này.

5. Prapti... the predicting of events (Christ foretold his crucifixion Matt. 26:2, Luke 24:7) and of the power to cure diseases (Christ healed hundreds, Matt. 12:15, 14:15), and of clairvoyance [126] and clairaudience. (Christ was both clairvoyant, John 1:48, and clairaudient, John 12:29.)

5. Prapti... việc tiên đoán các sự kiện (Đức Christ đã báo trước sự đóng đinh của mình Matt. 26:2, Luke 24:7) và quyền năng chữa bệnh (Đức Christ đã chữa lành hàng trăm người, Matt. 12:15, 14:15), và về thông nhãn [126] và thông nhĩ. (Đức Christ vừa có thông nhãn, John 1:48, vừa có thông nhĩ, John 12:29.)

6. Prakamega... the power to preserve the body. Christ reappeared to His disciples after death with the same body, apparently, that they knew. (John 20:20-27.)

6. Prakamega... quyền năng bảo tồn thân thể. Đức Christ đã tái xuất hiện trước các môn đồ sau khi chết với cùng một thân thể, dường như, mà họ đã biết. (John 20:20-27.)

7. Visitvan... the power of self control, the power to control animals, and people. All these Christ demonstrated, even to the control of the demon-possessed persons, and of the hogs who ran down a steep place into the sea. (Matt. 8, Mark 5, Mark 9.)

7. Visitvan... quyền năng tự chủ, quyền năng kiểm soát động vật, và con người. Tất cả những điều này Đức Christ đã biểu lộ, thậm chí đến việc kiểm soát những người bị quỷ ám, và đàn heo chạy xuống dốc lao vào biển. (Matt. 8, Mark 5, Mark 9.)

8. Ishatvan... the power of universal dominion. This is everywhere claimed for Christ, and is indicated by his being seated on the right hand of God.

8. Ishatvan... quyền năng thống trị phổ quát. Điều này được tuyên bố khắp nơi cho Đức Christ, và được biểu thị bằng việc Ngài ngồi bên hữu Thượng đế.

And is the possession of these powers and the fulfilment of Christ's prophecy that we shall do these greater things, so contrary to what the West calls common sense? In the radio, we broadcast waves of sound and we time and amplify them, but after all we merely re-enforce the sound waves which in their original subtle form, are pouring in upon us. What more natural than this, that man, who has constructed mechanical re-enforcements, should himself become so sensitive as to pick up the sound waves unaided, and thus be termed clairaudient? And is not thought transference (which even the most sceptical must recognise) none other than a special kind of broadcasting? And so with other "miracles," is not the material world controlled [127] by subtler forces and powers, and may not man learn in time to operate in the subtler field and thereby acquire dominance over the merely physical and material?

Và việc sở hữu những quyền năng này cùng sự hoàn thành lời tiên tri của Đức Christ rằng chúng ta sẽ làm những việc lớn hơn này, có quá trái ngược với những gì phương Tây gọi là lẽ thường không? Trong vô tuyến điện, chúng ta phát sóng âm thanh và chúng ta định thời gian cũng như khuếch đại chúng, nhưng suy cho cùng chúng ta chỉ củng cố các sóng âm thanh vốn đang tuôn chảy vào chúng ta trong hình thức vi tế ban đầu của chúng. Còn gì tự nhiên hơn điều này, rằng con người, kẻ đã xây dựng các công cụ củng cố cơ học, chính y sẽ trở nên nhạy cảm đến mức thu được các sóng âm thanh mà không cần hỗ trợ, và do đó được gọi là có thông nhĩ? Và chẳng phải sự chuyển tư tưởng (điều mà ngay cả những người hoài nghi nhất cũng phải công nhận) không gì khác hơn là một loại phát thanh đặc biệt sao? Và cũng vậy với các "phép lạ" khác, chẳng phải thế giới vật chất được kiểm soát [127] bởi các mãnh lực và quyền năng vi tế hơn sao, và chẳng phải con người có thể học theo thời gian để vận hành trong lĩnh vực vi tế hơn và qua đó đạt được sự thống trị đối với cái thuần túy vật lý và vật chất sao?

Such is the age-long belief of India—that through the development of the soul and spirit, through the awakening of all the centres, man comes to his maturity and his glory.

Đó là niềm tin lâu đời của Ấn Độ—rằng thông qua sự phát triển của linh hồn và tinh thần, thông qua sự thức tỉnh của tất cả các trung tâm, con người đi đến sự trưởng thành và vinh quang của mình.

CHAPTER VII — CONCLUSION—CHƯƠNG VII — KẾT LUẬN

[128] In this book we have considered the two systems of psychology, the Eastern and the Western. Taken together we have a complete picture of man as a living soul, functioning through a certain mechanism. Part of this, the etheric body with its centres, is subtle, unseen and beyond the reach of our five senses, and another part is in the dense physical realm, namely the endocrine glands and the nervous system, which control the rest of the dense physical manifestation. These two parts, we believe, form one whole.

[128] Trong cuốn sách này, chúng ta đã xem xét hai hệ thống tâm lý học, phương Đông và phương Tây. Khi kết hợp lại, chúng ta có một bức tranh hoàn chỉnh về con người như một linh hồn sống động, vận hành thông qua một cơ chế nhất định. Một phần của cơ chế này, thể dĩ thái với các trung tâm của nó, là vi tế, vô hình và vượt ra ngoài tầm với của năm giác quan của chúng ta, và một phần khác nằm trong cõi hồng trần đậm đặc, cụ thể là các tuyến nội tiết và hệ thần kinh, vốn kiểm soát phần còn lại của biểu hiện vật lý đậm đặc. Chúng tôi tin rằng hai phần này tạo thành một tổng thể nhất quán.

The soul is always the great reality, the expression of the one life, which is made up of the etheric and dense bodies. It is the soul force playing upon and functioning through the etheric body which evolves the specialised centres in that body, and which in turn acts upon the dense physical.

Linh hồn luôn là thực tại vĩ đại, biểu hiện của sự sống duy nhất, vốn được tạo thành từ các thể dĩ thái và đậm đặc. Chính mãnh lực linh hồn tác động lên và vận hành thông qua thể dĩ thái làm phát triển các trung tâm chuyên biệt trong thể đó, và đến lượt nó lại tác động lên thể xác đậm đặc.

The question which appeals most strongly to the Western mind is how to achieve greater efficiency in operation. Man, the soul, is limited in his operating efficiency by the condition of his instrument. If the glands, nervous system and the etheric body with its centres are out of adjustment and not functioning properly, man, the soul, must repair or heal them. It is only because man is essentially [129] a living soul that we can even conceive of his glands as not functioning properly, much less proceed to study, correct and perfect them.

Câu hỏi hấp dẫn nhất đối với trí tuệ phương Tây là làm thế nào để đạt được hiệu quả cao hơn trong vận hành. Con người, linh hồn, bị giới hạn trong hiệu quả vận hành của mình bởi tình trạng công cụ của y. Nếu các tuyến, hệ thần kinh và thể dĩ thái với các trung tâm của nó bị lệch lạc và không hoạt động đúng cách, con người, linh hồn, phải sửa chữa hoặc chữa lành chúng. Chỉ vì con người về bản chất [129] là một linh hồn sống động nên chúng ta mới có thể quan niệm rằng các tuyến của y không hoạt động đúng cách, chưa nói đến việc tiến hành nghiên cứu, sửa chữa và hoàn thiện chúng.

Work directly upon the glands and the nerve centres through the use of medicines and by other means is essentially repair work, and is limited to the highest state of those particular glands and nerve centres originally created by the particular man in question. The same is equally, and if anything, more emphatically true of the centres in the etheric body which can be affected by certain Oriental practices of breathing, mantras and posture. Such practices are most dangerous, often, indeed, leading to insanity. Eventually, it is to be hoped, we shall have sufficient knowledge and experience to work with intelligence directly upon the centres and thus he able to control more effectively the neuroses and glands of the physical body.

Làm việc trực tiếp lên các tuyến và các trung tâm thần kinh thông qua việc sử dụng thuốc men và bằng các phương tiện khác về cơ bản là công việc sửa chữa, và bị giới hạn ở trạng thái cao nhất của những tuyến và trung tâm thần kinh cụ thể đó vốn được tạo ra ban đầu bởi con người cụ thể đang được đề cập. Điều tương tự cũng đúng, và nếu có gì khác thì còn đúng một cách dứt khoát hơn, đối với các trung tâm trong thể dĩ thái vốn có thể bị ảnh hưởng bởi các thực hành phương Đông nào đó về hô hấp, mantram và tư thế. Những thực hành như vậy rất nguy hiểm, thực sự thường dẫn đến điên loạn. Hy vọng rằng cuối cùng chúng ta sẽ có đủ kiến thức và kinh nghiệm để tác động trực tiếp một cách thông minh lên các trung tâm và do đó có thể kiểm soát hiệu quả hơn các chứng loạn thần kinh và các tuyến của thể xác.

Three theories apparently emerge as the result of our investigation, and form a triple hypothesis to account for man as an organism, demonstrating life, self-consciousness and intelligent purpose.

Ba lý thuyết dường như nổi lên như là kết quả của cuộc điều tra của chúng tôi, và hình thành nên một giả thuyết tam phân để giải thích con người như một sinh vật, biểu lộ sự sống, ngã thức và mục đích thông tuệ.

The first is: *As a man's glands and nervous system, so is he*. His temperament, natural qualities and intelligent handling of his life experiences and of his environment are determined by his endocrine system. So says the West.

Thứ nhất là: *Các tuyến và hệ thần kinh của một người thế nào, thì y thế ấy*. Khí chất, các phẩm tính tự nhiên và cách xử lý thông minh các kinh nghiệm sống và môi trường của y được xác định bởi hệ nội tiết của y. Phương Tây nói như vậy.

The second is: *As a man's centres, so is he*. The quiescence or the activity of certain focal points of energy in the human, etheric body, determine his character, his method of expression, his type and [130] also the tenure of his body. His activities on the physical plane are entirely dependent upon the qualities of force flowing through his centres. So says the East.

Thứ hai là: *Các trung tâm của một người thế nào, thì y thế ấy*. Sự tĩnh tại hay hoạt động của những tiêu điểm năng lượng nhất định trong thể dĩ thái của con người, xác định tính cách của y, phương thức biểu đạt của y, kiểu loại của y và [130] cả thời gian tồn tại của thân thể y. Các hoạt động của y trên cõi hồng trần hoàn toàn phụ thuộc vào các phẩm tính của mãnh lực tuôn chảy qua các trung tâm của y. Phương Đông nói như vậy.

The third is: The glands and neuroses as well as the centres are conditioned by the control or lack of control exerted by the soul.

Thứ ba là: Các tuyến và các chứng loạn thần kinh cũng như các trung tâm được quy định bởi sự kiểm soát hay thiếu kiểm soát do linh hồn thực thi.

It might be argued that we have only succeeded in pushing the whole matter back into the realms of the unseen and the unprovable. But is this really so? Have not many factors now accepted as realities emerged from the speculations and vague hypotheses of the past ages? Has not what was regarded as unprovable in the past been proved and demonstrated in the present age? Might it not be possible to apply a technique and employ a method which may in time suffice, through the mass of direct available evidence, to give us a clearer perception of the factors which are at present so obscure to us?

Có thể lập luận rằng chúng ta chỉ mới thành công trong việc đẩy toàn bộ vấn đề trở lại vào các lĩnh vực của cái vô hình và cái không thể chứng minh. Nhưng liệu điều này có thực sự như vậy không? Chẳng phải nhiều yếu tố hiện được chấp nhận là thực tại đã xuất hiện từ những suy đoán và giả thuyết mơ hồ của các thời đại quá khứ sao? Chẳng phải những gì được coi là không thể chứng minh trong quá khứ đã được chứng minh và minh chứng trong thời đại hiện tại sao? Liệu có thể nào áp dụng một kỹ thuật và sử dụng một phương pháp mà theo thời gian có thể đủ, thông qua khối lượng bằng chứng trực tiếp có sẵn, để cho chúng ta một nhận thức rõ ràng hơn về các yếu tố hiện đang quá mờ mịt đối với chúng ta không?

The West comes forward as we have seen with its facts concerning the structure. Man's mechanism is determined by his endocrine system plus the nervous system, the response apparatus. Can we approach the subject from this standpoint and by a treatment of the human glands produce perfection of the human body and thus eventually lead man out into the full light of the soul? Can divinity be unfolded through physical means? Or, accepting the Eastern position that the centres are the mediums of expression for the soul, and responsible [131] for the building and control of the body, through the nervous system and the glands, can we investigate and apply a recognisably dangerous method and work directly on or through the centres?

Phương Tây bước tới như chúng ta đã thấy với các sự kiện của nó liên quan đến cấu trúc. Cơ chế của con người được xác định bởi hệ nội tiết cộng với hệ thần kinh, bộ máy phản ứng. Liệu chúng ta có thể tiếp cận chủ đề từ quan điểm này và bằng cách điều trị các tuyến của con người để tạo ra sự hoàn hảo của thân thể con người và do đó cuối cùng dẫn con người đi vào ánh sáng trọn vẹn của linh hồn không? Liệu thiên tính có thể được khai mở thông qua các phương tiện vật lý không? Hay, chấp nhận lập trường phương Đông rằng các trung tâm là các trung gian biểu đạt cho linh hồn, và chịu trách nhiệm [131] cho việc xây dựng và kiểm soát thân thể, thông qua hệ thần kinh và các tuyến, liệu chúng ta có thể điều tra và áp dụng một phương pháp rõ ràng là nguy hiểm và làm việc trực tiếp lên hoặc thông qua các trung tâm không?

Is there a third way by means of which we can avoid the purely physical approach and also the danger of awakening the centres prematurely? May it not be possible to arrive at a solution and a method which will give the soul the full use of its instrument, and produce that perfect interplay between soul and body which a right activity of the centres is claimed to bring about?

Liệu có cách thứ ba mà nhờ đó chúng ta có thể tránh được cách tiếp cận thuần túy vật lý và cả sự nguy hiểm của việc đánh thức các trung tâm một cách quá sớm không? Chẳng lẽ không thể đi đến một giải pháp và một phương pháp sẽ cung cấp cho linh hồn sự sử dụng trọn vẹn công cụ của nó, và tạo ra sự tương tác hoàn hảo giữa linh hồn và thân thể mà một hoạt động đúng đắn của các trung tâm được cho là sẽ mang lại sao?

There is a way whereby man can ascertain that he is really a soul, and therefore is able to control his instrument of expression, the threefold lower nature, the sum total of psychical and mental states. Through this method it is possible to bring about a union of the wisdom of the East and the knowledge of the West, so that the best aspects of each system can be available to mankind as a whole.

Có một cách mà nhờ đó con người có thể xác định rằng y thực sự là một linh hồn, và do đó có thể kiểm soát công cụ biểu đạt của mình, bản chất thấp tam phân, tổng thể của các trạng thái tâm lý và trí tuệ. Thông qua phương pháp này, có thể mang lại một sự hợp nhất giữa minh triết của phương Đông và kiến thức của phương Tây, để những khía cạnh tốt nhất của mỗi hệ thống có thể sẵn có cho toàn thể nhân loại.

In considering the possibility of man discovering his soul, there must be, to start with, a willingness to accept an hypothesis, for hypotheses have always been the starting point for knowledge. We assume then, as a working hypothesis that man is a soul and possesses a body, and that there is a unifying medium linking these two in the form of an energy body.

Khi xem xét khả năng con người khám phá ra linh hồn của mình, để bắt đầu, phải có sự sẵn lòng chấp nhận một giả thuyết, vì các giả thuyết luôn là điểm khởi đầu cho kiến thức. Vậy thì, chúng ta giả định như một giả thuyết làm việc rằng con người là một linh hồn và sở hữu một thân thể, và rằng có một trung gian hợp nhất liên kết hai thứ này dưới dạng một thể năng lượng.

[132] Those who have sought to ascertain the fact of the existence of the soul and of its vitalising apparatus hitherto can be divided into two groups. There are the mystics who have employed aspiration and emotion, plus physical means, and there are those who are more purely mental in calibre, and who have utilised the intellect and the mind, in order to arrive at spiritual knowledge. This long line of knowers of God have used different terminologies, but it is immaterial for our purpose whether they call the soul the self,

[132] Những người đã tìm cách xác định sự thật về sự tồn tại của linh hồn và của bộ máy tiếp sinh lực của nó cho đến nay có thể được chia thành hai nhóm. Có những nhà thần bí đã sử dụng khát vọng và cảm xúc, cộng với các phương tiện vật lý, và có những người thuần túy trí tuệ hơn về năng lực, và đã sử dụng trí năng và trí tuệ, để đạt đến kiến thức tinh thần. Dòng dõi dài những người biết Thượng đế này đã sử dụng các thuật ngữ khác nhau, nhưng không quan trọng cho mục đích của chúng ta việc họ gọi linh hồn

the Beloved, the One, or God, or Christ. The mystic flagellated and misused his body through fasting and over-discipline. He thus reduced the claims of the fleshly appetites. To this he added an intense devotion for the Beloved and a longing for the Vision. At the close of years of strenuous exercise he found that which he sought, and was united with that Beloved.

là cái tôi, là Đấng Dấu Yêu, là Đấng Duy Nhất, hay Thượng đế, hay Christ. Nhà thần bí đã tự hành xác và lạm dụng thân thể mình thông qua nhịn ăn và kỷ luật quá mức. Y do đó đã giảm bớt những đòi hỏi của ham muốn xác thịt. Vào điều này, y thêm một sự sùng tín mãnh liệt đối với Đấng Dấu Yêu và một sự khao khát Linh ảnh. Vào cuối những năm tháng rèn luyện vất vả, y đã tìm thấy cái mà y tìm kiếm, và được hợp nhất với Đấng Dấu Yêu đó.

The second group employed the reason and practised mind control, plus stern emotional and physical control. Through the one-pointedness of their search they, too, found reality and came into a wide consciousness of the eternal plan, arriving at union with the Universal Soul.

Nhóm thứ hai sử dụng lý trí và thực hành kiểm soát trí tuệ, cộng với kiểm soát nghiêm ngặt về cảm xúc và thể xác. Thông qua sự nhất tâm trong cuộc tìm kiếm của mình, họ cũng tìm thấy thực tại và đi vào một tâm thức rộng lớn về thiên cơ vĩnh cửu, đạt đến sự hợp nhất với Linh Hồn Vũ Trụ.

Both groups bear testimony to the truth of the existence of the Soul, but, limited by their peculiar bent and method, their testimony is one-sided. One is too visionary, mystical and emotional; the other too academic, intellectual and form-building. Now, through the wide dissemination of human [133] knowledge and the close intercourse existing between minds through the medium of literature, the spoken word and travel, the time has come when a fusion is, for the first time, generally possible, and, from the past conclusions of the philosophers and saints of both hemispheres, we should be able to work out a system and a method which will be for our day and generation the mode of spiritual achievement.

Cả hai nhóm đều làm chứng cho sự thật về sự tồn tại của Linh hồn, nhưng, bị giới hạn bởi khuynh hướng và phương pháp đặc biệt của họ, lời chứng của họ là phiến diện. Một bên quá mơ mộng, thần bí và cảm xúc; bên kia quá hàn lâm, trí thức và xây dựng hình tướng. Giờ đây, thông qua sự phổ biến rộng rãi của kiến thức [133] nhân loại và sự giao lưu chặt chẽ hiện hữu giữa các trí tuệ thông qua phương tiện văn học, lời nói và du lịch, đã đến lúc một sự dung hợp, lần đầu tiên, là khả thi một cách tổng quát, và từ những kết luận trong quá khứ của các triết gia và các vị thánh của cả hai bán cầu, chúng ta sẽ có thể tìm ra một hệ thống và một phương pháp vốn sẽ là phương thức thành tựu tinh thần cho thời đại và thế hệ của chúng ta.

It becomes therefore practical for certain initial steps to be taken and these might be summarised as follows:

Do đó, việc thực hiện một số bước ban đầu trở nên thực tế và những bước này có thể được tóm tắt như sau:

(a) A sane treatment of the physical body, utilising the knowledge of the West, particularly with reference to preventive medicine and the general health of the endocrine system.

(a) Một cách chăm sóc hợp lý đối với thể xác, sử dụng kiến thức của phương Tây, đặc biệt liên quan đến y học dự phòng và sức khỏe chung của hệ nội tiết.

(b) An intellectual understanding and application of the basic facts of modern psychology and a sane psycho-analysis, thus arriving at a knowledge of the mechanism, mental, emotional and physical, through which the soul seeks expression.

(b) Một sự thấu hiểu trí tuệ và ứng dụng các sự thật cơ bản của tâm lý học hiện đại và việc phân tâm hợp lý, qua đó đạt đến một kiến thức về cơ chế, trí tuệ, cảm xúc và vật lý, mà qua đó linh hồn tìm kiếm sự biểu hiện.

(c) A recognition of the fact that, as the physical body is an automaton, responsive to and controlled by the desires and the emotional nature, so these emotional states of consciousness (extending all the way from love of food to love of God) may be controlled by the reasoning mind.

(c) Một sự công nhận sự thật rằng, vì thể xác là một bộ máy tự động, đáp ứng và bị kiểm soát bởi các dục vọng và bản chất cảm xúc, nên các trạng thái cảm xúc của tâm thức (kéo dài từ sự ham thích thức ăn đến tình yêu Thượng đế) có thể bị kiểm soát bởi trí tuệ suy luận.

(d) Growing out of all this will come a study of the laws of mind, and thus the relationship between the mind and the brain may be understood and utilised.

(d) Nảy sinh từ tất cả những điều này sẽ đến một sự nghiên cứu về các định luật của trí tuệ, và do đó mối quan hệ giữa trí tuệ và bộ não có thể được thấu hiểu và sử dụng.

[134] When these four points are grasped and their effect is felt in man's personality, we shall have the integrated and coordinated organism; the structure can then be regarded as ready for direction by the soul. The above stages must be understood, not as proceeding sequentially, but as going forward simultaneously. It is also apparent that perfect intellectual knowledge of the soul and of the world which that soul reveals is only possible to the man who has this outlined equipment. A sense of God, an appreciation of the true and beautiful, and a contact with the mystical vision is at all times possible to those whose heart centre is awake and functioning. Such Lovers of God have existed through the ages;

[134] Khi bốn điểm này được nắm bắt và tác dụng của chúng được cảm thấy trong phàm ngã của con người, chúng ta sẽ có một sinh vật được tích hợp và phối hợp; cấu trúc khi đó có thể được coi là sẵn sàng cho sự chỉ đạo bởi linh hồn. Các giai đoạn trên phải được hiểu, không phải như tiến hành theo trình tự, mà là đi tới đồng thời. Cũng rõ ràng rằng kiến thức trí tuệ hoàn hảo về linh hồn và về thế giới mà linh hồn đó tiết lộ chỉ khả thi đối với người có trang bị được vạch ra này. Một ý thức về Thượng đế, một sự trân trọng cái chân và cái mỹ, và một sự tiếp xúc với linh ảnh thần bí luôn luôn khả thi đối với những người mà trung tâm tim đã thức tỉnh và hoạt động. Những Người Yêu Thượng đế như vậy đã tồn tại qua các thời đại; họ cảm thấy,

they feel, sense, love and adore, but the link between soul, mind and brain is lacking. When to this mystical equipment there is added the intellectual, then the head centre is awakened, the pineal gland is no longer in an atrophied condition, but is known to be the seat of the soul and of the directing spiritual will. When both these centres are awakened we have the great outstanding spiritual personalities who work with consecrated heart and brain and set their seal on world thought. Hitherto the way of the mystic has been the way of the majority, and the way of the intellect has been for the few. But the race is now at the stage where, basing its hypothesis upon the mystical experiences of the many, it can go forward from feeling and adoration to knowledge, and from love of God into knowledge of God.

cảm nhận, yêu thương và tôn thờ, nhưng mối liên kết giữa linh hồn, trí tuệ và bộ não bị thiếu. Khi thêm vào trang bị thần bí này trang bị trí tuệ, thì trung tâm đầu được đánh thức, tuyến tùng không còn ở trong tình trạng teo đi nữa, mà được biết đến là chỗ trú đóng của linh hồn và của ý chí tinh thần chỉ đạo. Khi cả hai trung tâm này được đánh thức, chúng ta có những phàm ngã tinh thần kiệt xuất vĩ đại, những người làm việc với trái tim và bộ não được thánh hiến và đặt dấu ấn của họ lên tư tưởng thế giới. Cho đến nay, con đường của nhà thần bí là con đường của đa số, và con đường của trí tuệ là dành cho số ít. Nhưng giống dân hiện đang ở giai đoạn mà, căn cứ giả thuyết của nó dựa trên các kinh nghiệm thần bí của số đông, nó có thể tiến tới từ cảm giác và sự tôn thờ đến kiến thức, và từ tình yêu Thượng đế đi vào kiến thức về Thượng đế.

[135] This will be the case when the wisdom of the East is added to the knowledge of the West and the technique of the science of the soul is imposed upon our Western intellectual types. It is impossible to enlarge at length upon this technique. It might, however, be briefly described as being divided into eight stages which can be listed as follows:

[135] Điều này sẽ xảy ra khi minh triết của phương Đông được thêm vào kiến thức của phương Tây và kỹ thuật của khoa học về linh hồn được áp đặt lên các kiểu người trí thức phương Tây của chúng ta. Không thể trình bày chi tiết về kỹ thuật này. Tuy nhiên, nó có thể được mô tả ngắn gọn là được chia thành tám giai đoạn có thể được liệt kê như sau:

1. Control of our relations to others, summed up under the word harmlessness which is defined in the East by the Five Commandments. These are: Harmlessness, truth to all beings, abstention from theft, from incontinence and from avarice. *(Alice A. Bailey, The light of the Soul, p. 184)*

1. Kiểm soát các mối quan hệ của chúng ta với người khác, được tóm tắt dưới từ tính vô tổn hại vốn được định nghĩa ở phương Đông bằng Năm Giới Răn. Đó là: Tính vô tổn hại, chân thật với mọi loài, không trộm cắp, không tà dâm và không tham lam. *(Alice A. Bailey, The light of the Soul, tr. 184)*

2. Purity of life as outlined in the Five Rules: Internal and external purification, contentment, fiery aspiration, spiritual reading and devotion to Ishvara (the divine

2. Sự thanh khiết của đời sống như được vạch ra trong Năm Quy Tắc: Thanh lọc bên trong và bên ngoài, sự mãn nguyện, khát vọng mãnh liệt, đọc sách tinh thần và sùng

Self). *(Alice A. Bailey, The light of the Soul, p. 187)*

tín đối với Ishvara (Chân ngã thiêng liêng). *(Alice A. Bailey, The light of the Soul, tr. 187)*

3. Poise.

3. Sự thăng bằng.

4. Right control of the life force and hence direct action by the soul upon the etheric body. This control of energy and therefore of the centres and of the physical body is only possible after a man has achieved purity and poise. He is not permitted knowledge of the laws governing energy until such time as he has learned, through discipline, the control of the animal nature, and has reached a point where he is no longer swayed by moods and selfishness.

4. Kiểm soát đúng đắn mãnh lực sự sống và do đó tác động trực tiếp bởi linh hồn lên thể dĩ thái. Sự kiểm soát năng lượng này và do đó kiểm soát các trung tâm và thể xác chỉ khả thi sau khi một người đã đạt được sự thanh khiết và thăng bằng. Y không được phép biết các định luật cai quản năng lượng cho đến khi y đã học được, thông qua kỷ luật, sự kiểm soát bản chất thú vật, và đã đạt đến một điểm nơi y không còn bị lay chuyển bởi tâm trạng và sự ích kỷ.

5. Abstraction. A term which covers the power to centre one's consciousness in the head and there [136] to function as a soul, or to withdraw the outgoing consciousness front things objective and tangible, and so turn it within.

5. Sự thu rút. Một thuật ngữ bao hàm quyền năng tập trung tâm thức của một người vào trong đầu và ở đó [136] vận hành như một linh hồn, hoặc thu rút tâm thức đang hướng ngoại khỏi những sự vật ngoại giới và hữu hình, và xoay nó vào bên trong.

6. Attention or concentration. This is one-pointed living, and involves also the bringing the mind into activity in the place of the emotions. Thus the emotional and physical man are controlled by the focussed mind.

6. Sự chú ý hay tập trung. Đây là lối sống nhất tâm, và cũng bao hàm việc đưa trí tuệ vào hoạt động thay thế cho các cảm xúc. Do đó con người cảm xúc và vật lý được kiểm soát bởi trí tuệ tập trung.

7. Meditation is prolonged attention or concentration and gives the power to focus the mind upon the soul and its concerns. This produces radical changes in the organism and substantiates the truth of the statement that, "as a man thinketh, so is he."

7. Tham thiền là sự chú ý hay tập trung kéo dài và mang lại quyền năng tập trung trí tuệ vào linh hồn và các mối quan tâm của nó. Điều này tạo ra những thay đổi căn bản trong cơ thể sinh học và chứng minh sự thật của câu nói rằng, "người ta nghĩ thế nào, thì y thế ấy."

8. Contemplation is the act of the soul in its own realm as it looks out over the forms and contacts the energies found in the fifth or spiritual kingdom in nature. This act is

8. Chiêm ngưỡng là hành động của linh hồn trong cõi riêng của nó khi nó nhìn ra các hình tướng và tiếp xúc với các năng lượng được tìm thấy trong giới thứ năm hay giới

followed by the pouring down into the brain (by way of the controlled mind) of soul knowledge and energy. This activity of the soul produces what has been called illumination: it brings about the energising of the entire man and awakens the centres in proper rhythm and progression.

tinh thần trong tự nhiên. Hành động này được theo sau bởi sự tuôn đổ xuống bộ não (bằng con đường của trí tuệ được kiểm soát) kiến thức và năng lượng linh hồn. Hoạt động này của linh hồn tạo ra cái đã được gọi là sự soi sáng: nó mang lại sự tiếp sinh lực cho toàn bộ con người và đánh thức các trung tâm theo nhịp điệu và tiến độ thích hợp.

This consciously directed spiritual energy playing through the vital body and the centres should, it is claimed, bring physical man and the endocrine system eventually into such a condition that we should have perfect health and therefore a perfect apparatus for soul expression. In this way we are taught that man can arrive at a definite knowledge of the soul, and can know himself to be "the deeper [137] Being," able to use his mechanism with definite purpose, and thus function as a soul.

Năng lượng tinh thần được chỉ đạo một cách có ý thức này tuôn chảy qua thể sinh lực và các trung tâm, theo khẳng định, cuối cùng sẽ đưa con người vật lý và hệ nội tiết vào một tình trạng sao cho chúng ta có được sức khỏe hoàn hảo và do đó là một bộ máy hoàn hảo cho sự biểu hiện của linh hồn. Theo cách này, chúng ta được dạy rằng con người có thể đi đến một kiến thức xác định về linh hồn, và có thể biết mình là "Bản Thể sâu xa hơn", [137] có thể sử dụng cơ chế của mình với mục đích xác định, và do đó vận hành như một linh hồn.

A study of the lives of the great mystics, saints and adepts of both hemispheres will give much information about the phenomenal effects resulting from following the above method, even after we have eliminated much that savours of hallucination and psychopathic conditions. Forms of clairvoyance, of prevision and of telepathic communication, clairaudient faculties and the peculiar power to psychometrise are frequently seen. It should be remembered, however, that all these powers have their spiritual manifestations and also their lower. A. E. Powell says:

Một nghiên cứu về cuộc đời của các nhà thần bí, các vị thánh và các chân sư vĩ đại của cả hai bán cầu sẽ cung cấp nhiều thông tin về những tác động biểu hiện thành hiện tượng do việc tuân theo phương pháp trên mang lại, ngay cả sau khi chúng ta đã loại bỏ nhiều điều mang hơi hướng của ảo giác và các tình trạng tâm thần. Các dạng thông nhãn, tiên kiến và giao tiếp viễn cảm, các khả năng thông nhĩ và quyền năng đặc biệt để trắc tâm thường được thấy. Tuy nhiên, cần nhớ rằng tất cả các quyền năng này đều có các biểu hiện tinh thần của chúng và cũng có các biểu hiện thấp hơn. A. E. Powell nói:

"There are, roughly, two main kinds of clairvoyance, the lower and the higher. The lower variety appears sporadically in undeveloped people, such as the savages of Central Africa, and is a sort of massive sensation vaguely belonging to the whole

"Đại khái có hai loại thông nhãn chính, loại thấp và loại cao. Loại thấp hơn xuất hiện rải rác ở những người kém phát triển, chẳng hạn như những người man dã ở Trung Phi, và là một loại cảm giác tổng thể mơ hồ thuộc về toàn bộ thể dĩ thái, hơn là một tri giác

etheric body, rather than an exact and definite sense-perception communicated through a specialized organ. It is practically beyond man's control. The Etheric Double being in exceedingly close relationship with the nervous system, any action on one of them reacts speedily on the other. In the lower clairvoyance the corresponding nervous disturbance is almost entirely in the sympathetic system.

giác quan chính xác và xác định được truyền đạt thông qua một cơ quan chuyên biệt. Nó thực tế nằm ngoài sự kiểm soát của con người. Bản sao Dĩ thái đang trong mối quan hệ cực kỳ chặt chẽ với hệ thần kinh, bất kỳ tác động nào lên một trong chúng đều phản ứng nhanh chóng lên cái kia. Trong thông nhãn thấp, sự xáo trộn thần kinh tương ứng gần như hoàn toàn nằm trong hệ giao cảm.

In more developed races the vague sensitiveness usually disappears as the mental faculties are developed. Later on, when the spiritual man begins to unfold, he regains clairvoyant power. This time, however, the faculty is precise and exact, under the control of the will, and exercised through a sense-organ. Any [138] nervous action set up is almost exclusively in the cerebro-spinal system.

Ở các giống dân phát triển hơn, sự nhạy cảm mơ hồ thường biến mất khi các năng lực trí tuệ được phát triển. Sau này, khi con người tinh thần bắt đầu khai mở, y lấy lại quyền năng thông nhãn. Tuy nhiên, lần này, khả năng là chính xác và xác định, dưới sự kiểm soát của ý chí, và được thực thi thông qua một giác quan. Bất kỳ [138] hoạt động thần kinh nào được thiết lập đều gần như chỉ nằm trong hệ não tủy.

The lower forms of psychism are most frequent in animals and very unintelligent human beings. Hysterical and ill-regulated psychism is due to the small development of the brain and the dominance of the sympathetic system, the large nucleated ganglionic cells in this system containing a very large proportion of etheric matter, and thus being easily affected by the coarser astral vibrations." *(A.E. Powell, The Etheric Double, pp. 102, 103)*

Các dạng thông linh thấp thường gặp nhất ở động vật và những con người rất kém thông minh. Thông linh hysteria và vô kỷ luật là do sự phát triển ít ỏi của bộ não và sự thống trị của hệ giao cảm, các tế bào hạch có nhân lớn trong hệ thống này chứa một tỷ lệ rất lớn vật chất dĩ thái, và do đó dễ bị ảnh hưởng bởi các rung động cảm dục thô trược hơn." *(A.E. Powell, The Etheric Double, tr. 102, 103)*

It has been frequently noticed that cats and dogs and low-grade human beings can frequently see and hear that which the normal and more intelligent person fails to register. This faculty is, however, unconscious, and the man is frequently an hallucinated victim. The saint and seer likewise see and hear, but their powers are utilised at will and are entirely under their control. A large field for investigation in

Người ta thường nhận thấy rằng mèo và chó và những con người thấp kém thường có thể nhìn thấy và nghe thấy những điều mà người bình thường và thông minh hơn không ghi nhận được. Tuy nhiên, khả năng này là vô thức, và con người thường là nạn nhân bị ảo giác. Vị thánh và nhà thông nhãn cũng nhìn thấy và nghe thấy, nhưng quyền năng của họ được sử dụng theo ý muốn và hoàn toàn nằm dưới sự kiểm soát của họ.

these matters lies open to all psychical investigators, and when the hypothesis of the vital body and the centres is admitted, much real knowledge may come.

Một lĩnh vực lớn cho sự điều tra về những vấn đề này đang mở ra cho tất cả các nhà điều tra thông linh, và khi giả thuyết về thể sinh lực và các trung tâm được thừa nhận, nhiều kiến thức thực sự có thể đến.

It is claimed by the teachers of the Eastern science of the soul that the awakening of the various centres reveals states of subtler matter than the physical. It is mainly, however, with the centres above the diaphragm that the spiritual man concerns himself, conferring, as they do, such powers as spiritual perception, correct understanding and interpretation of one's fellowmen, so that, like Christ, we know what is in man, and can grasp why [139] a man is what he is, and acts as he does. The force of inspiration, the highest power of them all, works out as the inspiring of creative work through the medium of the throat centre, and of humanitarian enterprises through the medium of the heart centre.

Các giảng sư của khoa học phương Đông về linh hồn khẳng định rằng sự thức tỉnh của các trung tâm khác nhau tiết lộ các trạng thái vật chất vi tế hơn vật lý. Tuy nhiên, chủ yếu là với các trung tâm bên trên cơ hoành mà con người tinh thần quan tâm, vì chúng mang lại những quyền năng như tri giác tinh thần, thấu hiểu đúng đắn và giải thích về đồng loại của mình, để giống như Đức Christ, chúng ta biết những gì có trong con người, và có thể nắm bắt tại sao [139] một người lại như vậy, và hành động như y làm. Mãnh lực của cảm hứng, quyền năng cao nhất trong tất cả, tác động như là việc truyền cảm hứng cho công việc sáng tạo thông qua trung gian của trung tâm cổ họng, và cho các công cuộc nhân đạo thông qua trung gian của trung tâm tim.

The second effect claimed by this group is the transference of the force below the diaphragm to the centres above. Through evolution and the effect of meditation work a man is able to function consciously through his three major centres, (head, heart and throat) leaving the three lower centres, (the base of the spine, sacral centre and solar plexus) to carry on their normal function of energising the body automatically, so that the digestive apparatus and the reproductive system and certain aspects of the nervous mechanism can carry forward their work. According to this theory, the majority of people live "below the diaphragm" and the life force is centred in the purely animal and sensory life; the sex life and the emotional life are dominant, and all the force flowing into and through the sacral centre and the

Hiệu quả thứ hai được nhóm này khẳng định là sự chuyển dịch của mãnh lực từ bên dưới cơ hoành lên các trung tâm bên trên. Thông qua tiến hóa và hiệu quả của công việc tham thiền, một người có thể hoạt động một cách có ý thức thông qua ba trung tâm chính của mình (đầu, tim và cổ họng), để lại ba trung tâm thấp hơn (đáy cột sống, trung tâm xương cùng và tùng thái dương) tiếp tục chức năng bình thường của chúng là tiếp sinh lực cho cơ thể một cách tự động, để bộ máy tiêu hóa và hệ thống sinh sản cùng một số phương diện nhất định của cơ chế thần kinh có thể xúc tiến công việc của chúng. Theo lý thuyết này, đa số mọi người sống "bên dưới cơ hoành" và mãnh lực sự sống tập trung hoàn toàn vào đời sống thú vật và giác quan; đời sống tình dục và đời sống cảm xúc chiếm ưu thế, và tất cả mãnh lực tuôn chảy

solar plexus go to the stimulation of certain physiological and lower psychical processes. As man evolves, however, the direction of the force changes. We have seen that the force is dual, being partially life force and partially soul force, one expressing itself through the blood and the other through the nervous system. The life force aspect continues to carry forward its function of vitalising and empowering all [140] the organs and structures of the body, but the soul force, hitherto relatively quiescent, begins to turn upwards. The soul force in the centre at the base of the spine is carried to the head via the spinal canal, passing through each centre in turn, gathering increasing soul energy at each point.

vào và qua trung tâm xương cùng và tùng thái dương đều đi đến việc kích thích các quá trình sinh lý và thông linh thấp nhất định. Tuy nhiên, khi con người tiến hóa, hướng của mãnh lực thay đổi. Chúng ta đã thấy rằng mãnh lực là kép, một phần là mãnh lực sự sống và một phần là mãnh lực linh hồn, cái này biểu lộ qua máu và cái kia qua hệ thống thần kinh. Phương diện mãnh lực sự sống tiếp tục xúc tiến chức năng tiếp sinh lực và truyền năng lực cho tất cả [140] các cơ quan và cấu trúc của cơ thể, nhưng mãnh lực linh hồn, cho đến nay tương đối tĩnh lặng, bắt đầu hướng lên trên. Mãnh lực linh hồn tại trung tâm ở đáy cột sống được đưa lên đầu qua kênh tủy sống, đi qua lần lượt từng trung tâm, thu thập năng lượng linh hồn ngày càng tăng tại mỗi điểm.

The psychological effects of this transfer of consciousness are interesting. When the soul is “enthroned” (as the scientific Oriental books put it) in the head, it attracts upward to itself, through the power of its magnetism, the force latent at the base of the spine. Thus is produced the complete blending of spiritual energy and the force in matter itself through the attractive energy of the soul. This is what is meant by the arousing of the Kundalini power and it should be done by the magnetism of the dominant soul, and not by meditation on any specific centre or by conscious action on the force of matter.

Những hiệu quả tâm lý của sự chuyển dịch tâm thức này rất thú vị. Khi linh hồn “ngự trị” (như các sách khoa học Phương Đông diễn tả) trong đầu, nó thu hút lên về phía mình, thông qua quyền năng từ tính của nó, mãnh lực tiềm tàng tại đáy cột sống. Do đó tạo ra sự dung hợp hoàn toàn của năng lượng tinh thần và mãnh lực trong chính vật chất thông qua năng lượng thu hút của linh hồn. Đây là điều được hàm ý bởi sự khơi hoạt quyền năng Kundalini và nó nên được thực hiện bởi từ tính của linh hồn đang chiếm ưu thế, chứ không phải bằng việc tham thiền trên bất kỳ trung tâm cụ thể nào hay bằng tác động có ý thức lên mãnh lực của vật chất.

The soul energy of the sacral centre must be carried to the highest creative centre, the throat. The emphasis will then be laid on creative work carried forward for the sake of the group and not on the active sex life of the man concerned.

Năng lượng linh hồn của trung tâm xương cùng phải được đưa lên trung tâm sáng tạo cao nhất, cổ họng. Khi đó sự nhấn mạnh sẽ được đặt vào công việc sáng tạo được xúc tiến vì lợi ích của nhóm chứ không phải vào đời sống tình dục hoạt động mạnh của người liên quan.

The energy of the solar plexus centre has, equally, to be transferred and carried to the heart, and the consciousness then is no longer self-centred and purely selfish, but the man becomes group-conscious and inclusive in his attitude to people and to life. He is no longer antagonistic and exclusive. He knows and understands. He pities, [141] loves and serves. There is a wide field for research once this relationship between centre and centre, and between centre and glands, is grasped; the effects, physiological as well as psychical, will warrant close study.

Năng lượng của trung tâm tùng thái dương, cũng vậy, phải được chuyển dịch và đưa lên tim, và khi đó tâm thức không còn tập trung vào bản thân và thuần túy ích kỷ nữa, mà con người trở nên có ý thức nhóm và bao quát trong thái độ của y đối với mọi người và với cuộc sống. Y không còn đối kháng và loại trừ. Y biết và thấu hiểu. Y thương xót, [141] yêu thương và phụng sự. Có một lĩnh vực rộng lớn cho việc nghiên cứu một khi mối quan hệ này giữa trung tâm với trung tâm, và giữa trung tâm với các tuyến, được nắm bắt; các hiệu quả, về sinh lý cũng như về thông linh, sẽ xứng đáng được nghiên cứu kỹ lưỡng.

It is interesting also to note another claim made by students of the Ageless Wisdom. When man has reached a fairly high state of evolution the throat centre is functioning and he is beginning to take his place in the work of the world; he has a definite output in some field of world activity. His personality then may be regarded as organised, and he can be deemed to have reached his maturity. The psychologists tell us that the pituitary body is the seat of the emotional and mental characteristics. In one lobe the reasoning mind has its seat, whilst the other is responsible for the imaginative emotional faculties, and the power to visualise. In man, with creative power, and, therefore, with a developed personality, the two lobes of the pituitary body are equal to the demand, and from them can be deduced the status of the material aspect, the mechanism through which the soul moves and expresses itself. This gland is concerned with the centre between the eyebrows. This centre is negative to the centre in the head which is responsive to the energy of the Soul. When through conformity to the outlined technique, the soul assumes control, energises the head centre and brings

Cũng thật thú vị khi lưu ý một khẳng định khác được đưa ra bởi các môn sinh của Minh Triết Ngàn Đời. Khi con người đã đạt đến một trạng thái tiến hóa khá cao, trung tâm cổ họng đang hoạt động và y bắt đầu chiếm vị trí của mình trong công việc của thế gian; y có những thành quả rõ rệt trong một lĩnh vực hoạt động nào đó của thế giới. Phàm ngã của y khi đó có thể được xem là đã được tổ chức, và y có thể được coi là đã đạt đến sự trưởng thành của mình. Các nhà tâm lý học bảo chúng ta rằng tuyến yên là chỗ trú đóng của các đặc điểm cảm xúc và trí tuệ. Trong một thùy, trí tuệ suy luận có chỗ trú đóng của nó, trong khi thùy kia chịu trách nhiệm về các năng lực cảm xúc tưởng tượng, và quyền năng hình dung. Ở con người, với quyền năng sáng tạo, và do đó, với một phàm ngã đã phát triển, hai thùy của tuyến yên đáp ứng được yêu cầu, và từ chúng có thể suy ra trạng thái của phương diện vật chất, bộ máy mà qua đó linh hồn di chuyển và tự biểu lộ. Tuyến này liên quan đến trung tâm giữa hai lông mày. Trung tâm này là âm đối với trung tâm trong đầu vốn đáp ứng với năng lượng của Linh hồn. Khi nhờ sự tuân thủ kỹ thuật đã được vạch ra, linh hồn nắm quyền kiểm soát, tiếp năng lượng cho trung

the pineal gland from an atrophied to a functioning condition as in the days of childhood, the positive aspect [142] begins to play its part. A relationship is set up between the negative centre and its counterpart, the pituitary body, and the positive centre and its counterpart, the pineal gland. As time proceeds, it is claimed, a magnetic field is set up, soul and body meet, the father and mother come into relationship and the soul is brought to the birth in the consciousness of man. This is the birth of the Christ in the House of God, and the coming into being of the true man; of this the sex organs and their reproductive activities on the physical plane are the outer concretised symbol. The perversions of sex magic so widely prevalent are a distortion of this true spiritual union or fusion between the two centres of energy in the head, which are, in their turn, figurative of the relation between soul and body. Sex magic relegates the process to the centre below the diaphragm and to a relation between two persons on the physical plane. The true process is carried forward within a man's own nature, centred in the head and the relation is between the soul and the body, instead of between man and woman.

tâm đầu và đưa tuyến tùng từ tình trạng teo đi sang tình trạng hoạt động như trong những ngày thơ ấu, phương diện dương [142] bắt đầu đóng vai trò của nó. Một mối quan hệ được thiết lập giữa trung tâm âm và đối phần của nó, tuyến yên, và trung tâm dương và đối phần của nó, tuyến tùng. Người ta khẳng định rằng, khi thời gian trôi qua, một từ trường được thiết lập, linh hồn và thân thể gặp gỡ, cha và mẹ đi vào mối quan hệ và linh hồn được đưa đến sự sinh hạ trong tâm thức của con người. Đây là sự ra đời của Đức Christ trong Ngôi Nhà của Thượng Đế, và sự hình thành của con người chân thực; về điều này, các cơ quan sinh dục và hoạt động sinh sản của chúng trên cõi hồng trần là biểu tượng cụ thể hóa bên ngoài. Những sự biến thái của ma thuật tình dục đang phổ biến rộng rãi là một sự méo mó của sự hợp nhất hoặc dung hợp tinh thần chân thực này giữa hai trung tâm năng lượng trong đầu, mà đến lượt chúng, là hình ảnh biểu trưng cho mối quan hệ giữa linh hồn và thân thể. Ma thuật tình dục đẩy quy trình này xuống trung tâm bên dưới cơ hoành và vào một mối quan hệ giữa hai người trên cõi hồng trần. Quy trình chân thực được xúc tiến bên trong bản chất của chính con người, tập trung trong đầu và mối quan hệ là giữa linh hồn và thân thể, thay vì giữa người nam và người nữ.

Another effect claimed for this relationship between the two head centres and their corresponding glands is that the interplay between the two produces the shining forth of a light. There is much corroborative evidence in this connection in the Scriptures of the world, including Christ's injunction to His followers to "let their light shine." There is cumulative evidence also in the lives of [143] the mystics, who again and again in their writings bear testimony to a light that has been seen. I sent out a letter to a group of students (who have been studying

Một hiệu quả khác được khẳng định đối với mối quan hệ này giữa hai trung tâm đầu và các tuyến tương ứng của chúng là sự tương tác giữa cả hai tạo ra sự tỏa rạng của một ánh sáng. Có nhiều bằng chứng xác thực về mối liên hệ này trong các Kinh điển của thế giới, bao gồm lời răn dạy của Đức Christ đối với các tín đồ của Ngài là hãy "để ánh sáng của họ tỏa chiếu". Cũng có bằng chứng tích lũy trong cuộc đời của [143] các nhà thần bí, những người lặp đi lặp lại trong các tác phẩm của họ làm chứng về một ánh sáng đã được nhìn thấy. Tôi đã gửi một lá thư cho

meditation for several years) asking if they were aware of any phenomena of interest as the result of their work. The letter was not sent to neurotics and visionary types, but to men and women of good standing in the business, artistic and literary fields, and with accomplishment to their credit. Seventy-five per cent testified to seeing a light in the head. Were they hallucinated? Were they the victims of their imaginations? What was it they saw? and constantly see?

một nhóm đạo sinh (những người đã nghiên cứu tham thiền trong vài năm) hỏi xem họ có nhận thức được bất kỳ hiện tượng thú vị nào là kết quả công việc của họ không. Lá thư không được gửi đến những người loạn thần kinh và những kiểu người hay thấy linh ảnh, mà gửi đến những người nam và nữ có địa vị tốt trong các lĩnh vực kinh doanh, nghệ thuật và văn học, và đã đạt được những thành tựu. Bảy mươi lăm phần trăm đã làm chứng về việc nhìn thấy một ánh sáng trong đầu. Họ có bị ảo giác không? Họ có phải là nạn nhân của sự tưởng tượng của mình không? Điều họ đã thấy là gì? và thường xuyên thấy là gì?

An interesting field for investigation lies here also, and the results may have a basis in the fact, now recognised by science, that light is matter, and matter is light. When the soul is functioning and the man has achieved conscious union with that soul, he may then, through the extra stimulation involved, become aware of the light of the etheric body at its main point of junction with the physical body at the most important centre in the body, the head centre. Professor Bazzoni says:

Một lĩnh vực thú vị cho việc điều tra cũng nằm ở đây, và các kết quả có thể có cơ sở trong thực tế, hiện nay đã được khoa học công nhận, rằng ánh sáng là vật chất, và vật chất là ánh sáng. Khi linh hồn đang hoạt động và con người đã đạt được sự hợp nhất có ý thức với linh hồn đó, y có thể, thông qua sự kích thích gia tăng liên quan, trở nên nhận biết về ánh sáng của thể dĩ thái tại điểm giao nhau chính của nó với thể xác tại trung tâm quan trọng nhất trong cơ thể, trung tâm đầu. Giáo sư Bazzoni nói:

"We have seen that all forms of matter on the earth are made up of 92 different kinds of atoms grouped into molecules which, taken together in countless millions, form all of the bodies which we see about us and indeed for that matter, our own bodies. Now, any one of these 92 kinds of atoms when stimulated in certain ways well known to science can be made to give off light—generally coloured light—and the nature of [144] this light is peculiar and characteristic for each of the 92 atoms." *(C. B. Bazzoni, Kernels of the Universe, P. 31)*4

"Chúng ta đã thấy rằng tất cả các dạng vật chất trên trái đất đều được tạo thành từ 92 loại nguyên tử khác nhau được nhóm lại thành các phân tử, mà khi kết hợp cùng nhau với số lượng hàng triệu vô kể, tạo thành tất cả các vật thể mà chúng ta thấy quanh mình và cả chính thân thể của chúng ta nữa. Nay, bất kỳ loại nào trong số 92 loại nguyên tử này khi được kích thích theo những cách nhất định mà khoa học đã biết rõ đều có thể được làm cho phát ra ánh sáng —thường là ánh sáng màu—và bản chất của [144] ánh sáng này là đặc biệt và đặc trưng cho mỗi loại trong số 92 nguyên tử." *(C. B. Bazzoni, Kernels of the Universe, Tr. 31)*4

Does this throw any light on our problem, provided the hypothesis of an etheric body is admitted? Is the halo around the heads of saints and of deity in all the ancient pictures of both hemispheres an indication that the artists knew they were painting illuminated men in the physical as well as in the spiritual sense? These things should be investigated, and either proved or disproved.

Liệu điều này có soi sáng chút nào cho vấn đề của chúng ta, miễn là giả thuyết về một thể dĩ thái được thừa nhận? Phải chăng hào quang quanh đầu các vị thánh và của thượng đế trong tất cả các bức tranh cổ xưa của cả hai bán cầu là một dấu hiệu cho thấy các họa sĩ biết họ đang vẽ những con người được soi sáng theo nghĩa vật lý cũng như nghĩa tinh thần? Những điều này nên được điều tra, và hoặc được chứng minh hoặc bị bác bỏ.

The possibility of unifying the two great schools of thought which seek to account for the unit man in terms of Western achievement and of Eastern philosophy based on a technique of soul control is therefore in the nature of an experiment. Given the willingness to accept what the Western student regards as hypothetical and given an open mind, what can be done of specific and practical import to demonstrate as truth or to reject as false the arguments put forward in this book?

Do đó, khả năng thống nhất hai trường phái tư tưởng lớn tìm cách giải thích đơn vị con người theo các thuật ngữ của thành tựu Phương Tây và của triết học Phương Đông dựa trên một kỹ thuật để linh hồn kiểm soát, mang bản chất của một cuộc thử nghiệm. Với sự sẵn lòng chấp nhận những gì môn sinh Phương Tây coi là giả thuyết và với một tâm trí cởi mở, điều gì có ý nghĩa cụ thể và thực tiễn có thể được thực hiện để chứng minh là sự thật hoặc bác bỏ là sai lầm các lập luận được đưa ra trong cuốn sách này?

Maeterlinck quotes Herbert Spencer to the effect that:

Maeterlinck trích dẫn Herbert Spencer với đại ý như sau:

“Perpetually to construct ideas requiring the utmost stretch of our faculties and perpetually to find that such ideas must be abandoned as futile imaginations, may realize to us more fully than any other course the greatness of that which we vainly strive to grasp.... By continually seeking to know and being continually thrown back with a deepened conviction of the impossibility of knowing, we may keep alive the consciousness [145] that it is alike our highest wisdom and our highest duty to regard that through which all things exist as the Unknowable.” *Maurice Maeterlinck, The Light beyond p. 95)*

“Việc liên tục xây dựng các ý tưởng đòi hỏi sự căng ra tối đa của các năng lực của chúng ta và liên tục nhận thấy rằng những ý tưởng như vậy phải bị từ bỏ như những tưởng tượng vô ích, có thể giúp chúng ta nhận ra đầy đủ hơn bất kỳ cách nào khác sự vĩ đại của cái mà chúng ta cố gắng nắm bắt trong vô vọng.... Bằng cách liên tục tìm kiếm sự hiểu biết và liên tục bị đẩy lùi với một niềm tin sâu sắc hơn về sự bất khả thi của việc hiểu biết, chúng ta có thể giữ cho tâm thức sống động [145] rằng đó cũng là sự minh triết cao nhất và bổn phận cao nhất của chúng ta khi xem cái mà qua đó vạn vật tồn

tại là Bất Khả Tri." *Maurice Maeterlinck, The Light beyond tr. 95)*

But may it not be possible, however, to clear our vision somewhat and "deepening our conviction," arrive at a better understanding of the forms and aspects which veil that unknowable Essential Reality in whose Body we "live and move and have our being?"

Tuy nhiên, liệu có thể nào, để làm sáng tỏ phần nào tầm nhìn của chúng ta và "làm sâu sắc thêm niềm tin của chúng ta", đi đến một sự thấu hiểu tốt hơn về các hình tướng và phương diện che khuất Thực Tại Cốt Yếu bất khả tri đó mà trong Thân Thể của Nó chúng ta "sống và hoạt động và hiện hữu"?

Granted that it is the phenomenal world, whether it is the human family we are considering, or the forms visioned and contacted in the Kingdom of the Soul, it may be eventually proved true that, progressively, the forms (as they mount in the scale of being) may reveal to us expanding truths about that Essential Life. As the mechanism develops and improves so may our concepts of Divinity. Edward Carpenter expresses this idea in the following words:

Giả sử rằng đó là thế giới hiện tượng, dù là gia đình nhân loại mà chúng ta đang xem xét, hay các hình tướng được thấy trong linh ảnh và được tiếp xúc trong Vương Quốc của Linh Hồn, cuối cùng có thể được chứng minh là đúng rằng, dần dần, các hình tướng (khi chúng leo lên thang bậc của sự hiện hữu) có thể tiết lộ cho chúng ta những chân lý mở rộng về Sự Sống Cốt Yếu đó. Khi cơ chế phát triển và cải thiện thì các khái niệm của chúng ta về Thiên tính cũng vậy. Edward Carpenter diễn đạt ý tưởng này qua những lời sau:

"Dr. Frazer, in the conclusion of his great work, *The Golden Bough*, bids farewell to his readers with the following words: 'The laws of Nature are merely hypotheses devised to explain that ever-shifting phantasmagoria of thought which we dignify with the high-sounding names of the World and the Universe. In the last analysis magic, religion and science are nothing but theories (of thought); and as science has supplanted its predecessors, so it may hereafter itself be superseded by some more perfect hypothesis, perhaps by some perfectly different way of looking at phenomena, of registering the shadows on the screen—of [146] which we in this generation can form no idea.' I imagine Dr. Frazer is right in thinking that 'a way of looking at phenomena' different from the way of

"Tiến sĩ Frazer, trong phần kết luận của tác phẩm vĩ đại của ông, *The Golden Bough*, chào tạm biệt độc giả của mình với những lời sau: 'Các quy luật của Tự nhiên chỉ là những giả thuyết được đặt ra để giải thích ảo ảnh biến đổi không ngừng của tư tưởng mà chúng ta tôn vinh bằng những cái tên kêu vang là Thế Giới và Vũ Trụ. Xét đến cùng, ma thuật, tôn giáo và khoa học không là gì khác ngoài những lý thuyết (của tư tưởng); và cũng như khoa học đã thay thế các tiền nhiệm của nó, thì sau này chính nó cũng có thể bị thay thế bởi một giả thuyết hoàn hảo hơn nào đó, có lẽ bởi một cách nhìn hoàn toàn khác về các hiện tượng, về việc ghi nhận những cái bóng trên màn hình—về [146] cái mà chúng ta trong thế hệ này không thể hình thành ý niệm nào.' Tôi cho rằng Tiến sĩ Frazer đã đúng khi nghĩ rằng 'một cách nhìn về các

science, may some day prevail. But I think this change will come, not so much by the growth of Science itself or the extension of its 'hypotheses,' as by a growth and expansion of the human *heart* and a change in its psychology and powers of perception." *(Edward Carpenter, Pagan and Chrisitan Creeds; Their Origin and Meaning, p. 278)*

hiện tượng' khác với cách của khoa học, một ngày nào đó có thể chiếm ưu thế. Nhưng tôi nghĩ sự thay đổi này sẽ đến, không chủ yếu do sự phát triển của chính Khoa học hay sự mở rộng các 'giả thuyết' của nó, mà bởi sự trưởng thành và mở rộng của *trái tim* con người và một sự thay đổi trong tâm lý và các năng lực nhận thức của nó." *(Edward Carpenter, Pagan and Chrisitan Creeds; Their Origin and Meaning, tr. 278)*

Maeterlinck sums this up very succinctly when he says: "It behooves us therefore to clear away conceptions that emanate only from our body, even as the mists that veil the daylight from our sight emanate only from the lowlands. Pascal has said, once and for all: 'The narrow limits of our being conceal infinity from our view.'" *(Maurice Maeterlinck, The Light beyond p. 73)*

Maeterlinck tóm tắt điều này rất súc tích khi ông nói: "Do đó, chúng ta cần phải xóa bỏ những quan niệm chỉ phát xuất từ thân thể của mình, cũng như những màn sương che khuất ánh sáng ban ngày khỏi tầm nhìn của chúng ta chỉ bốc lên từ các vùng đất thấp. Pascal đã nói, dứt khoát một lần: 'Những giới hạn chật hẹp của con người chúng ta che giấu sự vô hạn khỏi tầm nhìn của chúng ta.'" *(Maurice Maeterlinck, The Light beyond tr. 73)*

Practical suggestions must be made in the attempt to disprove the supernatural (if it might be so expressed) and prove that the subjective states to which the mystic and seer testify are simply demonstrations of natural forces and powers. These powers man has failed as yet to recognise and control, just as he failed centuries ago to cognise those forces which he is now able, to some extent at least, to understand and use, and which are the glory of our present civilisation. Let us prove one of these soul powers to be a fact in nature and the portals of a new world will open before humanity. Dr. Leary appreciates this when he says: [147]

Những gợi ý thực tiễn phải được đưa ra trong nỗ lực bác bỏ cái siêu nhiên (nếu có thể diễn đạt như vậy) và chứng minh rằng các trạng thái nội giới mà nhà thần bí và nhà thông nhãn làm chứng chỉ đơn giản là những biểu hiện của các mãnh lực và quyền năng tự nhiên. Những quyền năng này con người cho đến nay vẫn chưa nhận biết và kiểm soát được, cũng như y đã thất bại cách đây nhiều thế kỷ trong việc nhận thức những mãnh lực mà giờ đây y đã có thể, ít nhất là ở một mức độ nào đó, thấu hiểu và sử dụng, và vốn là vinh quang của nền văn minh hiện tại của chúng ta. Chúng ta hãy chứng minh một trong những quyền năng linh hồn này là một sự thật trong tự nhiên và các cánh cổng của một thế giới mới sẽ mở ra trước nhân loại. Tiến sĩ Leary nhận thức được điều này khi ông nói: [147]

"It is somehow felt that there are some qualities, some traits at least of some

"Người ta cảm thấy bằng cách nào đó rằng có một số phẩm chất, ít nhất là một số nét của

personalities, which cannot be accounted for in terms of the activity of any physical structure. Nor is this an unimportant point which can be summarily dismissed as mere superstition; it is too widespread, too highly charged with emotion, too much shared in even by some psychologists to be ignored. And it is worth while once more mentioning, if there be any such traits, spiritual or what not, which by definition or assumption are not based on structure, the admission of even the smallest and seemingly most unimportant of these will inevitably and completely negative the whole field of science, for determinism to be true determinism must be completely so." *(Daniel H Leary, Ph.D., Modern Psychology: Normal and Abnormal, pp. 191, 192.)*

một vài phàm ngã, không thể được giải thích theo các thuật ngữ hoạt động của bất kỳ cấu trúc vật lý nào. Đây cũng không phải là một điểm không quan trọng có thể bị bác bỏ ngay lập tức như là sự mê tín thuần túy; nó quá phổ biến, chứa quá nhiều cảm xúc, được chia sẻ quá nhiều ngay cả bởi một số nhà tâm lý học để có thể bị phớt lờ. Và thật đáng để nhắc lại một lần nữa, nếu có bất kỳ nét nào như vậy, mang tính tinh thần hay gì đi nữa, mà theo định nghĩa hoặc giả định không dựa trên cấu trúc, thì việc thừa nhận ngay cả cái nhỏ nhất và dường như không quan trọng nhất trong số này cũng sẽ phủ định hoàn toàn và triệt để toàn bộ lĩnh vực khoa học, vì thuyết quyết định để là thuyết quyết định đúng đắn thì phải hoàn toàn như vậy." *(Daniel H Leary, Ph.D., Modern Psychology: Normal and Abnormal, các trang 191, 192.)*

First it should be possible to found a laboratory where the claims of the student of the Oriental philosophy in connection with the vitalising soul can be substantiated or proved false. The phenomena of death can be studied from the angle of the withdrawal of the soul. The radiations from the human body have, of course, received attention, but specific investigation of the spine and its relation to the centres is as yet a new field of study, though Dr. Baraduc of the Sorbonne, Paris, did some interesting work in this connection forty-five years ago. His book, *L'Ame Vitale*, is suggestive, though conjectural, and his contentions need substantiating.

Đầu tiên, nên có thể thành lập một phòng thí nghiệm nơi các khẳng định của môn sinh triết học Phương Đông liên quan đến linh hồn tiếp sinh lực có thể được chứng minh là đúng hoặc sai. Các hiện tượng của cái chết có thể được nghiên cứu từ góc độ sự rút lui của linh hồn. Các bức xạ từ thân thể con người, dĩ nhiên, đã nhận được sự chú ý, nhưng việc điều tra cụ thể về cột sống và mối quan hệ của nó với các trung tâm vẫn là một lĩnh vực nghiên cứu mới mẻ, mặc dù Tiến sĩ Baraduc của Sorbonne, Paris, đã thực hiện một số công việc thú vị trong mối liên hệ này bốn mươi lăm năm trước. Cuốn sách của ông, *L'Ame Vitale*, mang tính gợi mở, mặc dù phỏng đoán, và các luận điểm của ông cần được chứng minh.

The whole subject of the vital body and its effects on the nervous system and the glands open up an immense field for study; whilst the relationship [148] of the ether-body of man not only to his nerve apparatus but to the planetary etheric body or the ether in

Toàn bộ chủ đề về thể sinh lực và các hiệu quả của nó lên hệ thống thần kinh và các tuyến mở ra một lĩnh vực nghiên cứu bao la; trong khi mối quan hệ [148] của thể dĩ thái của con người không chỉ với bộ máy thần kinh của y mà còn với thể dĩ thái hành tinh

which he, as an organism, has his place, is yet an untouched field.

hay dĩ thái trong đó y, như một sinh vật, có vị trí của mình, vẫn là một lĩnh vực chưa được chạm tới.

Secondly it should be possible to gather testimony as to the fact and nature of the light in the head to which so many testify.

Thứ hai, nên có thể thu thập lời chứng về sự thật và bản chất của ánh sáng trong đầu mà rất nhiều người làm chứng.

The recent spectacular experiments into the nature of telepathy are tending in the right direction, but this technique of telepathy is as yet in its infancy; much will be revealed when a distinction is made between communication from mind to mind, which is mental telepathy, and that much rarer form of communication between soul and soul and between soul and brain. This latter form has been called inspiration and has brought into being the Scriptures and the so-called "inspired" writings of the world, and has guided the mental processes of the great inventors and scientists, poets and artists.

Những thí nghiệm ngoạn mục gần đây về bản chất của viễn cảm đang hướng đi đúng, nhưng kỹ thuật viễn cảm này vẫn còn trong giai đoạn trứng nước; nhiều điều sẽ được tiết lộ khi có sự phân biệt giữa sự giao tiếp từ trí tuệ đến trí tuệ, vốn là viễn cảm trí tuệ, và dạng giao tiếp hiếm hơn nhiều đó giữa linh hồn và linh hồn và giữa linh hồn và bộ não. Dạng sau này đã được gọi là cảm hứng và đã mang lại sự ra đời của các Kinh điển và những tác phẩm được gọi là "được truyền cảm hứng" của thế giới, và đã dẫn dắt các tiến trình trí tuệ của những nhà phát minh và khoa học, thi sĩ và nghệ sĩ vĩ đại.

Telepathy and inspiration are as dependent upon the individual human etheric body and its relation to the universal ether as is light itself or the radio. They bear witness to this subtler world of spirit and of soul.

Viễn cảm và cảm hứng cũng phụ thuộc vào thể dĩ thái của cá nhân con người và mối quan hệ của nó với dĩ thái vũ trụ giống như chính ánh sáng hay vô tuyến điện vậy. Chúng làm chứng cho thế giới vi tế hơn này của tinh thần và của linh hồn.

Pupin in the epilogue to *The New Reformation* says:

Pupin trong phần lời bạt cho cuốn *The New Reformation* nói:

"The creative power of the soul is the only guide in our attempts to decipher the meaning of this ultra-material substance. It furnishes the most reliable standard of comparing the soul of one man with the soul of another man and with that of lower animals. [149] This comparison, resembling, to some extent, the scientific methods of quantitative measurement, has been going on ever since civilization began. The procedure of this inquiry is in many ways

"Quyền năng sáng tạo của linh hồn là người dẫn đường duy nhất trong những nỗ lực của chúng ta nhằm giải mã ý nghĩa của chất liệu siêu vật chất này. Nó cung cấp tiêu chuẩn đáng tin cậy nhất để so sánh linh hồn của người này với linh hồn của người khác và với linh hồn của các loài động vật thấp hơn. [149] Sự so sánh này, giống ở một mức độ nào đó với các phương pháp đo lường định lượng khoa học, đã diễn ra kể từ khi nền văn minh bắt đầu. Quy trình của cuộc điều tra

equivalent to the scientific method of inquiry by observation, experiment and calculation; what it lacks in precision it makes up by its vast number of trials and errors extending over many centuries of qualitative measurements by careful comparison. It resulted in the universal verdict, that not only is the soul of man far superior to the animal soul, but that this difference is immeasurably greater than the difference in their bodily structures. The comparison revealed also an element in this difference which towers high above all the other differentiating elements; it is the *spiritual* element. The creative power of the human soul has created a new world in human consciousness; it is the spiritual world." *(Michael Pupin, The New Reformation, pp. 264, 265.)*

này theo nhiều cách tương đương với phương pháp điều tra khoa học bằng quan sát, thử nghiệm và tính toán; những gì nó thiếu về độ chính xác thì nó bù đắp bằng số lượng lớn các lần thử và sai kéo dài qua nhiều thế kỷ đo lường định tính bằng sự so sánh cẩn thận. Nó dẫn đến phán quyết phổ quát, rằng linh hồn con người không chỉ vượt trội xa so với hồn thú vật, mà sự khác biệt này còn lớn hơn vô cùng so với sự khác biệt trong cấu trúc cơ thể của chúng. Sự so sánh cũng tiết lộ một yếu tố trong sự khác biệt này vốn vượt cao hơn tất cả các yếu tố phân biệt khác; đó là yếu tố *tinh thần*. Quyền năng sáng tạo của linh hồn con người đã tạo ra một thế giới mới trong tâm thức nhân loại; đó là thế giới tinh thần." *(Michael Pupin, The New Reformation, các trang 264, 265.)*

Among other possible avenues of research is the carrying forward of the work of Dr. Kilner with the human aura, which he has embodied in his book, *The Human Atmosphere*. Still further lines of investigation into the supernormal powers have been well summed up for us in a recent statement from an Australian periodical called *The Federal Independent*, and from which two paragraphs are here quoted:

Trong số những con đường nghiên cứu khả thi khác là việc xúc tiến công trình của Tiến sĩ Kilner với hào quang con người, mà ông đã trình bày trong cuốn sách của mình, *The Human Atmosphere*. Những hướng điều tra xa hơn nữa về các quyền năng siêu bình thường đã được tóm tắt rõ ràng cho chúng ta trong một tuyên bố gần đây từ một tạp chí Úc có tên là *The Federal Independent*, và từ đó hai đoạn văn được trích dẫn ở đây:

"New light on Christ's walking on the waters was thrown recently by a scientist who has been making a special study of Einstein's newest theory of relativity. As a result of his investigations Professor H.H. Sheldon says that he may find it possible to assert that the Biblical narrative at which the sceptics have so long [150] mocked is a fact explicable by scientific laws. 'The miracle can be accepted by the most sceptical minds as soon as they recognize the fact that the basic laws of relativistic mechanics and of electricity can be reduced to one formula, and that the

"Ánh sáng mới về việc Đức Christ đi trên mặt nước đã được soi rọi gần đây bởi một nhà khoa học, người đang thực hiện một nghiên cứu đặc biệt về thuyết tương đối mới nhất của Einstein. Là kết quả của những cuộc điều tra của mình, Giáo sư H.H. Sheldon nói rằng ông có thể thấy có khả năng khẳng định rằng câu chuyện trong Kinh Thánh mà những người hoài nghi đã chế giễu bấy lâu nay [150] là một sự thật có thể giải thích được bằng các định luật khoa học. 'Phép lạ có thể được chấp nhận bởi những tâm trí hoài nghi nhất ngay khi họ nhận ra sự thật rằng

power of electromagnetism can influence and completely control gravitation,' said Professor Sheldon. According to Einstein's latest mathematical theory there is only one substance and one universal law containing electric and gravitational components, both of which are united into a single formula, and each of which influences the other. Dr. Sheldon now believes that as a result of this discovery such things as keeping aeroplanes aloft without engines or material support, and stepping out of a window into the air without fear of falling, are avenues of investigation easily suggested. 'If this theory stands up as a proof that electricity and gravitation are virtually the same, we can actually isolate ourselves from the force of gravitation,' he declared. In actual proof of these seemingly incredible possibilities, Dr. Sheldon showed how a bar of permalloy, which is usually sensitive to magnetism, will remain suspended seemingly by air alone, if a magnet is placed underneath it.

các định luật cơ bản của cơ học tương đối tính và của điện học có thể được quy về một công thức, và rằng sức mạnh của điện từ trường có thể ảnh hưởng và kiểm soát hoàn toàn lực hấp dẫn,' Giáo sư Sheldon nói. Theo lý thuyết toán học mới nhất của Einstein, chỉ có một chất liệu và một quy luật vũ trụ chứa đựng các thành phần điện và hấp dẫn, cả hai đều được hợp nhất thành một công thức duy nhất, và mỗi cái ảnh hưởng đến cái kia. Tiến sĩ Sheldon nay tin rằng là kết quả của khám phá này, những việc như giữ máy bay trên cao mà không cần động cơ hay sự hỗ trợ vật chất, và bước ra khỏi cửa sổ vào không trung mà không sợ rơi, là những con đường điều tra dễ dàng được gợi ý. 'Nếu lý thuyết này đứng vững như một bằng chứng rằng điện và lực hấp dẫn hầu như là như nhau, chúng ta thực sự có thể cô lập bản thân khỏi lực hấp dẫn,' ông tuyên bố. Để chứng minh thực tế những khả năng dường như khó tin này, Tiến sĩ Sheldon đã chỉ ra cách một thanh permalloy, thường nhạy cảm với từ tính, sẽ lơ lửng dường như chỉ nhờ không khí, nếu một nam châm được đặt bên dưới nó.

In the light of Einstein's new theory, therefore, it may be that Christ's freedom from the accepted laws of gravitation, which would have forced Him to sink as soon as His feet touched the surface of the sea, was due to a prodigious amount of electro-magnetism in His own body, and from a force springing from the strength of His personality and vitality. In all the paintings of Christ He is shown with a halo about His head. Once this halo was regarded as the product of His disciples' overwrought imaginations. But during the last few years science, along with many students of psychic phenomena, has shown by means of actual experiments that every human being has an aura which [151] strongly resembles

Do đó, dưới ánh sáng của lý thuyết mới của Einstein, có thể là sự tự do của Đức Christ khỏi các định luật hấp dẫn đã được chấp nhận, vốn sẽ buộc Ngài phải chìm xuống ngay khi chân Ngài chạm vào mặt biển, là do một lượng điện từ trường phi thường trong chính cơ thể Ngài, và từ một lực phát sinh từ sức mạnh của phàm ngã và sinh lực của Ngài. Trong tất cả các bức tranh về Đức Christ, Ngài được thể hiện với một hào quang quanh đầu. Hào quang này từng được coi là sản phẩm của trí tưởng tượng quá khích của các môn đồ Ngài. Nhưng trong vài năm qua, khoa học, cùng với nhiều người nghiên cứu các hiện tượng thông linh, đã chỉ ra bằng các thí nghiệm thực tế rằng mỗi con người đều có một hào quang mà [151] rất

that refulgence emanating from any powerful electric machine.

giống với sự rực rỡ phát ra từ bất kỳ máy điện mạnh mẽ nào.

Such a statement is a further proof that science is rapidly crossing the border-line separating things material from things spiritual. Once we realize that the knowledge of higher laws can overcome the resistance of lower laws, then we shall enter our true spiritual heritage."

Một tuyên bố như vậy là bằng chứng thêm nữa cho thấy khoa học đang nhanh chóng vượt qua ranh giới ngăn cách những điều vật chất với những điều tinh thần. Một khi chúng ta nhận ra rằng kiến thức về các quy luật cao hơn có thể vượt qua sự kháng cự của các quy luật thấp hơn, thì chúng ta sẽ bước vào di sản tinh thần chân thực của mình."

We stand expectantly awaiting the dawn of that day when religion will stand upon a scientific basis and the truths to which the ages bear witness will be substantiated and proven, for, as Dr. Pupin further tells us:

Chúng ta đứng chờ đợi trong sự mong đợi bình minh của ngày đó khi tôn giáo sẽ đứng trên một nền tảng khoa học và những chân lý mà các thời đại làm chứng sẽ được xác minh và chứng minh, vì, như Tiến sĩ Pupin nói thêm với chúng ta:

"Yes, God's spiritual realities are invisible, but they are illustrated and made intelligible by the physical realities revealed in the physical things which are made. According to this interpretation of the Apostle's words the physical and the spiritual realities supplement each other. They are the two terminals of the same realities, one terminal residing in the human soul, and the other in the things of the external world. Here is one of the fundamental reasons why Science and Religion supplement each other. They are the two pillars of the portal through which the human soul enters the world where the divinity resides." *(Michael Pupin, The New Reformation, p. 272.)*

"Vâng, các thực tại tinh thần của Thượng Đế là vô hình, nhưng chúng được minh họa và làm cho dễ hiểu bởi các thực tại vật lý được tiết lộ trong những vật thể vật lý được tạo ra. Theo cách giải thích này về lời của Tông Đồ, các thực tại vật lý và tinh thần bổ sung cho nhau. Chúng là hai cực của cùng những thực tại, một cực cư trú trong linh hồn con người, và cực kia trong các sự vật của thế giới bên ngoài. Đây là một trong những lý do cơ bản tại sao Khoa học và Tôn giáo bổ sung cho nhau. Chúng là hai trụ cột của cánh cổng mà qua đó linh hồn con người bước vào thế giới nơi thiên tính cư ngụ." *(Michael Pupin, The New Reformation, tr. 272.)*

Then there will emerge a new race, with new capacities, new ideals, new concepts about God and matter, about life and spirit. Through that race and through the humanity of the future there will be seen not only a mechanism and a structure, but a soul, an entity, who, using the mechanism,

Khi đó sẽ xuất hiện một giống dân mới, với những năng lực mới, những lý tưởng mới, những khái niệm mới về Thượng Đế và vật chất, về sự sống và tinh thần. Thông qua giống dân đó và thông qua nhân loại của tương lai, sẽ được nhìn thấy không chỉ một cơ chế và một cấu trúc, mà là một linh hồn, một thực thể, người mà, khi sử dụng cơ chế,

will [152] manifest its own nature, which is love, wisdom and intelligence.

sẽ [152] biểu lộ bản chất của chính mình, vốn là tình thương, minh triết và trí thông minh.

Science has even recognised this ultimate possibility and noted that the trend of the evolutionary process is towards a more perfect adaptation between the form and the life. Everywhere throughout creation a purpose is working out, a will towards perfection is manifesting. That purpose and that will are controlled by love and wisdom and those two types of energy—the purpose of spirit and the attractive force of the soul—are intelligently applied to the perfecting of the matter aspect. Spirit, soul and body—a divine triplicity—manifest in the world and will carry all forward towards a consummation that is pictured for us in the Scriptures of the world in a wealth of imagery, of colour and of form. Browning's vision of this truth and his expression of it will sum up for us the results of our study and will be a fitting close for this essay:

Khoa học thậm chí đã công nhận khả năng tối hậu này và lưu ý rằng xu hướng của tiến trình tiến hóa là hướng tới một sự thích nghi hoàn hảo hơn giữa hình tướng và sự sống. Ở mọi nơi trong khắp tạo vật, một mục đích đang thực hiện, một ý chí hướng tới sự hoàn hảo đang biểu lộ. Mục đích đó và ý chí đó được kiểm soát bởi tình thương và minh triết và hai loại năng lượng đó—mục đích của tinh thần và mãnh lực thu hút của linh hồn—đang được áp dụng một cách thông minh vào việc hoàn thiện phương diện vật chất. Tinh thần, linh hồn và thân thể—một bộ ba thiêng liêng—biểu lộ trong thế giới và sẽ đưa tất cả tiến về phía trước tới một sự thành tựu vốn được hình dung cho chúng ta trong các Kinh điển của thế giới bằng vô vàn hình ảnh, màu sắc và hình tướng. Tầm nhìn của Browning về chân lý này và cách diễn đạt của ông về nó sẽ tóm tắt cho chúng ta các kết quả nghiên cứu của mình và sẽ là một cái kết phù hợp cho bài tiểu luận này:

"—and God renews

His ancient rapture. Thus He dwells in all,

From life's minute beginnings, up at last

To man—the consummation of this scheme

Of being, the completion of this sphere

Of life; whose attributes had here and there

"—và Thượng Đế đổi mới

Niềm hoan lạc cổ xưa của Ngài. Như thế Ngài ngự trong tất cả,

Từ những khởi đầu nhỏ nhoi của sự sống, cuối cùng lên

Đến con người—sự thành tựu của kế hoạch

Hiện hữu này, sự hoàn thành của khối cầu

Sự sống này; mà các thuộc tính đã ở đây và ở đó

Been scattered o'er the visible world before,	Rải rác khắp thế giới hữu hình trước kia,
Asking to be combined, dim fragments meant	Đòi hỏi được kết hợp, những mảnh mờ nhạt vốn được định
To be united in some wondrous whole,	Để được hợp nhất trong một tổng thể kỳ diệu nào đó,
Imperfect qualities throughout creation,	Những phẩm chất không hoàn hảo trong khắp tạo vật,
Suggesting some one creature yet to make,	Gợi ý về một sinh vật nào đó chưa được tạo ra,
Some point where all these scattered rays should meet [153]	Một điểm nơi tất cả những tia phân tán này sẽ gặp gỡ [153]
Convergent in the faculties of man....	Hội tụ trong các năng lực của con người....
When all the race is perfected alike	Khi tất cả giống dân đều được hoàn thiện như nhau
As man, that is; all tended to mankind,	Là con người, nghĩa là vậy; tất cả đều hướng đến nhân loại,
And, man produced, all has its end thus far;	Và, con người được tạo ra, tất cả đều có đích đến của nó cho đến nay;
But in completed man begins anew	Nhưng trong con người hoàn thiện bắt đầu lại
A tendency to God. Prognostics told	Một khuynh hướng hướng về Thượng Đế. Những điềm báo đã kể
Man's near approach; so in man's self arise	Về sự tiếp cận gần kề của con người; vì vậy trong chính con người nảy sinh
August anticipations, symbols, types	Những dự cảm uy nghi, những biểu tượng, những kiểu mẫu

Of a dim splendour ever on before	Về một sự huy hoàng mờ nhạt mãi ở phía trước
In that eternal circle life pursues.	Trong vòng tròn vĩnh cửu đó mà sự sống theo đuổi.
For men begin to pass their nature's bound,	Vì con người bắt đầu vượt qua giới hạn bản chất của họ,
And find new hopes and cares which fast supplant	Và tìm thấy những hy vọng và mối quan tâm mới nhanh chóng thay thế
Their proper joys and griefs; they grow too great	Những niềm vui và nỗi buồn riêng của họ; họ trở nên quá vĩ đại
For narrow creeds of right and wrong, which fade	Cho những tín điều hẹp hòi về đúng và sai, vốn phai nhạt
Before the unmeasured thirst for good; while peace	Trước cơn khát khao điều thiện không thể đong đếm; trong khi sự an bình
Rises within them ever more and more.	Dâng lên trong họ mãi nhiều hơn và nhiều hơn.
Such men are even now upon the earth,	Những người như thế ngay cả bây giờ đang ở trên trái đất,
Serene amid the half-formed creatures round."	Thanh thản giữa những sinh vật chưa hoàn thiện xung quanh."
(Robert Browning, Paracelsus)	(Robert Browning, Paracelsus)

PHỤ LỤC

APPENDIX—PHỤ LỤC

NOTE I (ON CHAPTER IV)

[154] The following extract from a recent publication puts the question of the soul in another way, and perhaps, will give us some idea of the trend of modern Western thought regarding it.

The phrase religious insight is in itself vague. Is it not possible to give the phrase a definite content without departing from the critical attitude? One may be helped to such a definition by asking oneself what element has tended to fall out of the life of the modern man with the decline of the traditional disciplines. According to Mr. Walter Lippmann, the conviction the modern man has lost is that "there is an immortal essence presiding like a king over his appetites." But why abandon the affirmation of such an "essence" or higher will, to the mere traditionalist? Why not affirm it first of all as a psychological fact, one of the immediate data of consciousness, a perception so primordial that, compared with it, the deterministic denials of man's moral freedom are only a metaphysical dream? One would thus be in a position to perform a swift flanking movement on the behaviourists and other naturalistic psychologists who are to be regarded at present as among the chief enemies of human nature. One might at the same time be in a fair way to escape from the modernist dilemma and become a thorough-going and complete modern. [155]

GHI CHÚ I (VỀ CHƯƠNG IV)

[154] Đoạn trích sau đây từ một ấn phẩm gần đây đặt vấn đề về linh hồn theo một cách khác, và có lẽ, sẽ cho chúng ta một vài ý niệm về xu hướng của tư tưởng Phương Tây hiện đại liên quan đến nó.

Cụm từ tuệ giác tôn giáo tự nó vốn mơ hồ. Liệu có thể mang lại cho cụm từ này một nội dung xác định mà không từ bỏ thái độ phê phán không? Người ta có thể được giúp đỡ để có một định nghĩa như vậy bằng cách tự hỏi yếu tố nào đã có xu hướng rơi rụng khỏi cuộc sống của con người hiện đại với sự suy tàn của các kỷ luật truyền thống. Theo ông Walter Lippmann, niềm tin mà con người hiện đại đã đánh mất là rằng "có một bản chất bất tử đang chủ tọa như một vị vua trên các thèm muốn của y." Nhưng tại sao lại nhường việc khẳng định một "bản chất" hay ý chí cao hơn như vậy cho những người theo chủ nghĩa truyền thống thuần túy? Tại sao không khẳng định nó trước hết như một thực tế tâm lý, một trong những dữ kiện tức thời của tâm thức, một nhận thức quá nguyên sơ đến mức, so với nó, những sự phủ nhận mang tính quyết định luận về tự do đạo đức của con người chỉ là một giấc mơ siêu hình? Như thế người ta sẽ ở vào một vị trí để thực hiện một cuộc tạt sườn nhanh chóng vào các nhà hành vi học và những nhà tâm lý học theo chủ nghĩa tự nhiên khác, những người hiện được coi là nằm trong số những kẻ thù chính của bản chất con người. Đồng thời, người ta có thể đang trên đường thoát khỏi tình thế tiến thoái lưỡng nan của người theo chủ nghĩa hiện đại

và trở thành một người hiện đại triệt để và trọn vẹn. [155]

The philosophers have often debated the question of the priority of will or intellect in man. The quality of will that I am discussing and that rightly deserves to be accounted super-rational, has, however, been associated in traditional Christianity not primarily with man's will, but with God's will in the form of grace. The theologians have indulged in many unprofitable subtleties apropos of grace. One cannot afford, however, as has been the modern tendency, to discard the psychological truth of the doctrine a long with these subtleties. The higher will must simply be accepted as a mystery that may be studied in its practical effects, but that, in its ultimate nature, is incapable of formulation. Herein the higher will is not peculiar. "All things," according to the scholastic maxim, "end in a mystery." The man of science is increasingly willing to grant that the reality behind the phenomena he is studying not only eludes him, but must in the nature of the case ever elude him. He no longer holds, for example, as his more dogmatic forbears of the nineteenth century incline to do, that the mechanistic hypothesis, valuable as it has proved itself to be as a laboratory technique, is absolutely true; its truth is, he admits, relative and provisional.

Các triết gia thường tranh luận về vấn đề sự ưu tiên của ý chí hay trí tuệ ở con người. Phẩm chất của ý chí mà tôi đang thảo luận và xứng đáng được coi là siêu lý trí, tuy nhiên, đã được liên kết trong Cơ đốc giáo truyền thống không phải chủ yếu với ý chí của con người, mà với ý chí của Thượng Đế dưới hình thức ân sủng. Các nhà thần học đã sa đà vào nhiều sự tinh tế vô ích liên quan đến ân sủng. Tuy nhiên, người ta không thể, như xu hướng hiện đại đã làm, vứt bỏ chân lý tâm lý của học thuyết cùng với những sự tinh tế này. Ý chí cao hơn phải đơn giản được chấp nhận như một bí nhiệm có thể được nghiên cứu trong các hiệu quả thực tiễn của nó, nhưng mà, trong bản chất tối hậu của nó, không thể hình thành công thức. Ở đây ý chí cao hơn không phải là cá biệt. "Vạn vật," theo châm ngôn của trường phái kinh viện, "kết thúc trong một bí nhiệm." Nhà khoa học ngày càng sẵn lòng thừa nhận rằng thực tại đằng sau các hiện tượng mà ông đang nghiên cứu không chỉ lẩn tránh ông, mà theo bản chất của trường hợp phải mãi mãi lẩn tránh ông. Ví dụ, ông không còn giữ quan điểm, như các bậc tiền bối giáo điều hơn của thế kỷ mười chín có khuynh hướng làm, rằng giả thuyết cơ giới, dù đã chứng tỏ là có giá trị như một kỹ thuật phòng thí nghiệm, là hoàn toàn đúng; ông thừa nhận chân lý của nó là tương đối và tạm thời.

The person who declines to turn the higher will to account until he is sure he has grasped its ultimate nature is very much on a level with the man who should refuse to make practical use of electrical energy until he is certain he has an impeccable theory of electricity. Negatively one may say of the higher will, without overstepping the critical attitude, that it is not the absolute,

Người từ chối sử dụng ý chí cao hơn cho đến khi y chắc chắn rằng mình đã nắm bắt được bản chất tối hậu của nó cũng giống như người từ chối sử dụng năng lượng điện trong thực tế cho đến khi y chắc chắn rằng mình có một lý thuyết hoàn hảo về điện. Xét theo cách phủ định, người ta có thể nói về ý chí cao hơn, mà không vượt quá thái độ phê phán, rằng nó không phải là cái tuyệt đối,

nor again the categorical imperative; not the organic and still less the mechanical; finally, not the "ideal" in the current sense of that term. Positively one may define it as the higher immediacy that is known in its relation to the lower immediacy—the merely temperamental [156] man with his impressions and emotions and expansive desires—as a power of vital control. Failure to exercise this control is the spiritual indolence that is for both Christian and Buddhist a chief source, if not the chief source, of evil. Though Aristotle, after the Greek fashion, gives the primacy not to will but to mind, the power of which I have been speaking is surely related to his "energy of soul," the form of activity distinct from a mere outer working, deemed by him appropriate for the life of leisure that he proposes as the goal of a liberal education.... The energy of soul that has served on the humanistic level for mediation appears on the religious level in the form of meditation. Religion may of course mean a great deal more than meditation. At the same time humanistic mediation that has the support of meditation may correctly be said to have a religious background. Mediation and meditation are after all only different stages in the same ascending "path" and should not be arbitrarily separated.

(Article: Humanism: An Essay on Definition by Irving Babbitt, pp. 39-41. From Humanism and America: Essays on the Outlook of Modern Civilization, edited by Norman Foerster.)

NOTE II (ON CHAPTER VII)

cũng không phải là mệnh lệnh tuyệt đối; không phải là cái hữu cơ và càng không phải là cái cơ giới; cuối cùng, không phải là cái "lý tưởng" theo nghĩa hiện hành của thuật ngữ đó. Xét theo cách khẳng định, người ta có thể định nghĩa nó là sự trực tiếp cao hơn được biết đến trong mối quan hệ của nó với sự trực tiếp thấp hơn—con người [156] thuần túy khí chất với những ấn tượng, cảm xúc và những ham muốn bành trướng của y—như một quyền năng kiểm soát sự sống. Việc thất bại trong thực thi sự kiểm soát này là sự lười biếng tinh thần mà đối với cả người Cơ đốc giáo và Phật giáo là một nguồn gốc chính, nếu không muốn nói là nguồn gốc chính, của cái ác. Mặc dù Aristotle, theo kiểu Hy Lạp, dành sự ưu tiên không phải cho ý chí mà cho trí tuệ, quyền năng mà tôi đang nói đến chắc chắn có liên quan đến "năng lượng của linh hồn" của ông, hình thức hoạt động khác biệt với một công việc thuần túy bên ngoài, được ông coi là thích hợp cho cuộc sống nhàn hạ mà ông đề xuất như mục tiêu của một nền giáo dục tự do.... Năng lượng của linh hồn từng phục vụ ở cấp độ nhân văn cho sự điều hòa xuất hiện ở cấp độ tôn giáo dưới hình thức tham thiền. Tôn giáo tất nhiên có thể có nghĩa nhiều hơn là tham thiền. Đồng thời, sự điều hòa nhân văn có sự hỗ trợ của tham thiền có thể được nói một cách chính xác là có một nền tảng tôn giáo. Điều hòa và tham thiền xét cho cùng chỉ là những giai đoạn khác nhau trên cùng một "con đường" đi lên và không nên bị tách biệt một cách tùy tiện.

(Bài viết: Humanism: An Essay on Definition của Irving Babbitt, các trang 39-41. Từ Humanism and America: Essays on the Outlook of Modern Civilization, được biên tập bởi Norman Foerster.)

GHI CHÚ II (VỀ CHƯƠNG VII)

[157] It has been interesting to note the spread of hyperthyroidism at this time, and various troubles connected with the thyroid gland. May not these conditions be a substantiation of the Oriental theory? Many people from force of circumstances and strained economic conditions are leading an abnormal sex life, and are celibate. Others, from what may be a mistaken idea of spiritual demands, reject the normal marriage state, and pledge themselves to a life of celibacy. Owing to these conditions the force is raised to the centre which is its goal, and reaches the throat. The whole condition being abnormal and the man or woman being as yet emotionally centred, and the mental equipment (so necessary in true creative work) being relatively mediocre, there is no ability to use this creative power, and there ensues an over-stimulation of the thyroid gland. Several such cases have been noted by us and seem to substantiate this position. This is one direction in which investigation and use of the scientific method of massing evidence to prove or disprove an hypothesis would appear to be capable of application. In the aggregate of cases and of testimony, light on this matter may appear. When the transfer is normal and not premature the outcome is along the line of recognised creative work, literature, the drama, music and the arts in general. [158]

[157] Thật thú vị khi lưu ý sự gia tăng các trường hợp cường giáp vào thời điểm này, và các rắc rối khác nhau liên quan đến tuyến giáp. Liệu những tình trạng này có thể là một sự chứng minh cho lý thuyết Phương Đông không? Nhiều người do hoàn cảnh bắt buộc và điều kiện kinh tế căng thẳng đang có một đời sống tình dục bất thường, và sống độc thân. Những người khác, do những gì có thể là một ý tưởng sai lầm về các yêu cầu tinh thần, từ chối trạng thái hôn nhân bình thường, và cam kết sống độc thân. Do những điều kiện này, mãnh lực được nâng lên trung tâm vốn là mục tiêu của nó, và đến cổ họng. Toàn bộ tình trạng là bất thường và người nam hay nữ vẫn còn tập trung vào cảm xúc, và năng lực trí tuệ (rất cần thiết trong công việc sáng tạo thực sự) tương đối tầm thường, không có khả năng sử dụng quyền năng sáng tạo này, và dẫn đến sự kích thích quá mức của tuyến giáp. Một vài trường hợp như vậy đã được chúng tôi ghi nhận và dường như chứng minh cho lập trường này. Đây là một hướng mà trong đó sự điều tra và sử dụng phương pháp khoa học tập hợp bằng chứng để chứng minh hoặc bác bỏ một giả thuyết có vẻ như có khả năng áp dụng. Trong tổng thể các trường hợp và lời chứng, ánh sáng về vấn đề này có thể xuất hiện. Khi sự chuyển dịch là bình thường và không sớm trước thời hạn, kết quả sẽ nằm theo dòng của công việc sáng tạo được công nhận, văn học, kịch nghệ, âm nhạc và nghệ thuật nói chung. [158]

BIBLIOGRAPHY—THƯ MỤC

THE GLANDS:	CÁC TUYẾN:
The Glands of Destiny, Ivo G. Cobb, M.D.	Các Tuyến của Định Mệnh, Bác sĩ Ivo G. Cobb.
The Glands Regulating Personality, Louis Berman, M.D.	Các Tuyến Điều Chỉnh Phàm Ngã, Bác sĩ Louis Berman.
Our Glands and Our Evolvement, M.W. Kapp, M.D.	Các Tuyến của Chúng Ta và Sự Tiến Hóa của Chúng Ta, Bác sĩ M.W. Kapp.
The Pineal Gland, Frederick Tilney, M.D.	Tuyến Tùng, Bác sĩ Frederick Tilney.
The Third Eye. (Pineal and Pituitary Bodies.) T.P.C. Barnard, M.D.	Con Mắt Thứ Ba. (Tuyến Tùng và Tuyến Yên.) Bác sĩ T.P.C. Barnard.
Your Mysterious Glands, H.H. Rubin, M.D.	Các Tuyến Bí Ẩn của Bạn, Bác sĩ H.H. Rubin.
PSYCHOLOGY:	TÂM LÝ HỌC:
About Ourselves, H.A. Overstreet	Về Chính Chúng Ta, H.A. Overstreet
Behaviorism, John B. Watson	Thuyết Hành Vi, John B. Watson
History of Psychology, W.B. Pillsbury, Ph.D.	Lịch sử Tâm lý học, Tiến sĩ W.B. Pillsbury
Mind and Matter, C.E.M. Joad, B.A.	Trí Tuệ và Vật Chất, Cử nhân C.E.M. Joad
Modern Psychology, Normal and Abnormal, Daniel Bell Leary, Ph.D.	Tâm lý học Hiện đại, Bình thường và Bất thường, Tiến sĩ Daniel Bell Leary
Psychologies of 1925, Carl Murchison, Ed.	Tâm lý học năm 1925, Carl Murchison biên tập.
Why We Behave Like Human Beings, George A. Dorsey, Ph.D., LL.D.	Tại Sao Chúng Ta Cư Xử Như Con Người, Tiến sĩ George A. Dorsey

THE CENTRES:	CÁC TRUNG TÂM:
The Bhagavad-Gita	Chí Tôn Ca (Bhagavad-Gita)
The Chakras, C.W. Leadbeater	Các Luân Xa, C.W. Leadbeater
The Etheric Double, Maj. Arthur E. Powell	Bản Sao Dĩ Thái, Thiếu tá Arthur E. Powell
Hatha Yoga	Hatha Yoga
Hatha Yoga Pradipika	Hatha Yoga Pradipika
Indian Philosophy (2 Vols.), S. Radhakrishnan	Triết học Ấn Độ (2 Tập), S. Radhakrishnan
The Kathnopanishad	Katha Upanishad
The Kenopanishad	Kena Upanishad
The Light of the Soul, Alice A. Bailey [159]	Ánh Sáng của Linh Hồn, Alice A. Bailey [159]
The Mysterious Kundalini, Vesant G. Rele	Kundalini Bí Ẩn, Vesant G. Rele
Nature's Finer Forces, Rama Prasad	Các Lực Tinh Vi Hơn của Tự Nhiên, Rama Prasad
Outlines of Indian Philosophy, P.T. Srinivasa Iyengar	Đại cương Triết học Ấn Độ, P.T. Srinivasa Iyengar
The Philosophy of the Upanishads, Paul Deussen	Triết học của các Upanishad, Paul Deussen
The Prashnopanishad	Prashnopanishad
Principles of Tantra (2 Vols.), Arthur Avalon (Sir John Woodroffe)	Các Nguyên Lý của Tantra (2 Tập), Arthur Avalon (Sir John Woodroffe)
Raja Yoga, Swami Vivekananda	Raja Yoga, Swami Vivekananda

The Serpent Power, Arthur Avalon (Sir John Woodroffe)	Quyền Năng Hỏa Xà, Arthur Avalon (Sir John Woodroffe)
Shakti and Shaktar Sir John Woodroffe (Arthur Avalon)	Shakti và Shaktar, Sir John Woodroffe (Arthur Avalon)
Shatchakra Nirupanamm	Shatchakra Nirupanamm
Shiv-Samhita	Shiva-Samhita
Yoga Sutras of Patanjali	Kinh Yoga của Patanjali
Yoga Vasitha	Yoga Vasitha
GENERAL:	TỔNG QUÁT:
Creative Understanding, Count Hermann Keyserling	Sự Thấu Hiểu Sáng Tạo, Bá tước Hermann Keyserling
Encyclopedia Britannica (13th Edition)	Bách khoa toàn thư Britannica (Ấn bản lần thứ 13)
Ether and Reality, Sir Oliver Lodge	Dĩ Thái và Thực Tại, Sir Oliver Lodge
The Garland of Letters, Sir John Woodroffe (Arthur Avalon)	Vòng Hoa Văn Tự, Sir John Woodroffe (Arthur Avalon)
The Human Atmosphere, Walter J. Kilner, B.A., M.B.	Bầu Không Khí của Con Người, Walter J. Kilner, B.A., M.B.
In Search of the Soul (2 Vols.), Bernard Hollander, M.D.	Đi Tìm Linh Hồn (2 Tập), Bernard Hollander, M.D.
Kernels of the Universe, C.B. Bazzoni	Hạt Nhân của Vũ Trụ, C.B. Bazzoni
The Light Beyond, Maurice Maeterlinck	Ánh Sáng Ở Phía Bên Kia, Maurice Maeterlinck

Man and His Becoming, René Guénon	Con Người và Sự Trở Thành của Y, René Guénon
The Mansions of Philosophy, Will Durant	Những Lâu Đài Triết Học, Will Durant
Metaphysical Foundations of Modern Physical Science, Edwin Arthur Burtt, Ph.D.	Các Nền Tảng Siêu Hình của Khoa Học Vật Lý Hiện Đại, Edwin Arthur Burtt, Ph.D.
Mysteries of the Soul, Richard Muller-Freienfels [160]	Những Bí Ẩn của Linh Hồn, Richard Muller-Freienfels [160]
The New Reformation, Michael Pupin	Cuộc Cải Cách Mới, Michael Pupin
On the Threshold of the Unseen, Sir William Barrett	Trước Ngưỡng Cửa Vô Hình, Sir William Barrett
Pagan and Christian Creeds, Edward Carpenter	Tín Điều Ngoại Giáo và Cơ Đốc Giáo, Edward Carpenter
Religion, Edward Scribner Ames	Tôn Giáo, Edward Scribner Ames
The Science of Peace, Bhagavan Das	Khoa Học của Sự Bình An, Bhagavan Das
The Science of the Sacred Word, Bhagavan Das	Khoa Học về Linh Từ Thiêng Liêng, Bhagavan Das
Self, Its Body and Freedom, William E. Hocking	Cái Tôi, Thân Thể của Nó và Sự Tự Do, William E. Hocking
The Strength of Religion as Shown by Science, E. de M. Sajous	Sức Mạnh của Tôn Giáo như được Khoa Học Chứng Minh, E. de M. Sajous
Studies in the Bhagavad-Gita, The Dreamer	Những Nghiên Cứu về Bhagavad-Gita, The Dreamer

THE ARCANE SCHOOL—TRƯỜNG ARCANE

Training for new age discipleship	Việc huấn luyện cho con đường đệ tử trong kỷ nguyên mới
is provided by the *Arcane School.*	được cung cấp bởi *Trường Arcane.*
The principles of the Ageless Wisdom	Các nguyên lý của Minh Triết Ngàn Đời
are presented through esoteric meditation,	được trình bày thông qua tham thiền huyền môn,
study and service as a *way of life.*	sự học tập và phụng sự như một *lối sống.*
Contact the publishers for information.	*Hãy liên hệ với nhà xuất bản để biết thông tin.*

www.lucistrust.org/arcaneschool